



Hướng Dẫn Sử Dụng Bộ ColorCert® 3.5

Mục lục

Giới Thiệu ColorCert®	6
Giải Pháp Máy Tính Bàn ColorCert	6
Giải Pháp Máy Chủ	7
Cấu Trúc của một Công Việc ColorCert và các Nguồn màu	7
Cài Đặt ColorCert	8
Các Yêu Cầu về Hệ Thống	8
Các Nền Tảng Được Hỗ Trợ	8
Thông Số Kỹ Thuật Máy Tính Được Khuyến Nghị	8
Truy cập từ xa thông qua TeamViewer®	8
Truy cập vào Máy Chủ Phiếu Ghi Điểm ColorCert hoặc Máy Chủ Kho Lưu Trữ ColorCert	8
Hệ Điều Hành	8
Hỗ Trợ Thiết Bị Đo X-Rite	9
Thiết Bị Đo có Kết Nối Cổng Nối Tiếp/Truyền Thông	9
Cài Đặt	10
Cài Đặt Ứng Dụng ColorCert	10
Đang Cài Đặt Trình Điều Khiển Hộp An Toàn HASP	13
Cài Đặt Trình Đọc PDF cho Tài Liệu và Báo Cáo	15
Kích Hoạt Giấy Phép ColorCert	16
Thiết Lập Ban Đầu	18
Cài Đặt Ưu Tiên Hệ Thống	18
Phần Mềm ColorCert	21
Trình Chọn	21
Trình Chỉnh Sửa	23
Công Việc, Ứng Dụng, Dải Phương Tiện	23
Trình Chỉnh Sửa Hồ Sơ	23
Trình Chỉnh Sửa Quy Tắc	23
Trình Chỉnh Sửa Thư Viện ColorCert	23
Công Cụ Bù In	23
Công Cụ Bù Màu	23
Công Cụ Tăng Tầng Thứ	24
Phản Hồi	24
Hướng Dẫn Từng Bước: Tổng Quan về Cách Hoạt Động của ColorCert	25
Đo Từng Vùng Một sử dụng Công Việc hiện có	25
Đo Dải Phương Tiện sử dụng Công Việc hiện có	29
Xem Lại Số Đo và Dữ Liệu	31
Tạo Tiêu Chuẩn, Hồ Sơ, Quy Tắc, và Công Việc ColorCert	37

Tải các tập tin vào ColorCert.....	37
Cơ sở dữ liệu Đám Mây PantoneLIVE:.....	37
Thêm thông tin đăng nhập PantoneLIVE vào ColorCert:	37
Chọn một bảng màu PantoneLIVE:	37
Chọn màu từ thư viện (CxF, MIF, XTF, Thư Viện ColorCert, PantoneLIVE):.....	39
Tạo Tiêu Chuẩn	40
Tab Vật Liệu Lót.....	41
Tab Màu Pha.....	42
Đo Màu Pha	42
Điều chỉnh Màu Pha Được Đo	43
Nhập Màu Pha Thủ Công	44
Lưu Màu	44
Tab Vật Liệu In.....	45
Đo Vật Liệu In.....	45
Điều chỉnh Màu Vật Liệu In Được Đo	46
Lưu Vật Liệu In.....	47
Tab Mục.....	47
Bước 1: Các Điều Kiện	48
Bước 2: Vật Liệu In	48
Bước 3: Sắc Thái Màu.....	49
Chế Độ Đường Cong Bản.....	49
Chế Độ Tuyến Tính:	49
Chế Độ Phi Tuyến Tính Duy Trì Tầng Tầng Thứ:	50
Tạo Hồ Sơ	51
Vật Liệu In.....	51
Màu Chính.....	52
Tải Màu Pha và Mục	52
Cài Đặt Màu Chính Khác	53
Màu Pha	54
Điều Kiện Đo	54
Đang tải một hồ sơ từ ICC hoặc CGATS.....	55
Tạo Quy Tắc.....	56
Tab Vật Liệu In.....	57
Tab Các Màu Chính	58
Tab Màu Pha.....	60
Tab Cân Bằng Xám CMY	62
Tab Cân Bằng Xám K.....	63
Tab Tầng Tầng Thứ.....	64
Tab Cài Đặt 1.....	68
Tab Cài Đặt 2.....	69

Tab Cài Đặt 3.....	70
Tab Cài Đặt 4.....	71
Tạo một Công Việc.....	72
Công Việc G7 Mẫu.....	77
Vị trí đo.....	78
Kết Quả G7.....	79
NetProfiler.....	80
Làm việc với NetProfiler của X-Rite.....	80
Mô-đun Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng.....	81
Thiết lập cơ sở dữ liệu.....	81
Cấu Hình Cơ Sở Dữ Liệu Cục Bộ.....	82
Bắt đầu với một cơ sở dữ liệu mới.....	83
Kết nối với cơ sở dữ liệu hiện có (đã chuyển đổi).....	84
Sử dụng cơ sở dữ liệu cục bộ trên ổ đĩa mạng chung.....	86
Sử dụng một cơ sở dữ liệu MSSQL.....	87
Hình Học Thiết Bị và Cơ Sở Dữ Liệu Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng.....	88
Mô-đun Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert.....	89
Trình Chọn.....	89
Phản Hồi.....	90
Giao Diện Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng.....	91
Cấu Hình Hiển Thị.....	92
Cấu Hình Hiển Thị Bùồng Mực.....	93
Cấu Hình Hiển Thị Máy In.....	94
Cấu Hình Hiển Thị Mật Độ Bùồng In.....	95
Cấu Hình Hiển Thị Chế Độ Xem Đơn.....	96
Thay đổi bố cục.....	97
Đo Lường Thử Nghiệm.....	99
Tìm Kiếm.....	99
Các Chế Độ Dự Án, Khách Hàng, và Vật Liệu In.....	101
Giới hạn lựa chọn màu.....	101
Tự Động Chấp Nhận Tiêu Chuẩn.....	103
Lựa Chọn Tiêu Chuẩn Theo Cách Thủ Công.....	104
Khóa Tiêu Chuẩn.....	105
Giới Hạn Thử Nghiệm theo Ngày.....	106
Phép Đo Vật Liệu In.....	108
Tạo Tiêu Chuẩn Màu Mới.....	110
Tính trung bình nhiều chỉ số đọc.....	114
Chỉnh sửa tiêu chuẩn màu hiện có.....	116

Tạo Khách Hàng Mới	118
Chỉnh sửa khách hàng hiện có.....	120
Tạo Dự Án Mới	121
Chỉnh sửa dự án hiện có.....	123
Tạo Vật Liệu In Mới	124
Chỉnh sửa vật liệu in hiện có.....	127
Tạo Thẻ Mới	128
Cấu hình cài đặt	129
Cài đặt cấp độ cho phép.....	129
Tìm Kiếm Cài đặt mặc định	130
Dung Sai Mặc Định.....	131
Dung Sai Thay Thế	132
Cấp Bậc Dung Sai	134
Chỉnh Sửa Trên Phạm Vi Lớn	135
Xuất Dữ Liệu	136
Xuất ra một tập tin dữ liệu	136
Xuất sang InkFormulation	137
Xóa Thử Nghiệm	137
Báo Cáo	137
PantoneLIVE	138
Tạo nhiều tiêu chuẩn	139
Thêm vật liệu in từ thư viện PantoneLIVE	142
Chọn Bảng Màu PantoneLIVE	144
Nhận Giúp Đỡ: Hỗ Trợ Từ Xa	146
Thuật Ngữ	146

Giới Thiệu ColorCert®

ColorCert là giải pháp quy trình công việc màu sắc tùy vào công việc theo mô-đun cho phép tạo các thông số kỹ thuật màu sắc và cung cấp phiếu ghi điểm báo cáo bằng cách áp dụng cấp độ hoặc điểm số cho một công việc, khu vực hoặc máy khách dựa trên các dung sai.

- ColorCert cho phép tiêu chuẩn hóa màu sắc để đóng gói và loại bỏ tính khách quan trong kiểm soát chất lượng bằng điểm số đơn giản
- ColorCert có thể được dùng để liên kết các bên liên quan trong một chuỗi cung ứng hoàn chỉnh hoặc trong một khu vực sản xuất đơn lẻ
- Khả năng báo cáo toàn diện của ColorCert giúp bạn nắm bắt rõ các cơ hội để xác định, đánh giá và chỉnh sửa



Giải Pháp Máy Tính Bàn ColorCert

Trình cài đặt phần mềm tương đồng cho mọi Giải Pháp Máy Tính Bàn; chức năng được liên kết với giấy phép đã mua. Có sẵn các giải pháp Máy Tính Bàn sau đây cho ColorCert:

Trình Quản Lý ColorCert: Mô-đun Máy Tính Bàn đầy đủ được sử dụng để thu lại mọi thông số chất lượng in, chẳng hạn như màu mục tiêu và dung sai vào các công việc sẽ được các mô-đun máy tính bàn ColorCert khác sử dụng để kiểm soát chất lượng và báo cáo.

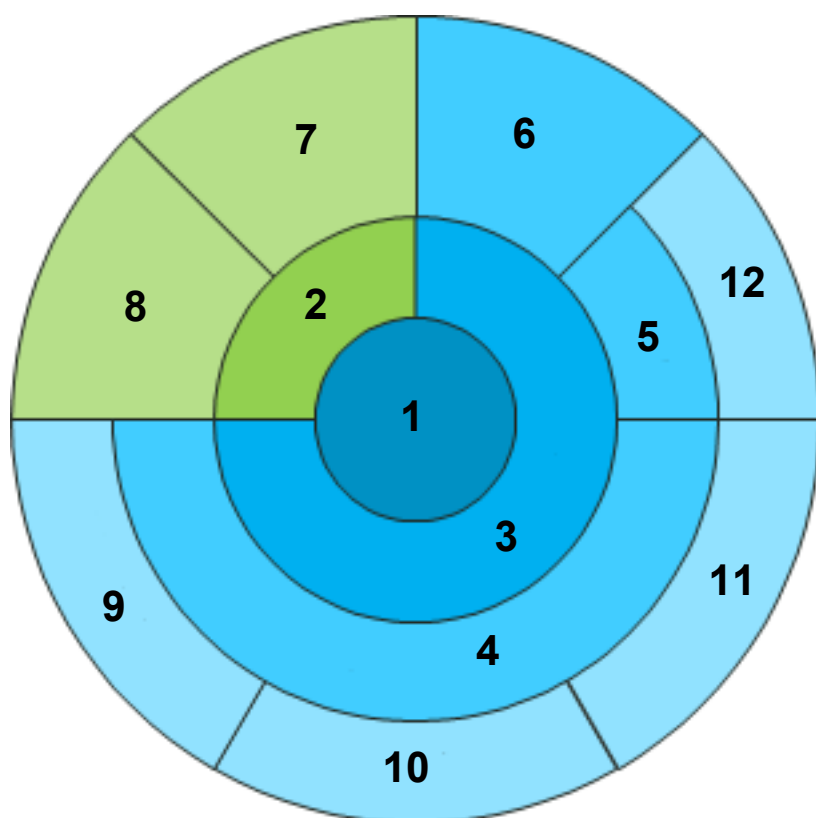
Buồng Mực ColorCert: Mô-đun Máy Tính Bàn máy khách được sử dụng để đánh giá chất lượng màu dựa trên các công việc do Trình Quản Lý ColorCert tạo hoặc các định nghĩa tiêu chuẩn màu tự tạo. Hỗ trợ các định dạng tập tin như .CXF và .MIF làm đầu vào và cho phép báo cáo qua PDF hoặc Microsoft Excel.

Buồng In ColorCert: Mô-đun Máy Tính Bàn máy khách được sử dụng ở bên in để kiểm soát chất lượng in và báo cáo. Cho phép thiết lập công việc nhanh dựa trên các bản mẫu được tạo bởi Trình Quản Lý ColorCert cũng như khả năng kiểm tra và báo cáo nhanh các màu mực riêng sử dụng phiên bản Cơ Bản của mô-đun Công Cụ Buồng Mực ColorCert có trên thanh công cụ chính.

Giải Pháp Máy Chủ

Máy Chủ Kho Lưu Trữ ColorCert: Cổng thông tin dựa trên đám mây được sử dụng để quản lý và triển khai toàn bộ các nguồn màu qua các vị trí và người dùng. Quản lý truy cập mọi định dạng ColorCert và các định dạng tập tin khác dựa trên loại người dùng, vị trí, thương hiệu, giai đoạn quy trình làm việc hoặc các thông số khác. Chức năng đầy đủ của Kho Lưu Trữ ColorCert cũng là một phần trong đề nghị chào hàng của Cổng Thông Tin PantoneLIVE.

Máy chủ Phiếu Ghi Điểm ColorCert: Cổng thông tin dựa trên đám mây cho phép bạn nhìn qua phiếu ghi điểm chất lượng là một phần của chương trình kiểm soát chất lượng in. Tóm tắt tổng thể các mức độ chất lượng và cũng tổng hợp các số liệu sử dụng các bộ lọc tùy chỉnh dựa trên nhà máy, máy móc, khách hàng, loại công việc, hoặc các thông số công việc khác.



- 1 Công Việc
- 2 Siêu Dữ Liệu
- 3 Ứng Dụng
- 4 Hồ Sơ
- 5 Quy Tắc
- 6 Dải Phương Tiệm
- 7 Chi Tiết Công Việc
- 8 Thiết Lập Máy In
- 9 Vật Liệu In
- 10 Màu Chính
- 11 Màu Pha
- 12 Mức Độ Chất Lượng

Cấu Trúc của một Công Việc ColorCert và các Nguồn màu

Giá trị mục tiêu của Vật Liệu In, Màu Chính và Màu Pha được lưu trong ColorCert là Hồ Sơ, Các Dung Sai được lưu là Quy Tắc. Với cả hai thông tin này bạn tự động có được định nghĩa Dải Phương Tiệm. Cả ba thành phần kết hợp cùng nhau có thể được lưu là Ứng Dụng, sau đó có thể được dùng làm bản mẫu tạo Công Việc bằng Máy Khách Bùng In ColorCert.

Để có thể lưu Công Việc ColorCert bạn cần phải có một Ứng Dụng và Chi Tiết Công Việc tối thiểu, ví dụ: tên Công Việc và số Công Việc. Các Công Việc và mọi nguồn màu khác dựa trên tập tin và có thể được phân phối toàn cầu. Các Công Việc có thể chứa thêm Siêu Dữ Liệu được gộp nhóm theo Chi Tiết Công Việc cũng như Thiết Lập Máy In.

Các Yêu Cầu về Hệ Thống

Phần này cung cấp yêu cầu tối thiểu để chạy các mô-đun ColorCert trên máy tính của bạn, các thiết lập cài đặt, và các thiết bị đo được hỗ trợ.

Các Nền Tảng Được Hỗ Trợ

- Máy Tính Cá Nhân: Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1, Windows® 10
- Mac: Mac OS X 10.10, Mac OS X 10.11, và Mac OS X 10.12

Thông Số Kỹ Thuật Máy Tính Được Khuyến Nghị

- Bộ Nhớ Trống: 512 MB [1024 MB]
- Bộ Xử Lý: 1 GHz 32 Bit [2 GHz 64 Bit]
- Hiển Thị: 1440 x 900 Pixel hoặc cao hơn
- Dung Lượng Ổ Cứng Trống: 1 GB
- Cổng Tự Do: 2 cổng USB sử dụng điện từ nguồn, 1 hoặc 2 cổng nối tiếp [tùy vào lựa chọn thiết bị]
- Kết Nối Internet Bằng Thông Rộng Không yêu cầu (khuyến nghị cho các dịch vụ và cơ sở dữ liệu trực tuyến)

Truy cập từ xa thông qua TeamViewer®:

- Cho phép liên lạc cổng 80/443 http (qua proxy)

Truy cập vào Máy Chủ Phiếu Ghi Điểm ColorCert hoặc Máy Chủ Kho Lưu Trữ ColorCert:

- Cho phép liên lạc cổng 80/443 http (qua proxy)
- Cho phép truy cập tên miền “colorcert.com” (tên miền tin cậy)
- Dữ liệu đã mã hóa, do đó không cần https/SSL

Hệ Điều Hành

- Cho phép ColorCert quyền truy cập viết vào các thư mục “Người Dùng/Người Dùng Chung” hoặc thư mục “Dữ Liệu Chương Trình”.
- Đảm bảo các tập tin sau đây cho phép quyền truy cập viết:
 - com.nc.ColorCert.Labelprefs
 - com.nc.ColorCert.pref
 - com.nc.ColorCert_Connection.plist
 - DGCPatches.txt
- Cung cấp tùy chọn (ví dụ: tài khoản người dùng) cài đặt phần mềm/vùng/trình điều khiển
- Cung cấp tùy chọn (ví dụ: tài khoản người dùng) để điều chỉnh cài đặt phần mềm và hệ thống
- Cho phép truy cập các ổ jump (ví dụ: ổ USB flash)

Hỗ Trợ Thiết Bị Đo X-Rite

- ColorCert: Phiên Bản X-Rite hỗ trợ các thiết bị X-Rite sau đây:
 - eXact/Quét eXact
 - 530
 - 939
 - SP62/SP64
 - Ci5x/Ci6x
 - SpectroEye
 - Ngoài hỗ trợ thiết bị trực tiếp, dữ liệu đo từ X-Rite IntelliTrax có thể được dùng qua một thư mục thả. Xem tài liệu thiết lập cụ thể.

Thiết Bị Đo có Kết Nối Cổng Nối Tiếp/Truyền Thông

Nếu máy tính không cung cấp cổng nối tiếp/truyền thông, hãy sử dụng bộ chuyển đổi cổng nối tiếp sang cổng USB Tripp-Lite Keyspan USA 19HS.

Cài Đặt

Phần này mô tả cách cài đặt ứng dụng, trình điều khiển và các phần mềm bên thứ ba khác cần thiết để sử dụng ColorCert và các tính năng của ColorCert.

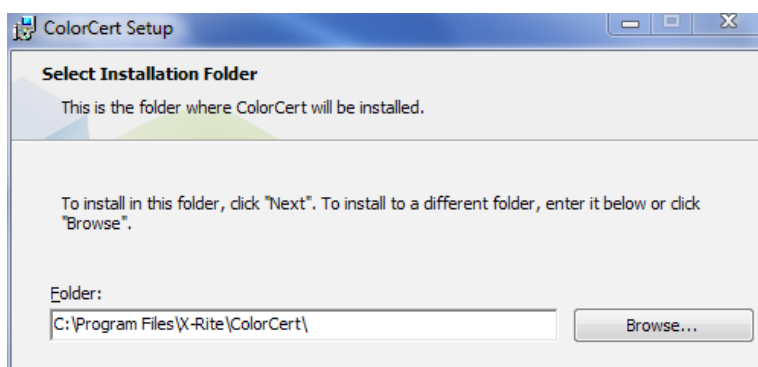
Cài Đặt Ứng Dụng ColorCert

Ví dụ sau đây trình bày cài đặt trên Windows 7. Các bước này thay đổi một chút trên Mac OS. Mac OS không yêu cầu cài đặt riêng cho trình điều khiển hộp an toàn.

1. Đăng nhập vào Windows với đặc quyền quản trị viên, hoặc chọn Vận Hành với tư cách Quản Trị Viên trong lúc cài đặt.
2. Tạm thời tắt bất kỳ phần mềm phát hiện virus nào đang chạy.
3. Tải xuống phiên bản ColorCert mới nhất từ <http://www.xrite.com/colorcert-support>. Tải xuống trình cài đặt cho Máy Tính Cá Nhân hoặc Mac bằng cách nhấp vào liên kết phù hợp. Trình duyệt đến vị trí của tập tin được tải xuống trên máy tính của bạn và khởi chạy trình cài đặt cho hệ điều hành của bạn.
4. Thuật Sĩ Thiết Lập sẽ khởi chạy. Nhấp vào Tiếp Theo.



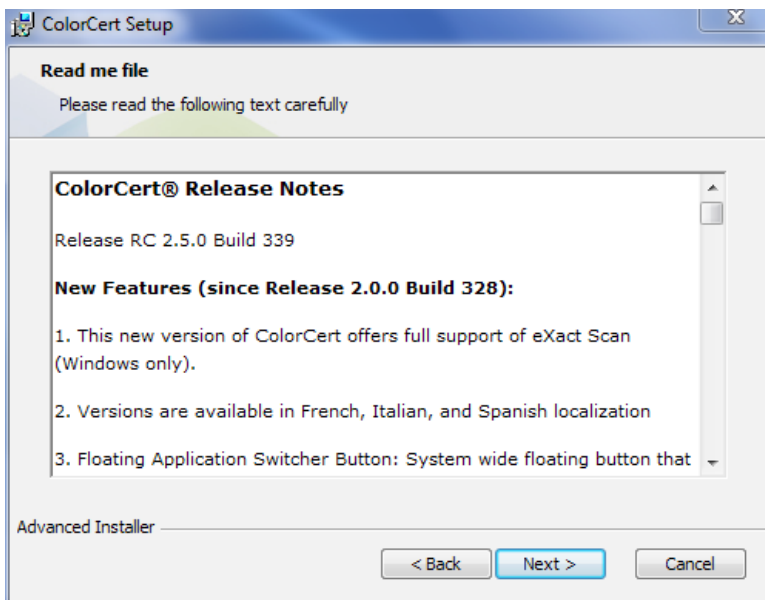
5. Chọn Thư Mục Cài Đặt của bạn. Điểm đến mặc định là C:\Program Files (x86)\X-Rite\ColorCert. Nhấp vào Tiếp Theo.



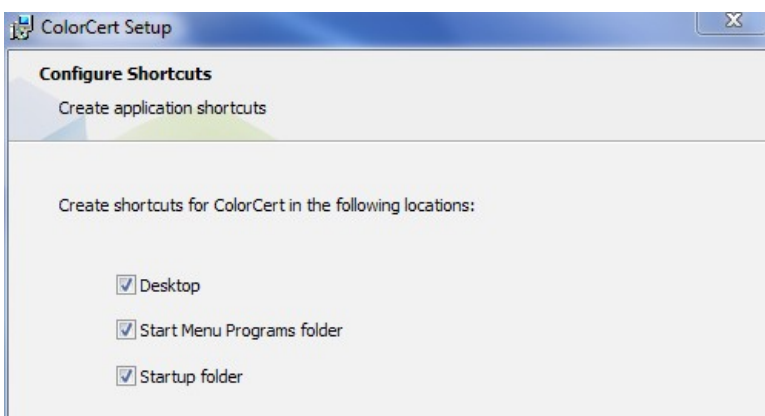
6. Đọc Thỏa Thuận Cấp Phép Người Dùng Cuối. Chấp nhận các điều khoản và nhấp vào Tiếp Theo.



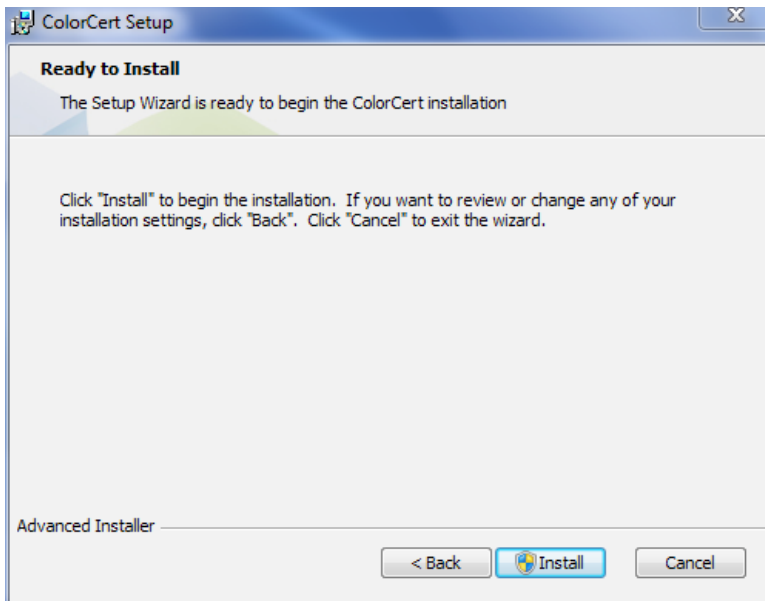
7. Đọc Yêu Cầu Hệ Thống và nhấp vào Tiếp Theo.



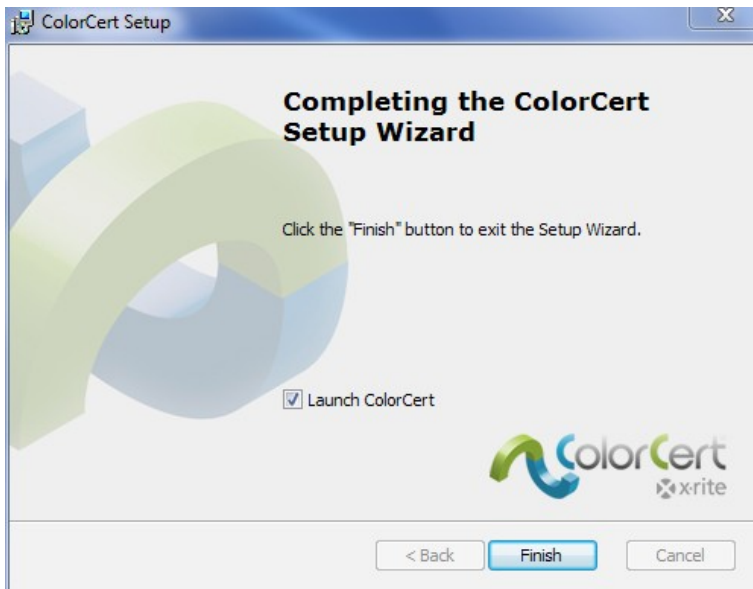
8. Chọn bất kỳ lối tắt nào bạn muốn hoặc không muốn và nhấp vào Tiếp Theo.



9. Nhấp vào Cài Đặt.



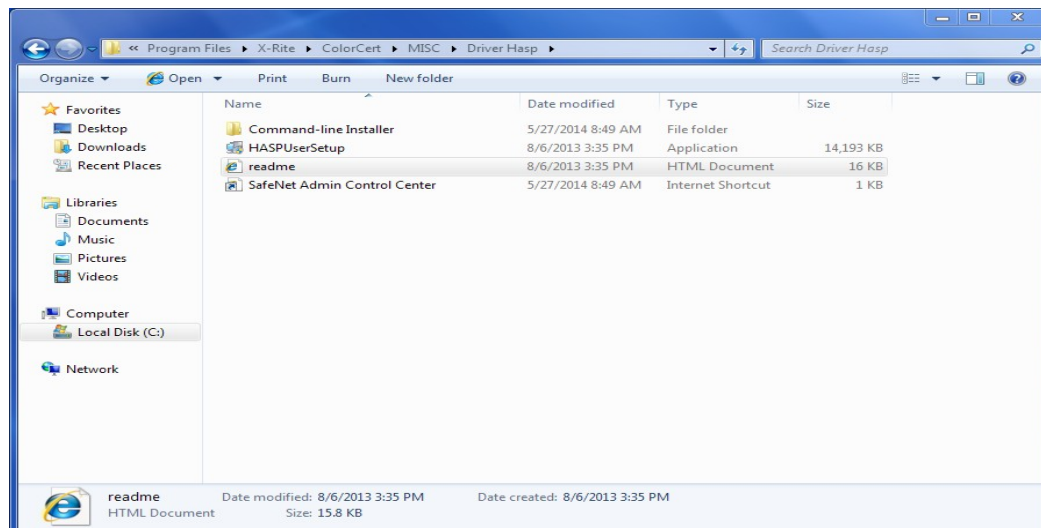
10. Sau khi ứng dụng ColorCert cài đặt xong, nhấp vào Hoàn Thành. Nếu bạn đang cài đặt ColorCert lần đầu, bỏ chọn “Khởi Chạy ColorCert” trước khi bạn nhấp vào Hoàn Thành.



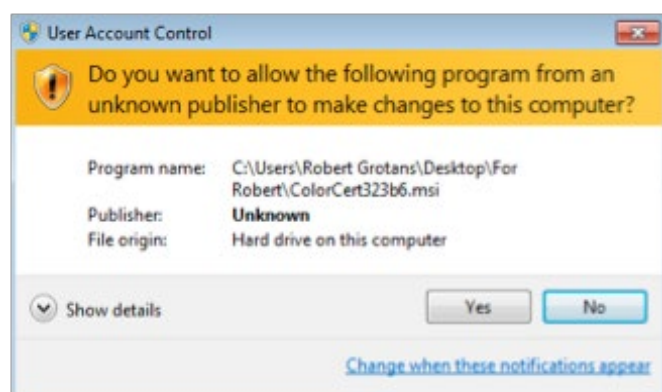
Đang Cài Đặt Trình Điều Khiển Hộp An Toàn HASP

Để bật đúng hộp an toàn, bạn phải cài đặt các trình điều khiển phần mềm trên hệ thống của mình. Các trình điều khiển này sẽ được sao chép trong thư mục hệ thống, thường là C:\Windows\System32.

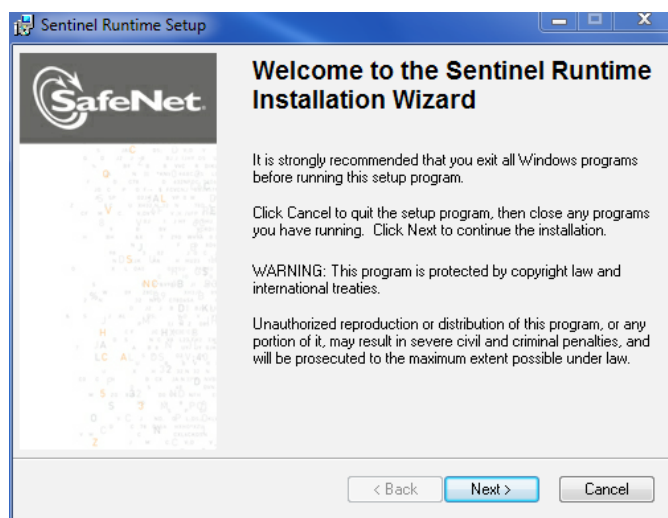
1. Mở Máy Tính của Tôi và trình duyệt đến C:\Program Files (x86)\X-Rite\ColorCert\MISC\Driver Hasp.



2. Nhấp đúp vào ứng dụng HASPUserSetup.exe. Nhấp vào Có nếu được nhắc bởi Trình Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Windows.



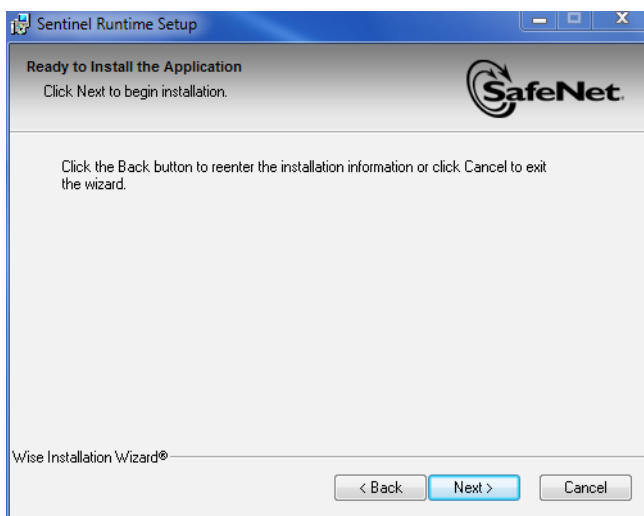
3. Thuật Sĩ Cài Đặt Thời Gian Chạy Sentinel sẽ được hiển thị. Nhấp vào Tiếp Theo.



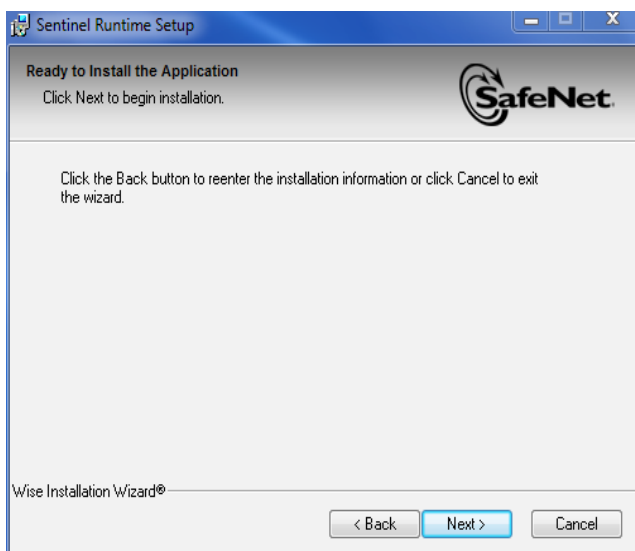
4. Đọc và chấp nhận Thỏa Thuận Cấp Phép và nhấp vào Tiếp Theo.

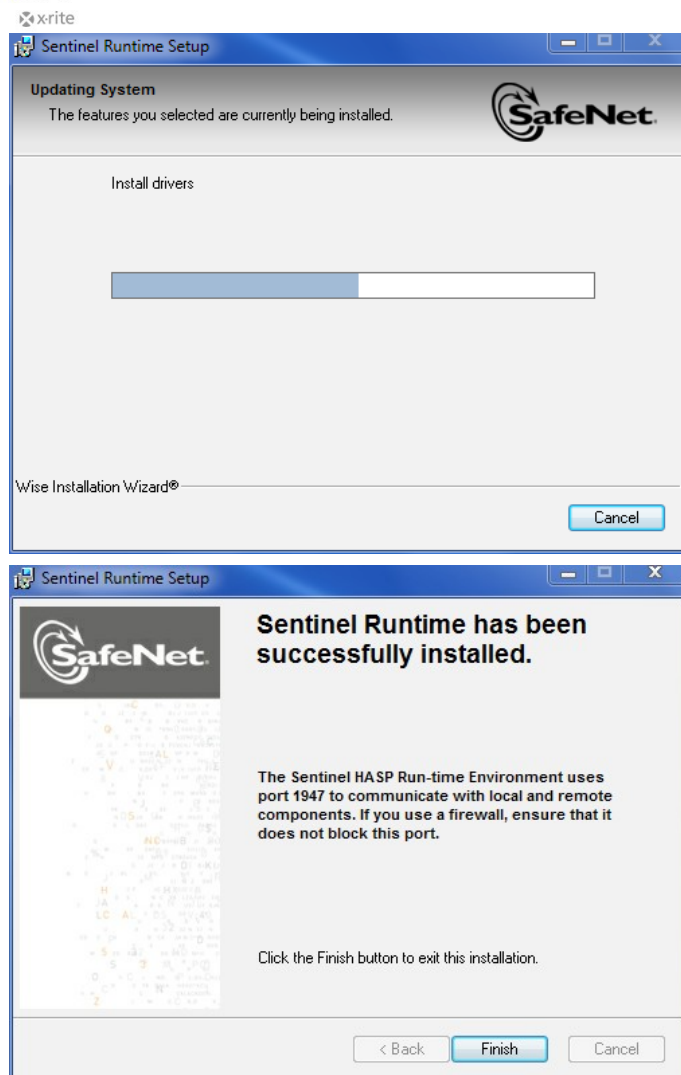


5. Nhấp vào Tiếp Theo.



6. Có thể mất một vài phút để cài đặt trình điều khiển. Nhấn vào Hoàn Thành khi cài đặt xong.





Cài Đặt Trình Đọc PDF cho Tài Liệu và Báo Cáo

Nếu bạn không có trình đọc pdf, chẳng hạn như Adobe® Reader, bạn nên cài đặt một trình đọc. Bạn có thể tìm Adobe Reader tại get.adobe.com/reader.

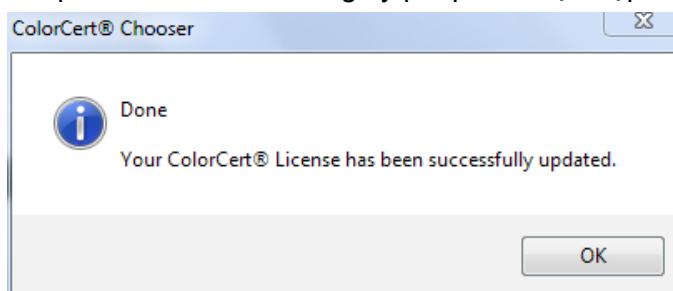
Kích Hoạt Giấy Phép ColorCert

Kích hoạt hộp an toàn ColorCert để sử dụng vĩnh viễn chỉ trên một máy tính. Lần đầu tiên bạn khởi chạy ColorCert, bạn sẽ cần phải liên kết tập tin giấy phép với hộp an toàn và máy tính của bạn. Nếu bạn cần di chuyển phần mềm sang một máy tính mới trong tương lai, hãy liên hệ với X-Rite để biết chi phí và quy trình di chuyển vĩnh viễn sang một hệ thống khác.

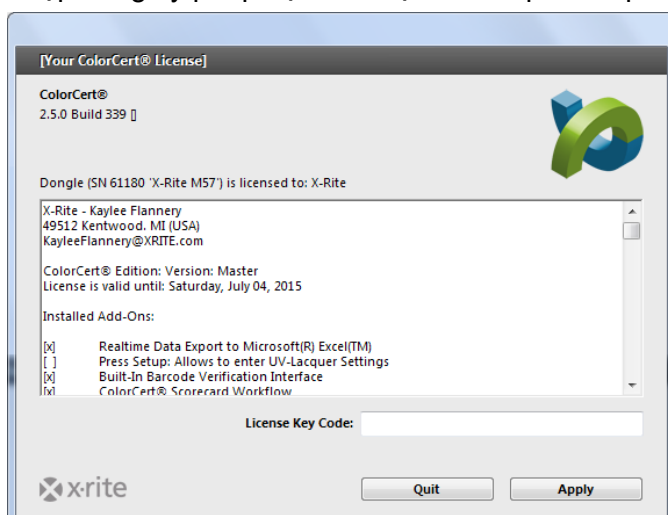
1. Giải nén tập tin bạn nhận từ Giấy Phép CC qua email và sao chép tập tin giấy phép ColorCert ra màn hình nền máy tính của bạn.
2. Cắm hộp an toàn vào cổng USB của bạn.
3. Khởi chạy ColorCert.
4. Nhấp vào OK để đăng ký hộp an toàn của bạn với hệ thống hiện tại.



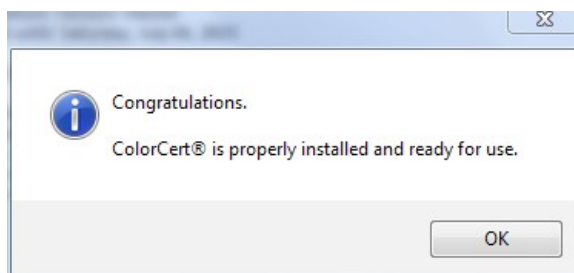
5. Nhấp vào OK lần nữa khi giấy phép đã được cập nhật thành công.



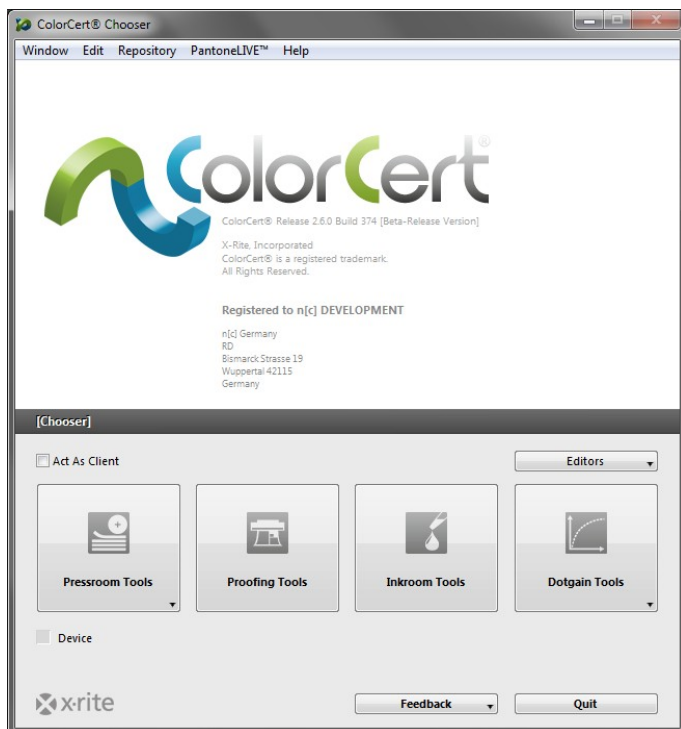
6. Nhập mã giấy phép bạn đã nhận và nhấp vào Áp Dụng.



7. ColorCert hiện đã sẵn sàng để được cấu hình sử dụng. Nhấp vào OK.



8. Ứng dụng khởi chạy với Trình Chọn ColorCert.



Thiết Lập Ban Đầu

Tiếp theo bạn phải xem xét các Ưu Tiên cho thiết lập ban đầu của bạn. Có một số mục bạn có thể thiết lập sau, nhưng phần này giải thích cách cấu hình quang phổ kế của bạn.

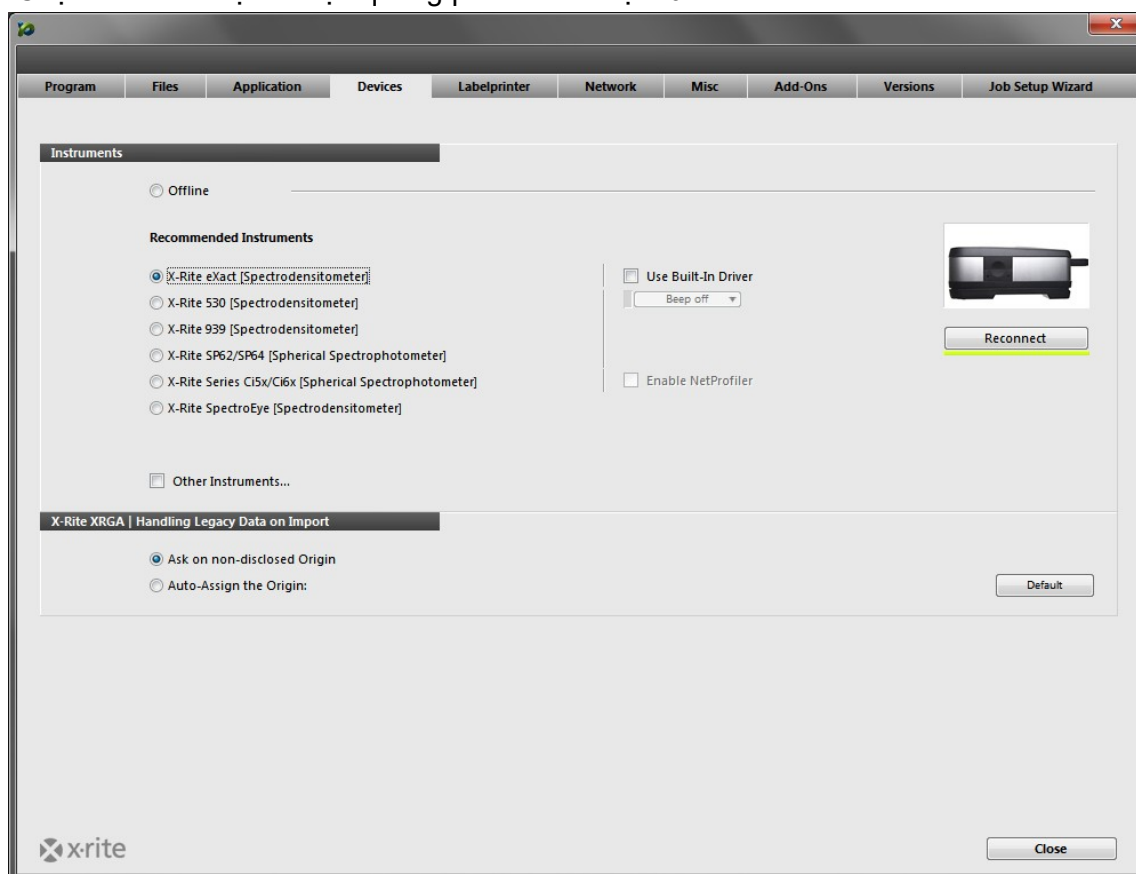
Cài Đặt Ưu Tiên Hệ Thống

1. Bắt đầu bằng cách kết nối thiết bị đo X-Rite của bạn với máy tính.
 - Lưu ý rằng mọi số đo lấy trong ColorCert sẽ sử dụng cài đặt ColorCert của bạn, chứ không sử dụng cài đặt từ thiết bị đo của bạn. Cài đặt duy nhất phải được thực hiện trên thiết bị là công tắc chuyển các chế độ đo.
 - Trên eXact, nếu công tắc được đặt về 1, phần mềm sẽ bị giới hạn ở các số đo M1. Nếu được đặt về 0, phần mềm sẽ có thể đo lường ở các chế độ M0, M2 hoặc M3.



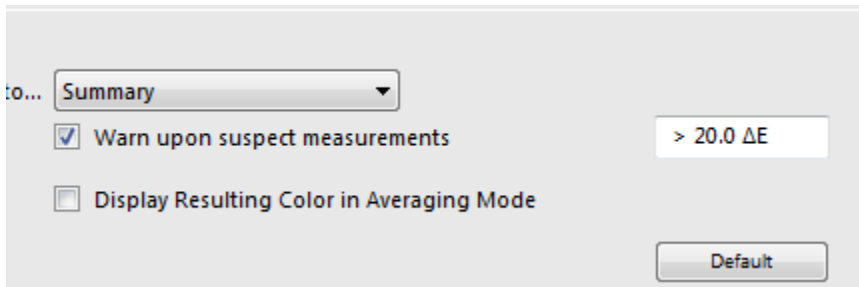
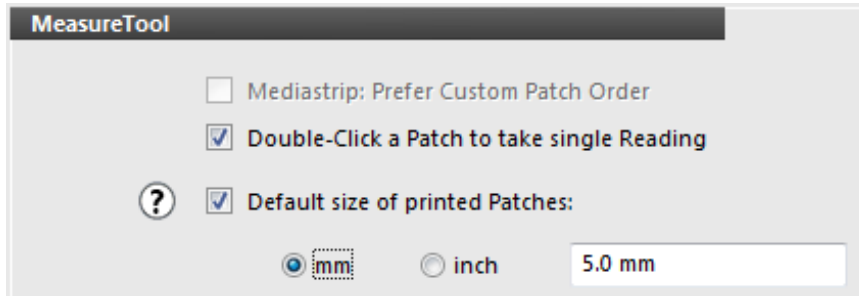
2. Khi sử dụng phiên bản Windows, vào menu Tập Tin và chọn Ưu Tiên. Trên phiên bản Mac, vào menu ColorCert và chọn Ưu Tiên.

3. Chọn tab Thiết Bị và chọn quang phổ kế của bạn từ danh sách.



4. Nhấp vào nút Kết Nối Lại.
5. Một hộp thoại sẽ xuất hiện thông báo cho bạn rằng thiết bị của bạn đã được kết nối. Bạn sẽ thấy một đèn chỉ báo màu xanh lá cây bên cạnh nút kết nối lại cho thấy bạn đã kết nối. Bạn sẽ thấy đèn chỉ báo này, cùng với một nút, ở các cửa sổ khác của ứng dụng nơi bạn sẽ sử dụng thiết bị. Nếu đèn màu đỏ, thiết bị đã mất kết nối. Bạn có thể nhấp vào nút để thiết lập lại kết nối.
- Nếu có lỗi, nhấp vào OK, rồi kiểm tra kết nối của bạn và thử lại.
 - Nếu hộp thoại nói rằng thiết bị đã được kết nối, nhấp vào OK để đóng hộp thoại.

6. Chọn tab Quy Trình Làm Việc và nhập độ dài mặc định của các vùng dưới Công Cụ Đo. Để tuân theo hướng dẫn từng bước sau này trong Hướng Dẫn Bắt Đầu này, nhập kích cỡ vùng là 5 mm. Vui lòng thay đổi Cảnh Báo khi có số đo nghi ngờ đến 20. Điều này cho phép bạn tự động chấp nhận các số đo của mình kể cả với một bản sao trang được in kém mà hướng dẫn từng bước này tham chiếu đến.



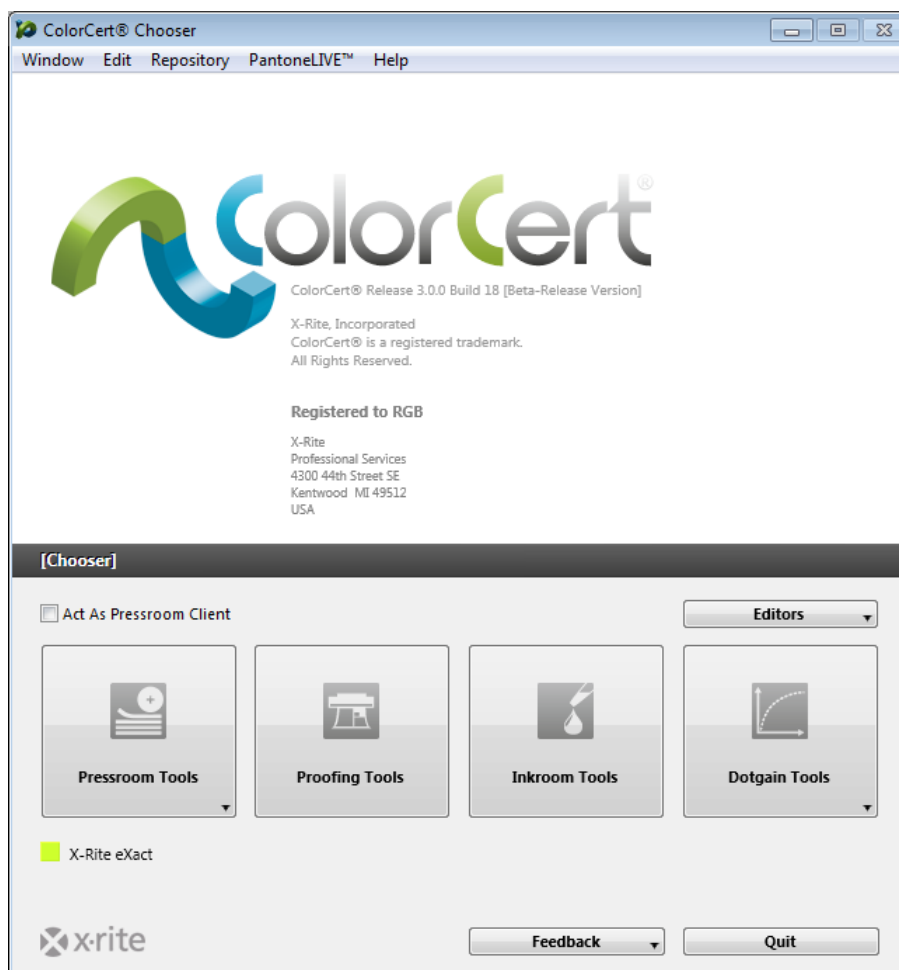
7. Nhấp vào nút Đóng. Bạn đã hoàn thành.

Phần Mềm ColorCert

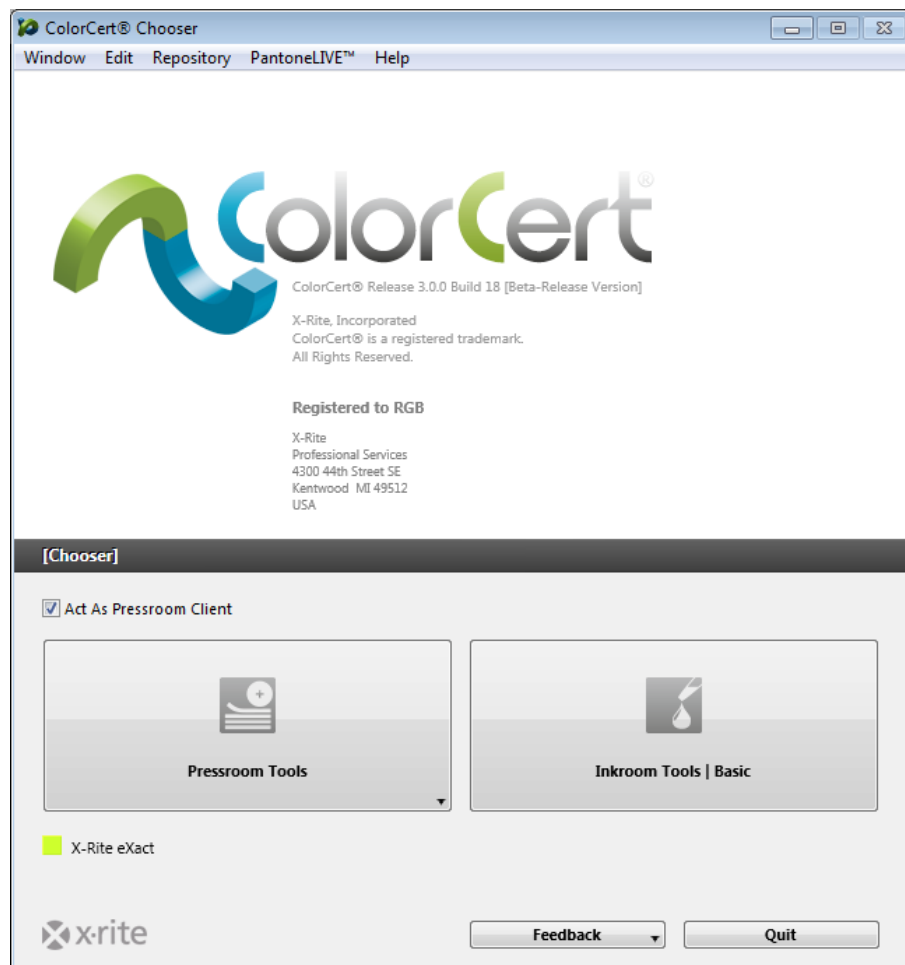
Phần này thảo luận về giao diện phần mềm và cung cấp thông tin tổng quan về các công cụ, công dụng của các công cụ và hướng dẫn từng bước về cách đo một trang mẫu cho công việc hiện có.

Trình Chọn

Cửa sổ chính được gọi là Trình Chọn. Cửa sổ này sẽ khác nhau tùy theo giấy phép bạn đã mua. Trình Quản Lý được sử dụng để xác định Công Việc, Hồ Sơ, Quy Tắc, Ứng Dụng, Vật Liệu In, Mục, Dung Sai. Trình Quản Lý bao gồm mọi Công Cụ khả dụng.



Máy Khách Bùồng In có quyền truy cập vào Công Cụ Bùồng In để tải các Công Việc hiện có nhằm theo dõi sản xuất và lập Phiếu Ghi Điểm.



Trình Chỉnh Sửa

Bước đầu tiên của quy trình là tạo Hồ Sơ (tham chiếu màu) và Quy Tắc (dung sai). Một số màu cũng có thể được sắp xếp thành Thư Viện. Sử dụng các Trình Chỉnh Sửa để xác định Hồ Sơ, Quy Tắc và Thư Viện ColorCert.

Công Việc, Ứng Dụng, Dải Phương Tiện

Tại đây bạn có thể kết hợp các hồ sơ và quy tắc xác định sẵn thành một ứng dụng. Bạn có thể tạo công việc hoặc xây dựng một Dải Phương Tiện tùy chỉnh.

Trình Chỉnh Sửa Hồ Sơ

Hồ Sơ ColorCert là một bộ các tham chiếu màu. Các tham chiếu màu bao gồm Mực, Màu Pha, Vật Liệu In và Vật Liệu Lót. Mực ColorCert bao gồm các giá trị màu sắc và có thể hoặc không thể được bao gồm trong các bản tạo màu xử lý trong Công Việc. Màu Pha ColorCert chỉ xác định một giá trị màu duy nhất sẽ được dùng trong Công Việc. Đó có thể là kết quả của “mực thật” ví dụ như Mực PANTONE được định dạng chạy ở 100%, đó có thể là một giá trị màu sắc đơn được sàng lọc của Mực PANTONE được định dạng, hoặc đó có thể là một bản tạo màu từ Mực Quy Trình. Màu Pha ColorCert đơn giản đại diện cho một Màu Thương Hiệu quan trọng trong Công Việc, bất kể màu được tạo bằng cách nào. Điều này sẽ được giải thích chi tiết hơn trong phần sau. Vật Liệu Lót được dùng dưới các Vật Liệu In không mờ để giúp tiêu chuẩn hóa quy trình đo cho các phương tiện không mờ hoàn toàn. Hồ Sơ cũng bao gồm thông tin về các điều kiện đo và in.

Trình Chỉnh Sửa Quy Tắc

Trình chỉnh sửa này được dùng để tạo các Quy Tắc xác định những gì sẽ được đánh giá hay đo lường và các dung sai sẽ được sử dụng. Có thể áp dụng các cấp độ dung sai khác nhau với các phân loại độ quan trọng khác nhau của mực và Màu Pha. Dung sai in thử có thể được thiết lập ở cấp độ quan trọng hơn là công tác sản xuất. Dung sai có thể được thiết lập cho nhiều mực bao gồm tông nguyên, giá trị tăng tầng thứ, tầng thứ tối thiểu, vật liệu in, và đặc điểm trực quan.

Trình Chỉnh Sửa Thư Viện ColorCert

Thư Viện ColorCert là các bộ sưu tập Mực, Màu Pha, Vật Liệu In và/hoặc Vật Liệu Lót được đo. Điều này hữu ích trong việc phân loại màu cho các loại in ấn khác nhau. LƯU Ý: Không thể lưu trữ màu PantoneLIVE trong Thư Viện ColorCert.

Công Cụ Buồng In

Trong Công Cụ Buồng In bạn có thể tải một và nhiều Công Việc. Có thể tạo Công Việc theo hai cách khác nhau. Chọn Thuật Sĩ Thiết Lập Công Việc từ công cụ này hoặc sử dụng Công Việc, Ứng Dụng, Dải Phương Tiện từ menu Trình Chỉnh Sửa. Sử dụng các Công Việc để đo lường và tính điểm công tác sản xuất. Các Công Việc đã hoàn thành có thể được tải tự động lên một Máy Chủ Phiếu Ghi Điểm.

Các Công Cụ In Thử rất giống với các Công Cụ Buồng In, ngoại trừ rằng bạn chỉ có thể mở các Công Việc đơn lẻ, và bạn có thể xác định dung sai hẹp hơn trong Quy Tắc để in thử.

Công Cụ Buồng Mực

Để biết thêm thông tin và xử lý sự cố màu mực và mật độ khi in, các Công Cụ Buồng Mực cung cấp so sánh màu của các tiêu chuẩn đã lưu hoặc được đo cho các mẫu in. Phản hồi bao gồm đề xuất về các thông số có thể thay đổi khi in để khắc phục vấn đề, hoặc nếu như mực không thể điều chỉnh được để cho phù hợp, để tái định dạng lại. Có thể tiếp cận với công cụ này trong phiên bản Trình Quản Lý của Trình Chọn hoặc trong Công Cụ Buồng In (nếu đã bật công cụ trong Ưu Tiên) với chức năng giới hạn.

Công Cụ Tăng Tầng Thứ

Công Cụ Tăng Tầng Thứ được dùng để hiệu chuẩn các đặc điểm tăng tầng thứ máy in hoặc máy in thử. Để làm điều này, một biểu đồ in sẽ được tạo và chạy trong máy in hoặc máy in thử, sau đó được đo để tạo một đường cong hiệu chuẩn. Đường cong có thể được xuất ra để sử dụng trong RIP trình đặt khuôn, hoặc có thể được áp dụng vào hồ sơ ICC.

Phản Hồi

Trong menu Phản Hồi, bạn có thể Đề Xuất một Tính Năng, Báo Cáo Lỗi, hoặc Liên Hệ một đại diện hỗ trợ hay bán hàng từ xrite.com.

Hướng Dẫn Từng Bước: Tổng Quan về Cách Hoạt Động của ColorCert

Phần này hướng dẫn bạn qua các ví dụ về cách sử dụng ColorCert trong môi trường sản xuất. Để tuân theo hướng dẫn từng bước này, vui lòng tải Dữ Liệu Mẫu Bảng Màu Cơ Bản của ColorCert® từ: <http://www.xrite.com/colorcert/Library>

Dữ liệu mẫu được dựa trên trang mẫu bản cứng gọi là Bảng Màu Cơ Bản cho Buồng In mà bạn nhận được cùng với thiết bị eXact. Nếu bạn không có trang đó bạn có thể tải về từ địa chỉ trên.

LƯU Ý: Vui lòng đảm bảo in trang theo đúng kích cỡ. Kết quả in của bạn sẽ khác với trang gốc và các phép đo của bạn có thể không nằm trong dung sai cho công việc này, nhưng nó sẽ giúp bạn tuân theo các bước.

Giải nén tập tin và sao chép nội dung ra các thư mục cùng tên trong thư mục sau:

- Mac OSX: Macintosh HD/Users/Shared/ColorCert Data/
- Windows: C:\Users\Public\Documents\ColorCert Data

Trong sản xuất bạn sẽ cần biết cách tải một Công Việc và cách đo các Mẫu trong Công Cụ Buồng In. Điều này khả thi đối với Máy Khách cũng như với giấy phép Trình Quản Lý.

Hướng dẫn từng bước này đầu tiên chỉ cho bạn thấy quy trình làm việc khi làm việc với một Công Việc hiện có. Đây là công việc điển hình của người vận hành sử dụng Máy Khách Buồng In.

Phần sau của hướng dẫn từng bước này sẽ chỉ cho bạn cách thiết lập các Công Việc. Chức năng này chỉ có trong phiên bản Trình Quản Lý.

Đo Từng Vùng Một sử dụng Công Việc hiện có

eXact và các Thiết Bị Đo khác

1. Kết nối quang phổ kế X-Rite của bạn.
2. Khởi chạy phần mềm ColorCert.
3. Nhấp vào Công Cụ Buồng In, và chọn Tải Công Việc.
4. Chọn Công Việc mẫu Color_Basics_Job.ccj.

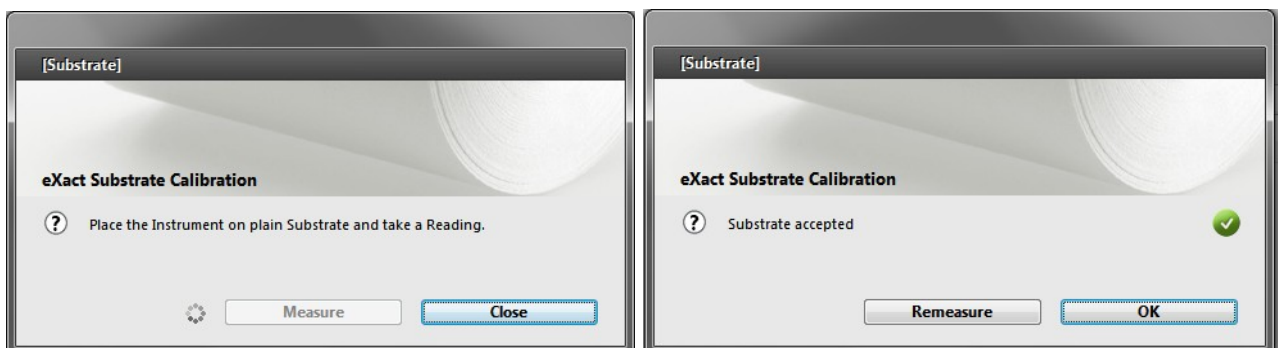
5. Thao tác này mở Chi Tiết Công Việc.



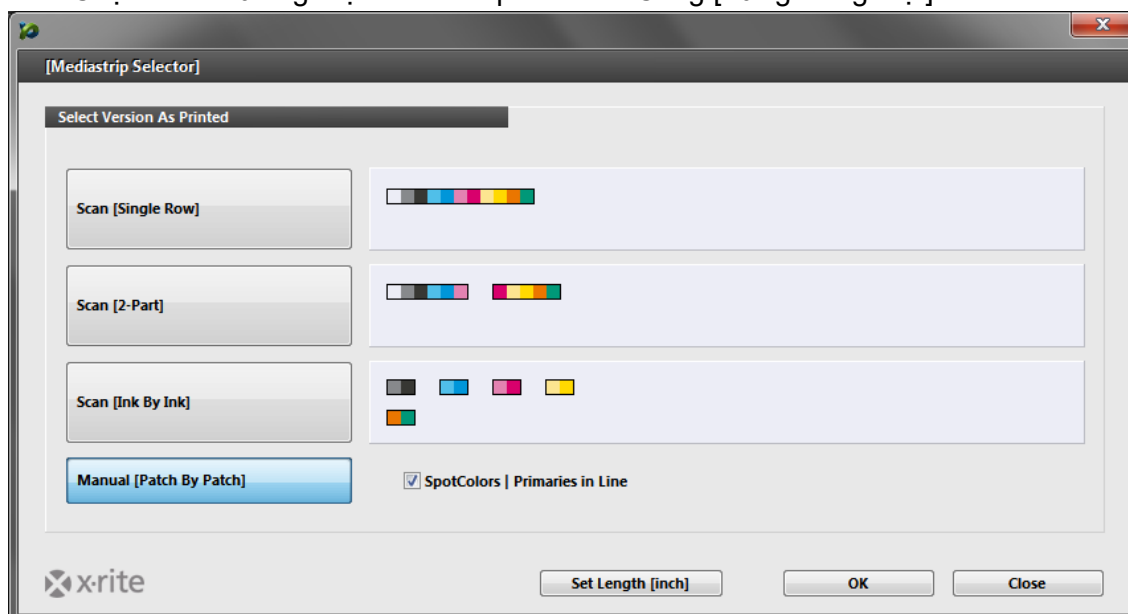
6. Nhấp vào Công Cụ Đo ở dưới cùng của cửa sổ.

LƯU Ý: Quét eXact của X-Rite quét nhiều vùng trên các Dải Phương Tiện, trong khi mọi thiết bị X-Rite được hỗ trợ khác chỉ đo các vùng màu đơn lẻ. Các bước sau đây có thể khác nhau tùy vào bạn đang sử dụng thiết bị X-Rite nào. Để hoàn thành các bước này thành công, hãy làm theo các hướng dẫn cho thiết bị của bạn. Đối với Quét eXact, làm theo các hướng dẫn dưới phần Quét Dải Phương Tiện sử dụng Công Việc hiện có. Đối với eXact và thiết bị khác, sử dụng hướng dẫn sau đây.

Khi sử dụng eXact với chức năng Quét được bật: Xuất hiện một cửa sổ yêu cầu phép đo vật liệu in. Sử dụng thiết bị eXact của bạn để đo Vật Liệu In. Một tin nhắn xác nhận rằng Vật Liệu In đã được chấp nhận.

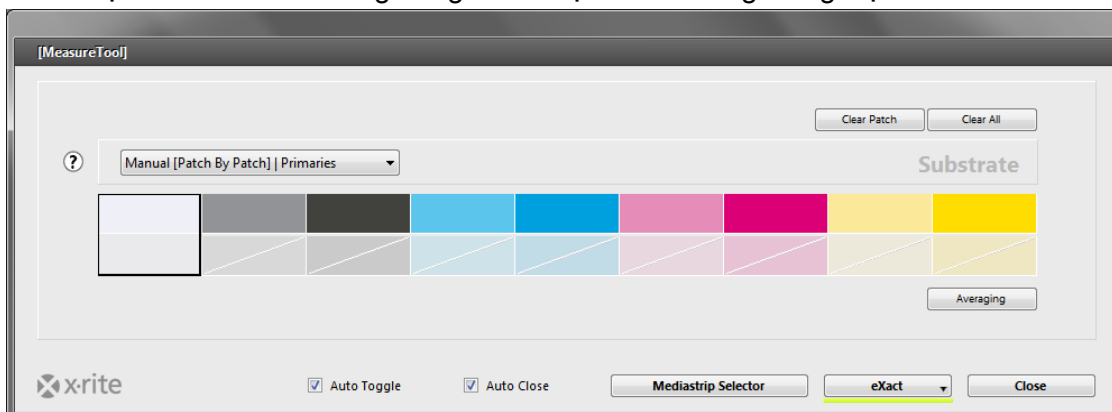


7. Trình Chọn Dải Phương Tiện mở. Nhấp vào Thủ Công [Từng Vùng Một].

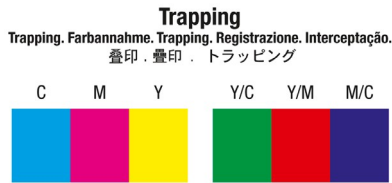


8. Nhấp vào OK. Công Cụ Đo mở.

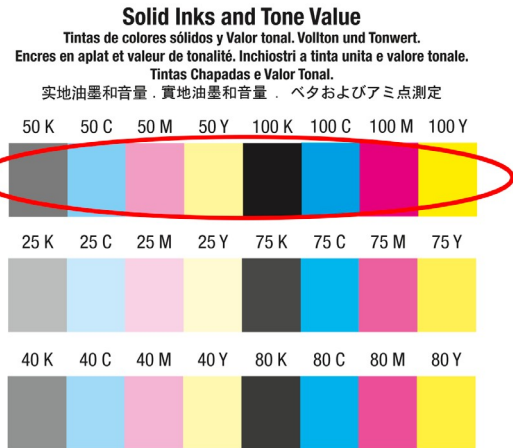
- Giờ bạn có thể đo các vùng riêng như được chỉ ra trong Công Cụ Đo.



LƯU Ý: Thứ tự trong cửa sổ này không tương ứng với thứ tự các vùng trên trang. Vì đây không phải là phép đo quét nên thứ tự vùng không quan trọng.



Color Search
 Buscar color. Farbsuche. Recherche de couleur. Ricerca colore. Pesquisar Cor.
 色彩搜索・色彩搜索・カラーの検索



Color Basics
 for Pressroom

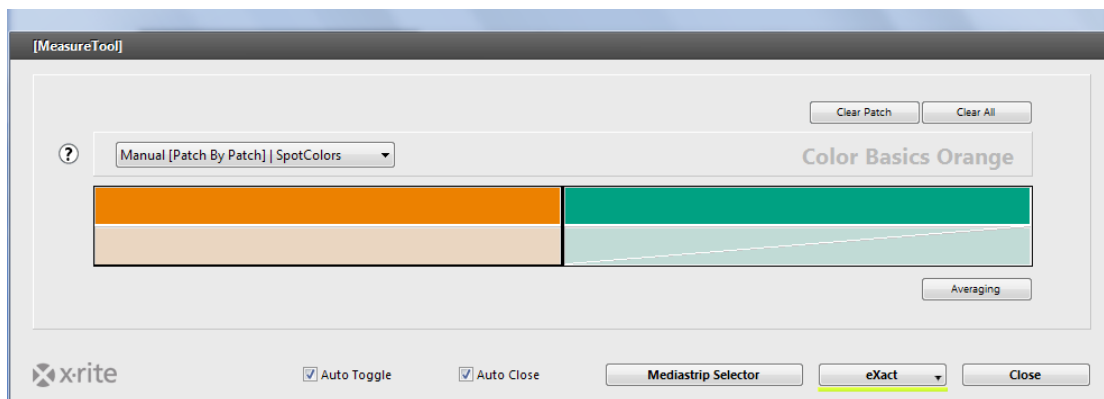
Color Compare
 Comparación de colores. Farbvergleich. Comparaison de couleurs. Confronto colori.
 Comparação de Cores. 色彩比较・最佳匹配・カラーの比較



Reference Referencia Référénc Référénc Riferimento Referência 参考 基準色	Sample Muestra Probe Échantillon Campione Amostra 样品 樣品 サンプル色	Sample Muestra Probe Échantillon Campione Amostra 样品 樣品 サンプル色	Sample Muestra Probe Échantillon Campione Amostra 样品 樣品 サンプル色
---	---	---	---

Densité d'i

- Sau khi các màu chính được đo, cửa sổ tiếp theo hiển thị các Màu Pha. Tìm các vùng màu cam và xanh lá cây trên trang Bảng Màu Cơ Bản của bạn và lặp lại quy trình.

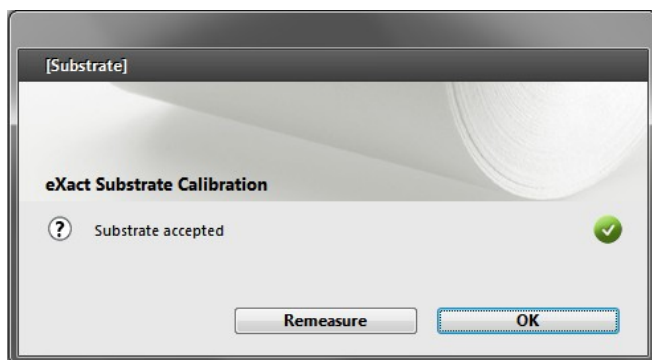
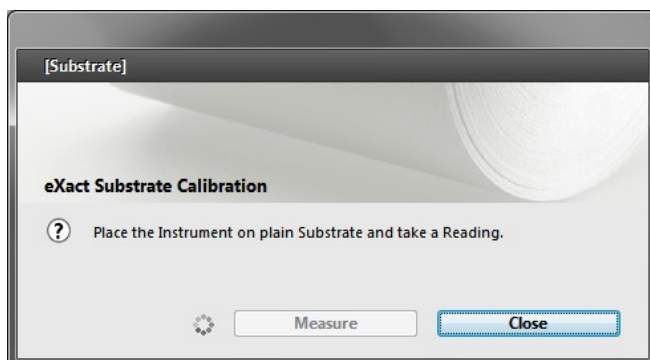


9. Vui lòng tiếp tục với phần Xem Lại Số Đo và Dữ Liệu.

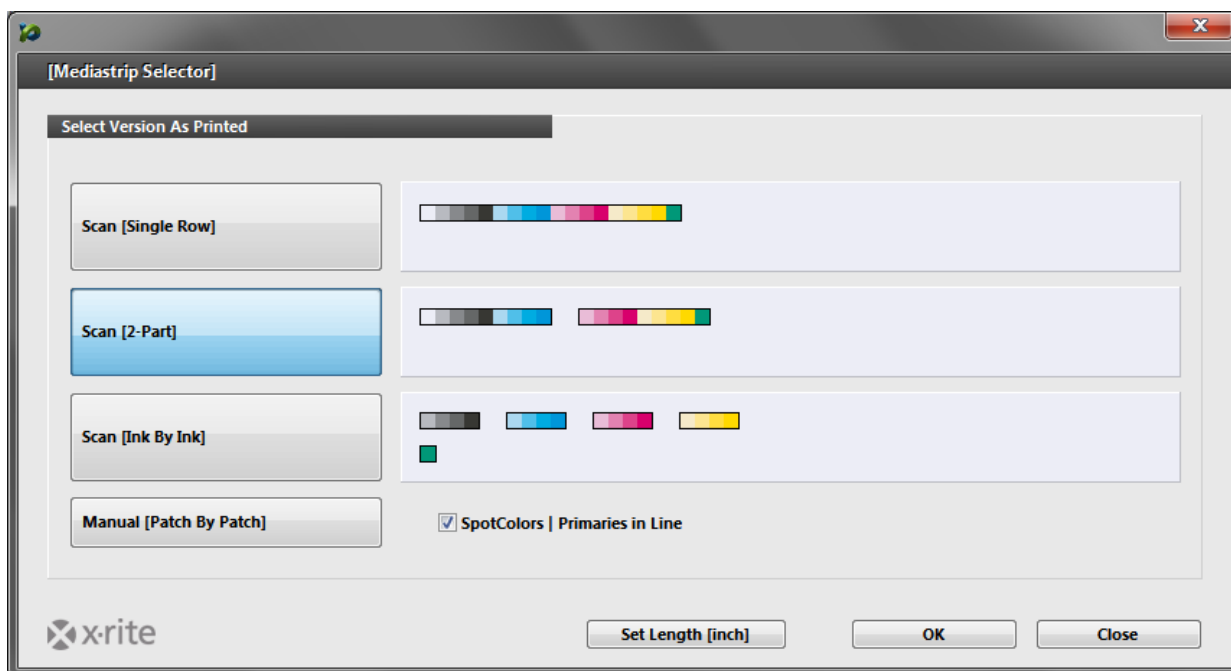
Đo Dài Phương Tiện sử dụng Công Việc hiện có

Đối với Quét eXact

1. Kết nối quang phổ kế Quét eXact của X-Rite của bạn.
2. Khởi chạy phần mềm ColorCert.
3. Nhấp vào Công Cụ Bường In, và chọn Tải Công Việc.
4. Chọn Công Việc mẫu Color_Basics_Scan_Job.ccj.
5. Thao tác này mở Chi Tiết Công Việc.
6. Nhấp vào Công Cụ Đo ở dưới cùng của cửa sổ. Xuất hiện một cửa sổ yêu cầu phép đo vật liệu in. Sử dụng thiết bị eXact của bạn để đo Vật Liệu In. Một tin nhắn xác nhận rằng Vật Liệu In đã được chấp nhận.

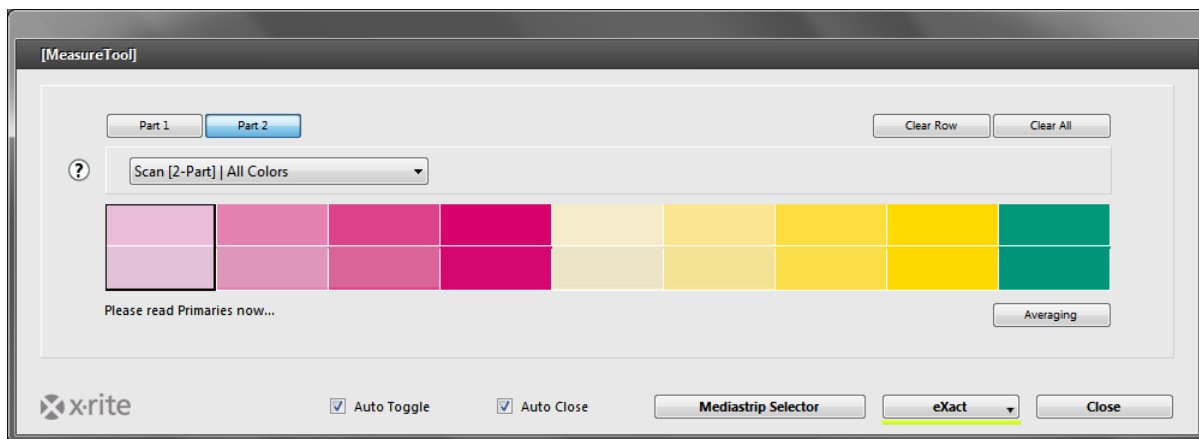
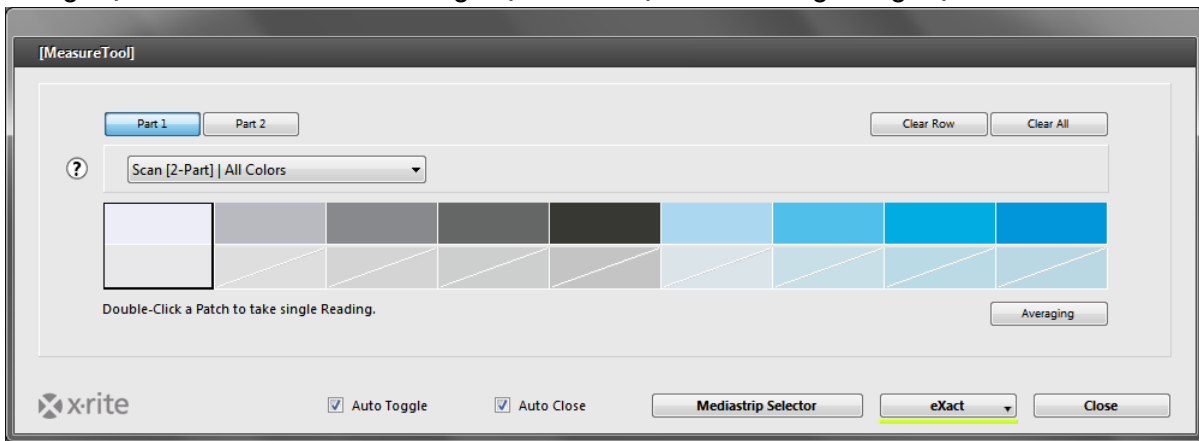


1. Trình Chọn Dải Phương Tiện mở. Nhấp vào Quét [2-Phần].



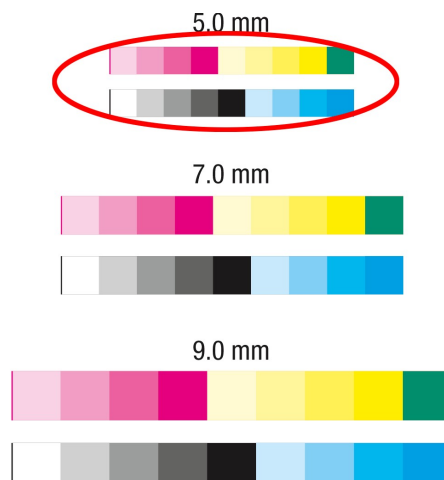
2. Nhấp vào OK.

3. Công Cụ Đo mờ. Quét Dải Phương Tiện như được chỉ ra trong Công Cụ Đo.



Solid Inks and Tone Value

▷ colores sólidos y Valor tonal. Vollton und Tonwert.
 ▷ at valeur de tonalité. Inchiostri a tinta unita e valore tonale.
 Tintas Chapadas e Valor Tonal.
 i音量・實地油墨和音量・ベタおよびアミ点測定



Xem Lại Số Đo và Dữ Liệu

Khi hoàn thành, Công Cụ Đo sẽ đóng. Khi bạn nhìn lên đầu cửa sổ, các mục có dấu tích màu xanh lá cây đã được hoàn thành thành công. Bất kỳ mục có dấu X màu đỏ là các khu vực không đo được.

1. Nhấp vào tab Màu Chính. Bạn sẽ thấy các màu chính nào đạt và không đạt. ΔE biểu thị cỡ lỗi, và dung sai chỉ ra số lượng lỗi chấp nhận được. Chọn các màu đơn lẻ để xem giá trị của chúng. Ảnh chụp màn hình bên dưới hiển thị các giá trị cho màu vàng.

Primaries

Primaries	ΔE_{00} (1:1) ^{SC}	Δ Density	Quality Level
<input type="radio"/> Color Basics Black	0.16	0.01	✓
<input type="radio"/> Color Basics Cyan	0.10	0.01	✓
<input type="radio"/> Color Basics Magenta	0.19	-0.00	✓
<input checked="" type="radio"/> Color Basics Yellow	0.24	0.02	✓
Tolerance:	3.50	± 5.00	Best Match: Dens: 1.20 ΔE_{00} : 0.17

Substrate Name

Substrate Name	ΔE^{SC}	Δ CIE Whiteness	Δ Opacity %	Quality Level
<input type="radio"/> Color Basics Paper	1.60	6.84	3.51	✓

Unit	Target	Sample	Diff	Tolerance	Result	Method	Diff	Tolerance	Result
L	88.07	88.03	-0.04			ΔE_{00} (1:1)	0.24	3.50	✓
a	-3.92	-3.90	0.02			Δ Density	0.02	± 5.00	
b	102.18	100.86	-1.32			[ΔE]	[1.32]		
C	102.25	100.93	-1.32						
h	92.19	92.21	0.02						
Strength (SUM)	100%	93%	-7%						
Density	1.21 [Yellow]	1.19 [Yellow]	-0.02						

2. Tab Số ở dưới cùng cửa sổ hiển thị các thông tin chi tiết về số cho màu được chọn. Nếu bạn đang dùng giấy phép Trình Quản Lý, bạn có thể tạm thời điều chỉnh một số phép tính.
3. Chọn tab Hướng Dẫn để hiển thị đồ thị Trùng Khớp Nhất. Đồ thị này cung cấp cho người vận hành máy in một tham chiếu tiện lợi về các điều chỉnh. Nếu màu nằm ngoài dung sai, người vận hành máy in có thể thấy ngay liệu dung sai được xác định có thể đạt được chỉ bằng các điều chỉnh mật độ hay cường độ không, hoặc liệu có cần điều chỉnh mực không. Điều này tiết kiệm thời gian và vật liệu trong lúc sẵn sàng.

Sample

Dens: 1.19
Status-T (Y)

ΔE : 0.24
2000

Best Match

Dens: 1.20 ✓
Status-T (Y)

ΔE : 0.17
2000

Operating Range

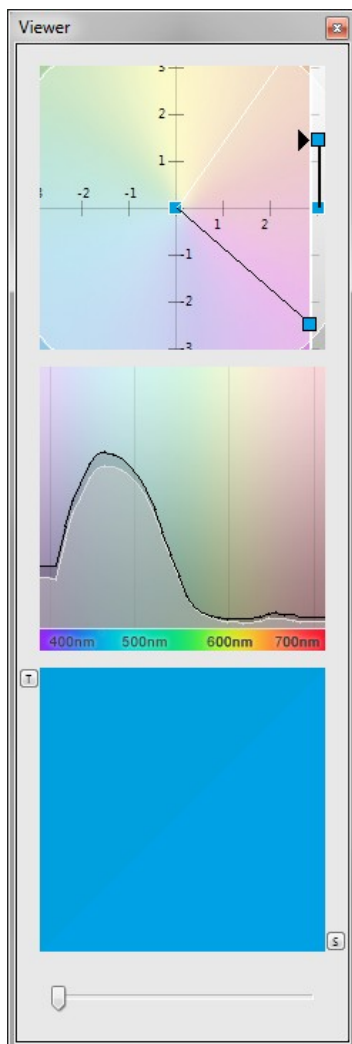
Correlation Mode: Density
Method: Coated
Mode: Absolute

4. Cửa sổ Trình Xem sẽ hiển thị màu được chọn trên đồ thị. Đồ thị đỉnh hiển thị giá trị mục tiêu và giá trị được đo trong Không Gian Màu $L^*a^*b^*$. Cửa sổ thứ hai hiển thị đường cong quang phổ của màu được đo. Cửa sổ dưới cùng hiển thị so sánh tương đối giữa các màu. Các đồ thị này có thể giúp bạn hình dung sự khác biệt giữa các màu để hỗ trợ giải quyết sự cố Công Việc.

Nếu các đường cong rất giống nhau về hình dạng nhưng ở các mức độ khác nhau, bạn có thể tìm kết quả phù hợp hơn bằng cách điều chỉnh mật độ trên máy in. Tuy nhiên, nếu các đường cong rất khác nhau, điều này có thể đồng nghĩa với việc bạn không thể ghép màu với bất kỳ điều chỉnh máy in nào.

Nếu Trình Xem của bạn không mở khi chọn một màu, hãy chọn Tập Tin từ thanh menu và chọn Tự Động Hiện Trình Xem Màu.

5. Nhấp vào từng Màu Chính trong danh sách và quan sát các đồ thị.



6. Nhấp vào biểu tượng Tăng Tầng Thứ.

Ink Name	ΔDot Gain	@ 25%	@ 50%	@ 75%	Quality Level
Color Basics Black		-1.8%	-1.2%	-0.5%	✓
Color Basics Cyan		-3.2%	-1.4%	-0.5%	✗
Tolerance:		±3.0%	±4.0%	±3.0%	
Color Basics Magenta		-2.7%	-1.7%	-0.4%	✓
Color Basics Yellow		-3.1%			✗

Unit	Dot Area	Target	Sample	ΔDot Gain	Tolerance	Result [out]
Dot Gain	@ 25.0%	+18.3%	+15.1%	-3.2%	±3.0%	-0.2%
Dot Gain	@ 50.0%	+15.5%	+14.1%	-1.4%	±4.0%	PASSED
Dot Gain	@ 75.0%	+11.9%	+11.5%	-0.5%	±3.0%	PASSED

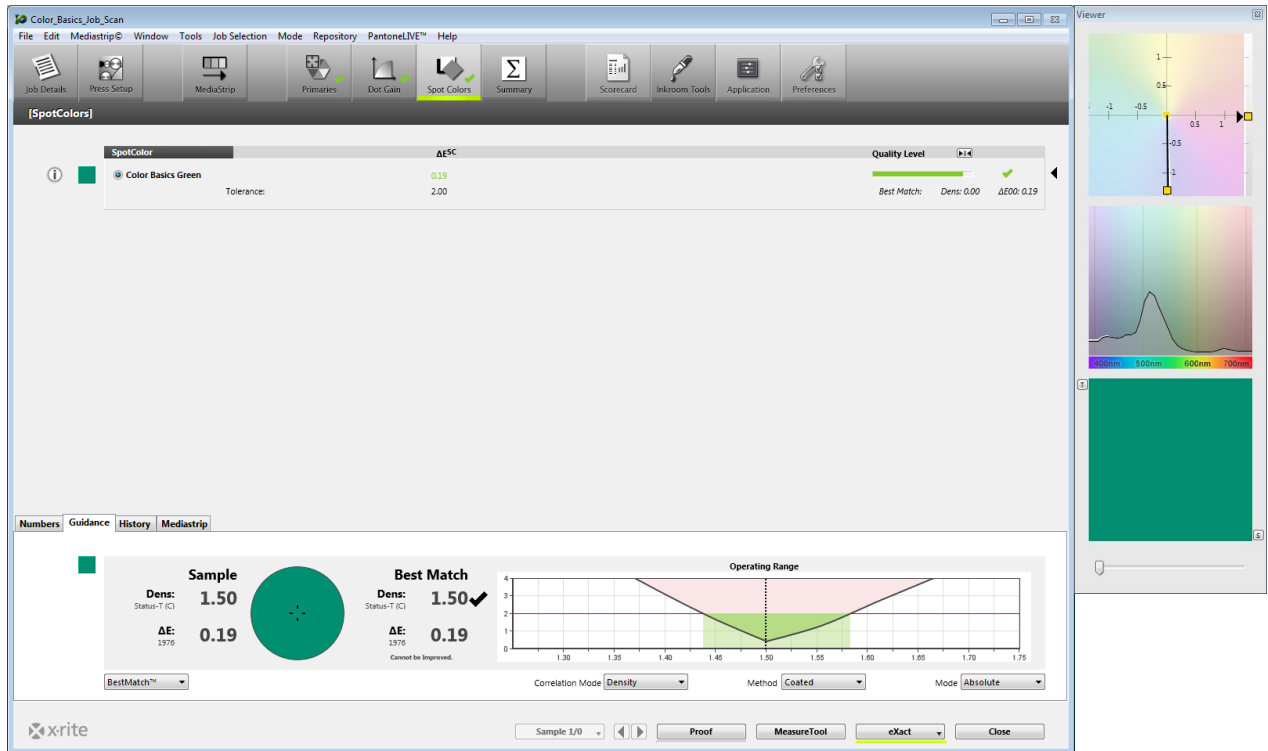
Bạn có thể thấy trạng thái đạt/không đạt của các vùng tăng tầng thứ. Sử dụng Chế Độ danh sách thả xuống để thay đổi chế độ của các giá trị được hiển thị từ Giá Trị Tầng Thứ delta sang tuyệt đối, hoặc để nhấn mạnh kết quả nào cách xa mức độ chất lượng bao nhiêu.

Ink Name	Dot Coverage	@ 25%	@ 50%	@ 75%	Quality Level
Color Basics Black		42.7%	71.6%	88.7%	✓
Color Basics Cyan		40.1%	64.1%	86.5%	✗
Tolerance:		±3.0%	±4.0%	±3.0%	
Color Basics Magenta		33.5%	63.5%	86.1%	✓
Color Basics Yellow		34.1%	66.1%	91.1%	✗

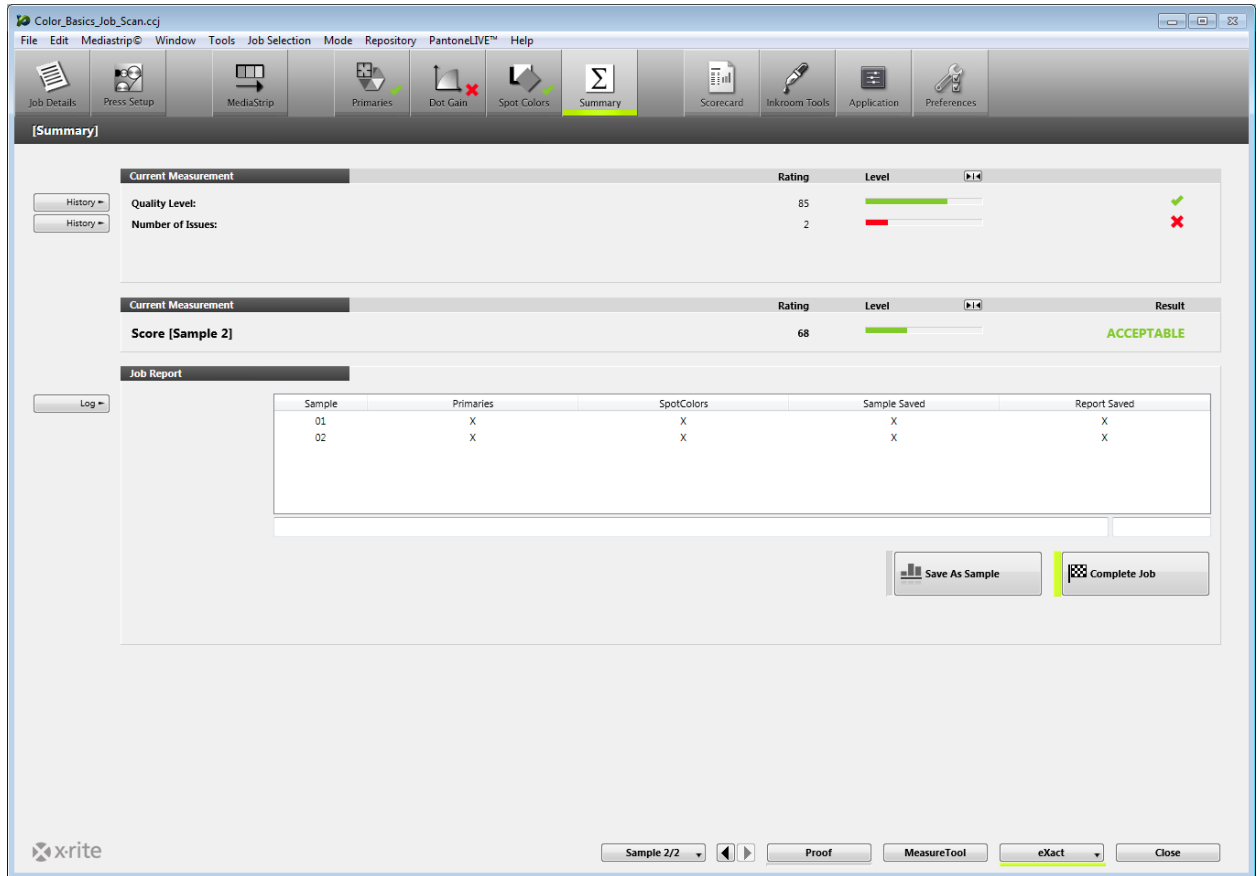
Ink Name	[out]	@ 25%	@ 50%	@ 75%	Quality Level
Color Basics Black		---	---	---	✓
Color Basics Cyan		-0.2%	---	---	✗
Tolerance:		±3.0%	±4.0%	±3.0%	
Color Basics Magenta		---	---	---	✓
Color Basics Yellow		-0.1%	---	---	✗

7. Bây giờ, hãy nhấp vào tab Màu Pha. Tab này rất giống với tab Màu Chính.

LƯU Ý: Cửa sổ của bạn có thể hiện màu cam và đỏ nếu bạn đã mở Công Việc Bảng Màu Cơ Bản

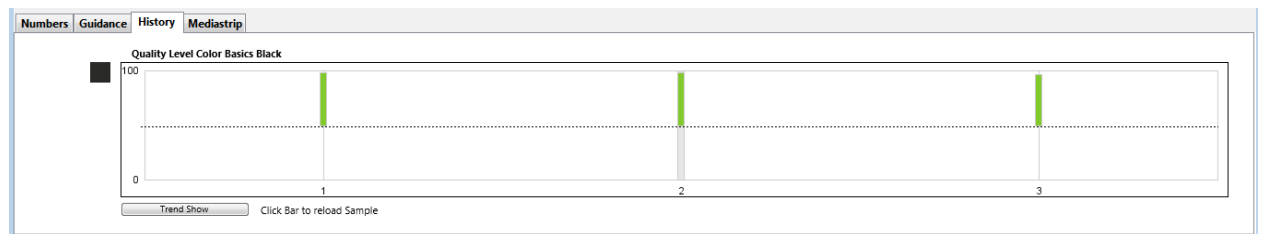


8. Nhấp vào tab Tóm Tắt. Bạn sẽ thấy mức điểm của Công Việc này, dựa trên các yêu cầu được xác định trong Quy Tắc có trong Ứng Dụng mà bạn tải lúc bắt đầu hướng dẫn từng bước này. Báo Cáo Công Việc sẽ bao gồm dữ liệu từ một số mẫu hoặc các phép đo qua một lần chạy. Nhấp vào Lưu Dưới Dạng Mẫu để thêm các phép đo này vào Báo Cáo Công Việc.



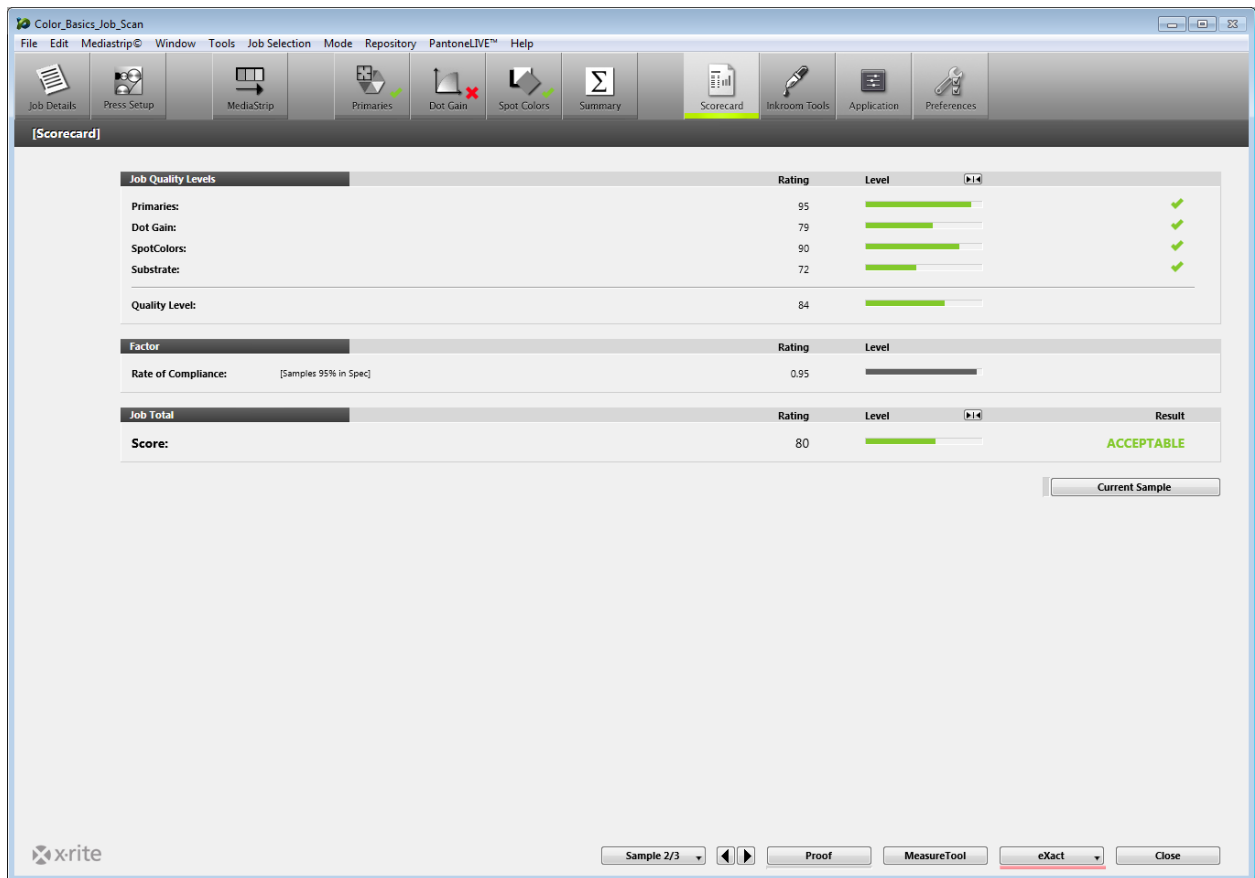
Sample	Primaries	SpotColors	Sample Saved	Report Saved
01	X	X	X	X
02	X	X	X	X

9. Để tiếp tục đọc các phép đo bổ sung, chỉ cần tiếp tục đo. Sau mỗi phép đo, bạn có thể xem kết quả để giúp cải thiện sản xuất.
10. Sau khi bạn đã lưu một vài bộ số đo dưới dạng mẫu, nhấp vào tab Màu Chính.
11. Ở cuối trang này, nhấp vào tab Lịch Sử để xem Mức Độ Chất Lượng của màu được chọn theo thứ tự các số đo được đo. Sau khi chọn một số mẫu từ đồ thị cột, tất cả các số đo được hiển thị sẽ được trình bày cho mẫu đó.



12. Bạn cũng có thể dùng điều hướng ở dưới cùng để di chuyển giữa các Mẫu của từng màu được chọn. Nếu bạn đang dùng giấy phép Trình Quản Lý, bạn cũng có quyền truy cập Hiển Thị Xu Hướng.
13. Bạn có thể nhấp qua các tab và màu khác nhau để xem tất cả các kết quả từ mẫu được lưu cụ thể đó.
14. Bạn cũng có thể xem các thay đổi của cửa sổ Trình Xem để hiển thị phép đo được chọn cho mẫu được chọn.

15. Vào bất kỳ thời điểm nào trong lúc chạy, bạn đều có thể xem kết quả Phiếu Ghi Điểm của mình. Nhấp vào tab Phiếu Ghi Điểm.



16. Tab này sẽ hiển thị kết quả của lần chạy. Nếu bạn muốn xem kết quả của mẫu cuối cùng được đo, nhấp vào Mẫu Hiện Tại. Có thể sử dụng chức năng này để xem liệu sản xuất hiện tại của bạn có đang tuân thủ mức trung bình của toàn bộ lần chạy không.
17. Điểm số tổng thể là phép tính sử dụng kết hợp mọi số đo định mức so với mục tiêu và mức độ tuân thủ. Xem tài liệu riêng để biết thêm chi tiết.
18. Sau khi bạn đã hoàn thành mọi phép đo và đã xem lại dữ liệu của mình, trở về tab Tóm Tắt, và nhấp vào Hoàn Thành Công Việc để lưu tất cả các dữ liệu. Tùy vào cách hệ thống được cấu hình, báo cáo sẽ được gửi đến máy in, và/hoặc sẽ gửi email.
19. Một khi bạn đã hoàn thành Công Việc, không có phép đo nào khác sẽ được chấp nhận trong Công Việc này. Đóng Công Việc.

Đây chỉ là một cách mà ColorCert có thể được dùng trong Sản Xuất. Vì mọi quy trình làm việc đều khác nhau, bạn có thể tùy chỉnh quy trình để phù hợp nhu cầu của mình. Tiếp theo chúng ta sẽ nhìn vào cách Quản Trị Viên có thể sử dụng ColorCert để thiết lập và theo dõi quy trình làm việc.

Tạo Tiêu Chuẩn, Hồ Sơ, Quy Tắc, và Công Việc ColorCert

Phần này mô tả các công cụ khả dụng khi sử dụng giấy phép Trình Quản Lý ColorCert để cấu hình các tiêu chuẩn in, dung sai và các kiểm tra kiểm soát chất lượng khác trong ColorCert. Mặc dù quy trình làm việc của bạn có thể khác, phần này cung cấp điểm khởi đầu tốt cho việc tự phát triển Quy Tắc, Tiêu Chuẩn và Hồ Sơ của bạn.

Thông thường, một số bước tạo giá trị mục tiêu cho Tiêu Chuẩn Màu sẽ yêu cầu phép đo một mẫu màu được khách hàng chấp thuận, có thể là một trang in. Nếu bạn muốn tự luyện tập các bước này trước khi tạo các tiêu chuẩn để sử dụng trong sản xuất, bạn có thể dùng trang Bảng Màu Cơ Bản cho Buồng In đi kèm với eXact của X-Rite.

Trong nhiều trường hợp, bạn có thể tải nhiều tập tin vào ứng dụng thay vì nhập dữ liệu thủ công. Trước khi tiếp tục, vui lòng làm quen với quy trình tải các dạng tập tin khác nhau từ nhiều vị trí khả dụng.

Tải các tập tin vào ColorCert

Cơ sở dữ liệu Đám Mây PantoneLIVE:

Nếu bạn muốn sử dụng màu từ PantoneLIVE, đầu tiên bạn phải thiết lập kết nối PantoneLIVE và chọn một bảng màu bắt buộc mà bạn muốn dùng.

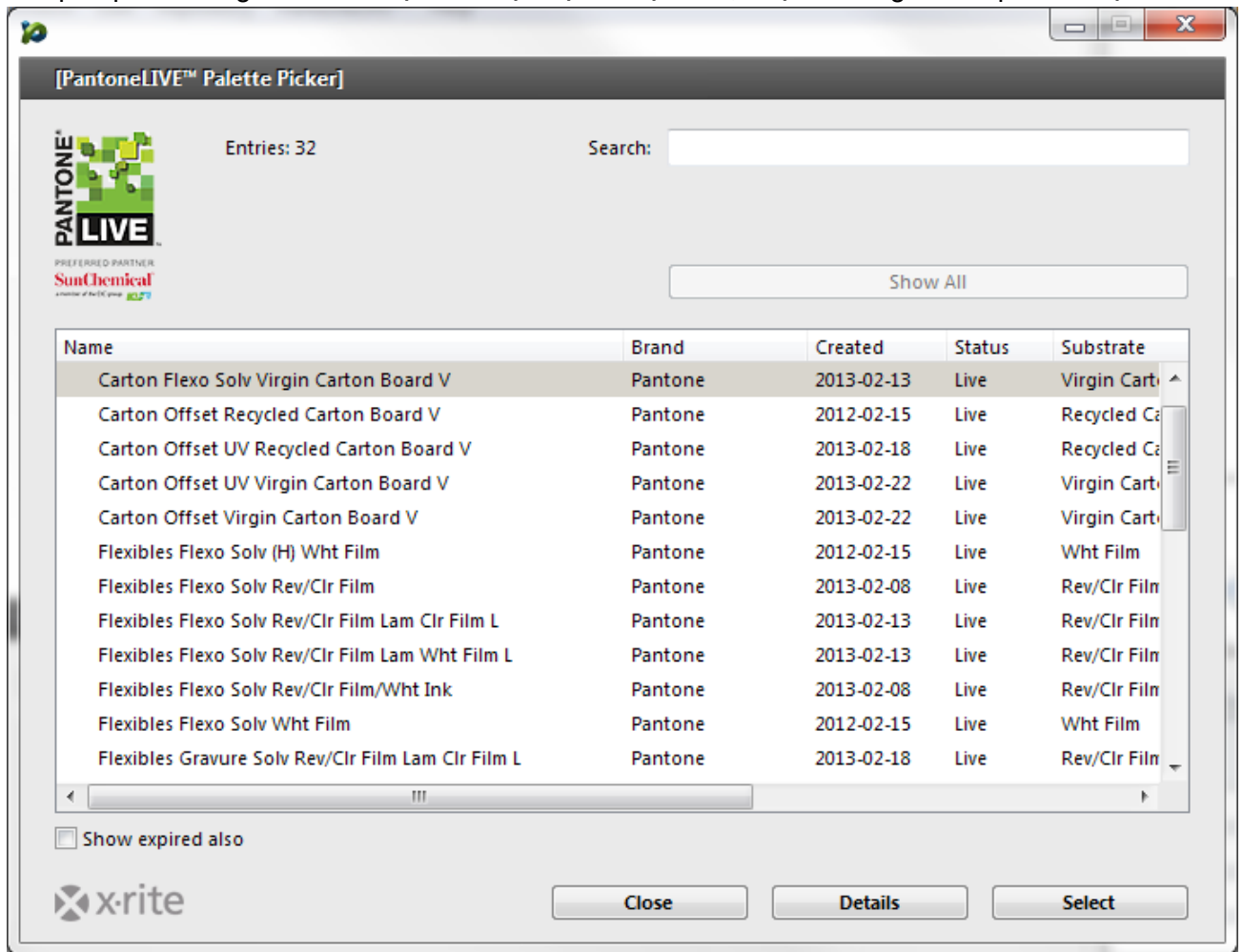
Thêm thông tin đăng nhập PantoneLIVE vào ColorCert:

1. Trong Trình Chọn ColorCert, chọn PantoneLIVE từ menu chính và rồi chọn Đăng Nhập Người Dùng.
2. Nhập máy chủ sau đây: <https://ws.pantone.live.com>.
3. Nhập tên người dùng và mật khẩu My X-Rite của bạn vào các trường phù hợp.
LƯU Ý: Đảm bảo đây là đăng nhập liên kết với giấy phép ColorCert PantoneLIVE.
4. Nhấp vào Đăng Nhập.

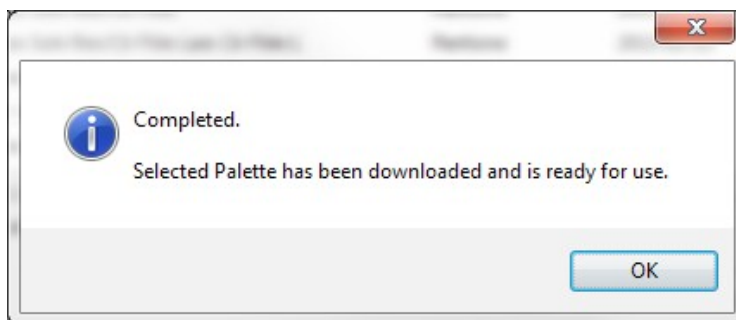
Chọn một bảng màu PantoneLIVE:

1. Trong Menu Chính, nhấp vào Chọn Bảng Màu dưới menu PantoneLIVE.
2. Bạn sẽ thấy một danh sách các bảng màu bạn có quyền truy cập, bao gồm bất kỳ bảng màu PANTONE Fandeck tiêu chuẩn và các bảng màu tham chiếu khác mà bạn được ủy quyền truy cập.

3. Nhấp đúp vào bảng màu bắt buộc cho Vật Liệu In bạn cần, hoặc tô sáng và nhấp vào Chọn.



4. Một hộp thoại sẽ hiển thị để cho bạn biết bảng màu đã sẵn sàng để sử dụng. Bạn có thể đóng cửa sổ, hoặc để mở nếu bạn cần.

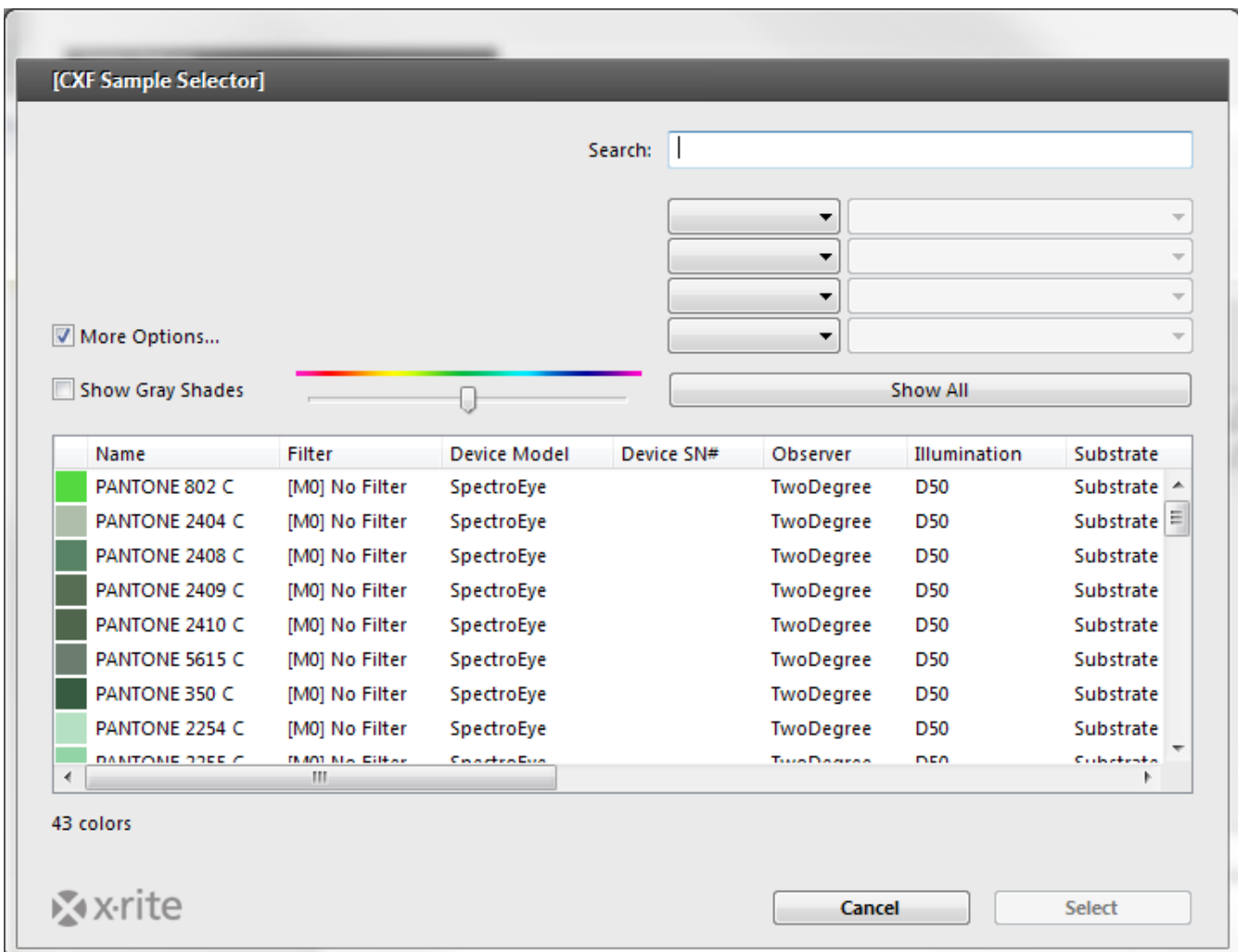


Chọn màu từ thư viện (CxF, MIF, XTF, Thư Viện ColorCert, PantoneLIVE):

Trong chương tiếp theo chúng tôi sẽ giải thích cách thiết lập một Hồ Sơ trong ColorCert. Tại nhiều vị trí bạn sẽ có khả năng tải màu từ một thư viện kỹ thuật số vào hồ sơ của bạn. Màu này có thể được tải từ các nguồn bên ngoài như tập tin CxF, MIF, XTF hoặc một Thư Viện ColorCert mà bạn có thể điều hướng đến và mở ra hoặc màu có thể được lấy từ bảng màu PantoneLIVE được chọn trước:

- Load from ColorCert Library...
- Load from CxF Library...
- Load from MIF Library...
- Load from XTF Library...
- Load from PantoneLIVE™ ...

Khi bạn đã tải một thư viện từ bất kỳ nguồn bên ngoài nào, bạn có thể chọn một màu từ Cửa Sổ Trình Chọn Mẫu như bên dưới. Bạn có thể tìm kiếm các phần của Tên Màu hoặc bạn có thể dùng menu thả xuống để lọc các kết quả. Nhấp vào Thêm Tùy Chọn và bạn sẽ thấy một chiếc cần cho phép bạn di chuyển đến sắc thái màu liên quan hoặc bạn có thể chọn Chỉ Hiển Thị Sắc Thái Xám.

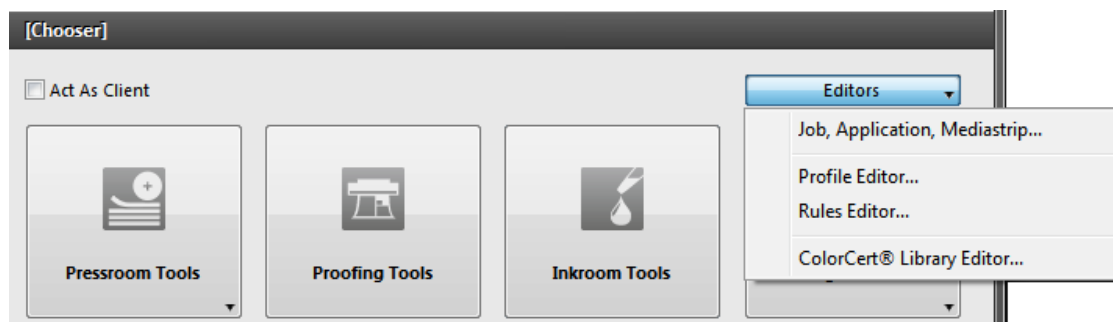


Tạo Tiêu Chuẩn

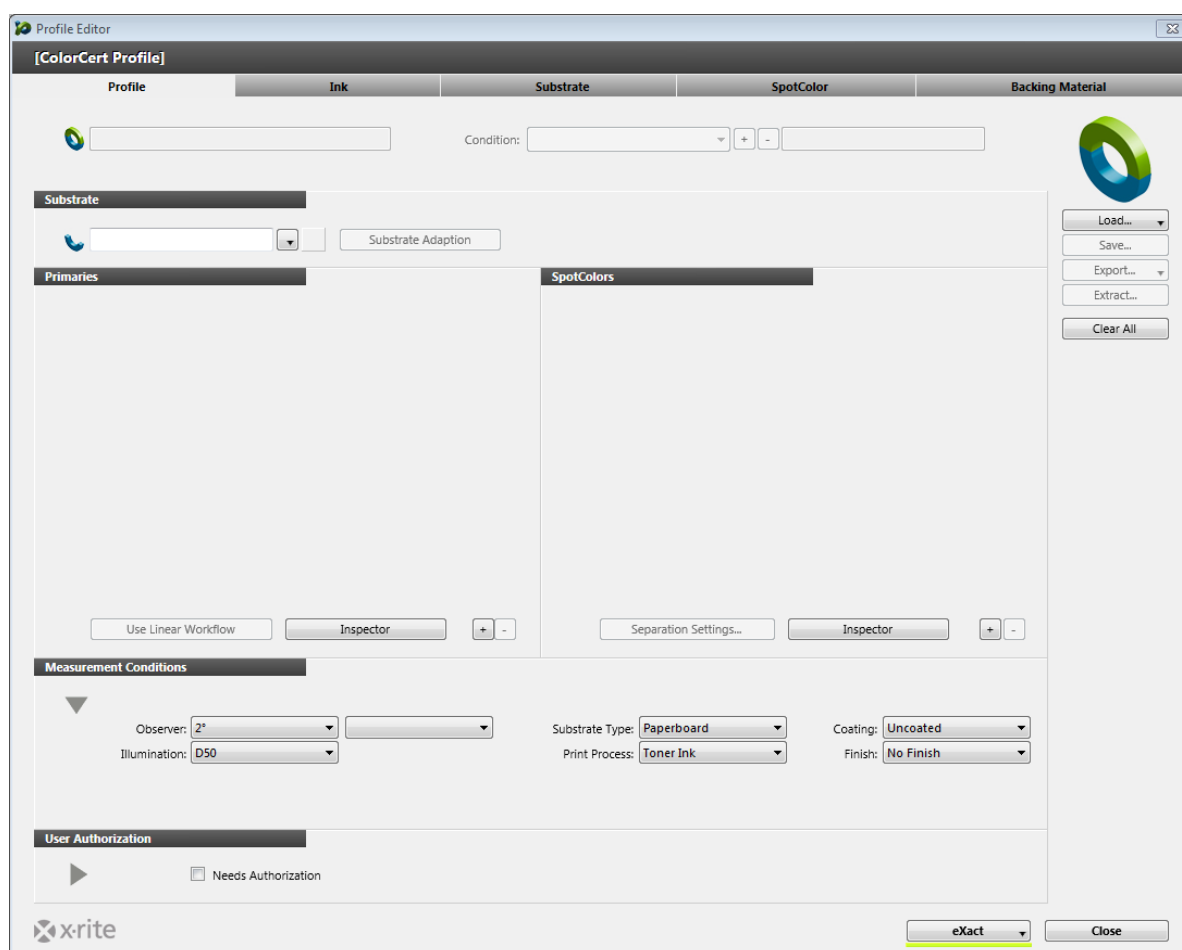
Trước khi có thể tạo Hồ Sơ, bạn cần có tiêu chuẩn màu. Phần này sẽ hướng dẫn bạn qua các bước để đo tiêu chuẩn của mình trong ColorCert.

Nếu bạn có sẵn các Tiêu Chuẩn, ví dụ như ở định dạng CxF hoặc MIF, hoặc nếu bạn đang làm việc với dữ liệu từ các bảng màu trong PantoneLIVE, bạn có thể tiếp tục với lựa chọn Tạo Hồ Sơ.

1. Từ Trình Chọn, nhấp vào Trình Chỉnh Sửa, và chọn Trình Chỉnh Sửa Hồ Sơ.

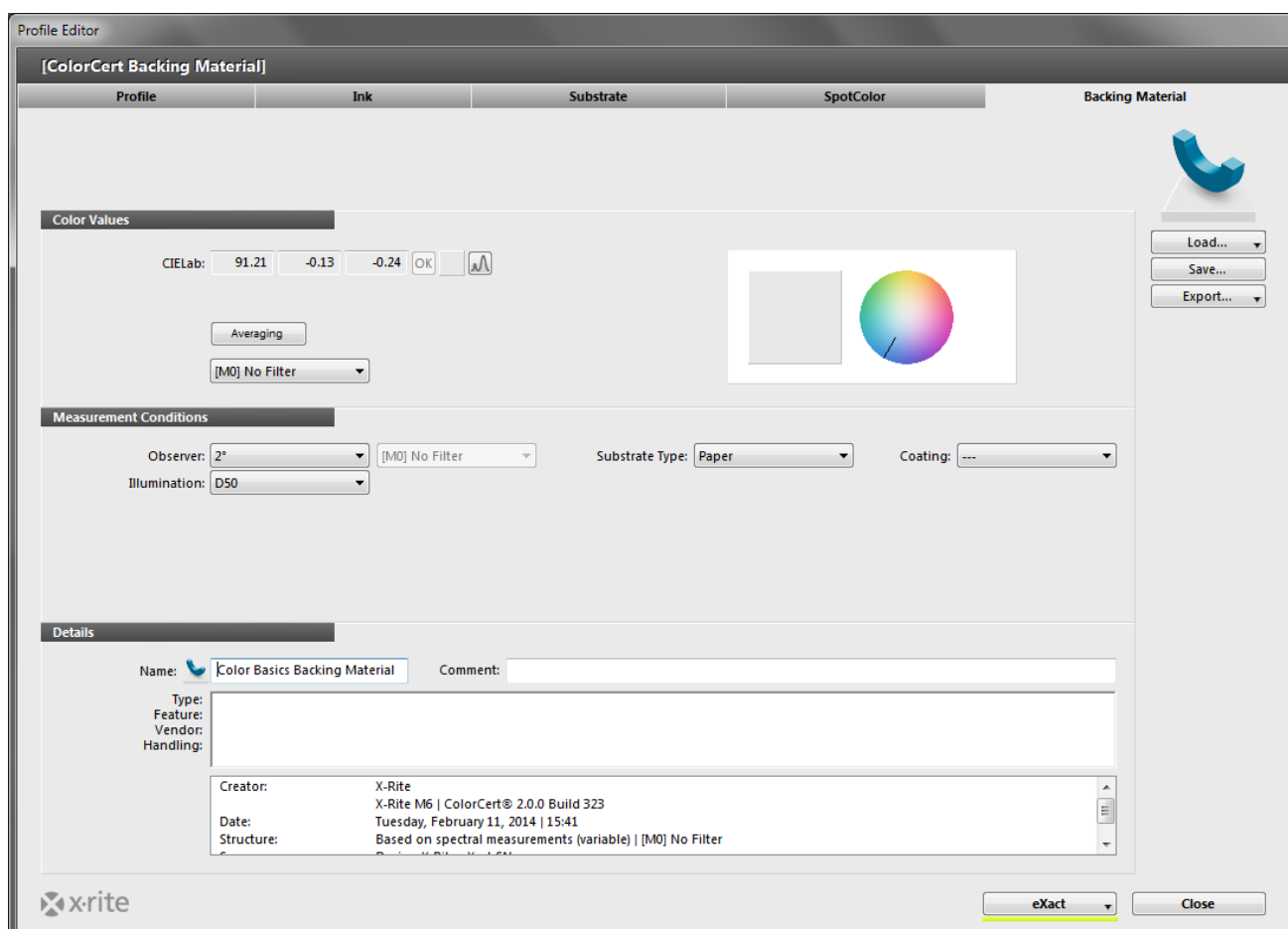


2. Tab đầu tiên hiển thị một Hồ Sơ trống. Các tab còn lại là để tạo các tiêu chuẩn cho Mực, Vật Liệu In, Màu Pha mà sẽ được dùng trong Hồ Sơ, và Vật Liệu Lót sẽ được dùng trong Quy Tắc. Các màu này phải được tạo cục bộ trong các tab này. Khi chúng ta đi qua các tiêu chuẩn này chúng ta sẽ bắt đầu trên tab bên phải, và làm việc dần sang bên trái.



Tab Vật Liệu Lót

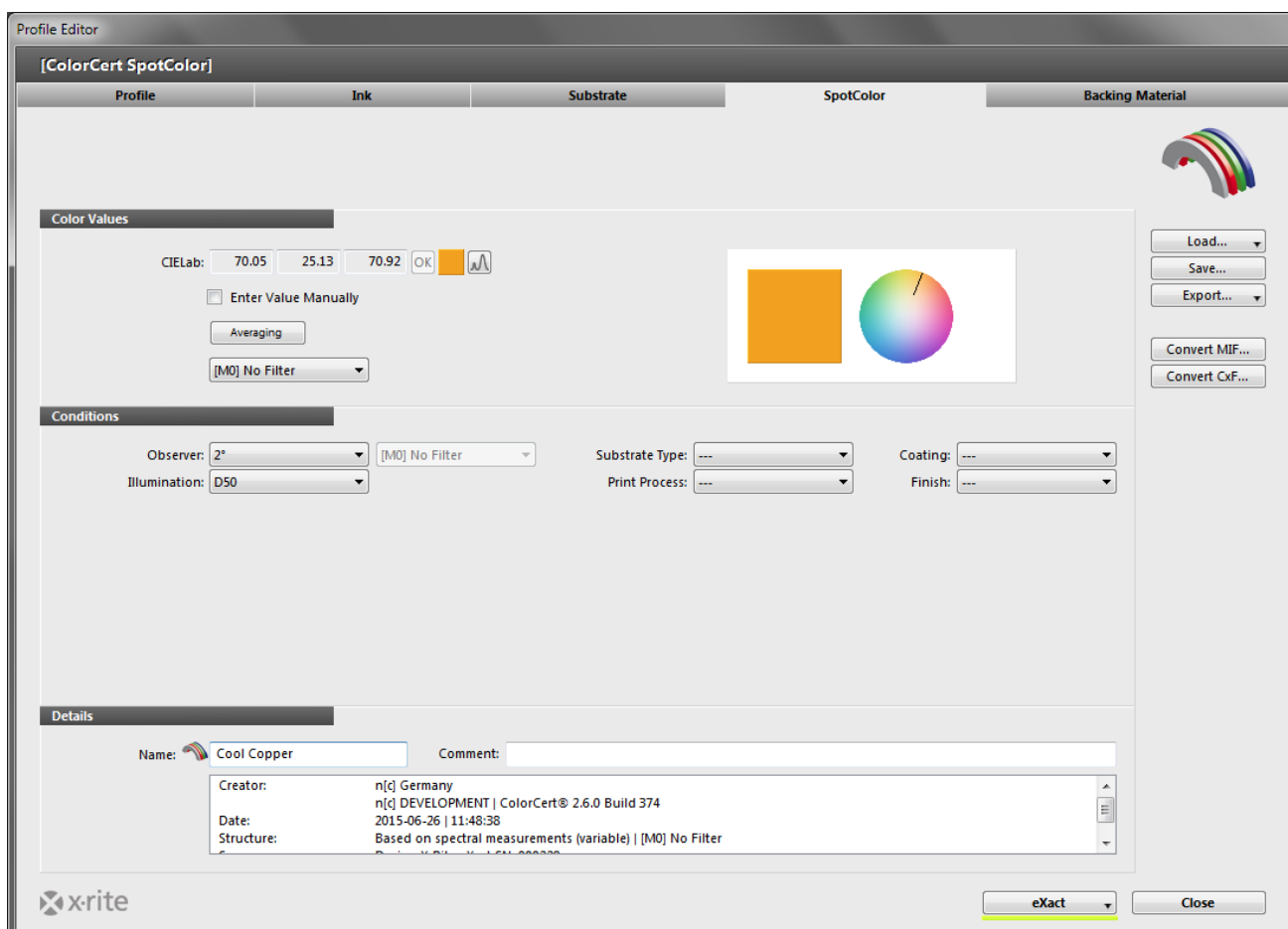
Khi đo bằng Vật Liệu In không mờ, vật liệu lót sẽ ảnh hưởng nhiều đến chỉ số đọc màu. Trong một số trường hợp, Chủ Sở Hữu Thương Hiệu sẽ chỉ định một vật liệu lót để sử dụng. Trong các trường hợp khác, bạn sẽ phải cung cấp thông tin này. Trong nhiều trường hợp, đây sẽ là vật lót màu trắng theo chỉ định của ISO 13655 xác định. Munsell sản xuất TẤM LÓT TRẮNG ISO, số bộ phận ISO-N925/M12, cho mục đích này. Liên hệ với đại lý X-Rite của bạn để biết thông tin.



1. Để đo một vật liệu lót, chọn tab Vật Liệu Lót.
2. Thực hiện phép đo bằng quang phổ kế của bạn và các giá trị sẽ hiển thị dưới mục Giá Trị Màu. Nếu thiết bị của bạn hỗ trợ các điều kiện đo khác nhau, bạn nên chọn điều kiện bạn đang sử dụng cho các phép đo sản xuất.
3. Mặc dù vật liệu lót phải đồng nhất về màu, nhưng bạn có thể dùng nút Tính Trung Bình để kích hoạt nhiều phép đo cho một giá trị trung bình, sau đó dùng các mũi tên lên và xuống để chọn số lượng phép đo để tính trung bình.
4. Lấy số lượng phép đo cần thiết để tính chỉ số đọc trung bình của bạn.
5. Trong Điều Kiện Đo, kiểm tra Góc Vật Quan Sát và Nguồn Sáng sẽ được sử dụng trong sản xuất.
6. Tùy Chọn: Chọn Loại Vật Liệu In và Sơn thích hợp sẽ được sử dụng.
7. Trong mục Chi Tiết, bạn phải thêm Tên vật lót của bạn và bất kỳ Nhận Xét hoặc thông tin nào bạn yêu cầu.
8. Dùng nút Lưu để lưu tiêu chuẩn này vào Quy Tắc để sử dụng trong tương lai.
9. Một khi đã lưu vật liệu lót, bạn có thể thêm các vật liệu lót khác tuân theo các bước tương tự.

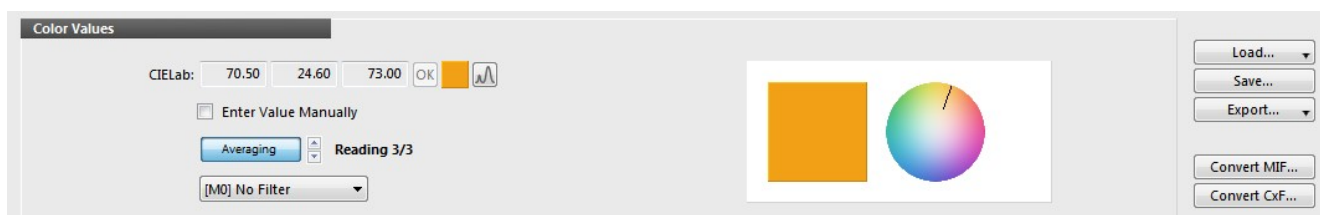
Tab Màu Pha

Trong ColorCert, Màu Pha đại diện cho bất kỳ Màu Thương Hiệu quan trọng trong Công Việc, bất kể màu được tạo bằng cách nào. Đây là một giá trị đơn của màu sẽ được dùng trong Công Việc, ví dụ như một gói sản phẩm chứa màu Logo Thương Hiệu. Chủ Sở Hữu Thương Hiệu có thể chỉ quan ngại với giá trị màu cụ thể của Logo Thương Hiệu này, chứ không quan tâm đến liệu màu được sản xuất bằng Màu PANTONE tông nguyên, hay màu sắc của Màu PANTONE, hay Màu Xử Lý. Điều quan trọng là Màu Logo được in phải chính xác. Các Màu Pha này cũng có thể đại diện cho các màu tạo, ví dụ như các chồng màu đỏ, xanh lá cây và xanh dương hoặc các vùng cân bằng xám.



Đo Màu Pha

1. Trong Giá Trị Màu, nếu thiết bị của bạn hỗ trợ các điều kiện đo khác nhau, bạn nên chọn điều kiện bạn đang sử dụng cho các phép đo sản xuất.
2. Mặc dù tiêu chuẩn vật lý có thể nhìn đồng nhất về màu, nhưng bạn có thể đạt được kết quả tốt hơn nếu bạn dùng nút Tính Trung Bình để kích hoạt nhiều phép đo cho một giá trị trung bình, sau đó dùng các mũi tên lên và xuống để chọn số lượng phép đo để tính trung bình. Khuyến nghị dùng ba phép đo.
3. Lấy số lượng phép đo cần thiết để tính chỉ số đọc trung bình của bạn.

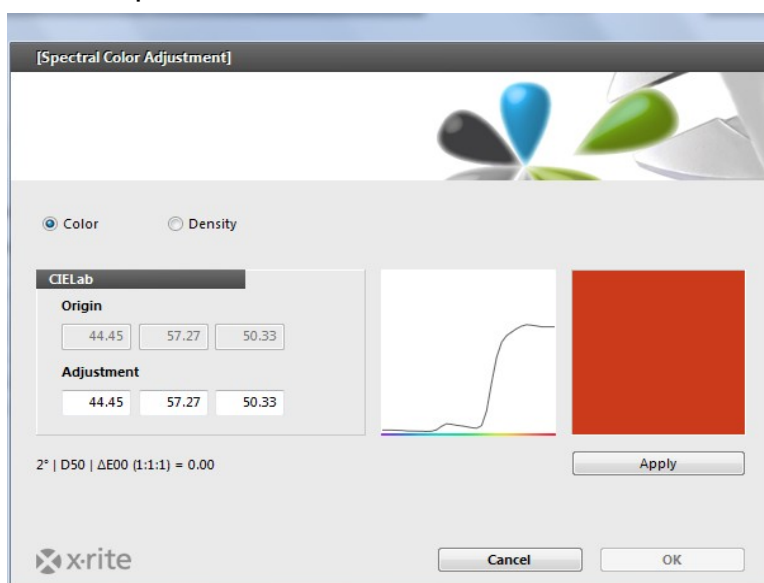


Điều Chỉnh Màu Pha Được Đo

Nếu màu được đo của bạn nhằm mục đích để khớp với một màu tiêu chuẩn và rất giống, bạn có thể nhập các điều chỉnh cho màu. Dữ liệu quang phổ vẫn được cung cấp, nhưng phần mềm sẽ tính toán một đường cong lý thuyết được điều chỉnh. Đường cong này chỉ nên được dùng cho các điều chỉnh nhỏ trong giá trị $L^*a^*b^*$ vì nó không chính xác bằng dữ liệu quang phổ.



1. Trong phần Giá Trị Màu, nhấp vào nút này:
2. Nhập các giá trị $L^*a^*b^*$ chỉ định.
3. Phần mềm sẽ tính toán một đường cong và hiển thị dấu kiểm màu xanh lá cây. Nếu các giá trị quá khác biệt, phương pháp tính toán sẽ không thể đưa ra một đường cong đáng tin cậy, và phần mềm sẽ hiển thị dấu chấm than màu đỏ.



Nhập Màu Pha Thủ Công

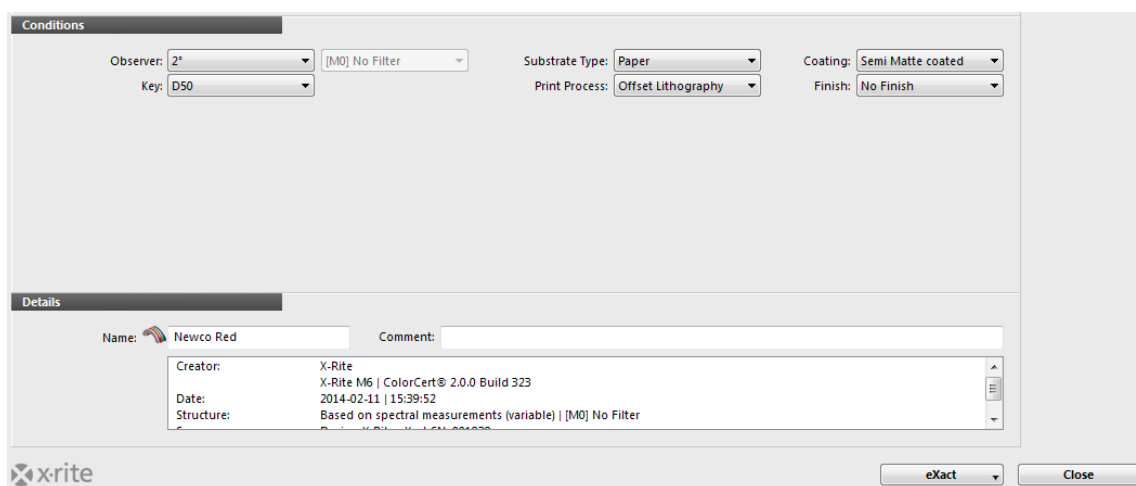
Màu cũng có thể được nhập ở dạng các giá trị $L^*a^*b^*$. Tùy chọn này không cung cấp bất kỳ lợi ích nào của dữ liệu quang phổ.

1. Đánh dấu vào ô bên cạnh Nhập Giá Trị Thủ Công.
2. Nhập các giá trị chính xác như Chủ Sở Hữu Thương Hiệu chỉ định.

Lưu Màu

Trước khi bạn lưu các Màu Pha để sử dụng trong Hồ Sơ, bạn sẽ cần phải cung cấp thêm một số thông tin.

1. Trong Điều Kiện Đo, kiểm tra Góc Vật Quan Sát và Nguồn Sáng sẽ được sử dụng trong sản xuất.
2. Tùy Chọn: Chọn Loại Vật Liệu In, Quy Trình In, Sơn và Lớp Hoàn Thiện thích hợp sẽ được sử dụng.
3. Trong mục Chi Tiết, thêm Tên Màu Pha và bất kỳ Nhận Xét nào bạn yêu cầu.
4. Dùng nút Lưu để lưu Màu Pha này vào Hồ Sơ để sử dụng trong tương lai.
5. Khi Màu Pha của bạn đã được lưu, bạn có thể tạo thêm Màu Pha nếu muốn.



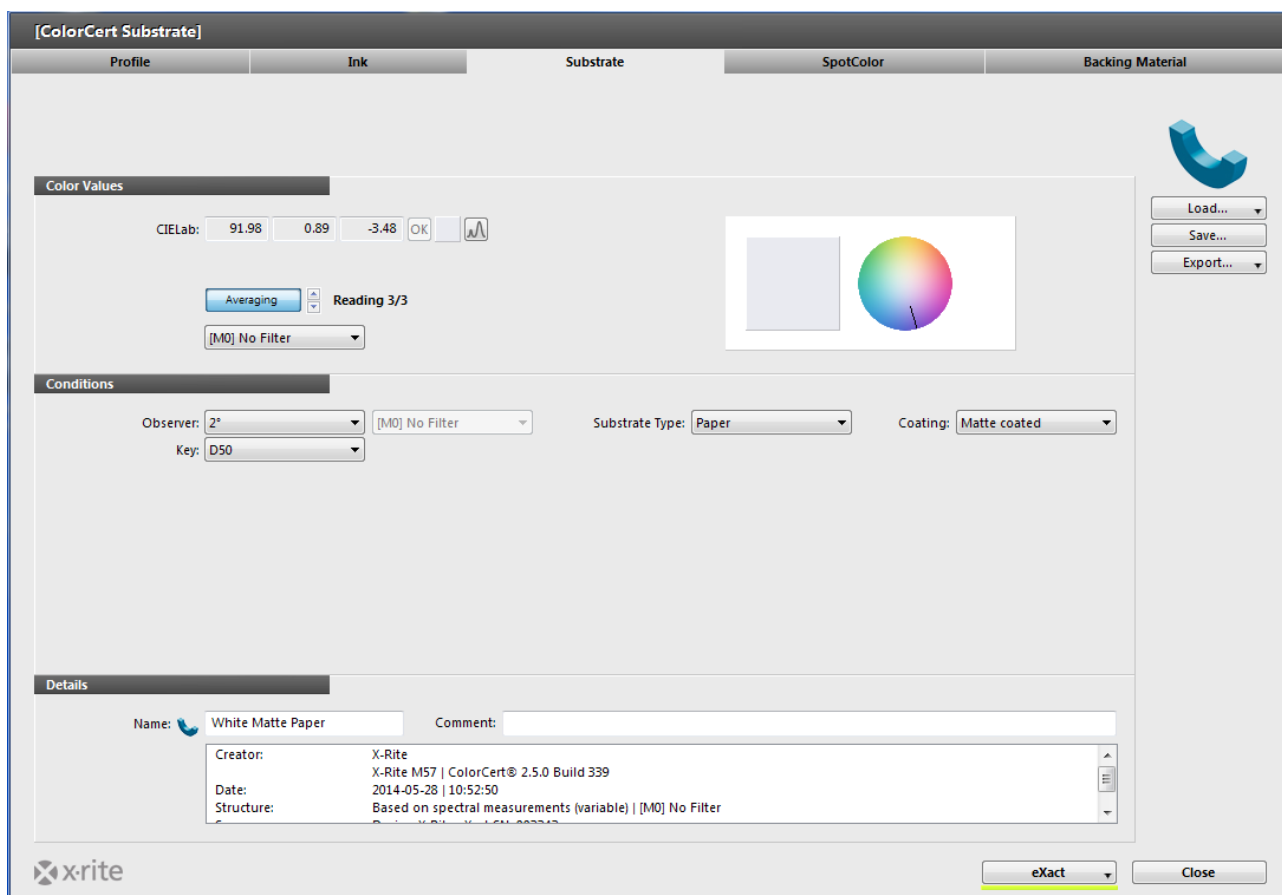
The screenshot shows the 'Conditions' and 'Details' sections of the ColorCert software interface. The 'Conditions' section includes dropdown menus for Observer (2*), Key (D50), Substrate Type (Paper), Print Process (Offset Lithography), Coating (Semi Matte coated), and Finish (No Finish). The 'Details' section includes a Name field (Newco Red), a Comment field, and a metadata table.

Field	Value
Creator:	X-Rite
	X-Rite M6 ColorCert® 2.0.0 Build 323
Date:	2014-02-11 15:39:52
Structure:	Based on spectral measurements (variable) [M0] No Filter

At the bottom of the interface, there are buttons for 'eXact' and 'Close'.

Tab Vật Liệu In

Không nên bỏ qua tầm quan trọng của Màu Vật Liệu In. Một số người nói rằng Vật Liệu In là màu thứ năm trong In Xử Lý 4 Màu, trong khi những người khác lại gọi đó là màu in đầu tiên! Màu của Vật Liệu In có tác động lên mọi màu, kể cả các vùng bao phủ 100% tông nguyên. Đa số mực không mờ hoàn toàn, nên màu giấy luôn luôn ảnh hưởng đến màu in cuối cùng. Mỗi mẫu Vật Liệu In có thể khác nhau, thực tế là trên từng mẫu có thể có biến thể đáng kể trên toàn mẫu.



Đo Vật Liệu In

1. Trong Giá Trị Màu, nếu thiết bị của bạn hỗ trợ các điều kiện đo khác nhau, bạn nên chọn điều kiện bạn đang sử dụng cho các phép đo sản xuất.
2. Mặc dù mẫu Vật Liệu In có thể nhìn đồng nhất về màu, nhưng bạn có thể đạt được kết quả tốt hơn nếu bạn dùng nút Tính Trung Bình để kích hoạt nhiều phép đo cho một giá trị trung bình, sau đó dùng các mũi tên lên và xuống để chọn số lượng phép đo để tính trung bình (khuyến nghị dùng ba phép đo).

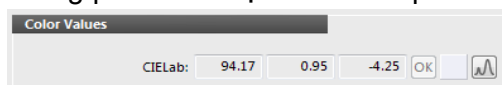
- Lấy số lượng phép đo cần thiết để tính chỉ số đọc trung bình của bạn.



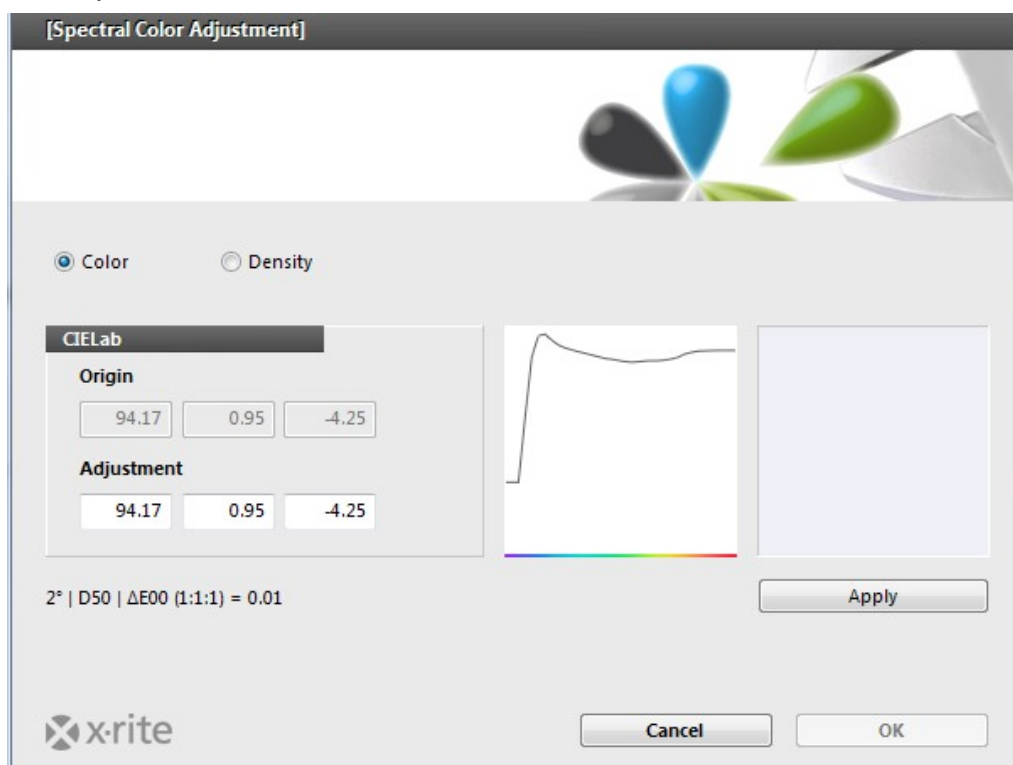
Điều Chỉnh Màu Vật Liệu In Được Đo

Nếu Vật Liệu In của bạn nhằm mục đích để khớp với một màu giấy tiêu chuẩn và rất giống, bạn có thể nhập các điều chỉnh cho màu. Dữ liệu quang phổ vẫn được cung cấp, nhưng phần mềm sẽ tính toán một đường cong lý thuyết được điều chỉnh.

- Trong phần Giá Trị Màu ở bên phải các giá trị CIE Lab, nhấp vào nút này:



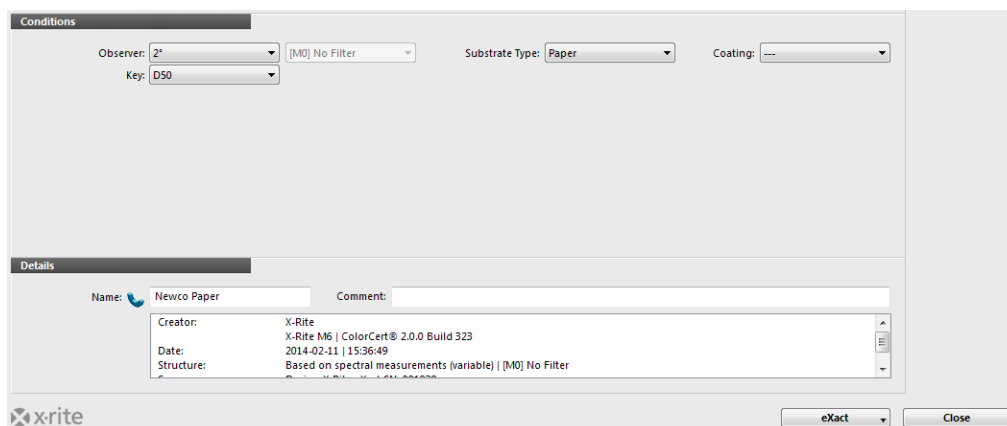
- Nhập vào các giá trị Vật Liệu In chỉ định.
- Phần mềm sẽ tính toán một đường cong và hiển thị dấu kiểm màu xanh lá cây. Nếu các giá trị quá khác biệt, phương pháp tính toán sẽ không thể đưa ra một đường cong đáng tin cậy, và phần mềm sẽ hiển thị dấu chấm than màu đỏ.



Lưu Vật Liệu In

Trước khi bạn lưu các Vật Liệu In để sử dụng trong Hồ Sơ, bạn sẽ cần phải cung cấp thêm một số thông tin.

1. Trong Điều Kiện Đo, kiểm tra Góc Vật Quan Sát và Nguồn Sáng sẽ được sử dụng trong sản xuất.
2. Tùy Chọn: Chọn Loại Vật Liệu In và Sơn thích hợp sẽ được sử dụng.
3. Trong mục Chi Tiết, bạn phải thêm Tên Vật Liệu In của bạn và bất kỳ Nhận Xét nào bạn yêu cầu.
4. Dùng nút Lưu để lưu Vật Liệu In này vào Hồ Sơ để sử dụng trong tương lai.
5. Khi Vật Liệu In của bạn đã được lưu, bạn có thể tạo thêm các Vật Liệu In nếu muốn.

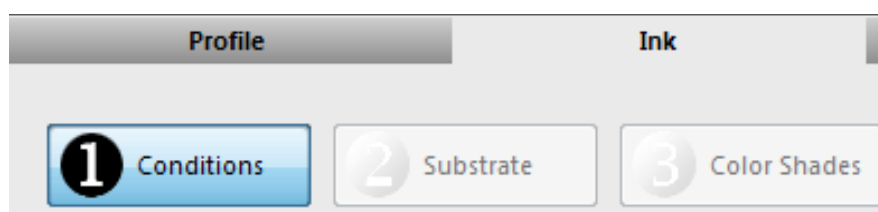


The screenshot shows the 'Conditions' and 'Details' sections of the software interface. In the 'Conditions' section, there are dropdown menus for 'Observer' (set to 2°), 'Key' (set to D50), 'Substrate Type' (set to Paper), and 'Coating' (set to ---). The 'Details' section includes a 'Name' field (set to Newco Paper), a 'Comment' field, and a 'Creator' field (set to X-Rite). Below these fields, there is a list of metadata including 'Date' (2014-02-11 15:36:49) and 'Structure' (Based on spectral measurements (variable) | [M0] No Filter). At the bottom right, there are buttons for 'eXact' and 'Close'.

Tab Mục

Mục ColorCert bao gồm các giá trị màu sắc và có thể hoặc không thể được bao gồm trong các bản tạo màu xử lý trong Công Việc. Điều này khác với Màu Pha ColorCert mà chỉ đại diện cho một giá trị màu. Do đó, bạn sẽ cần phải cung cấp thêm thông tin cho một loại mục. Các loại mục bao gồm màu tổng nguyên và giá trị phần trăm màu sắc. Các màu này có thể là Màu Xử Lý lục lam, đỏ tươi, vàng và đen. Nếu bạn cũng muốn kiểm tra màu của Màu Pha, bạn nên tạo nó dưới dạng Mục ColorCert thay vì Màu Pha ColorCert. Giả định rằng bạn đã hiệu chuẩn bản in của mình, và bạn có mẫu in tốt để đo cho mỗi giá trị màu 25%, 50% và 75% của từng màu.

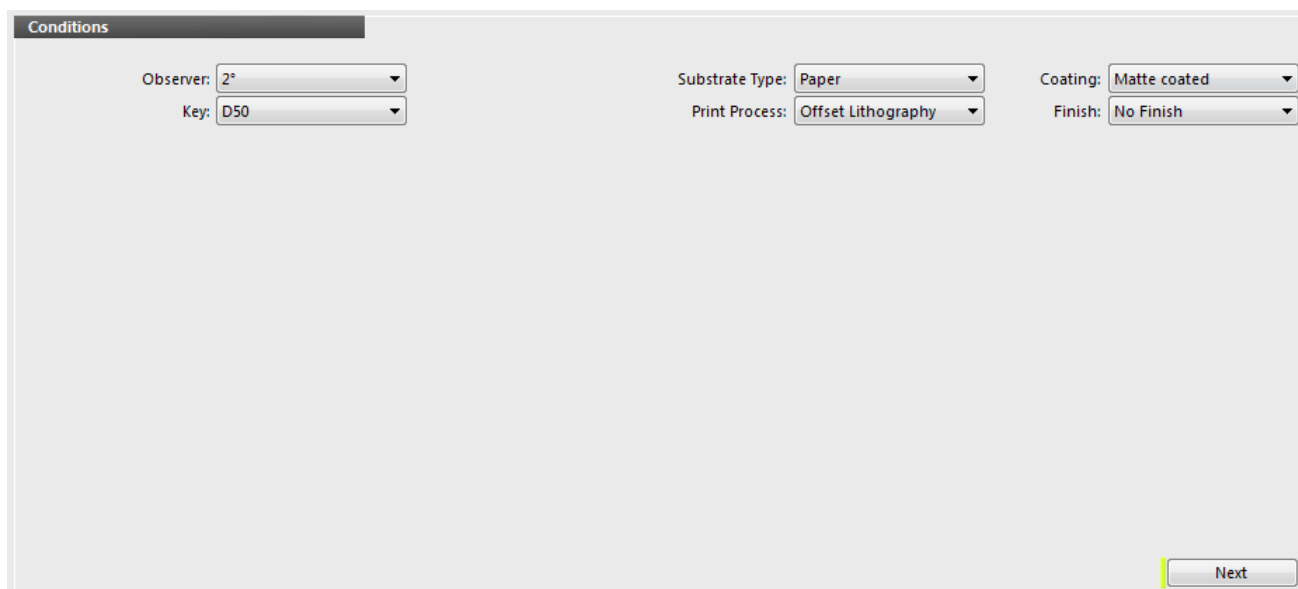
Mục được tạo trong ba bước: Xác định điều kiện, chọn Vật Liệu In, và sau đó cung cấp sắc thái màu. Các bước này được tượng trưng bởi các nút gần phía trên cùng của cửa sổ mục.



Bước 1: Các Điều Kiện

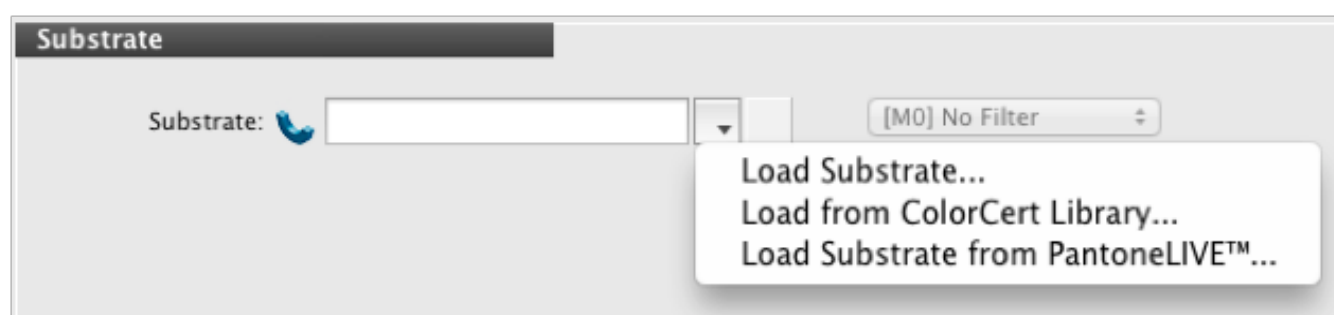
Trong bước đầu tiên, bạn sẽ cần phải cung cấp một số thông tin về loại mực của mình.

1. Trong Điều Kiện Đo, kiểm tra Góc Vật Quan Sát và Nguồn Sáng sẽ được sử dụng trong sản xuất.
2. Tùy Chọn: Chọn Loại Vật Liệu In, Quy Trình In, Sơn và Lớp Hoàn Thiện thích hợp sẽ được sử dụng.
3. Nhấp vào Tiếp Theo để sang bước tiếp theo.



Bước 2: Vật Liệu In

1. Nhấp vào nút mũi tên xuống ở bên phải trường tên Vật Liệu In.
 - Nếu bạn muốn Tải Vật Liệu In từ một tiêu chuẩn bạn đã tạo, phần mềm sẽ đưa bạn đến vị trí mặc định lưu các tập tin Vật Liệu In của bạn. Chọn Vật Liệu In của bạn và nhấp vào Mở.
 - Nếu bạn muốn Tải từ Thư Viện ColorCert, xem hướng dẫn "Tải Vật Liệu In từ Thư Viện Cục Bộ" trong phần "Tab Vật Liệu In".
 - Nếu bạn muốn Tải Vật Liệu In từ PantoneLIVE, xem hướng dẫn "Tải Vật Liệu In từ Cơ Sở Dữ Liệu Đám Mây PantoneLIVE" trong phần "Tab Vật Liệu In".



2. Sau khi bạn chọn Màu Vật Liệu In của mình, phần mềm sẽ tự động tiến đến phần tiếp theo.

Bước 3: Sắc Thái Màu

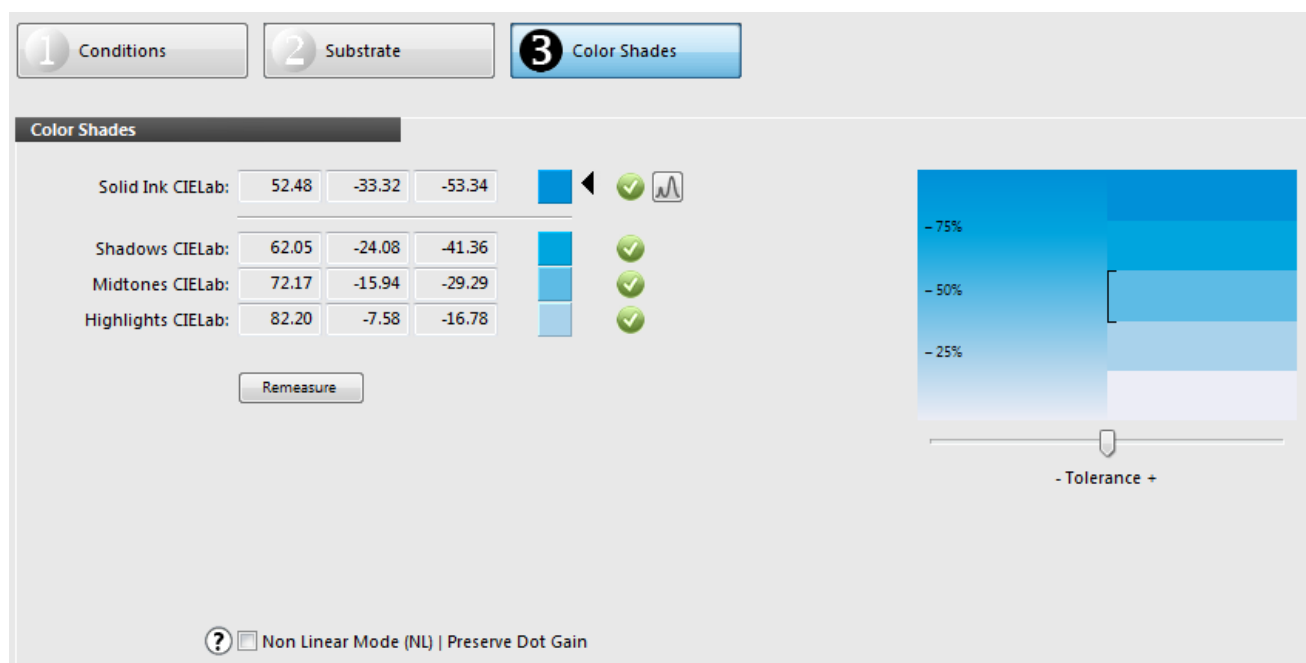
Các loại mực bao gồm màu tông nguyên và giá trị phần trăm màu sắc. Có hai cách khác nhau để lưu giữ Sắc Thái Màu cho một loại Mực.

Chế Độ Đường Cong Bản

Chế Độ Tuyến Tính:

Quy trình này giả định rằng bạn không có đường cong bản cho Màu Pha của mình và bạn muốn lưu giữ trạng thái của các sắc thái màu từ tầng thứ đầy đủ sang vật liệu in. Đến cuối quy trình bạn sẽ lưu giữ được các màu 75%, 50% và 25% cách xa tương đồng trực quan lý tưởng dưới dạng dữ liệu quang phổ. Các màu này có thể được lưu giữ từ bản hạ màu với họa tiết hoặc thanh màu có một số vùng màn hình. Khi bạn tiến hành các phép đo mẫu, phần mềm sẽ cảnh báo bạn nếu giá trị phần trăm màu quá cao hoặc quá thấp và sẽ không tiếp tục trừ khi bạn đo một giá trị giúp nội suy sắc thái yêu cầu chính xác.

1. Đo Tông Nguyên.
2. Đối với các Vùng Tối, đo một Màu gần với sắc thái 75% trực quan. Khi đo, bạn sẽ thấy một mũi tên màu chỉ lên hoặc xuống để biểu thị rằng sắc thái 75% chính xác trực quan tối hơn hay sáng hơn.
3. Đo mức độ sắc màu cao hơn hoặc thấp hơn như đã nêu để cho phép Phần Mềm nội suy sắc thái chính xác.
4. Lặp lại điều này với các Vùng Sáng Trung Bình và Vùng Sáng.
5. Trong mục Chi Tiết, thêm Tên Mực của bạn và bất kỳ Nhận Xét nào bạn yêu cầu.
6. Nhấp vào Lưu. Điều này sẽ nhắc bạn cùng với tên của tập tin và vị trí lưu mặc định. Nhấp lại vào Lưu.



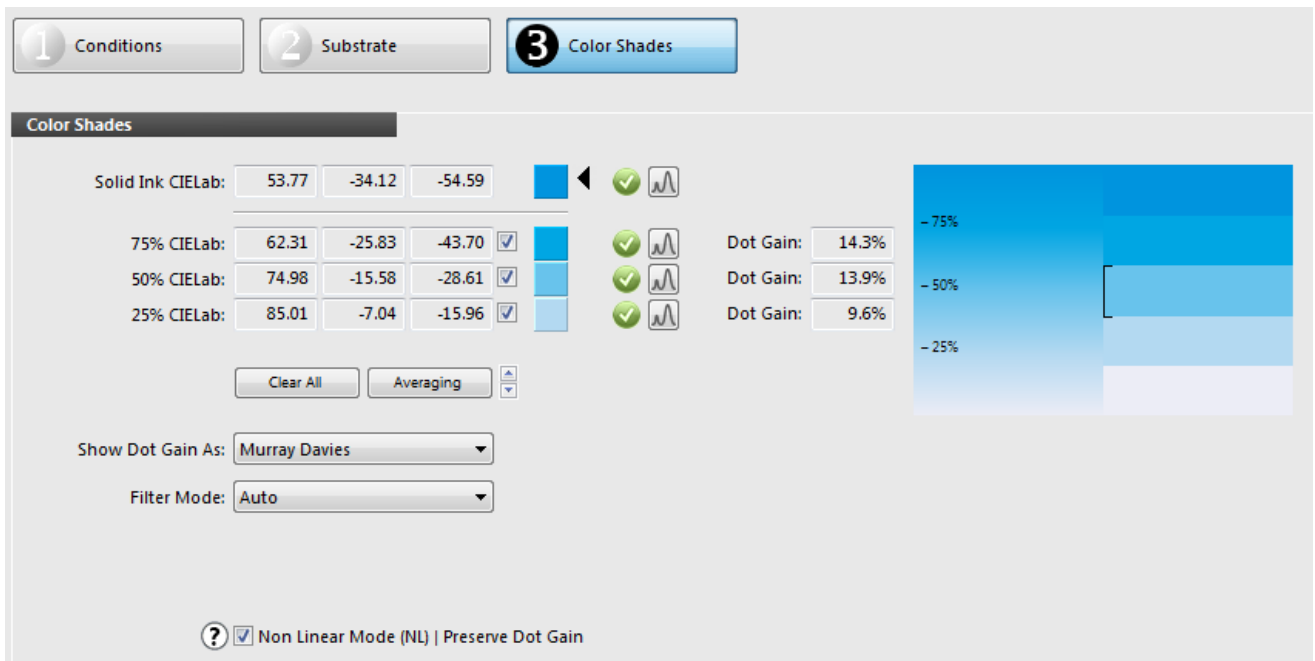
The screenshot shows the 'Color Shades' configuration window. It features three tabs: 'Conditions', 'Substrate', and 'Color Shades' (which is active). Below the tabs, there is a table of CIE Lab values for different color ranges. To the right of the table is a color calibration chart with three horizontal bars representing 75%, 50%, and 25% color levels. Below the chart is a 'Tolerance' slider. At the bottom, there is a checkbox for 'Non Linear Mode (NL) | Preserve Dot Gain'.

Color Range	L1	L2	L3
Solid Ink CIELab:	52.48	-33.32	-53.34
Shadows CIELab:	62.05	-24.08	-41.36
Midtones CIELab:	72.17	-15.94	-29.29
Highlights CIELab:	82.20	-7.58	-16.78

Chế Độ Phi Tuyến Tính | Duy Trì Tầng Tầng Thứ:

Quy trình này cho phép bạn lưu giữ một tầng tầng thứ cụ thể mà bạn muốn tạo lại trên máy in. Tầng tầng thứ này nên được lưu giữ từ một bản mẫu vân tay hoặc in được chấp thuận có giá trị màn hình 75%, 50%, 25%.

1. Đánh dấu vào ô Chế Độ Phi Tuyến Tính (NL). Điều này sẽ duy trì các giá trị tầng tầng thứ của các vùng và sử dụng chúng là các giá trị mục tiêu.
2. Nếu bạn muốn tính trung bình các phép đo từ nhiều trang in, nhấp vào nút Tính Trung Bình, và chọn số lượng chỉ số bạn muốn tính trung bình.
3. Đo Tông Nguyên và Màu theo thứ tự chúng xuất hiện trên màn hình. Nếu bạn đang tính trung bình, bạn sẽ được nhắc lấy số lượng chỉ số được chọn.
4. Các giá trị tầng tầng thứ in được đo của bạn sẽ được hiển thị ở bên trái phần xem trước màu. Việc này sử dụng phương pháp tính tầng tầng thứ được liệt kê dưới mục Hiển Thị Tầng Tầng Thứ Dưới Dạng. Bạn có ba lựa chọn:
 - Murray Davies: Tầng Tầng Thứ dựa trên mật độ, thường được sử dụng cho CMYK và các giá trị tầng tầng thứ mục tiêu được xác định trước như ISO hoặc G7. Không được đề xuất cho Màu Pha.
 - Đo Màu Tương Đối: Tầng Tầng Thứ dựa trên dữ liệu quang phổ có mục tiêu để sở hữu các sắc thái màu sắc trực quan theo bậc bằng nhau.
 - Đo Màu Tương Đối ColorCert: dựa trên Đo Màu Tương Đối nhưng bằng tính toán được cải thiện hơn. Nếu bạn có 0,0% Tầng Tầng Thứ hiển thị dưới dạng Đo Màu Tương Đối ColorCert bạn có kết quả tương đồng với Chế Độ tuyến tính và các sắc thái màu sắc trực quan theo bậc lý tưởng.
5. Trong mục Chi Tiết, thêm Tên Mục của bạn và bất kỳ Nhận Xét nào bạn yêu cầu.
6. Nhấp vào Lưu.



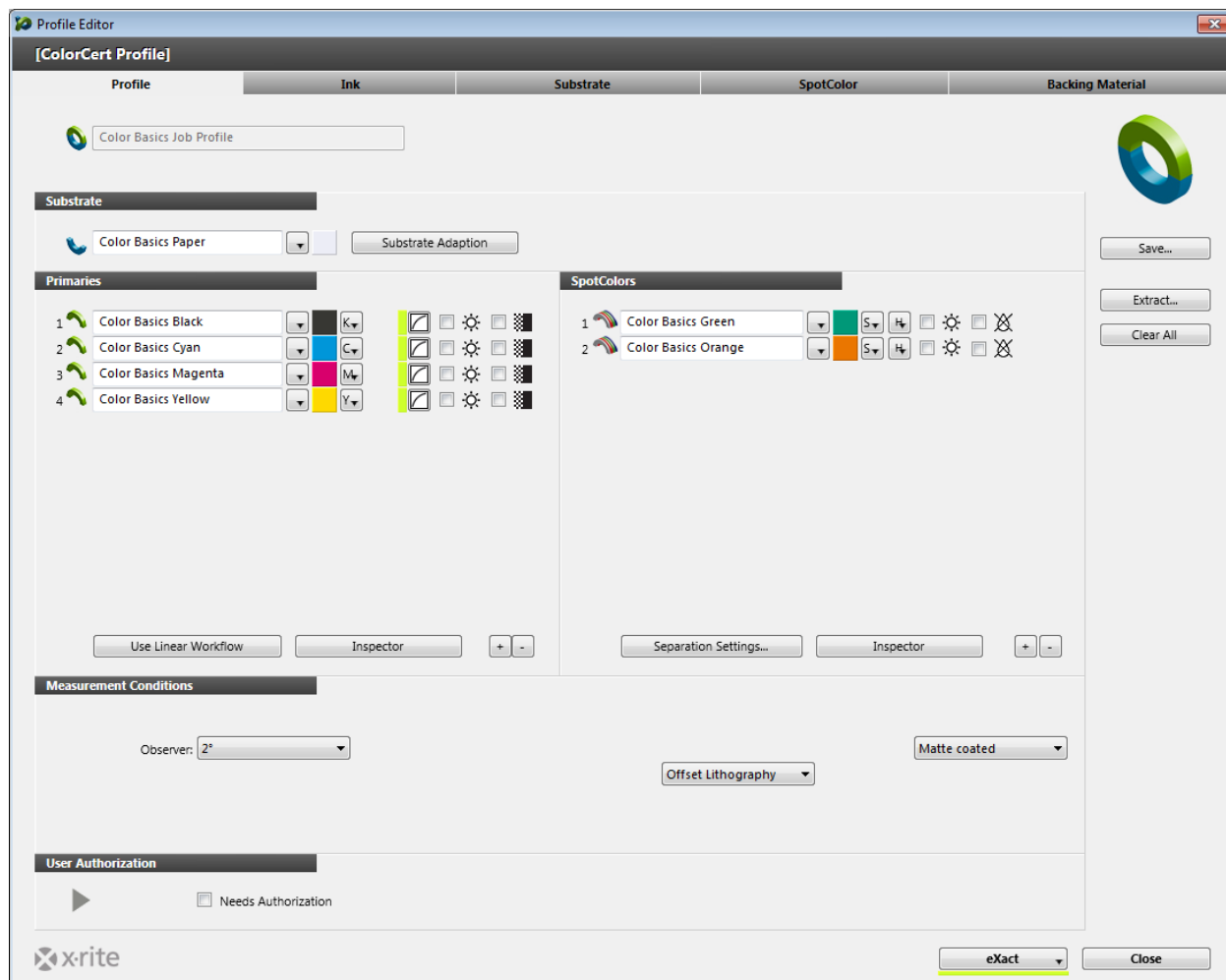
The screenshot shows the 'Color Shades' configuration window. At the top, there are three tabs: '1 Conditions', '2 Substrate', and '3 Color Shades' (which is selected). Below the tabs, the 'Color Shades' section is active. It displays the following data:

Shade	L*	a*	b*	Dot Gain
Solid Ink CIE Lab	53.77	-34.12	-54.59	-
75% CIE Lab	62.31	-25.83	-43.70	14.3%
50% CIE Lab	74.98	-15.58	-28.61	13.9%
25% CIE Lab	85.01	-7.04	-15.96	9.6%

Additional controls include 'Clear All', 'Averaging', 'Show Dot Gain As: Murray Davies', and 'Filter Mode: Auto'. At the bottom, there is a checkbox for 'Non Linear Mode (NL) | Preserve Dot Gain' which is checked.

Tạo Hồ Sơ

Để tạo Hồ Sơ của bạn, chọn tab Hồ Sơ. Hồ Sơ có thể tạo trực tiếp từ dữ liệu trong các bảng màu trong đám mây PantoneLIVE, hoặc từ các tiêu chuẩn bạn tạo cục bộ, như mô tả trong phần “Tạo Tiêu Chuẩn” trước đó. Như bạn có thể thấy ở màn hình bên dưới, Hồ Sơ được tạo từ các tiêu chuẩn cho Vật Liệu In, Màu Chính và Màu Pha, cũng như các điều kiện đo và in.



Vật Liệu In

Khi bạn nhấp vào nút bên cạnh trường tên Vật Liệu In, bạn sẽ có ba tùy chọn:

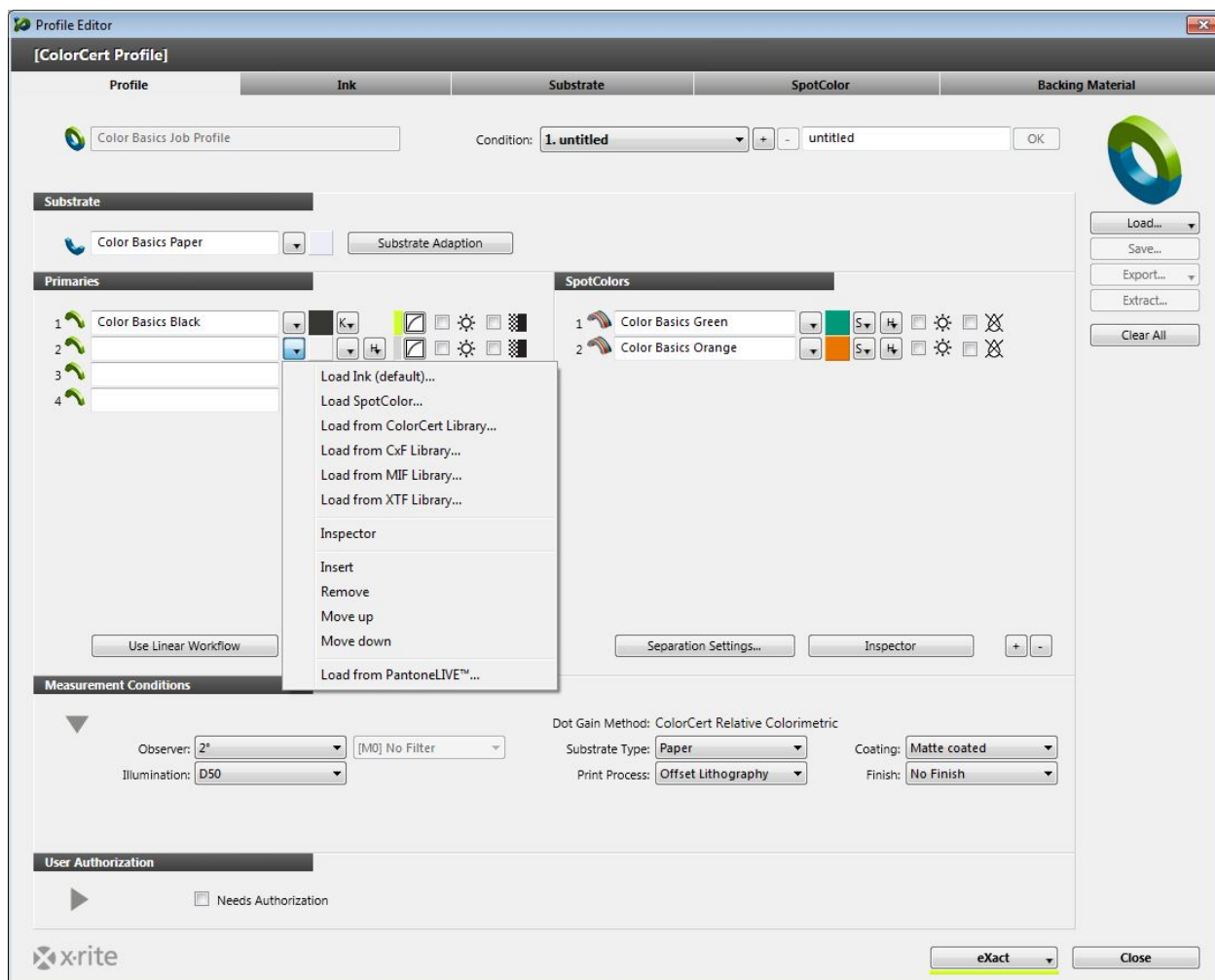
1. Chọn Màu Vật Liệu In mà bạn đã tạo và lưu trong ColorCert.
2. Chọn thư viện ColorCert có Màu Vật Liệu In, và điều hướng đến tập tin thư viện.
3. Chọn bảng màu PantoneLIVE để truy xuất Màu Vật Liệu In.

Các cách khác được mô tả trong phần Tải Các Tập Tin vào ColorCert.

Màu Chính

Màu Chính là các màu trong sản xuất của bạn sẽ được in bằng màu. Chúng có thể được dùng trong Màu Xử Lý, Màu Tổng Nguyên, hoặc đơn giản là Sắc Màu Đơn và Gradient. Bạn có thể tải các màu từ nhiều nguồn.

- Để đặt số lượng màu chính, nhấp vào nút + gần danh sách Màu Chính trống. Mỗi lần nhấp sẽ thêm một trường để thêm một loại mực chính trong Công Việc này.
- Để gỡ bỏ một màu khỏi danh sách, sử dụng nút –.
- Đối với mỗi Màu Chính trong danh sách, nhấp vào nút ở bên phải trường tên Màu Chính để xem danh sách các tùy chọn tải Mực Chính.



Tải Màu Pha và Mực

Các cách khác để tải các tập tin màu được mô tả trong phần Tải Các Tập Tin vào ColorCert.

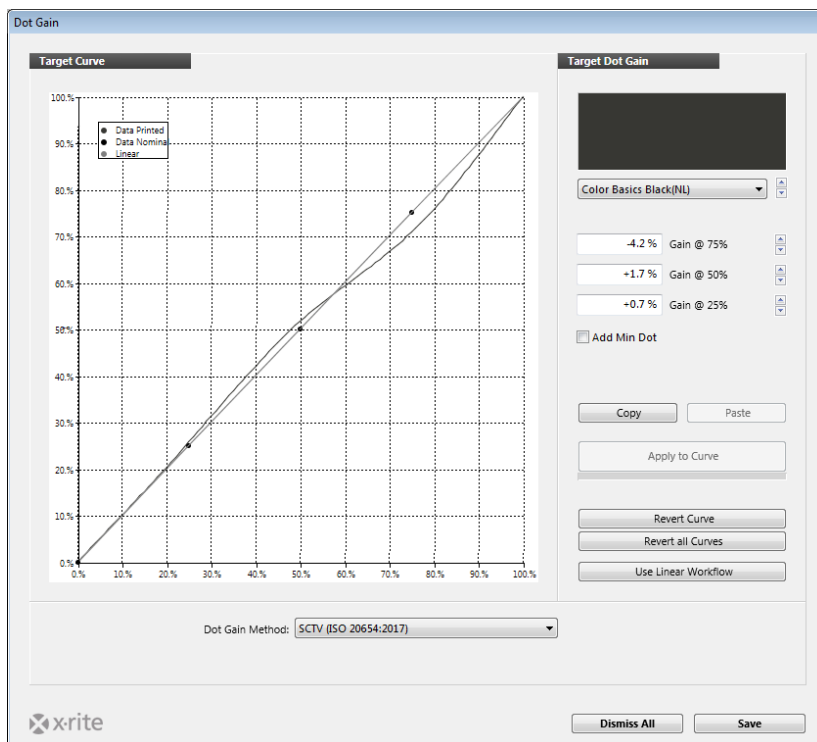
Cài Đặt Màu Chính Khác

Dung sai cho các màu chính Đen, Lục Lam, Đỏ Tươi và Vàng được xác định trong các quy tắc ColorCert. Các màu chính khác (hoặc các màu CMYK trong các công việc được tạo bằng ColorCert trước phiên bản 3.0) sẽ có dung sai được xác định theo mức độ ưu tiên của chúng. Bên cạnh các màu mực là danh sách thả xuống cho Ưu tiên (H, M hoặc L). Cài đặt này liên kết các màu này với dung sai quy định trong Quy Tắc được xác định là mức độ quan trọng cao, trung bình hoặc thấp.

- Đối với các màu quan trọng phải có mức độ quan trọng cao nhất, bạn sẽ chỉ định mức độ ưu tiên cao (H). Các màu quan trọng có số dung sai ΔE thấp hơn trong Quy Tắc của bạn. Màu sắc có mức độ quan trọng trung bình (M) sẽ có số ΔE cao hơn. Các màu ưu tiên thấp nhất (L) sẽ nhận được số ΔE cao nhất.
- Trong một số trường hợp, những con số này có thể bắt nguồn từ một tiêu chuẩn in, nhưng ở những lần khác, con số này là giá trị được thương lượng giữa Nhà Cung Cấp Dịch Vụ In và Chủ Sở Hữu Thương Hiệu.
- Bạn sẽ muốn ghi chú các giá trị dung sai được chỉ định cho L, M và H để sử dụng trong các Hồ Sơ của bạn mà sẽ được sử dụng với bộ Quy Tắc này.

Bên cạnh Ưu Tiên, bạn có thể sửa đổi các đường cong Tăng Tầng Thứ. Bạn cũng có thể thay đổi Phương Pháp Tăng Tầng Thứ tại đây.

- Murray Davies: Tăng Tầng Thứ dựa trên mật độ, thường được sử dụng cho CMYK và các giá trị tăng tầng thứ mục tiêu được xác định trước như ISO hoặc G7. Không được đề xuất cho Màu Pha.
- Đo Màu Tương Đối: Tăng Tầng Thứ dựa trên dữ liệu quang phổ có mục tiêu để sở hữu các sắc thái màu sắc trực quan theo bậc bằng nhau.
- Đo Màu Tương Đối ColorCert: dựa trên Đo Màu Tương Đối nhưng bằng tính toán được cải thiện hơn. Nếu bạn có 0,0% Tăng Tầng Thứ hiển thị dưới dạng Đo Màu Tương Đối ColorCert, bạn nhắm mục tiêu để có các sắc thái màu sắc trực quan theo bậc lý tưởng.
- SCTV (ISO 20654:2017): Tiêu chuẩn ISO được xác định cho phép đo màu Màu Pha. Đây là phương pháp được ưa chuộng dành cho các màu không CMYK.



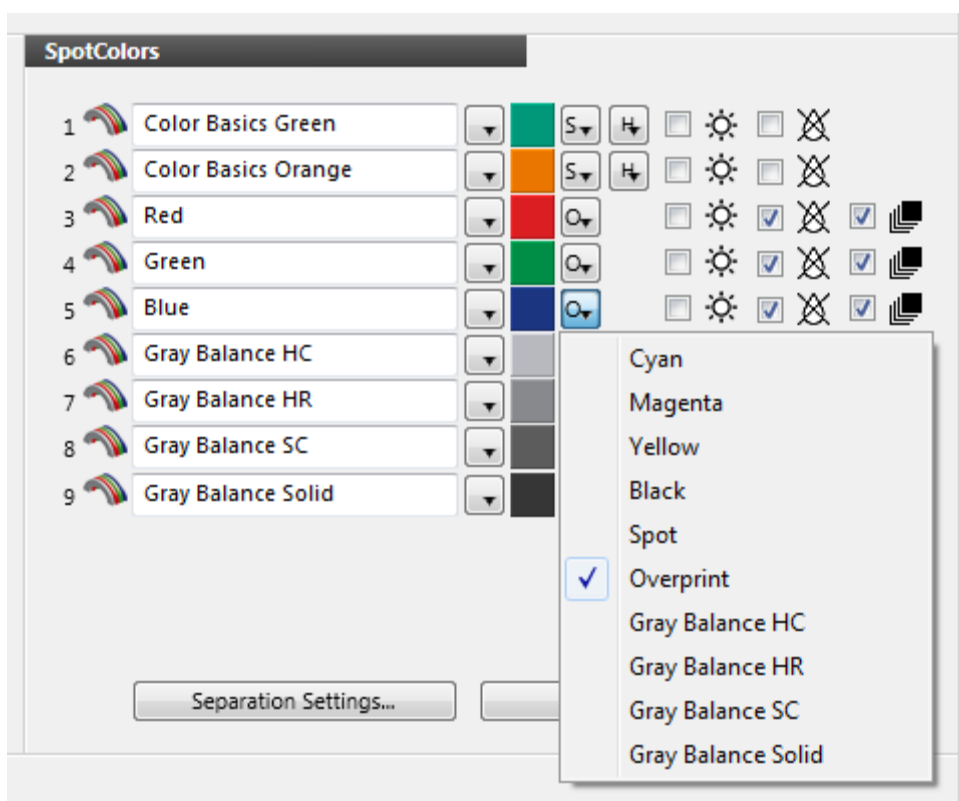
Các biểu tượng khác đề cập đến điều kiện ánh sáng phụ [2LC], Hỗ Trợ Bản Kết Hợp[M] và Mực Kim Loại. Các biểu tượng này sẽ được thảo luận trong Phần Quy Tắc.

Màu Pha

Màu Pha có thể được thêm chính xác khi bạn thêm Vật Liều In và Mực: sử dụng nút + để thêm trường và nút - để xóa trường. Sự khác biệt là những màu này sẽ không bao gồm một loạt các màu và một tông nguyên. Những màu này chỉ có thể có một giá trị. Bất kỳ màu nào được tải có các màu sắc và tông nguyên sẽ chỉ được sử dụng làm một tông nguyên.

ColorCert 3.0 thêm nhiều tùy chọn để xác định các Màu Pha:

- Là một Màu Pha thực sự, một màu đặc biệt được in trên máy in với công thức mực độc đáo.
- Màu Pha là một bản tạo của hai hoặc nhiều màu xử lý.
- Là một vùng chồng màu (Đỏ Tươi/Lục Lam, Vàng/Lục Lam hoặc Vàng/Đỏ Tươi)
- Vùng cân bằng xám
- Lục Lam, Đỏ Tươi, Vàng và Đen cũng có thể được định nghĩa là Màu Pha. Trong trường hợp này, chỉ có tông nguyên (chứ không phải giá trị màu) sẽ được đo và đánh giá.



Điều Kiện Đo

1. Trong Điều Kiện Đo, chọn Góc Vật Quan Sát và Vật Quan Sát Nguồn Sáng sẽ được sử dụng trong sản xuất.
2. Chọn loại Vật Liệu In, Quy Trình In, Sơn và Lớp Hoàn Thiện thích hợp sẽ được sử dụng. Các cài đặt này sẽ được sử dụng trong các báo cáo và Phiếu Ghi Điểm và chúng sẽ giúp ích khi thiết lập Quy Tắc.
3. Dùng nút Lưu để lưu Hồ Sơ này vào các Công Việc để sử dụng trong tương lai.

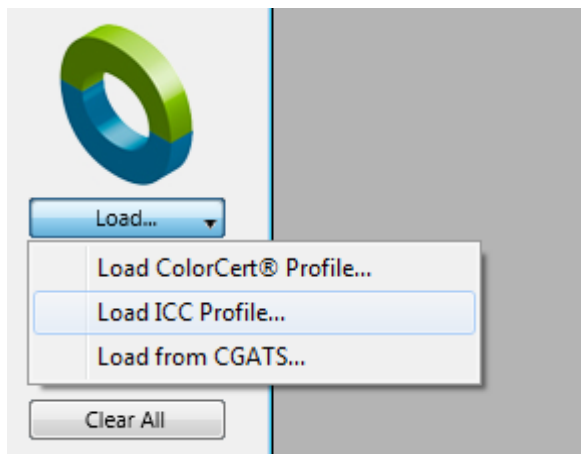
Bạn cũng có thể tải Hồ Sơ hiện có bằng nút Tải để chỉnh sửa và lưu các hồ sơ này bằng tên mới khi cần, chẳng hạn như thêm Màu Pha hoặc màu chính. Khi Hồ Sơ của bạn đã hoàn tất, hãy nhấp vào Đóng.

Đang tải một hồ sơ từ ICC hoặc CGATS

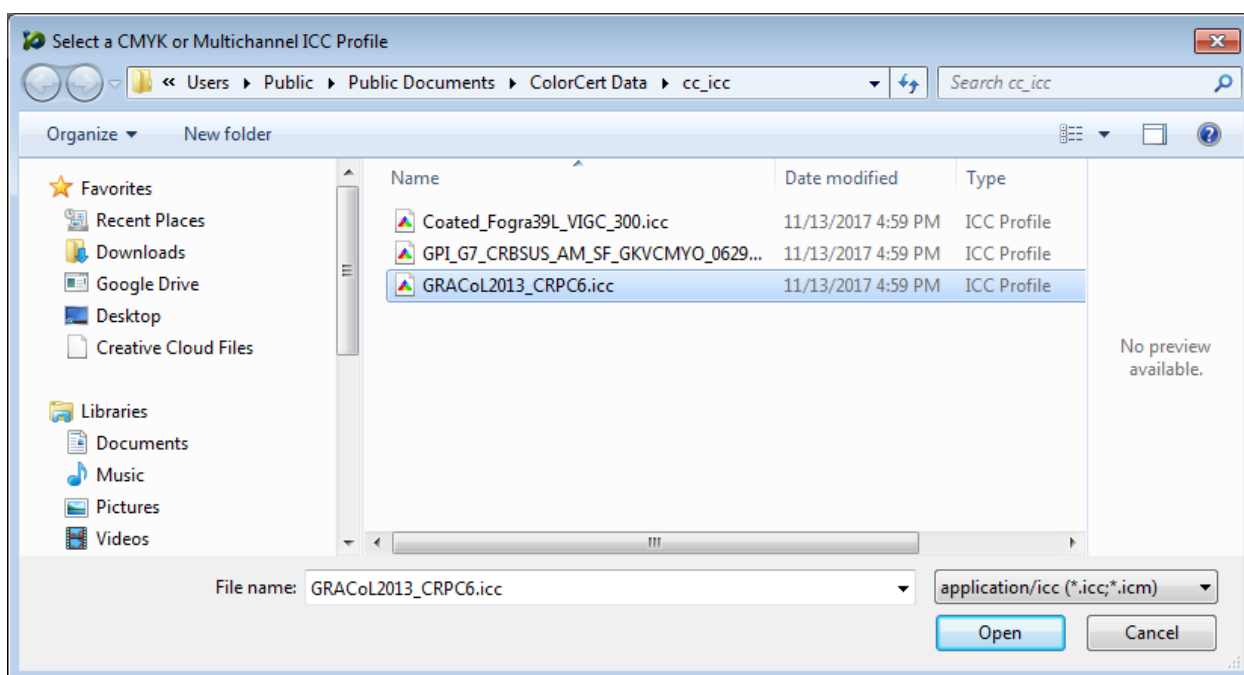
Thay vì tạo hồ sơ từ điểm xuất phát, bạn có thể sử dụng Hồ Sơ ICC hoặc các tập tin IT8/CGATS làm cơ sở cho Hồ Sơ của mình.

Đang tải Hồ Sơ ICC hoặc tập tin Tiêu Chuẩn IT8/CGATS:

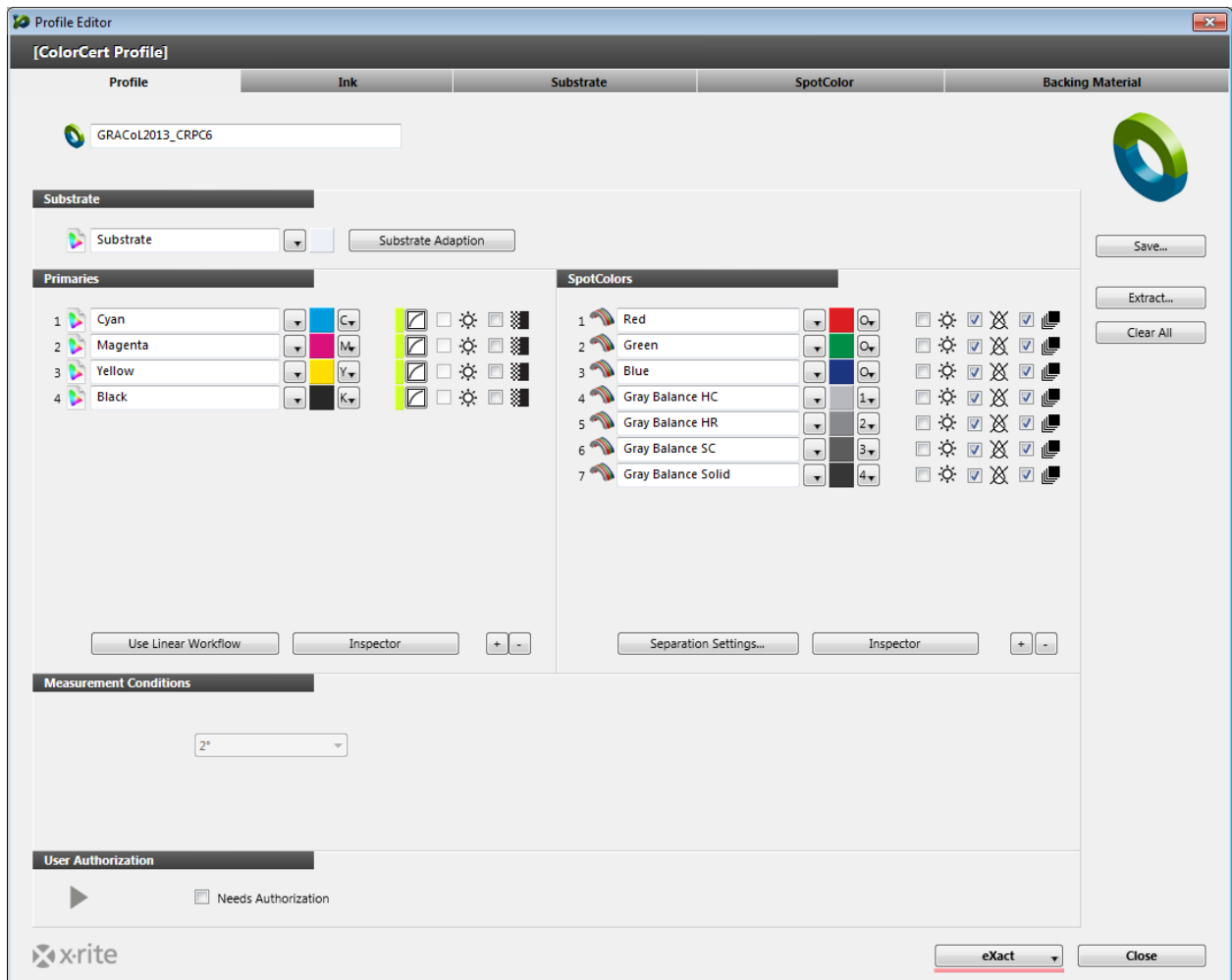
1. Sau khi mở Trình Chỉnh Sửa Hồ Sơ, nhấp vào Tải và chọn Tải Hồ Sơ ICC.



2. Trình duyệt đến thư mục chứa Hồ Sơ ICC của bạn, chọn hồ sơ và nhấp vào Mở.

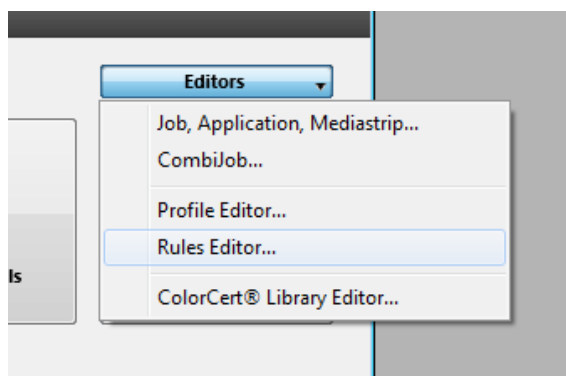


- Trình Chỉnh Sửa Hồ Sơ ColorCert tự động nạp dữ liệu hồ sơ đã chọn. Ảnh chụp màn hình bên dưới hiển thị các đường cong tăng tầng thứ cho các màu chính được tải cũng như các vùng cân bằng xám và chồng màu bên cạnh các tông nguyên màu chính Lục Lam, Đỏ Tươi, Vàng và Đen. Các vùng cân bằng xám hoặc chồng màu không cần thiết có thể dễ dàng bị xóa. Chức năng này đã được thêm vào như một phần của các cải tiến G7 của chúng tôi cho phiên bản 3.0.



Tạo Quy Tắc

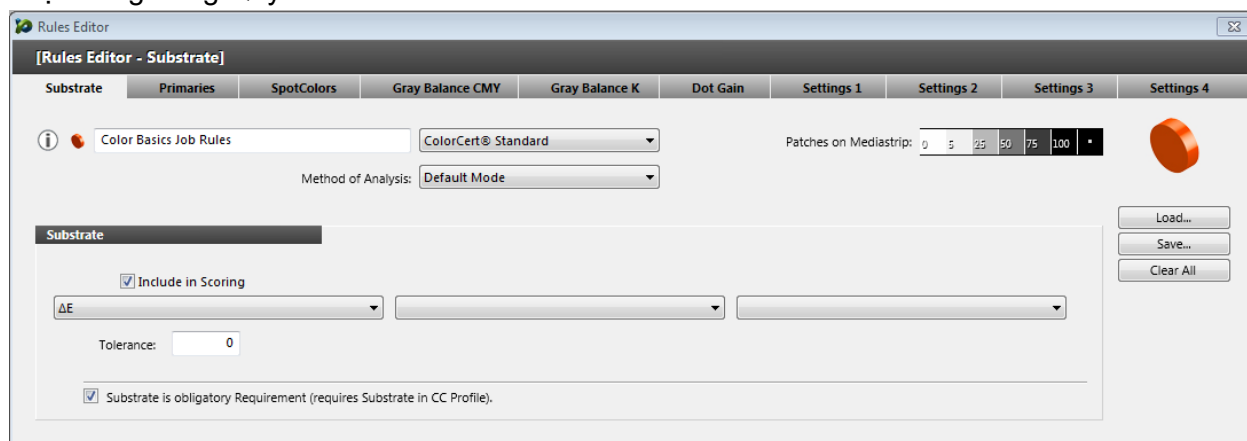
Quy tắc xác định dung sai cho sản xuất. Trong phần này chúng ta sẽ xem xét cách tạo một bộ Quy Tắc. Khởi chạy Trình Chỉnh Sửa Quy Tắc từ menu Trình Chỉnh Sửa. Hãy nhìn vào những gì thấy được đằng sau mỗi tab.



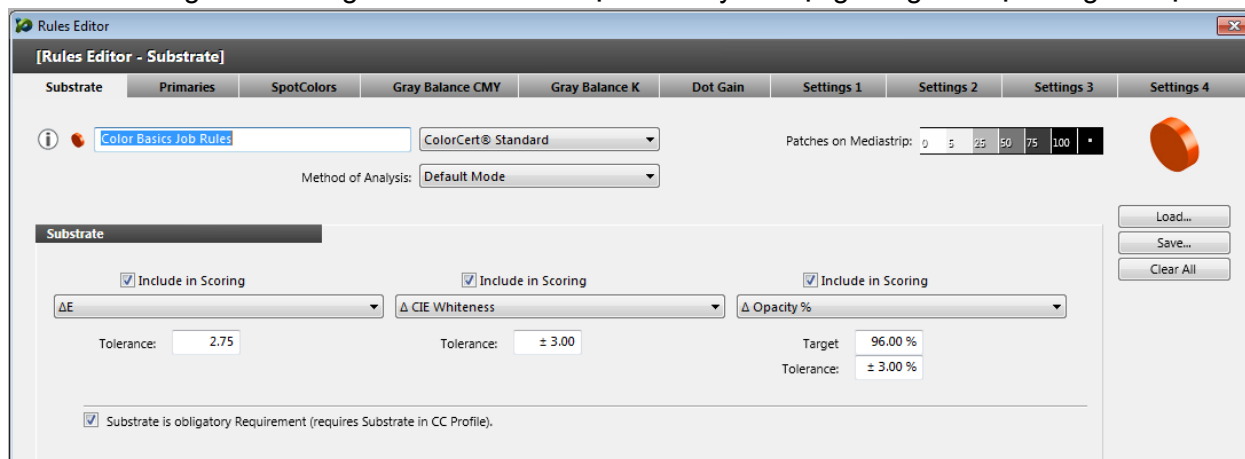
Tab Vật Liệu In

Tab Vật Liệu In được chọn theo mặc định.

1. Nhập một tên có ý nghĩa để những người vận hành có thể nhận ra mục đích của bộ Quy Tắc này.
2. Ở góc trên bên phải, Các Vùng trên Dải Phương Tiện sẽ hiển thị bản xem trước của các vùng sẽ được tạo cho Công Việc bằng cách sử dụng bộ Quy Tắc này. Điều này sẽ thay đổi linh hoạt khi bạn chọn tùy chọn vùng trong Quy Tắc.

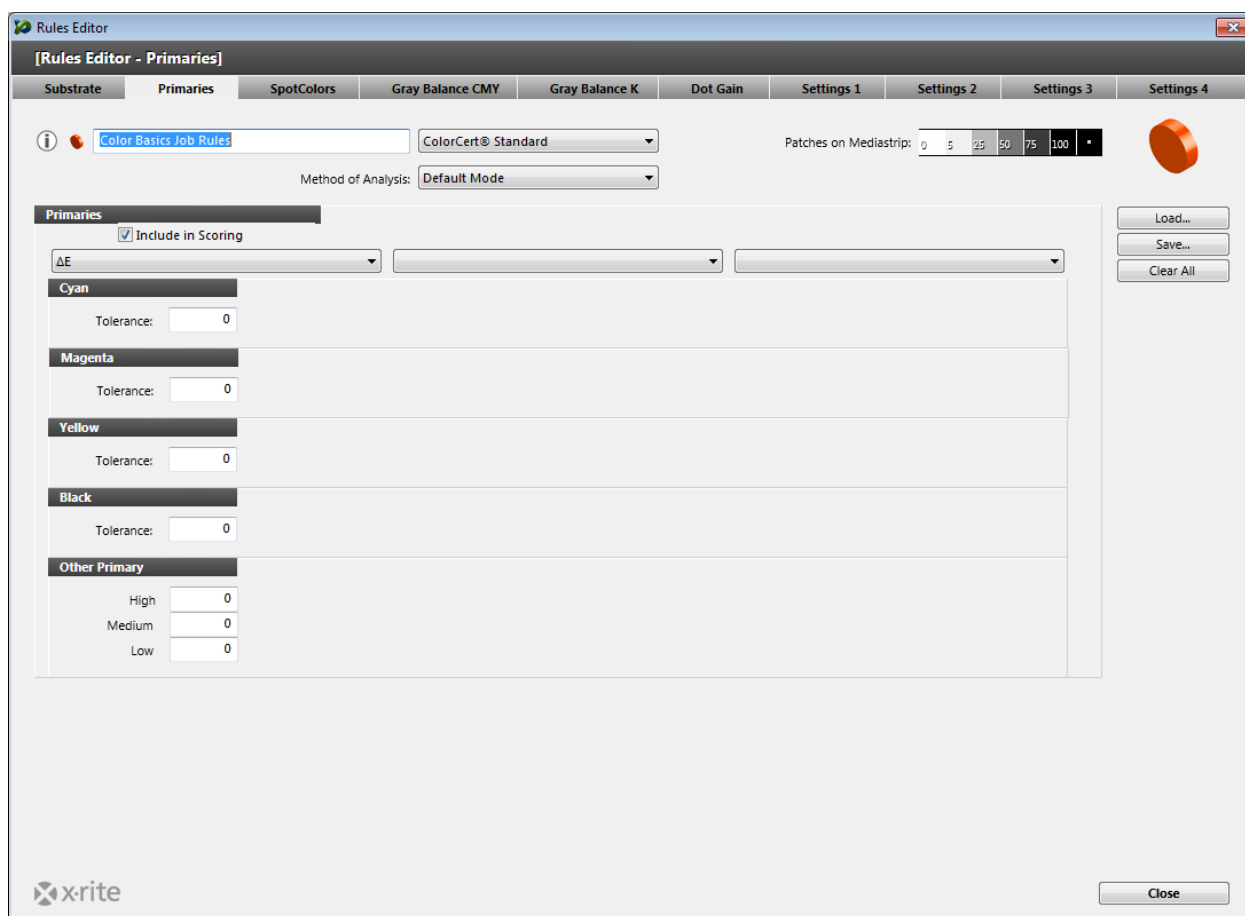


3. Bắt buộc có một vật liệu in cho bất kỳ công việc nào chứa các phép đo giá trị màu hoặc để sử dụng chức năng Trùng Khớp Nhất. Bỏ chọn Vật Liệu In là yêu cầu bắt buộc nếu bạn không muốn đo vật liệu in. Bỏ chọn Bao Gồm trong Tính Điểm nếu bạn muốn bao gồm phép đo vật liệu in để phân tích, nhưng không tính điểm vật liệu in trong điểm số ColorCert.
4. Bạn có thể xác định tối đa ba dung sai khác nhau cho vật liệu in. Dung sai mặc định trong phần đầu tiên của ba phần là ΔE . Chọn loại dung sai bạn mong muốn từ danh sách thả xuống. Tiếp theo, hãy nhập một giới hạn trong trường Dung Sai. Ví dụ dưới đây sử dụng giá trị dung sai bằng 2,75.
5. Thêm dung sai bổ sung khi cần thiết. Ví dụ dưới đây sử dụng dung sai Độ Trắng và Độ Mờ bổ sung.



Tab Các Màu Chính

1. Chọn Tab Các Màu Chính để xác định dung sai cho màu chính của bạn, v.v.



2. Màu Chính là các màu trong sản xuất của bạn được in bằng màu. Lục Lam, Đỏ Tươi, Vàng và Đen là những màu chính đặc biệt và mỗi màu có thể được chỉ định dung sai riêng.
3. Các màu chính khác có thể là Các Màu Pha được in ở dạng tông nguyên và màu hoặc Cam, Xanh Lá Cây và Tím được sử dụng trong quy trình công việc ECG. Bạn có thể tìm thấy thông tin liên quan trong phần Tăng Tầng Thứ. Bạn có thể chỉ định ba mức dung sai khác nhau (mức độ quan trọng cao, trung bình hoặc thấp) cho các màu chính đó. Những mức độ quan trọng này có thể được chỉ định cho từng màu trong hồ sơ của bạn.
 - Đối với các màu quan trọng phải có mức độ quan trọng cao nhất, bạn sẽ chỉ định số dung sai ΔE thấp hơn. Màu sắc có mức độ quan trọng trung bình sẽ có số cao hơn. Các Màu Ưu Tiên thấp nhất sẽ nhận được số ΔE cao nhất.
 - Trong một số trường hợp, những con số này có thể bắt nguồn từ một tiêu chuẩn in, trong những trường hợp khác, con số này là giá trị được thương lượng giữa Nhà Cung Cấp Dịch Vụ In và Chủ Sở Hữu Thương Hiệu.

Ví dụ dưới đây sử dụng cả dung sai ΔE 2000 với tỷ lệ 1:1:1 (cột bên tay trái). Dung sai này được bao gồm trong Tính Điểm ColorCert. Cả 4 màu xử lý đều có mức dung sai riêng trong khi các màu chính khác được chỉ định các giới hạn Cao, Trung Bình và Thấp.

Các dung sai được xác định cho mật độ không được bao gồm trong tính điểm. Cột chính giữa hiển thị dung sai mật độ và cột bên phải trống. Không cần thiết phải sử dụng ba hoặc thậm chí hai dung sai. Trong hầu hết các trường hợp, chỉ cần một dung sai duy nhất.

Rules Editor

[Rules Editor - Primaries]

Substrate: Primaries SpotColors Gray Balance CMY Gray Balance K Dot Gain Settings 1 Settings 2 Settings 3 Settings 4

Color Basics Job Rules ColorCert® Standard Patches on Mediastrip: 0 5 25 50 75 100

Method of Analysis: Default Mode

Primaries

Include in Scoring Include in Scoring

ΔE_{00} 1 1 1 Δ Density

Cyan
Tolerance: 3.50 \pm 5.00

Magenta
Tolerance: 3.50 \pm 5.00

Yellow
Tolerance: 3.50 \pm 5.00

Black
Tolerance: 5.00 \pm 5.00

Other Primary

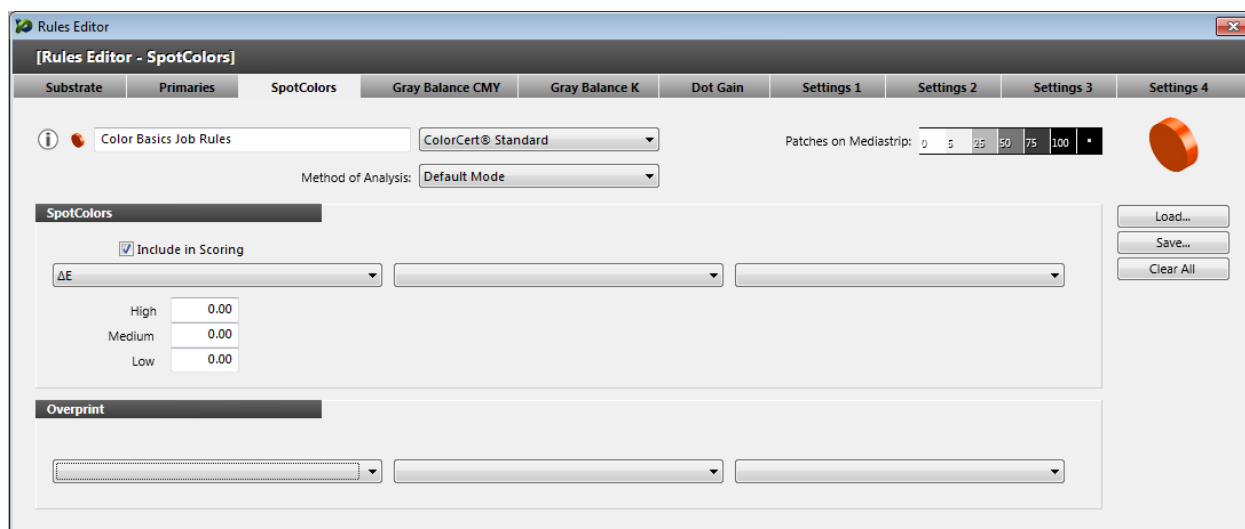
High	2.00	High	\pm 3.00
Medium	2.75	Medium	\pm 3.75
Low	3.50	Low	\pm 4.50

Buttons: Load... Save... Clear All

xrite Close

Tab Màu Pha

Tab Màu Pha được sử dụng để xác định dung sai cho tất cả Màu Pha; những loại mực đặc biệt mà chúng tôi sẽ không đo bất kỳ màu nào, màu tạo đặc biệt quan trọng đối với khách hàng của chúng tôi, cũng như các vùng cân bằng xám và chồng màu được sử dụng như một phần của quy trình công việc G7.



- Chỉ định tối đa 3 loại dung sai khác nhau cho Màu Pha. Đối với mỗi loại, ba cấp độ khác nhau (mức độ quan trọng cao, trung bình hoặc thấp) cũng cần được chỉ định. Những mức độ này có thể được chỉ định cho từng màu trong hồ sơ của bạn. Nhập số dung sai ΔE thấp hơn cho các màu quan trọng để cung cấp cho các màu mức độ quan trọng cao nhất. Nhập giá trị cao hơn cho các màu có mức độ quan trọng trung bình và giá trị ΔE cao nhất cho màu có mức ưu tiên thấp nhất.
- Dung sai cho các Vùng Chồng Màu được chỉ định dung sai của riêng các vùng đó vì các vùng đó thực sự là một số liệu khác. Các vùng chồng màu không yêu cầu 3 giới hạn dung sai khác nhau, nhưng có thể chỉ định chúng.
- Ảnh chụp màn hình bên dưới hiển thị Màu Pha với ba dung sai khác nhau: ΔE 2000 ở cột bên trái, Δ Mật Độ ở cột chính giữa, và Δ LCh ở cột bên phải. Mỗi trong số ba loại dung sai này có ba giới hạn cho mức độ quan trọng Cao, Trung Bình và Thấp. Dung sai Mật Độ đã được loại trừ khỏi tính điểm ("Bao Gồm trong Tính Điểm" không được đánh dấu). Tỷ lệ cho dung sai ΔE 2000 được thay đổi từ mặc định là 1:1:1 thành 1:1:0,5. Điều này cung cấp dung sai chặt chẽ hơn cho màu sắc, tương quan với các cài đặt đã được chọn cho dung sai LCh.

Rules Editor

[Rules Editor - SpotColors]

Substrate Primaries **SpotColors** Gray Balance CMY Gray Balance K Dot Gain Settings 1 Settings 2 Settings 3 Settings 4

Color Basics Job Rules ColorCert® Standard Patches on Mediastrip: 0 5 25 50 75 100

Method of Analysis: Default Mode

SpotColors

Include in Scoring Include in Scoring Include in Scoring

ΔE_{00} 1 1 0.5 Δ Density Δ LCh

High	2.00	High	± 3.00			High	2.00	1.00	0.75*
Medium	2.75	Medium	± 3.75			Medium	3.00	2.00	1.50*
Low	3.50	Low	± 4.50			Low	5.00	3.50	2.50*


Buttons: Load... Save... Clear All

Overprint

Include in Scoring Include in Scoring

ΔE_{cmc} 1 1 Δ Lab

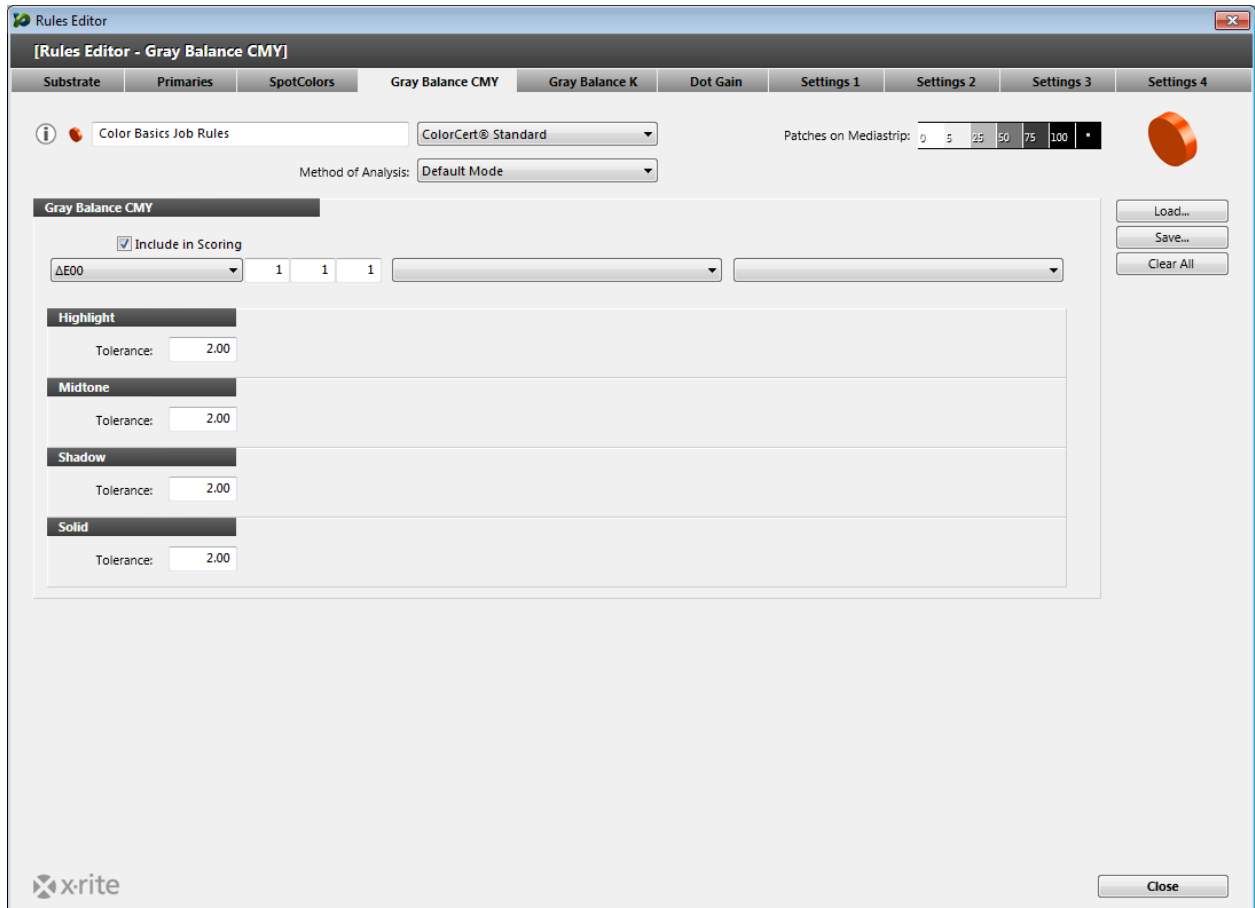
Tolerance: 3.00 Tolerance: 3.00 1.50 1.50

 Close

Tab Cân Bằng Xám CMY

Chọn tab Cân Bằng Xám CMY để xác định dung sai cho các vùng Cân Bằng Xám CMY. Đây là phần chính của quy trình công việc G7.

1. Xác định tối đa ba loại dung sai khác nhau cho thuộc tính này và sau đó xác định các giới hạn riêng cho các Vùng Sáng, Vùng Sáng Trung Bình, Vùng Tối và Tổng Nguyên. Nếu được yêu cầu, hãy thay đổi tỷ lệ cho các loại dung sai đó và chọn liệu dung sai có phải được đưa vào Điểm ColorCert hay không.

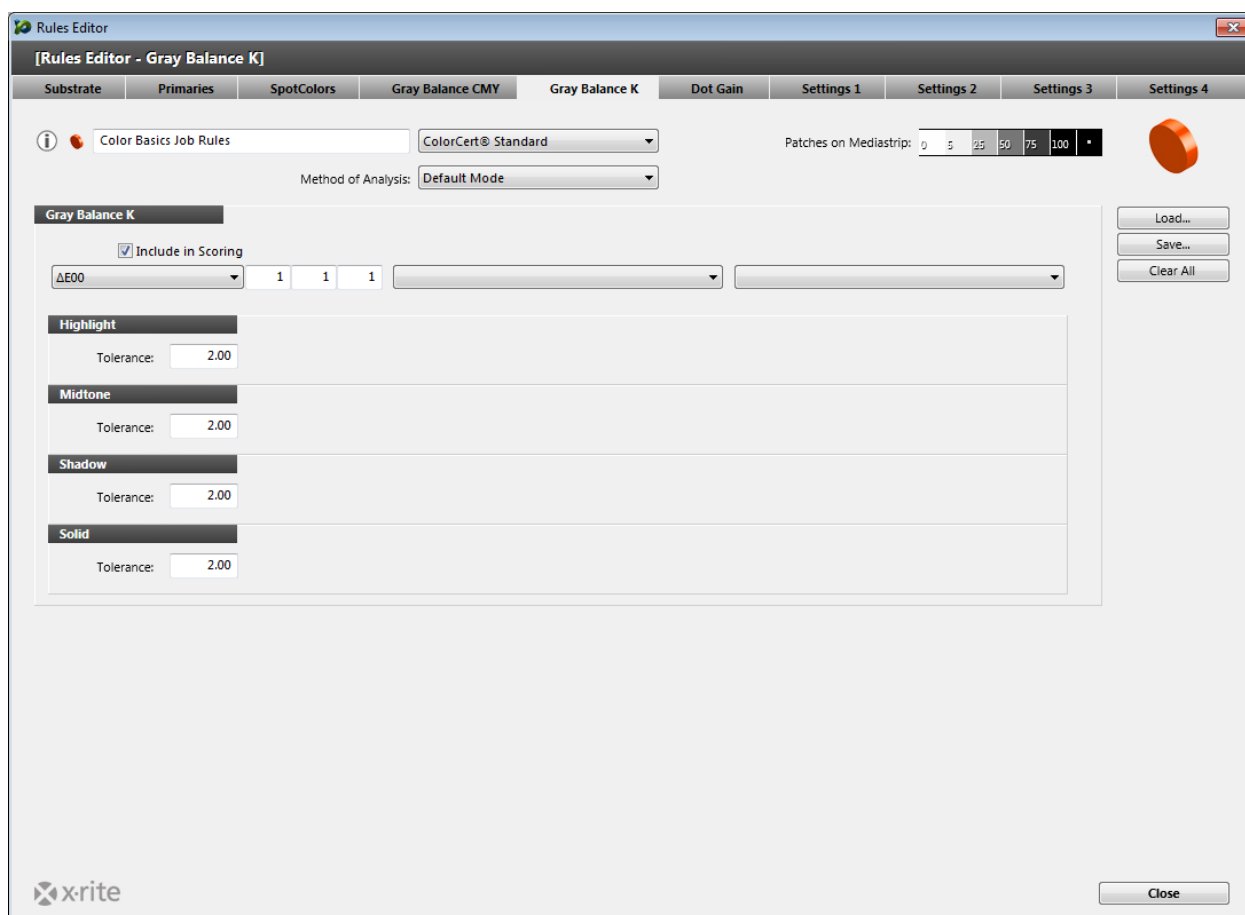


The screenshot shows the 'Rules Editor' window for 'Gray Balance CMY'. The interface includes a top navigation bar with tabs for Substrate, Primaries, SpotColors, Gray Balance CMY (selected), Gray Balance K, Dot Gain, and four Settings tabs. Below the navigation bar, there are fields for 'Color Basics Job Rules' (set to 'ColorCert® Standard'), 'Method of Analysis' (set to 'Default Mode'), and 'Patches on Mediastrip' (0, 5, 25, 50, 75, 100). The main area is titled 'Gray Balance CMY' and contains a 'Include in Scoring' checkbox (checked) and a dropdown menu set to 'ΔE00'. Below this are four sections: 'Highlight', 'Midtone', 'Shadow', and 'Solid', each with a 'Tolerance' input field set to '2.00'. On the right side, there are 'Load...', 'Save...', and 'Clear All' buttons. The 'x-rite' logo is in the bottom left, and a 'Close' button is in the bottom right.

Tab Cân Bằng Xám K

Chọn tab Cân Bằng Xám K để xác định dung sai cho các Vùng Cân Bằng Xám (K) màu đen. Đây cũng là phần chính của quy trình công việc G7.

1. Các tùy chọn giống như Tab Cân Bằng Xám CMY.

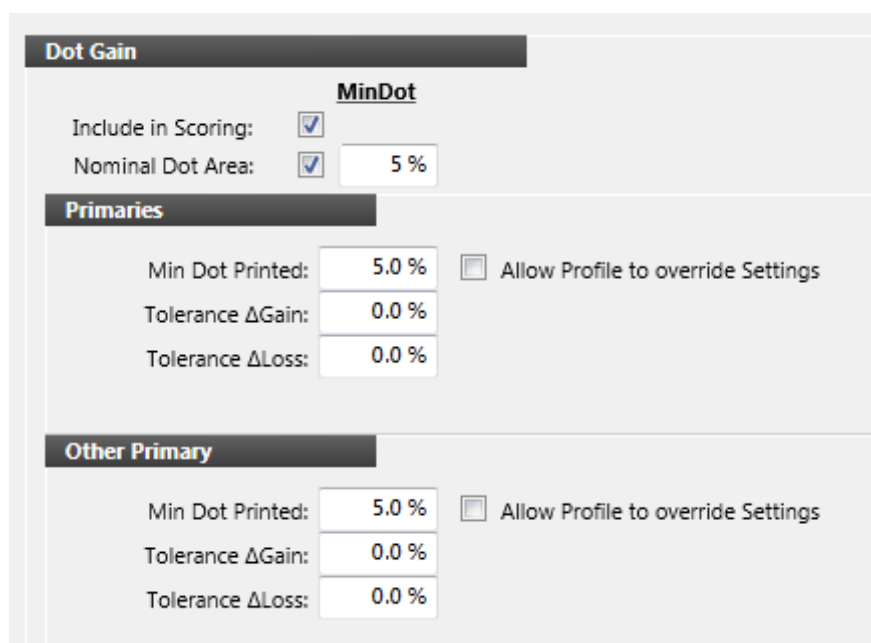


The screenshot shows the 'Rules Editor' window for 'Gray Balance K'. The interface includes a menu bar with 'Substrate', 'Primaries', 'SpotColors', 'Gray Balance CMY', 'Gray Balance K', 'Dot Gain', and 'Settings 1-4'. Below the menu bar, there are fields for 'Color Basics Job Rules' (set to 'ColorCert® Standard') and 'Method of Analysis' (set to 'Default Mode'). A 'Patches on Mediastrip' section shows a row of patch indicators (0, 5, 25, 50, 75, 100) with a red circle highlighting the 100 patch. The main 'Gray Balance K' section has a checked 'Include in Scoring' option and a row of three '1' values. Below this are four sections: 'Highlight', 'Midtone', 'Shadow', and 'Solid', each with a 'Tolerance' input field set to '2.00'. On the right side, there are 'Load...', 'Save...', and 'Clear All' buttons. The 'xrite' logo is in the bottom left, and a 'Close' button is in the bottom right.

Tab Tăng Tầng Thứ

Chọn tab Tăng Tầng Thứ để xác định tất cả dung sai cho các vùng màu.

- Xác định dung sai cho chỉ số điểm tram tối thiểu (nếu được sử dụng) trong phần bên trái của cửa sổ.
 - Điểm Tram Tối Thiểu danh định là điểm tram tối thiểu như được định nghĩa trong tập tin kỹ thuật số được sử dụng để tạo bản.
 - Điểm Tram Tối Thiểu Đã In là điểm tram tối thiểu có thể được in rõ.
 - Dung Sai Δ Tăng là % lượng tăng có thể chấp nhận trong điểm tram tối thiểu.
 - Dung Sai Δ Giảm là % lượng giảm có thể chấp nhận trong điểm tram tối thiểu.
- Xác định dung sai Điểm Tram Tối Thiểu cho các Màu Chính (CMYK) và Màu Chính Khác. Màu Chính Khác bao gồm các màu có Điểm Tram Tối Thiểu khác CMYK, ví dụ: Màu Pha có hiệu ứng mờ viền).
- Nếu “Cho Phép Hồ Sơ ghi đè Cài Đặt” được chọn, và bạn đang sử dụng Hồ Sơ ColorCert được tạo bằng Hồ Sơ ICC thì các giá trị từ hồ sơ sẽ ghi đè giá trị đích (Điểm Tram Tối Thiểu Đã In) được xác định ở đây trong các Quy Tắc ColorCert. Lưu ý rằng giá trị từ Hồ Sơ ICC có thể là giá trị được nội suy, phụ thuộc vào tập hợp vùng được sử dụng để tạo Hồ Sơ ICC.



Dot Gain

MinDot

Include in Scoring:

Nominal Dot Area: 5 %

Primaries

Min Dot Printed: 5.0 % Allow Profile to override Settings

Tolerance Δ Gain: 0.0 %

Tolerance Δ Loss: 0.0 %

Other Primary

Min Dot Printed: 5.0 % Allow Profile to override Settings

Tolerance Δ Gain: 0.0 %

Tolerance Δ Loss: 0.0 %

- Trong in nổi bằng khuôn mềm, các bản kết hợp đôi khi được sử dụng để đạt được kết quả mong muốn trên máy in. Chọn Hồ Trợ Bản Kết Hợp Flexo để cung cấp một tập hợp dung sai thứ hai cho điều kiện bản phụ như dưới đây. Có thể nhập tập hợp dung sai thứ hai theo cách thủ công hoặc chọn Mặc Định và xác định tiêu chí tính toán của bạn để tự động tính toán dung sai.

Dot Gain

MinDot

Include in Scoring:

Nominal Dot Area:

Primaries

Min Dot Printed: Allow Profile to override Settings

[Combo Plate]:

Tolerance Δ Gain:

[Combo Plate]:

Tolerance Δ Loss:

[Combo Plate]:

Other Primary

Min Dot Printed: Allow Profile to override Settings

[Combo Plate]:

Tolerance Δ Gain:

[Combo Plate]:

Tolerance Δ Loss:

[Combo Plate]:

Flexo Combo Plate Support

Default Added Tolerance:

Method:

5. Tăng Tầng Thứ cho phép có dung sai tăng tầng thứ trong các vùng tối, vùng sáng trung bình và vùng tối. Ở Bắc Mỹ, dung sai này có thể là 25%, 50% và 75%; hoặc trong nhiều trường hợp, chỉ 50%. Ở châu Âu dung sai này thường là 40% và 80%.
- Đánh dấu các ô bên cạnh các tông màu in mà bạn muốn đo. Lưu ý rằng số lượng vùng được xem trước ở phía trên bên phải sẽ thay đổi theo số lượng giá trị Tăng Tầng Thứ được chọn.
 - Đảm bảo rằng các giá trị được đặt theo tỷ lệ phần trăm mà bạn cần đo và nhập giá trị mà bạn sẵn sàng chấp nhận làm dung sai tăng tầng thứ cho các giá trị phần trăm đó.
 - Các Phương Pháp Tăng Tầng Thứ là các phương pháp được sử dụng để tính toán mức tăng tầng thứ của bản in. Murray-Davies thường được sử dụng với Mục Xử Lý 4 Màu (các màu chính) trong khi SCTV (ISO 20654:2017) hoặc Đo Màu Tương Đối ColorCert được khuyến nghị cho các màu chính khác.

	Highlight	Midtone	Shadow
Include in Scoring:	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Nominal Dot Area:	<input checked="" type="checkbox"/> 25 %	<input checked="" type="checkbox"/> 50 %	<input checked="" type="checkbox"/> 75 %
Tolerance:	<input type="text" value="± 0.0 %"/>	<input type="text" value="± 0.0 %"/>	<input type="text" value="± 0.0 %"/>
Method:	Murray Davies		
Tolerance:	<input type="text" value="± 0.0 %"/>	<input type="text" value="± 0.0 %"/>	<input type="text" value="± 0.0 %"/>
Method:	SCTV (ISO 20654:2017)		
<input type="checkbox"/> Flexo Combo Plate Support			

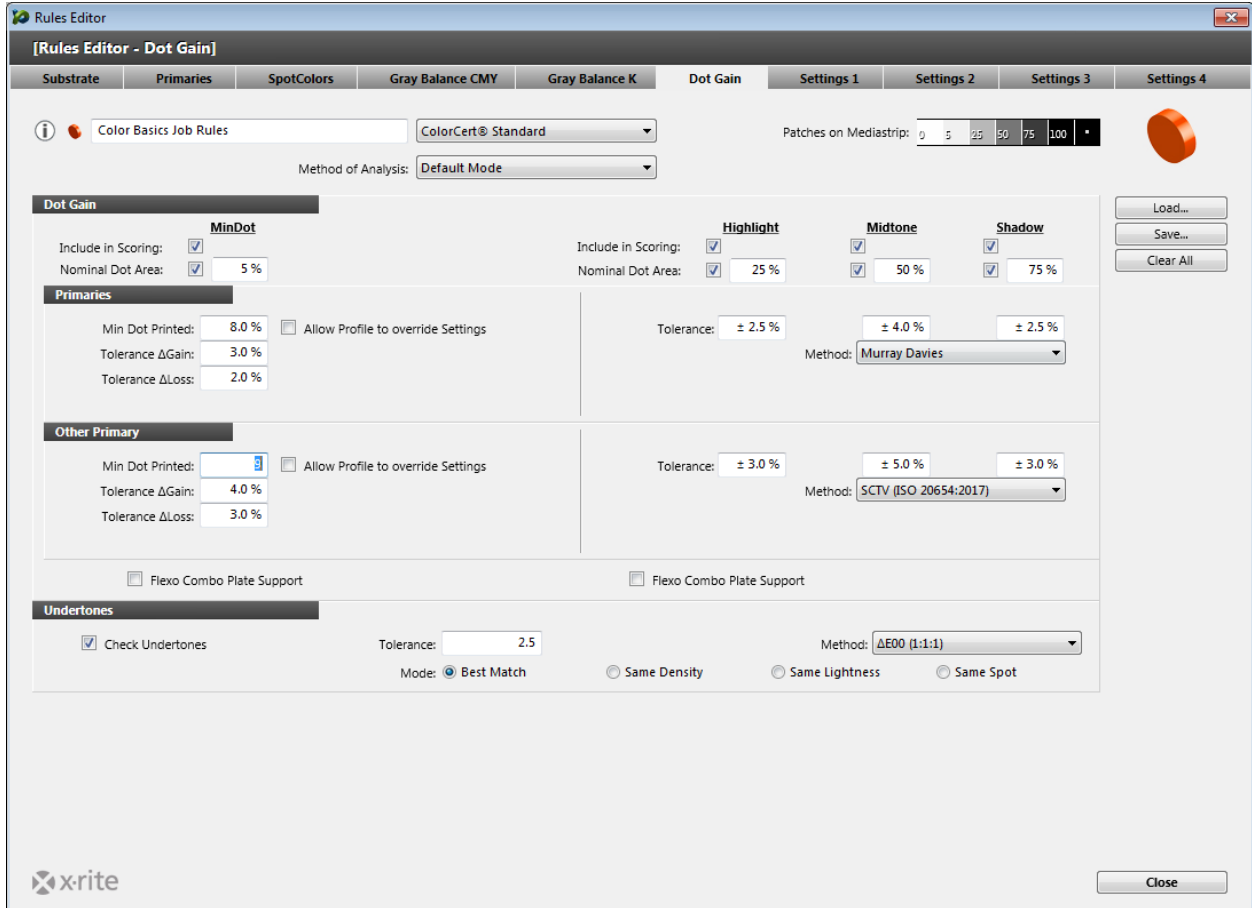
6. Chọn Màu Nhặt để xác định màu nhặt độc lập với tầng tầng thứ. Điều này cho phép ColorCert đo lường và đánh giá các màu nhặt ngay cả khi các giá trị tầng tầng thứ là rất không chính xác.

- Chế Độ Trùng Khớp Nhất: So sánh màu trùng khớp nhất trong toàn bộ phạm vi màu sắc mục tiêu.
- Chế Độ Mật Độ Tương Tự: So sánh màu ở mật độ mục tiêu tương tự.
- Chế Độ Độ Sáng Tương Tự: So sánh màu ở độ sáng tương tự (CIELab L*).

Chế Độ Màu Pha Tương Tự: So sánh màu ở đầu vào định danh tương tự (tức là: 50% so với 50%).

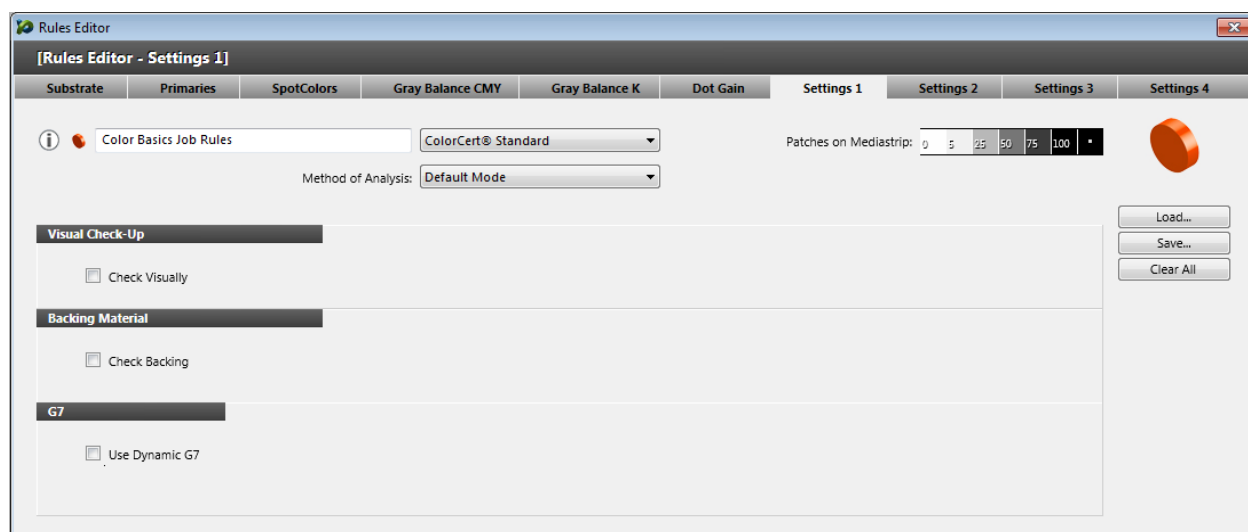
Undertones			
<input checked="" type="checkbox"/> Check Undertones	Tolerance: <input type="text" value="0.0"/>	Method: <input type="text" value="ΔE"/>	
Mode: <input checked="" type="radio"/> Best Match		<input type="radio"/> Same Density	<input type="radio"/> Same Lightness
<input type="radio"/> Same Spot			

7. Ví dụ có trong phần Tăng Tầng Thứ bên dưới.



Tab Cài Đặt 1

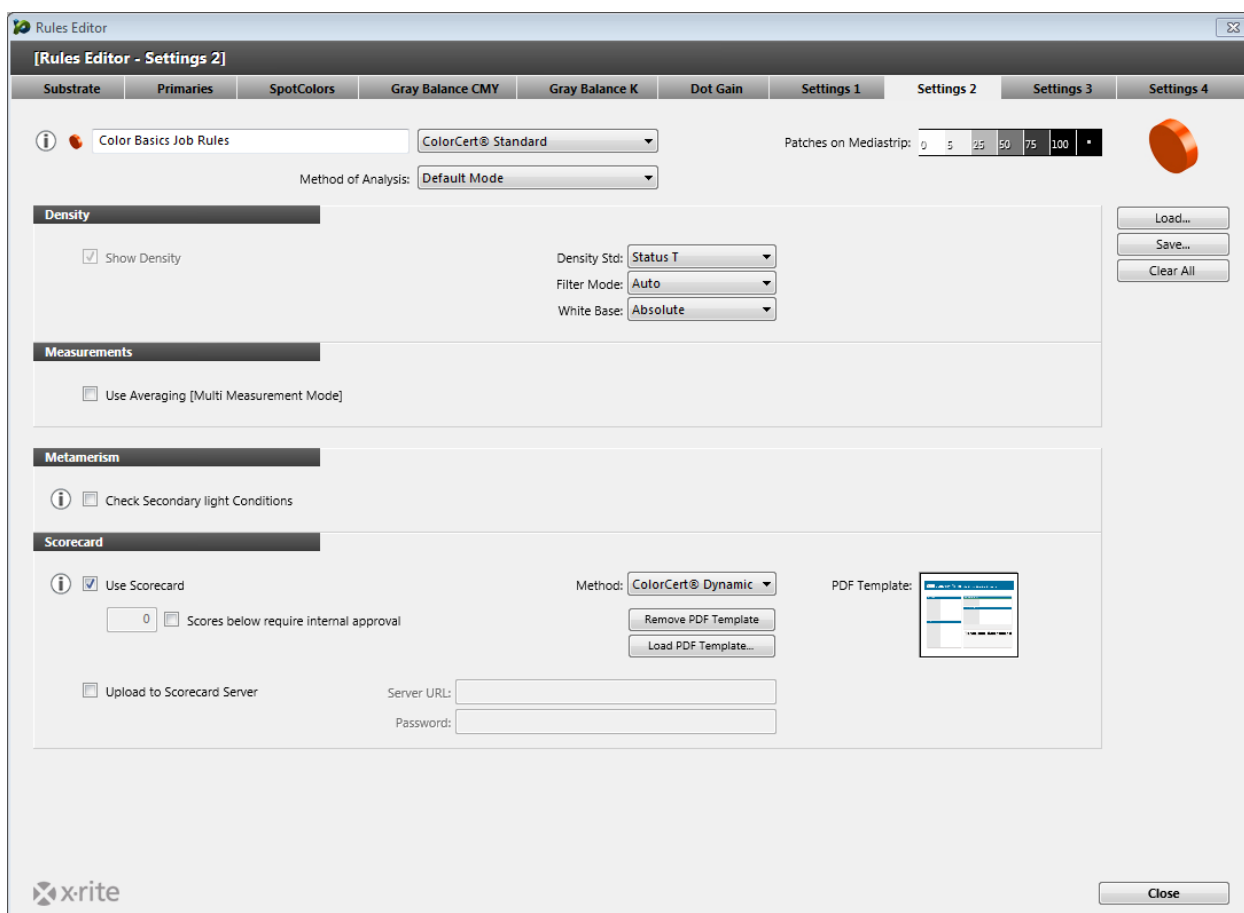
1. Tiếp theo, nhấp vào tab Cài Đặt 1.



2. Kiểm Tra Trực Quan cho phép bạn yêu cầu kiểm tra trực quan về chất lượng in với từng Phép Đo. Lựa chọn Xác Minh Chất Lượng Mã Vạch sẽ yêu cầu kiểm tra chất lượng mã vạch bằng trình đọc mã vạch.
3. Đánh dấu vào ô Vật Liệu Lót nếu bạn yêu cầu Người Điều Hành In hoặc thanh tra Kiểm Soát Chất Lượng đo mức độ lót với mỗi Dải Phương Tiện.
4. Chọn Sử Dụng G7 Động để thay đổi mục tiêu của các vùng cân bằng xám dựa trên các thay đổi đối với vật liệu in.

Tab Cài Đặt 2

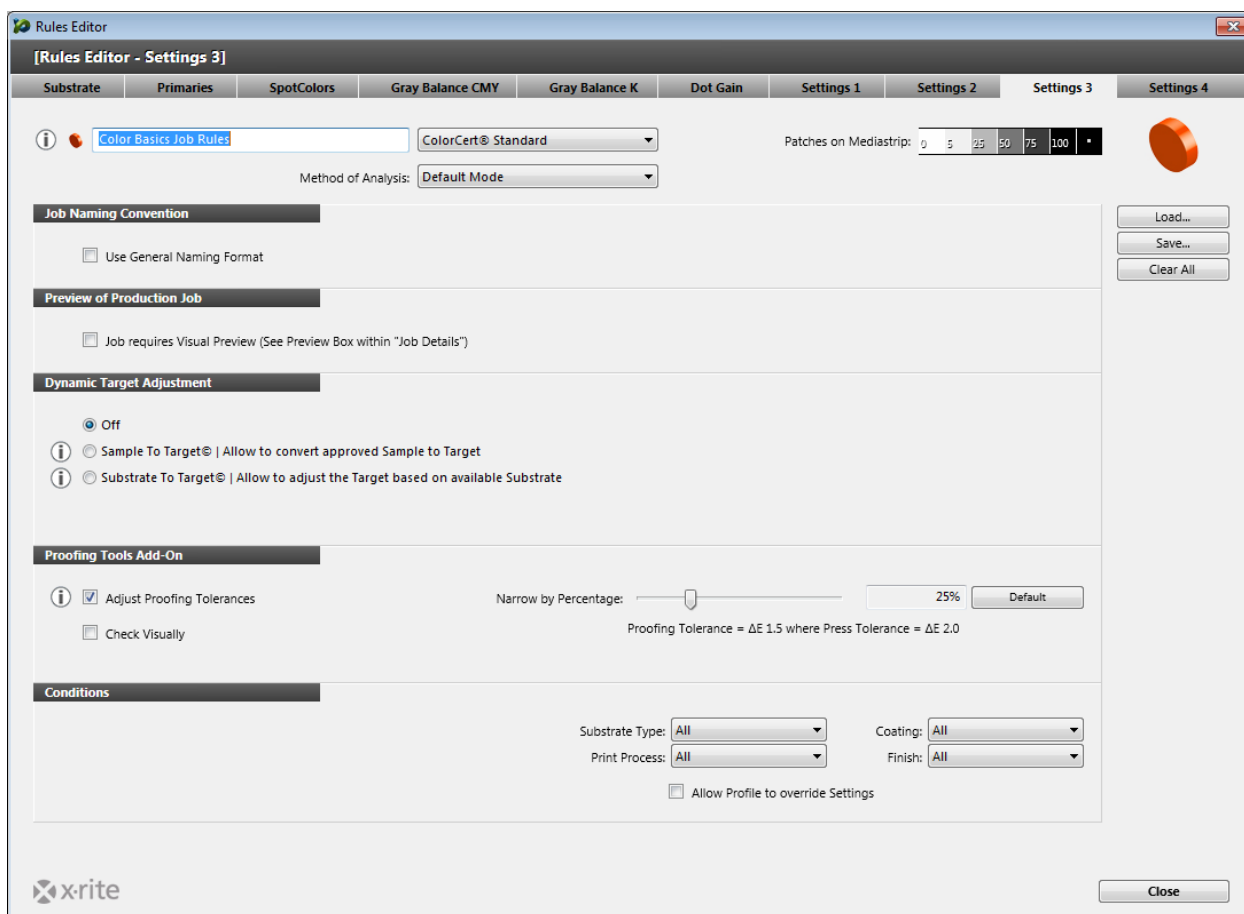
1. Tiếp theo, nhấp vào tab Cài Đặt 2.



2. Mật Độ. Nhập các cài đặt cho cấu hình máy đo mật độ, được xác định bởi thông số kỹ thuật in của bạn. Ví dụ ở Bắc Mỹ, thông số kỹ thuật in yêu cầu Trạng Thái T, trong khi ở Châu Âu, thông số kỹ thuật in sử dụng Trạng Thái E.
3. Đo Lượng. Nếu điều kiện in của bạn không đồng đều thì có thể cần phải đo nhiều hơn một mẫu và tính trung bình kết quả. Đây là thời điểm bạn kích hoạt tính năng này và đặt số lượng phép đo ở mức trung bình.
4. Hiện Tượng Dị Tính. Nếu bạn muốn đánh giá màu sắc dưới các nguồn sáng bên cạnh tiêu chuẩn D50, bạn có thể chọn các nguồn sáng khác ở đây. Đây thường là điều mà Chủ Sở Hữu Thương Hiệu sẽ yêu cầu để đảm bảo, ví dụ, rằng sản phẩm có vẻ ngoài chính xác dưới ánh sáng ban ngày (D50) cũng như ánh sáng trong cửa hàng.
5. Phiếu Ghi Điểm. Kích hoạt Phiếu Ghi Điểm để kích hoạt bản in báo cáo tóm tắt Công Việc. ColorCert có Bản Mẫu Phiếu Ghi Điểm này dưới dạng PDF. Bạn có thể quản lý việc sử dụng Bản Mẫu bằng các nút Tải và Xóa Bản Mẫu PDF. Bản Mẫu Phiếu Ghi Điểm mặc định nằm trong thư mục Ứng Dụng.
 - Nếu bạn có quyền truy cập vào Máy Chủ Phiếu Ghi Điểm, bạn có thể nhập URL và Mật Khẩu trong cửa sổ này để thiết lập.

Tab Cài Đặt 3

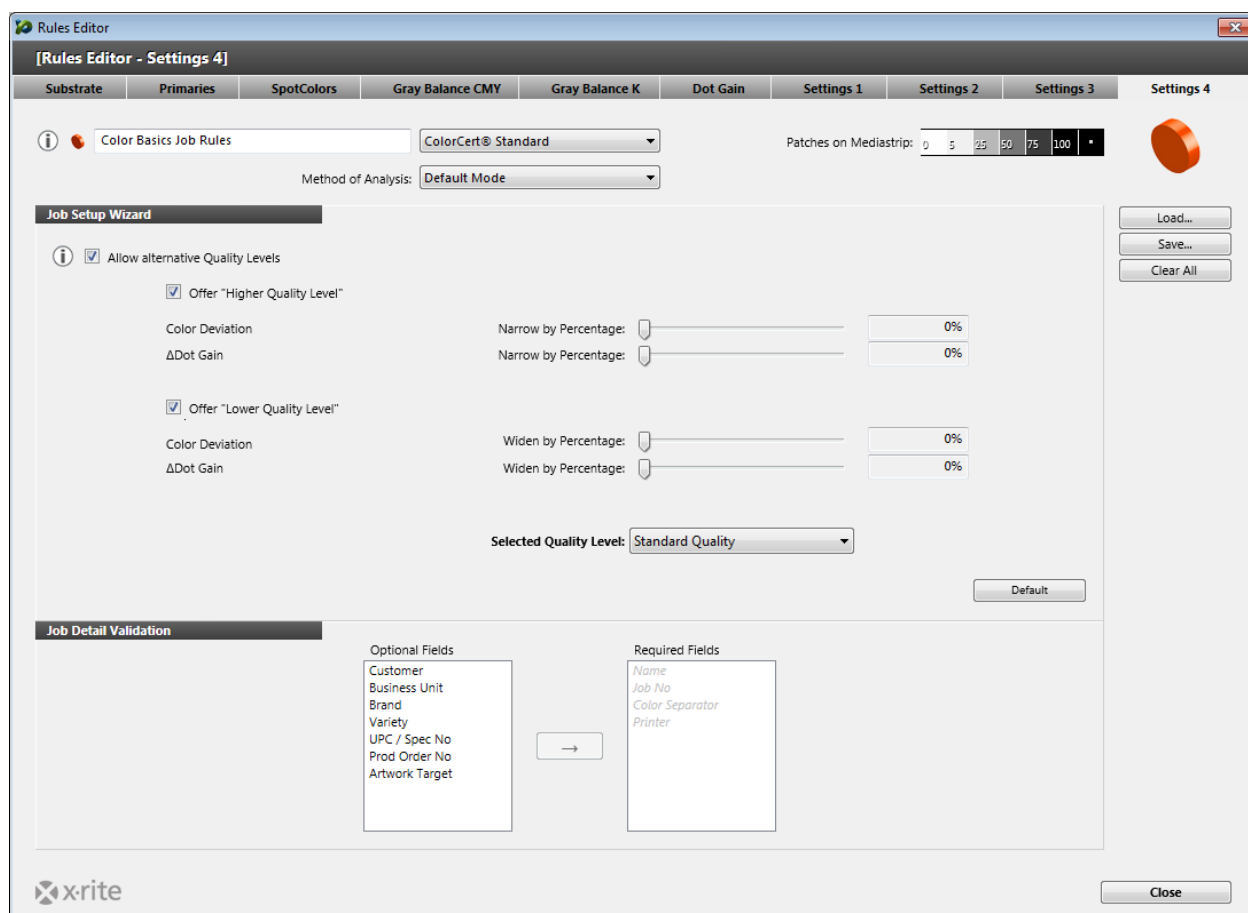
1. Nhấp vào tab Cài Đặt 3.



2. Nếu bạn muốn chỉ định một quy ước đặt tên dựa trên thông tin công việc, bạn có thể thêm một mã được tạo ra từ một công việc hiện có. Xem thông tin riêng khi tạo một công việc.
3. Bạn có thể kích hoạt Xem Trước Hoạt Động Sản Xuất để nhắc bạn bổ sung bản xem trước của sản phẩm được in (bất kỳ tập tin nào chứa bản xem trước công việc của bạn) trong Công Việc. Việc này có thể hỗ trợ liên kết chính xác Công Việc ColorCert với lượt chạy máy in đi kèm.
4. Bạn cũng có thể sử dụng công việc ColorCert để kiểm tra In Thử. Nếu bạn muốn có các dung sai chặt chẽ hơn khi kiểm tra In Thử thì bạn không cần tạo Quy Tắc mới, bạn chỉ cần nhấp vào Điều Chỉnh Dung Sai In Thử và xác định một tỷ lệ phần trăm. Tỷ lệ phần trăm này sau đó được áp dụng cho các giá trị dung sai khi kiểm tra In Thử.
5. Các điều kiện cho phép người dùng giới hạn việc sử dụng các Quy Tắc này chỉ trong các điều kiện đã chọn.

Tab Cài Đặt 4

1. Cuối cùng, nhấp vào tab Cài Đặt 4.



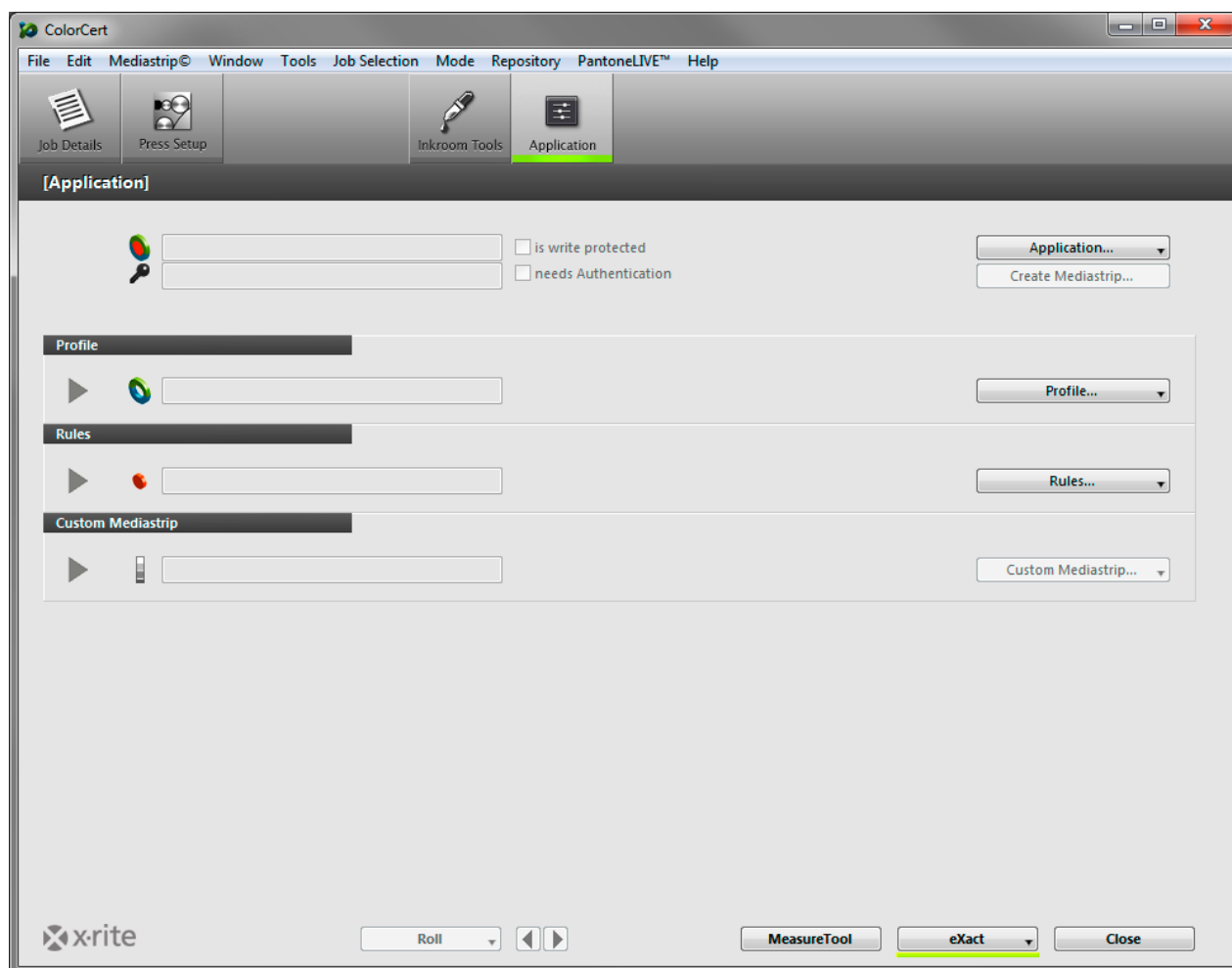
2. **Mức Độ Chất Lượng:** Các Cài Đặt này chỉ bắt buộc đối với Thuật Sĩ Thiết Lập Công Việc. Vui lòng tìm thông tin chi tiết trong tài liệu Thuật Sĩ Thiết Lập Công Việc riêng.
3. **Xác Nhận Chi Tiết Công Việc:** Chọn các thuộc tính bắt buộc đối với một công việc bằng cách sử dụng tập hợp quy tắc này. Chọn một mục từ danh sách các Trường Tùy Chọn và nhấp vào mũi tên bên phải để di chuyển mục đó vào Danh Sách Các Trường Bắt Buộc. Tên, Số Công Việc, Dấu Phân Tách Màu và Máy In là bắt buộc theo mặc định.
4. Sau khi hoàn thành, nhấp vào nút Lưu để lưu Quy Tắc, sau đó nhấp vào Đóng.

Tạo một Công Việc

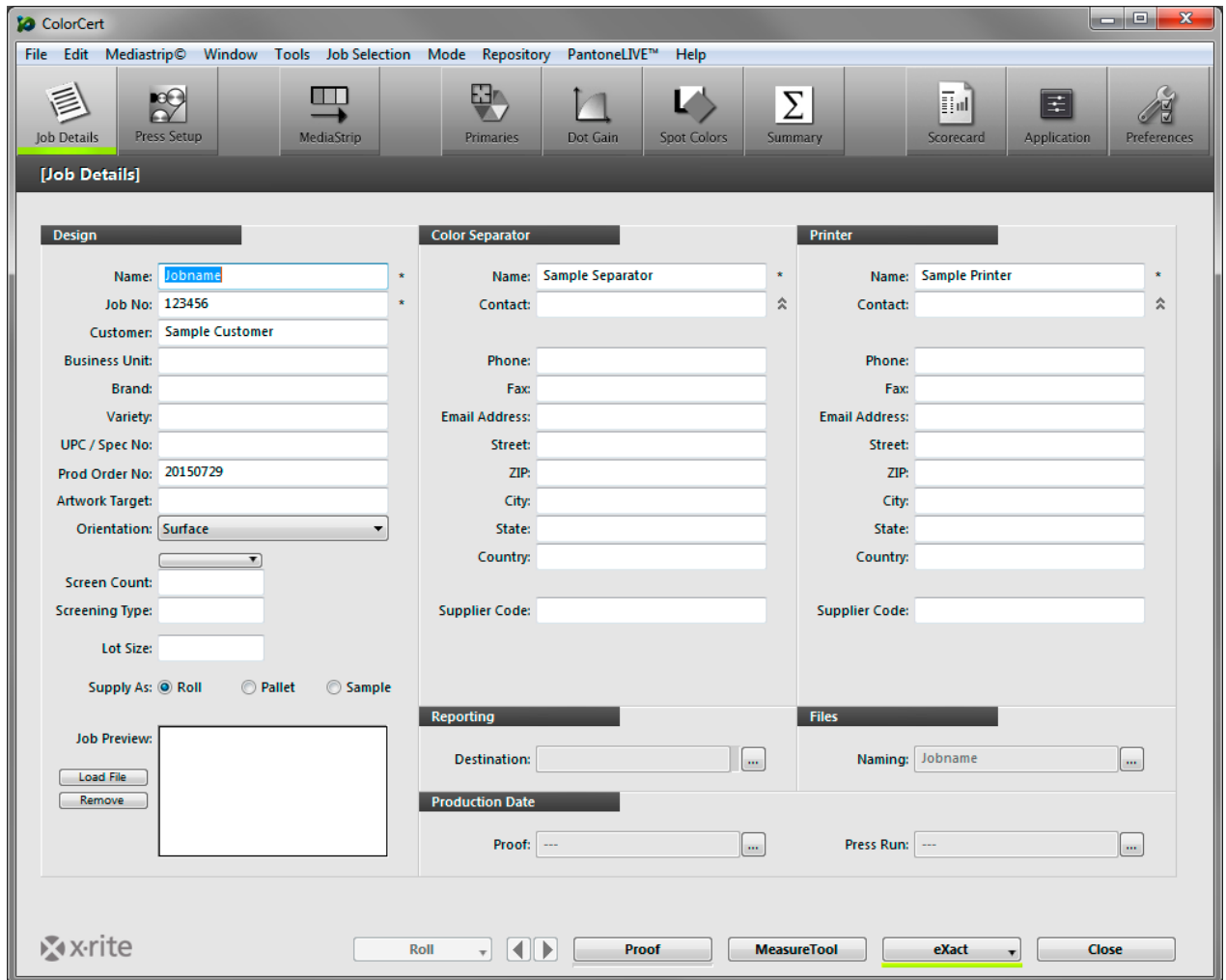
Sau khi một Hồ Sơ và một tập hợp Quy Tắc được tạo, chúng có thể được sử dụng trong một Công Việc. Phần này giải thích cách tạo một Công Việc. Chức năng này chỉ khả dụng khi sử dụng giấy phép Quản Lý, thường dành cho người dùng quản trị từ đơn vị kiểm soát trước khi in hoặc kiểm soát chất lượng.

Chức năng này được sử dụng để tạo một Công Việc Trống mới không có Dữ Liệu, Quy Tắc hoặc Hồ Sơ. Với một Công Việc Trống, bạn có thể chọn Quy Tắc và Hồ Sơ hoặc tập tin Ứng Dụng có chứa QuyTắc và Hồ Sơ Công Việc. Sau đó, bạn có thể sửa đổi bất kỳ cài đặt cần thiết nào và điền vào một số thông tin chi tiết về máy khách hoặc điều kiện in. Người dùng này có thể bắt đầu đo lường Công Việc hoặc lưu Công Việc để người dùng khác tiếp tục sau đó.

1. Trong Trình Chọn ColorCert, nhấp vào Trình Chỉnh Sửa và chọn Công Việc, Ứng Dụng, Dài Phương Tiện.



2. Nhấp vào Chi Tiết Công Việc và nhập vào thông tin cần thiết. Bạn phải điền tất cả các trường được đánh dấu hoa thị (*). Các trường khác là nhằm để sử dụng khi cần thiết trong các phần Thiết Kế, Dấu Phân Tách Màu và Máy In.

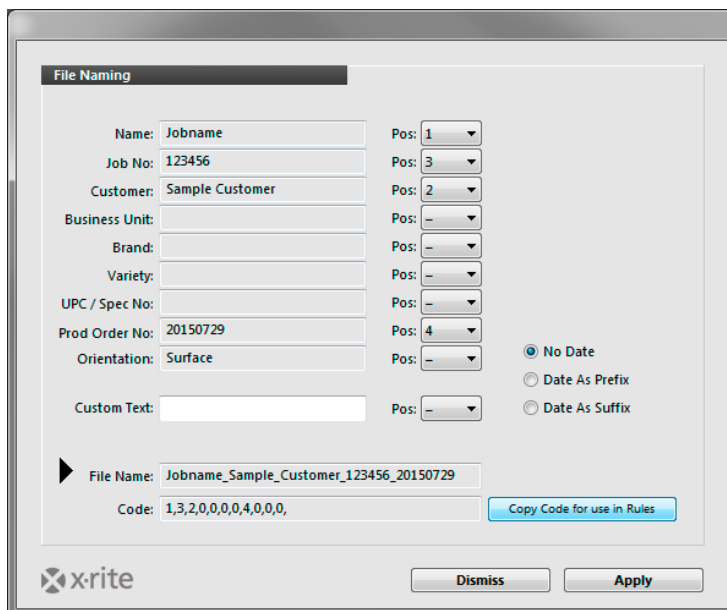


The screenshot shows the 'Job Details' window in the ColorCert software. The window has a menu bar (File, Edit, Mediastrip, Window, Tools, Job Selection, Mode, Repository, PantoneLIVE, Help) and a toolbar with icons for Job Details, Press Setup, MediaStrip, Primaries, Dot Gain, Spot Colors, Summary, Scorecard, Application, and Preferences. The main area is titled '[Job Details]' and contains several panels:

- Design:** Fields for Name (Jobname), Job No (123456), Customer (Sample Customer), Business Unit, Brand, Variety, UPC / Spec No, Prod Order No (20150729), Artwork Target, Orientation (Surface), Screen Count, Screening Type, Lot Size, and Supply As (Roll, Pallet, Sample).
- Color Separator:** Fields for Name (Sample Separator), Contact, Phone, Fax, Email Address, Street, ZIP, City, State, Country, and Supplier Code.
- Printer:** Fields for Name (Sample Printer), Contact, Phone, Fax, Email Address, Street, ZIP, City, State, Country, and Supplier Code.
- Reporting:** Destination field.
- Files:** Naming field (Jobname).
- Production Date:** Proof and Press Run fields.

At the bottom, there are buttons for Roll, Proof, MeasureTool, eXact, and Close.

3. Tùy Chọn: Nhấp vào Đặt Tên để xác định Quy Ước đặt tên.

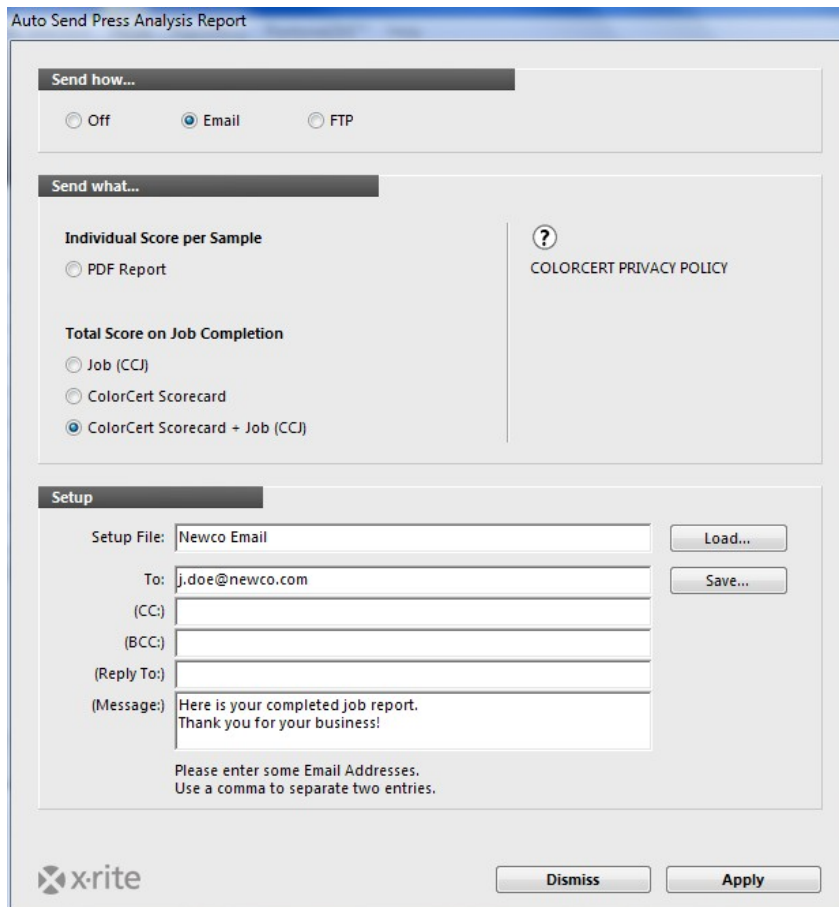


The screenshot shows the 'File Naming' dialog box. It contains the following fields and options:

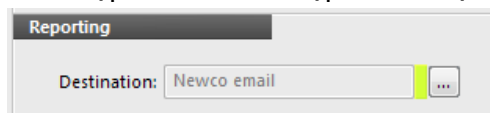
- Fields from the Job Details window: Name (Jobname), Job No (123456), Customer (Sample Customer), Business Unit, Brand, Variety, UPC / Spec No, Prod Order No (20150729), Orientation (Surface), and Custom Text.
- Position (Pos) dropdown menus for each field.
- Radio buttons for: No Date, Date As Prefix, Date As Suffix.
- File Name preview: Jobname_Sample_Customer_123456_20150729
- Code: 1,3,2,0,0,0,4,0,0,0
- Buttons: Dismiss, Apply, and a 'Copy Code for use in Rules' button.

Chọn thông tin bạn muốn thêm vào tên công việc của mình. Sử dụng danh sách thả xuống với các số để xác định thứ tự. Mã hiển thị thứ tự các vị trí và có thể được nhập vào Tab Cài Đặt Quy Tắc 3.

4. Tùy Chọn: Nhấp vào Báo Cáo để mở một cửa sổ để cấu hình cách định dạng và gửi báo cáo. Báo cáo có thể được gửi qua email hoặc FTP. Các báo cáo có thể được định dạng dưới dạng Phiếu Ghi Điểm đơn giản, Báo Cáo Công Việc CC chi tiết hơn hoặc cả hai.



- Nhập tên cho thiết lập và các địa chỉ email thích hợp cùng với một tin nhắn nếu bạn muốn.

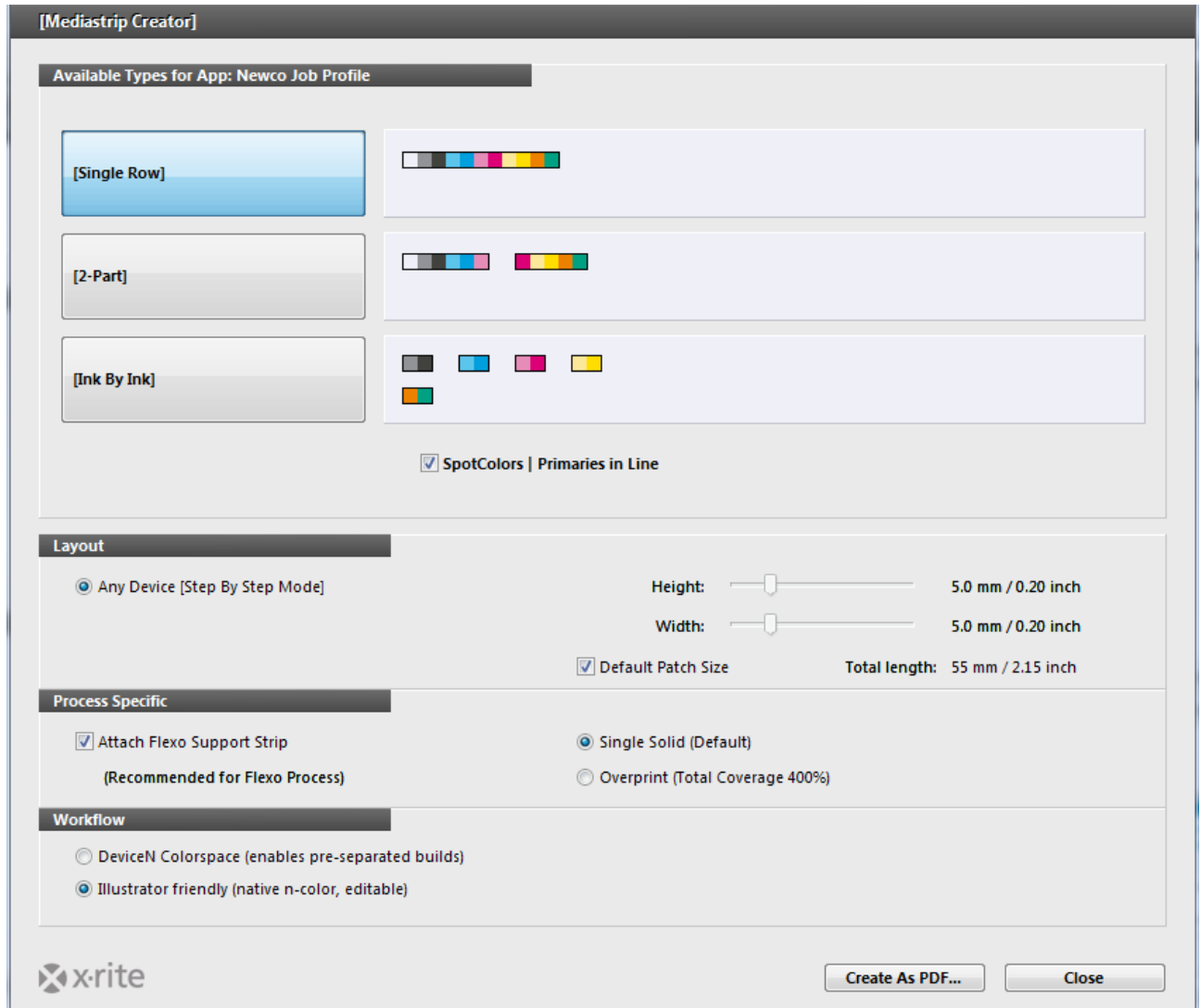


- Nhấp vào Áp Dụng để lưu và chọn thiết lập này trong Công Việc.

5. Quay trở lại tab Ứng Dụng.

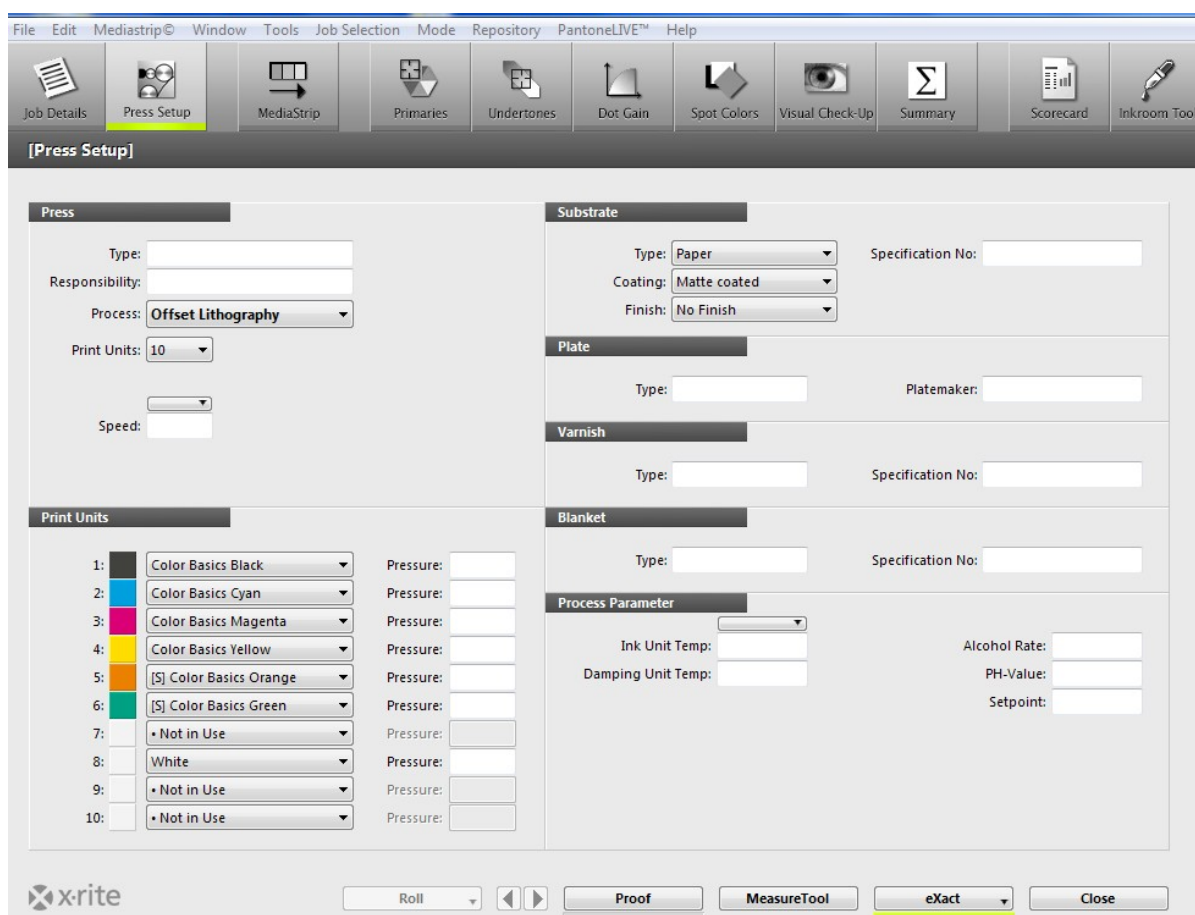
- Tải Hồ Sơ ColorCert: mở thư mục mặc định cho các Hồ Sơ đã lưu trữ mà bạn đã tạo. Để tải Hồ Sơ ColorCert, chọn Tải Hồ Sơ ColorCert và chọn Hồ Sơ có màu cho Công Việc này.
LƯU Ý: Bạn cũng có thể tải các Hồ Sơ ICC hoặc tập tin IT8/CGATS làm Hồ Sơ của mình.
- Tải Quy Tắc: chọn các Quy Tắc sẽ được sử dụng với Công Việc này mà bạn đã tạo trước đó.
- Sử dụng nút Tải Ứng Dụng để lưu kết hợp Quy Tắc và Hồ Sơ trong một tập tin có thể được tải trong tương lai bằng cách sử dụng nút Tải Ứng Dụng.

6. Nhấp vào Tạo Dải Phương Tiện để tạo tập tin PDF các vùng màu theo bố cục thích hợp cho quang phổ kế của bạn.



- Chọn mục tiêu có sắp xếp vùng mà bạn yêu cầu: Hàng Đơn, 2 Phần hoặc mỗi nhóm vùng theo màu mực.
 - Nếu bạn đã đánh dấu vào ô có nhãn Màu Chính Màu Pha trong Dòng thì các Màu Pha của bạn sẽ được bao gồm trong cùng dòng với các màu chính.
 - Nếu không, Màu Pha sẽ được đặt trong một dòng riêng.
- Chọn thiết bị của bạn và kích thước vùng trong phần Bố Cục. Việc này sẽ thay đổi định dạng của các vùng để phù hợp với yêu cầu thiết bị của bạn.
- Quy Trình Cụ Thể bao gồm một tùy chọn Đính Kèm Dải Hỗ Trợ Flexo vào các vùng của bạn. Việc chọn tùy chọn này sẽ thêm một dòng chính xung quanh dải kiểm soát để dễ đọc hơn.
- Quy trình công việc cung cấp các cài đặt cho tập tin Dải Phương Tiện của bạn.
 - Cài đặt DeviceN sẽ tạo Dải Phương Tiện ColorCert dưới dạng PDF được phân tách trước, dựa trên các cài đặt do người dùng cung cấp. Kiểm tra phần mềm quy trình công việc trước khi in của bạn để biết các cài đặt phân tách tập tin bắt buộc.
 - Cài đặt Dễ Sử Dụng Với Họa Sĩ Minh Họa sẽ tạo Dải Phương Tiện ColorCert trong tập tin tương thích Adobe Illustrator không được phân tách trước.

- Nhấp vào Tạo Dưới Dạng PDF để lưu tập tin PDF vào thư mục cc_Mediastrips bên trong thư mục Ứng Dụng.
 - Mở tập tin này trong Illustrator để sao chép và dán các Thanh Màu vào vùng bỏ của khuôn in.
 - Báo cáo cho phép cấu hình cách định dạng và gửi báo cáo. Báo cáo có thể được gửi qua email hoặc FTP.
 - Nếu bạn chỉ thiết lập Công Việc cho lượt chạy máy in trong tương lai, bạn có thể lưu thiết lập này bây giờ bằng cách nhấp vào Đóng. ColorCert sẽ hướng dẫn bạn lưu tập tin trong thư mục cc_jobs trong thư mục Ứng Dụng của bạn.
7. Thiết Lập Máy In bao gồm tất cả các thông số in cho lượt chạy máy in này.



The screenshot shows the 'Press Setup' dialog box in the ColorCert software. The interface includes a menu bar at the top with options like File, Edit, MediaStrip, Window, Tools, Job Selection, Mode, Repository, PantoneLIVE™, and Help. Below the menu bar is a toolbar with icons for Job Details, Press Setup (highlighted), MediaStrip, Primaries, Undertones, Dot Gain, Spot Colors, Visual Check-Up, Summary, Scorecard, and Inkroom Tools. The main area is titled '[Press Setup]' and contains several sections:

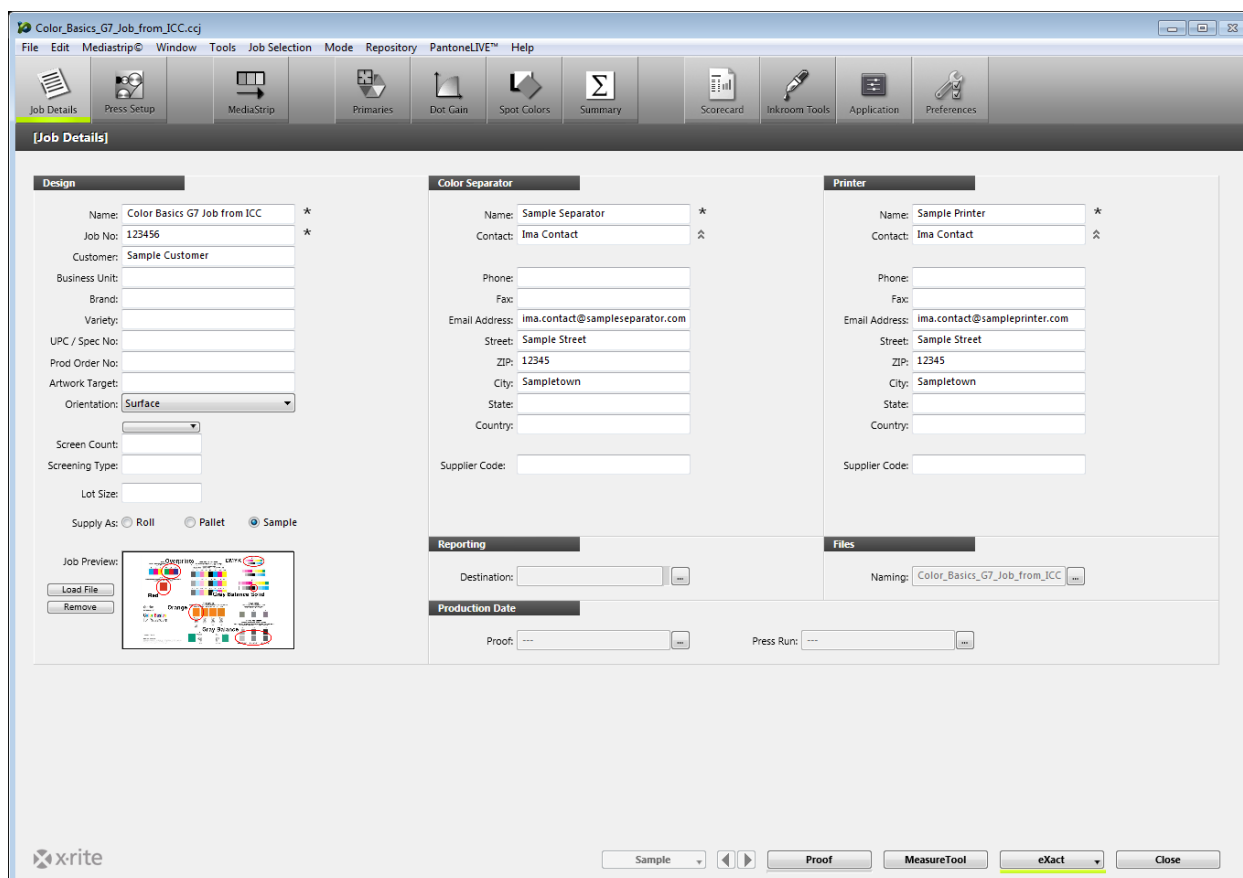
- Press:** Fields for Type, Responsibility, Process (set to 'Offset Lithography'), Print Units (set to '10'), and Speed.
- Substrate:** Fields for Type (set to 'Paper'), Coating (set to 'Matte coated'), Finish (set to 'No Finish'), and Specification No.
- Plate:** Fields for Type and Platemaker.
- Varnish:** Fields for Type and Specification No.
- Blanket:** Fields for Type and Specification No.
- Print Units:** A list of 10 units with color swatches and dropdown menus. The first four are Color Basics Black, Cyan, Magenta, and Yellow. Units 5 and 6 are [S] Color Basics Orange and Green. Units 7, 9, and 10 are 'Not in Use'. Unit 8 is 'White'. Each unit has a corresponding 'Pressure:' input field.
- Process Parameter:** Fields for Ink Unit Temp, Damping Unit Temp, Alcohol Rate, PH-Value, and Setpoint.

At the bottom of the dialog, there is a 'xrite' logo, a 'Roll' dropdown, navigation arrows, and buttons for 'Proof', 'MeasureTool', 'eXact' (highlighted), and 'Close'.

- Thông Tin Máy In có thể được nhập nhằm mục đích cung cấp thông tin. Mỗi quá trình sẽ thay đổi các trường liên quan để khớp với các thông số cho quá trình in đó.
- Các Đơn Vị In sẽ liệt kê tất cả các màu được bao gồm trong Hồ Sơ đã chọn. Người dùng có thể sắp xếp lại màu mực trong các đơn vị in nếu cần bằng cách nhấp vào màu bên cạnh số đơn vị và chọn mực sẽ được chạy trên đơn vị đó.
- Tất cả các dữ liệu khác chỉ được sử dụng nhằm mục đích cung cấp thông tin.
- Sau khi bạn đã nhập dữ liệu cần thiết, nhấp vào nút Công Cụ Đo ở dưới cùng của màn hình.

Công Việc G7 Mẫu

1. Kết nối quang phổ kế X-Rite của bạn.
2. Khởi chạy phần mềm ColorCert.
3. Nhấp vào Công Cụ Bù In, và chọn Tải Công Việc.
4. Chọn Công Việc mẫu Color_Basics_G7 Job.ccj.
5. Thao tác này mở Chi Tiết Công Việc



The screenshot displays the 'Job Details' window in the ColorCert software. The window title is 'Color_Basics_G7_Job_from_ICC.ccj'. The interface includes a menu bar (File, Edit, MediaStrip, Window, Tools, Job Selection, Mode, Repository, PantoneLIVE™, Help) and a toolbar with icons for Job Details, Press Setup, MediaStrip, Primaries, Dot Gain, Spot Colors, Summary, Scorecard, Inkroom Tools, Application, and Preferences.

The main content area is divided into several sections:

- Design:** Name: Color Basics G7 Job from ICC *, Job No: 123456 *, Customer: Sample Customer, Business Unit, Brand, Variety, UPC / Spec No, Prod Order No, Artwork Target, Orientation: Surface, Screen Count, Screening Type, Lot Size, Supply As: Roll Pallet Sample, Job Preview (with Load File and Remove buttons).
- Color Separator:** Name: Sample Separator *, Contact: Ima Contact ^, Phone, Fax, Email Address: ima.contact@sampleseparator.com, Street: Sample Street, ZIP: 12345, City: Sampletown, State, Country, Supplier Code.
- Printer:** Name: Sample Printer *, Contact: Ima Contact ^, Phone, Fax, Email Address: ima.contact@sampleprinter.com, Street: Sample Street, ZIP: 12345, City: Sampletown, State, Country, Supplier Code.
- Reporting:** Destination.
- Files:** Naming: Color_Basics_G7_Job_from_ICC.
- Production Date:** Proof, Press Run.

At the bottom of the window, there is a status bar with the X-rite logo, a 'Sample' dropdown, navigation arrows, and buttons for 'Proof', 'MeasureTool', 'eXact', and 'Close'.

Vị trí đo

Vùng được sử dụng cho tông nguyên Cân Bằng Xám không thực sự là vùng tông nguyên cân bằng xám. Vùng này đủ cho công việc mẫu này nhưng không nên được thực hiện trong sản xuất.

Trapping
Trapping, Farbansatz, Trapping, 疊印, 疊印, トラッピング

Overprints
C M Y Y/C Y/M M/C

Color Search
Buscar color, Farbsuche, Rechercher couleur, Ricerca colore, Pesquisar Cor, 色彩搜索, 色彩搜索, カラーの検索

Red

Solid Inks and Tone Value
Tintas de colores sólidos y Valor tonal. Vullton und Tonwert. Encres en aplati et valeur de tonalité. Inchiostri a tinta unita e valore tonale. Tintas Chapadas e Valor Tonal. 实地油墨和膏量, 实地油墨和膏量, ベタおよびアミ点測定

CMYK

5.0 mm

7.0 mm

9.0 mm

Gray Balance Solid

Color Compare
Comparison of colors, Farbvergleich, Comparaison de couleurs, Confronto colori, Comparação de cores, 色彩比较, 最佳匹配, カラーの比較

Orange

Gray Balance
Balance de grisés, Grisbalanco, Balance de gris, Bilanciamento dei grigi, Balanço de Cinzas, 灰平衡, 灰平衡, グレーバランス

Neutral Print Density
Densidad de impresión neutra, Neutrale Drukdichte, Densité d'impression neutre, Densità stampa neutrale, Densidade de impressão Neutra, 自然印刷密度, 自然印刷密度, ニュートラル印刷濃度

Gray Balance

25 K **50 K** **75 K**

25 C, 40 M, 19 Y **50 C, 40 M, 40 Y** **75 C, 66 M, 16 Y**

Kết Quả G7

Kết quả cho các phép đo cụ thể G7 của bạn sẽ hiển thị khi nhấp vào biểu tượng Màu Pha sau khi đo.

The screenshot displays the ColorCert software interface for a G7 measurement. The main window is titled "Color_Basics_G7_Job_from_JCC" and shows the "SpotColors" tab selected in the menu. The interface is divided into several sections:

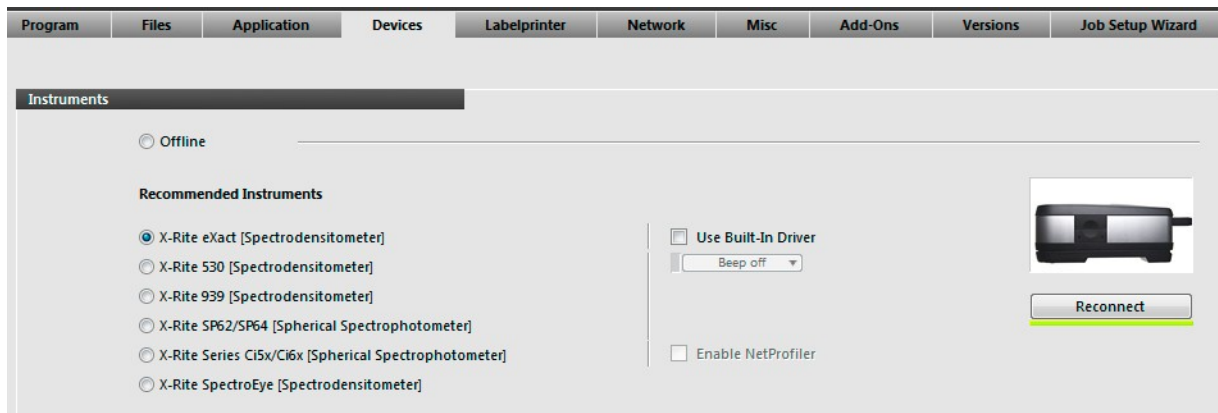
- SpotColor Section:** Shows the selected color "Color Basics Red" with a density of 1.64 and a ΔE of 2.64. The tolerance is set to 2.00. The "Best Match" is identified as "Color Basics Red" with a density of 1.69 and a ΔE of 2.42. Quality level indicators are shown with red 'X' marks.
- Overprint Section:** Lists overprint options: [B] Red (LAB), [B] Green (LAB), and [B] Blue (LAB).
- Gray Balance CMY Section:** Shows average and maximum values for CMY components.
- Gray Balance K Section:** Shows average and maximum values for the K component.
- Summary Section:** Displays a large red circle representing the sample color. It shows the "Sample" density of 1.64 and ΔE of 2.64, and the "Best Match" density of 1.69 and ΔE of 2.42. A graph titled "Operating Range" shows the density range from 1.45 to 1.90. Below the graph are dropdown menus for "Correlation Mode" (Density), "Method" (Coated), and "Mode" (Absolute).

At the bottom of the interface, there are navigation buttons: "Sample 1/0", "Proof", "MeasureTool", "eXact", and "Close".

NetProfiler

Làm việc với NetProfiler của X-Rite

Để theo dõi trạng thái NetProfiler cho thiết bị của bạn, bạn phải chọn trạng thái này trong Tùy Chọn của ColorCert trong phần Thiết Bị.



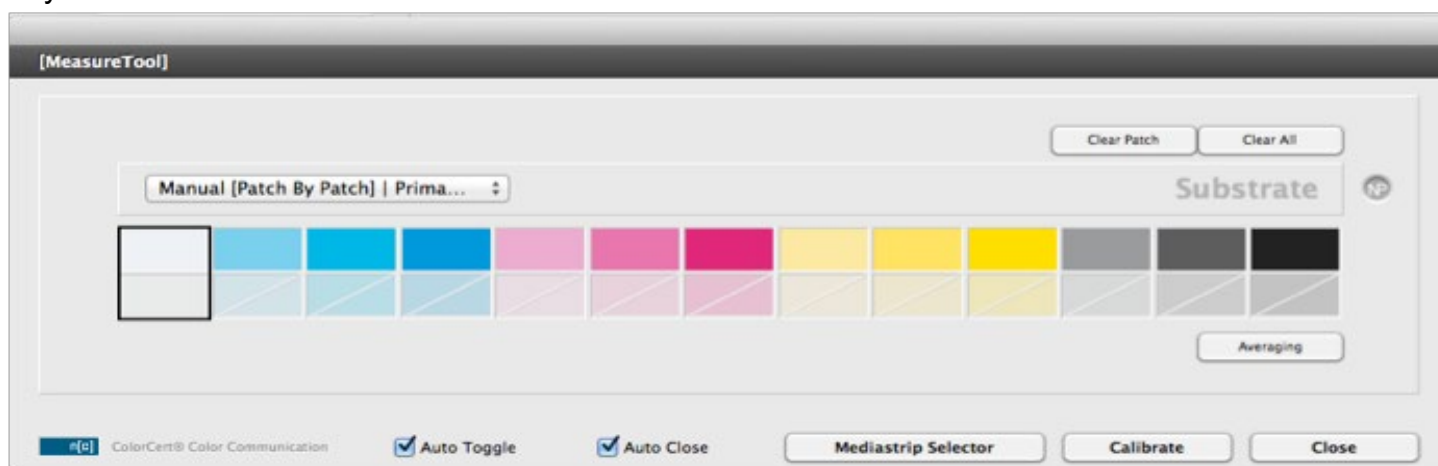
Khi bạn kết nối thiết bị của mình với phần mềm, một trong các biểu tượng sau sẽ xuất hiện bên cạnh tên thiết bị:



Các biểu tượng màu xám có nghĩa là thiết bị có Hồ Sơ hoạt động và hợp lệ. Biểu tượng màu đỏ có nghĩa là thiết bị nằm ngoài thông số kỹ thuật và cần phải được xử lý bằng NetProfiler.

Các biểu tượng này có thể xuất hiện ở nhiều vị trí trong ứng dụng. Ví dụ: khi ban đầu bạn kết nối với thiết bị trong Tùy Chọn/ Thiết Bị, biểu tượng sẽ xuất hiện bên cạnh tên thiết bị và cho biết NetProfiler hợp lệ trên thiết bị và bạn có thể tiếp tục thực hiện các phép đo.

Một ví dụ khác là khi bạn bắt đầu thực hiện phép đo trong một Công Việc, như được minh họa dưới đây.



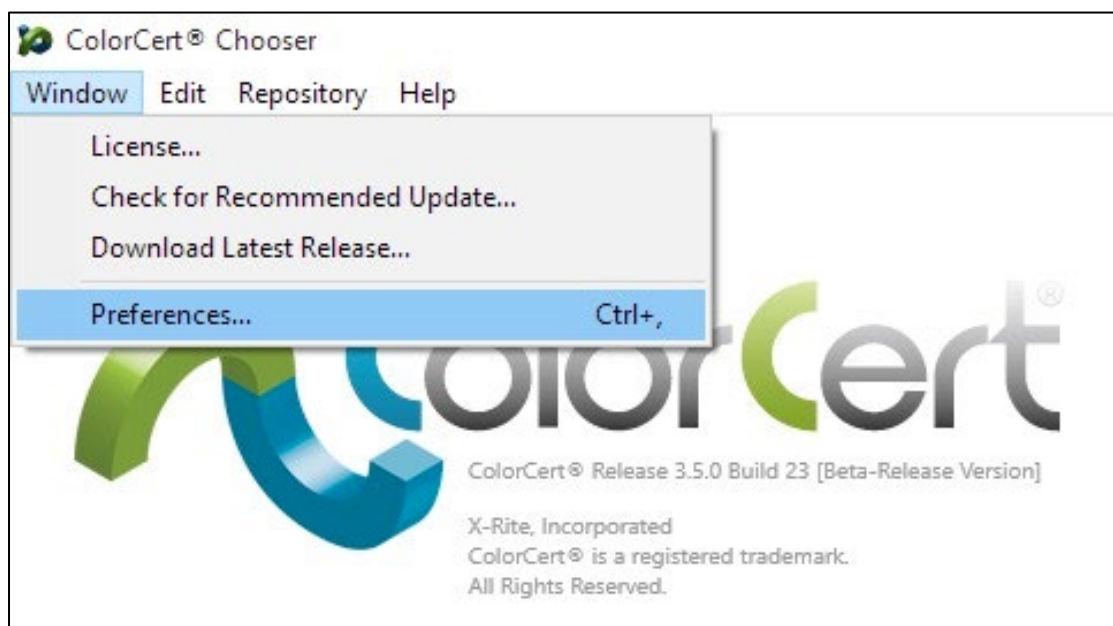
Người dùng hoặc quản trị viên không thể Bật hoặc Tắt tùy chọn NetProfiler.

Mô-đun Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng

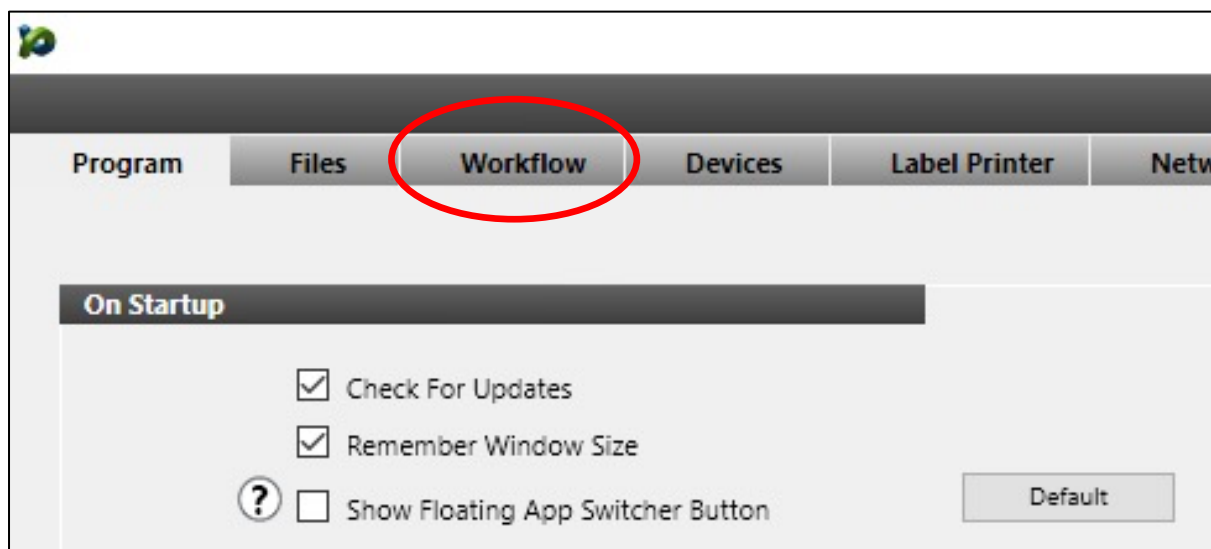
Mô-đun Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng được thiết kế như một tiện ích độc lập cho các quy trình công việc không dựa trên công việc.

Thiết lập cơ sở dữ liệu

Nhập cấu hình cơ sở dữ liệu bằng cách nhấp vào Cửa Sổ > Tùy Chọn từ màn hình trình chọn ColorCert.

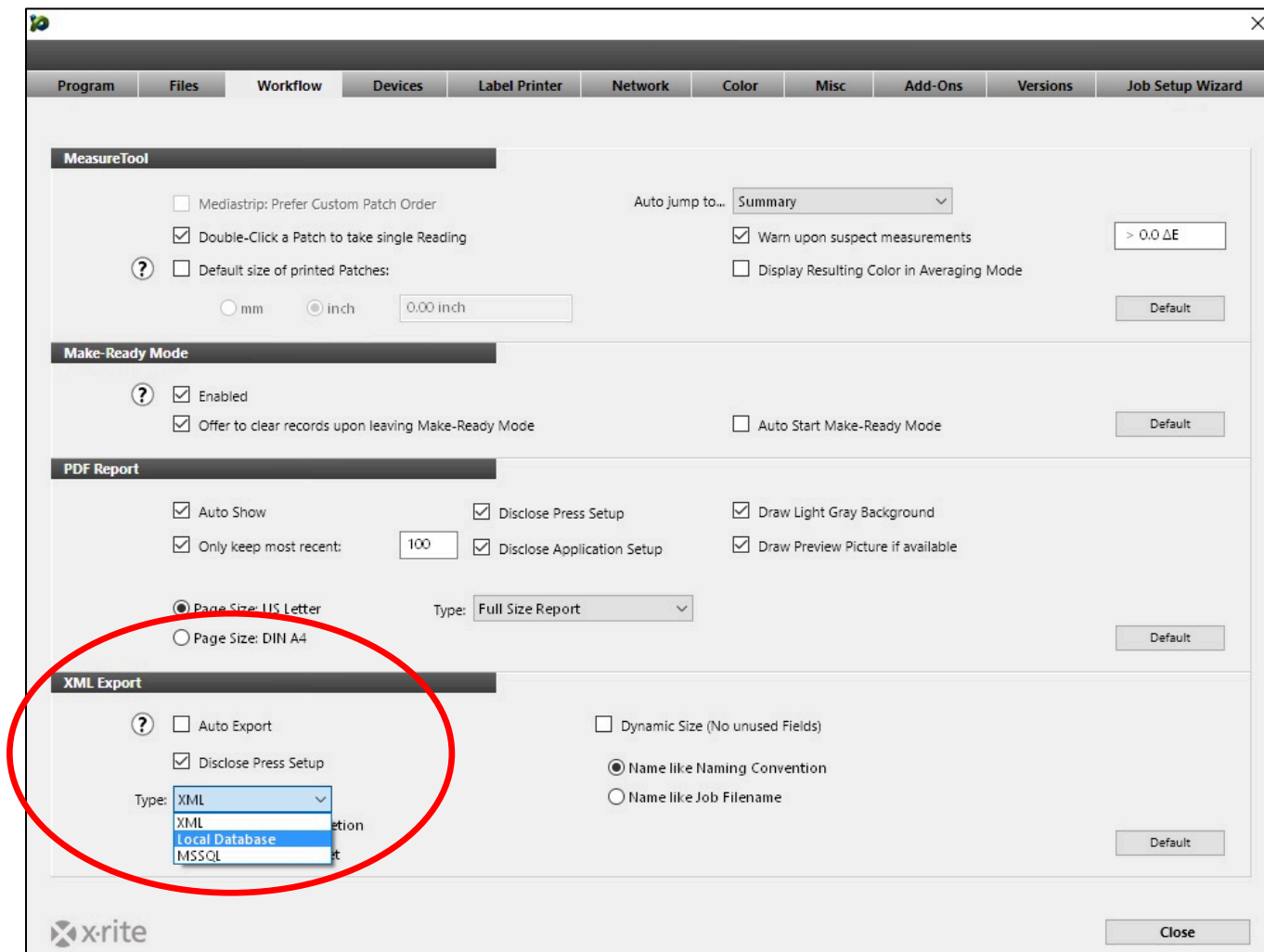


Nhấp vào tab “Quy Trình Công Việc”.



Cấu Hình Cơ Sở Dữ Liệu Cục Bộ

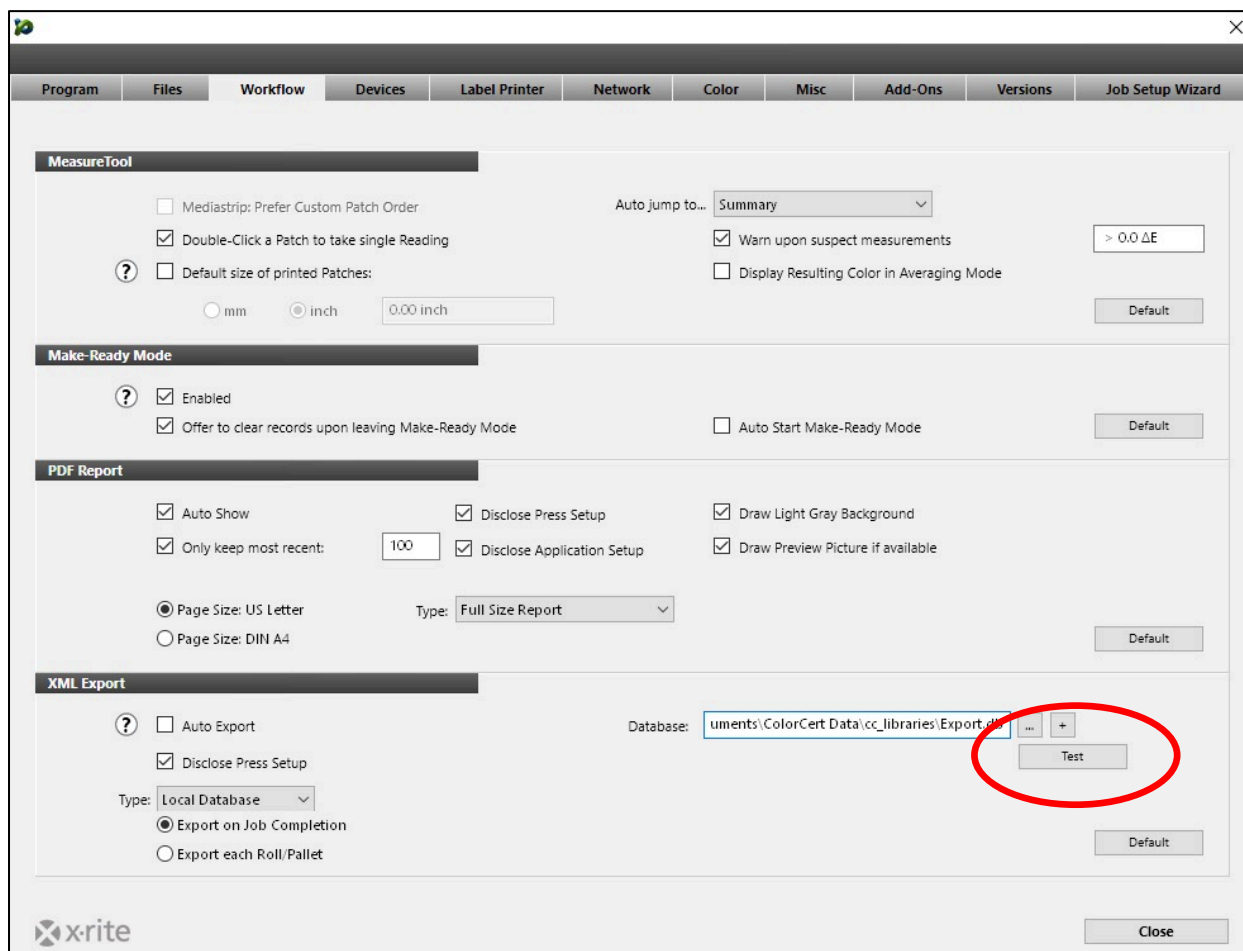
Trong phần Xuất XML hãy đổi Loại thành “Cơ Sở Dữ Liệu Cục Bộ”



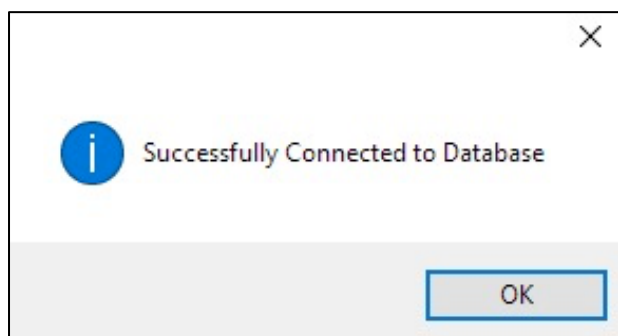
Bắt đầu với một cơ sở dữ liệu mới

ColorCert sẽ tự động tạo cơ sở dữ liệu mới trừ khi bạn trở đến một cơ sở dữ liệu hiện có. Đây sẽ là trường hợp của các khách hàng mới. Nhiều khách hàng mới cũng có thể chọn bắt đầu lại với một cơ sở dữ liệu trống.

ColorCert tự động tạo một cơ sở dữ liệu có tên “Export.db” trong thư mục “ColorCert Data/cc_libraries”. Để kiểm tra kết nối của bạn với cơ sở dữ liệu này hãy Nhấp vào nút “Kiểm Tra”.



Bạn sẽ thấy một thông báo cho biết đã kết nối thành công với cơ sở dữ liệu. Bạn có thể nhấp vào nút “OK” để đóng thông báo này.

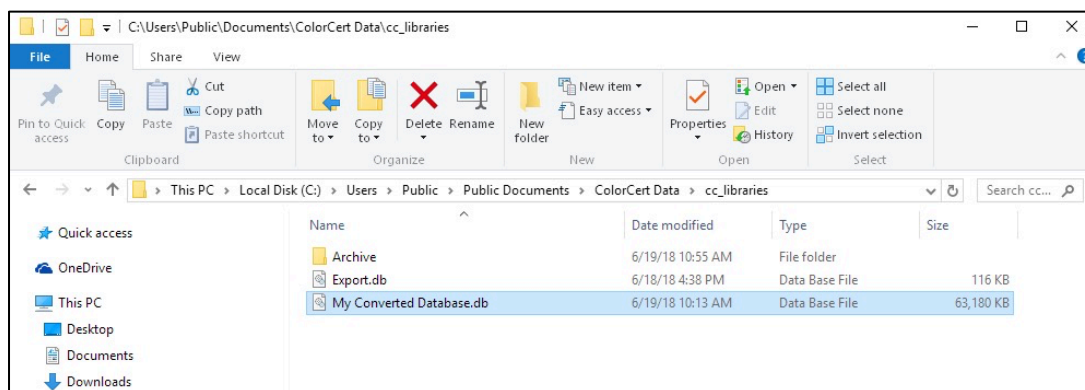


Kết nối với cơ sở dữ liệu hiện có (đã chuyển đổi)

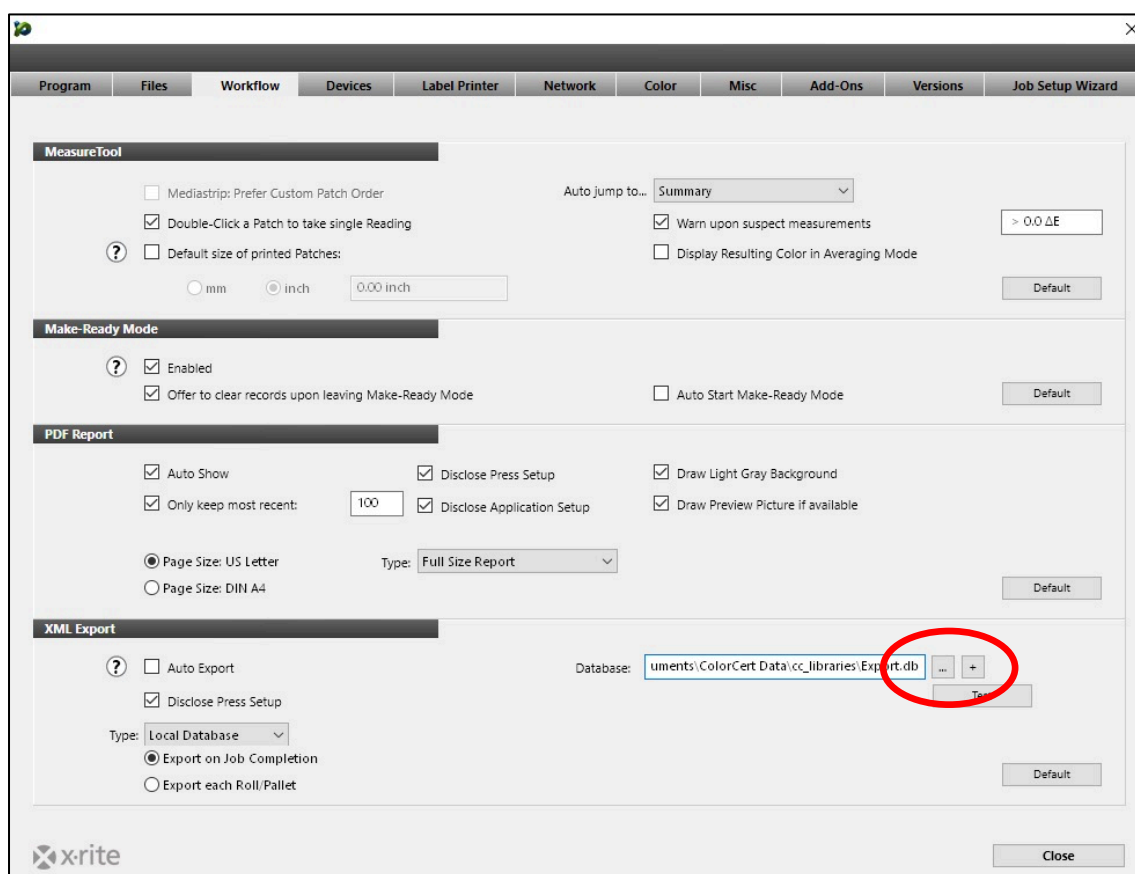
Nếu bạn định sử dụng cơ sở dữ liệu mà bạn đã chuyển đổi từ cơ sở dữ liệu Chính X-RiteColor hiện có, bạn sẽ cần bắt đầu bằng cách cho cơ sở dữ liệu đã chuyển đổi vào thư mục “ColorCert Data/cc_libraries”. Vị trí mặc định cho thư mục này là:

Windows: C:\Users\Public\Documents\ColorCert Data\cc_libraries

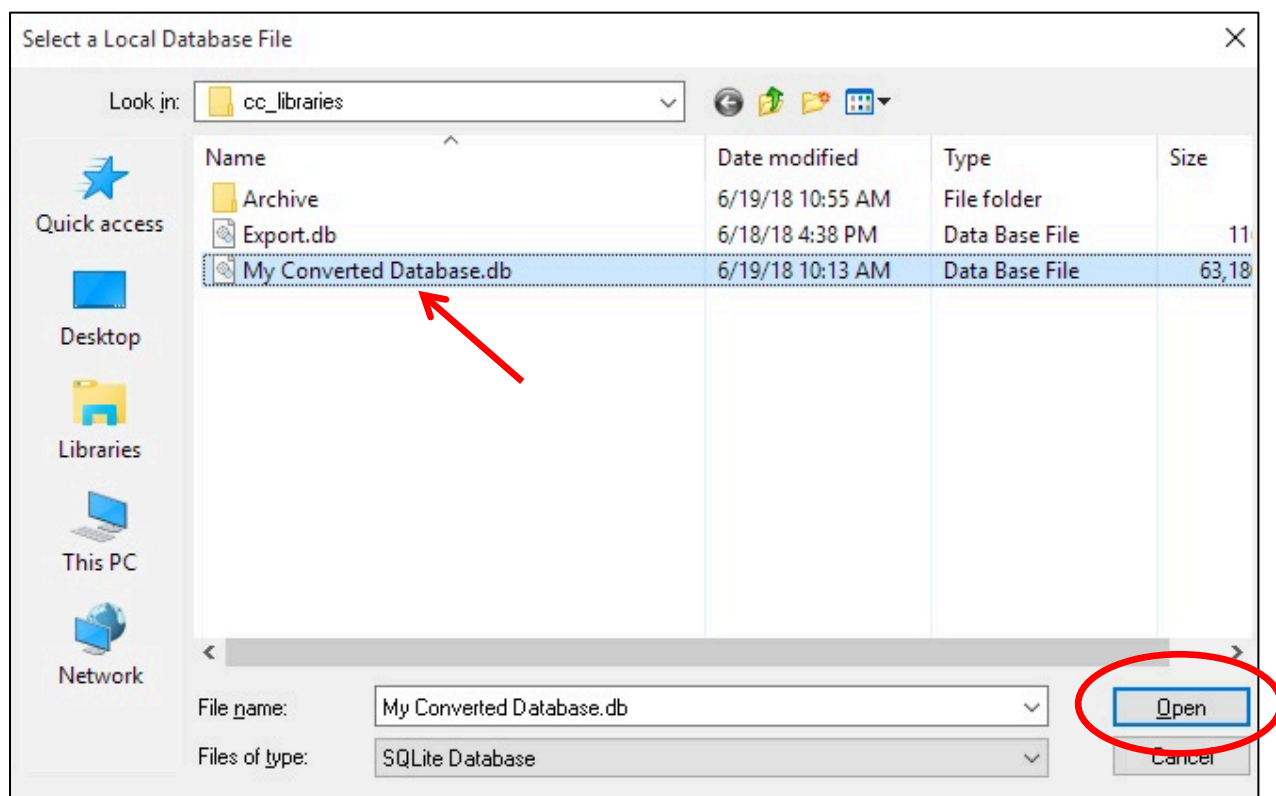
Mac: Macintosh HD/Users/Shared/ColroCert Data/cc_libraries



- Thay đổi Loại Xuất XML thành “Cơ Sở Dữ Liệu Cục Bộ” như được hiển thị bên trên.
- Nhấp vào nút có dấu chấm lửng (3 chấm) ngay phía trên nút kiểm tra.



- Điều hướng đến thư mục cc_libraries
- Nhấp vào cơ sở dữ liệu đã chuyển đổi của bạn để làm đánh dấu
- Nhấp vào nút “Mở”



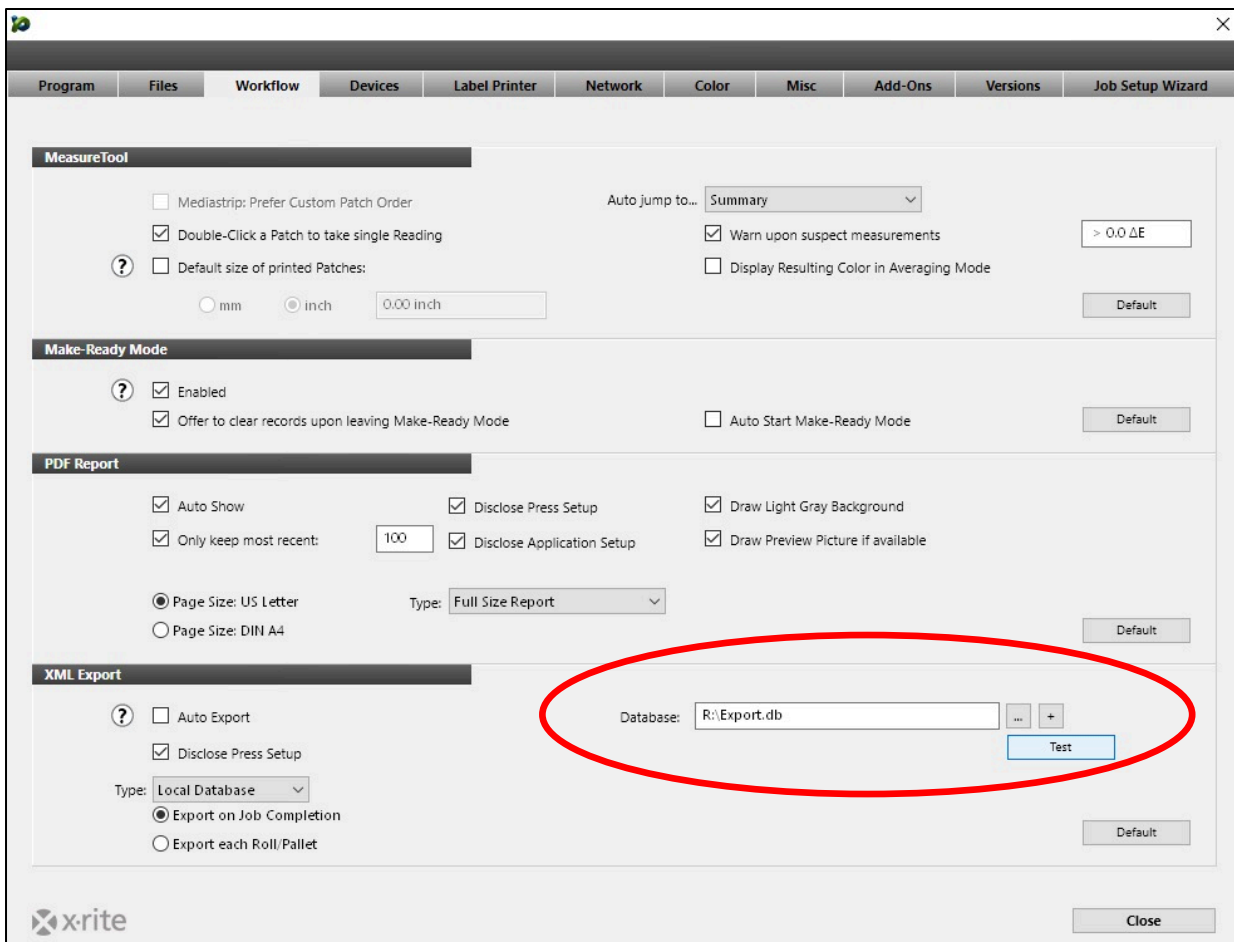
- Để kiểm tra kết nối của bạn với cơ sở dữ liệu này hãy Nhấp vào nút “Kiểm Tra”

Sử dụng cơ sở dữ liệu cục bộ trên ổ đĩa mạng chung

Xin Lưu Ý: Mặc dù có thể sử dụng Cơ Sở Dữ Liệu SQLite trên ổ đĩa mạng chung nhưng chỉ nên xem xét sử dụng trong những trường hợp chỉ có một vài máy trạm sẽ được kết nối đồng thời. Bất kỳ trường hợp nào nhiều hơn sẽ cần có Cơ Sở Dữ Liệu Máy Chủ SQL Server ở đầu cuối.

Bạn có thể sẽ cần yêu cầu bộ phận CNTT trợ giúp với cấu hình này. Các bước sau đây giả định kiến thức về cấu hình mạng và sẽ yêu cầu kiến thức về mạng của bạn cũng như các quyền thường chỉ dành cho những người trong bộ phận CNTT.

- Tạo một thư mục trên mạng cục bộ của bạn để chứa cơ sở dữ liệu của bạn
- Cho cơ sở dữ liệu vào thư mục này
- Ánh xạ thư mục này trên máy trạm của bạn
- Thay đổi Loại Xuất XML thành “Cơ Sở Dữ Liệu Cục Bộ” như được hiển thị bên trên.
- Nhấp vào nút có dấu chấm lửng (3 chấm) ngay phía trên nút kiểm tra.
- Điều hướng đến cơ sở dữ liệu trong ổ đĩa mạng được ánh xạ (xem hình ảnh bên dưới)
- Nhấp vào nút “Mở”
- Để kiểm tra kết nối của bạn với cơ sở dữ liệu này hãy Nhấp vào nút “Kiểm Tra”



Sử dụng một cơ sở dữ liệu MSSQL

Để triển khai Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng trong các hoạt động sẽ có nhiều hơn một vài máy trạm, Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng cũng hỗ trợ sử dụng các cơ sở dữ liệu MSSQL. Giải pháp Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert chỉ cần trở vào một cơ sở dữ liệu chuyên dụng trong Máy Chủ SQL của bạn.

Hình Học Thiết Bị và Cơ Sở Dữ Liệu Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng

Cơ sở dữ liệu đã được phát triển để sử dụng trong Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert hỗ trợ cả quang phổ góc kế góc đơn (eXact, 530, 939 và SpectroEye) và quang phổ kế Hình Cầu (SP62, SP64, Ci5c, Ci6x). Các sản phẩm cũ yêu cầu cơ sở dữ liệu riêng biệt cho các dạng hình học khác nhau.

Khi sử dụng thiết bị hình cầu, bạn có thể chọn Bao Gồm Ánh Sáng Phản Chiếu (SPIN) hoặc Loại Trừ Ánh Sáng Phản Chiếu (SPEX) làm chế độ đo. Khi được kết nối với một thiết bị góc đơn, các chế độ đo bao gồm M0, M1, M2 hoặc M3.

The screenshot shows the ColorCert software interface with the following components:

- QA Tools** window title bar.
- Menu bar: File, Edit, Database, Reporting, Window.
- Panel: [ColorCert Layout 2]
- Customer: None, Substrate: None.
- Observer: 2° (circled in red), **SPIN** (circled in red).
- Illumination: D50.
- Editors: [Dropdown]
- Measure Substrate: [Button]
- Standard: Ci64 Red.
- Lock to this Standard: [Checkbox]
- Trial Dates: [Fields]
- Trials** table:

	Std.	Trial	Delta
L	55.86	55.96	0.10
a	60.81	60.65	-0.16
b	40.84	40.64	-0.20
C	73.25	73.01	-0.24
h	33.89	33.83	-0.06
- DeltaE** table:

DeltaE	Time
0.10	2018-06-19 10:13:47
6.43	2018-06-19 08:49:06
0.12	2018-06-19 08:48:40
0.07	2018-06-19 08:48:32
0.00	2018-06-19 08:47:31
- Lab Plot** showing a scatter plot with a tolerance ellipse.
- Numbers** table:

Unit	Target	Sample	Diff	Tolerance	Result	Method	Diff	Tolerance	Result
L	55.86	55.96	0.10			ΔE_{00} (1:1:1)	0.12	3.00	✓
a	60.81	60.65	-0.16			[ΔE]	[0.27]		
b	40.84	40.64	-0.20						
C	73.26	73.01	-0.25						
h	33.89	33.83	-0.06						
Strength (SUM)	100%	98%	-2%						
- Colorspace: CIE Lab, Optional ΔE Formula: [ΔE].
- Footer: x-rite, Press, Edit Name, 2x1, CI-64UV, Close.

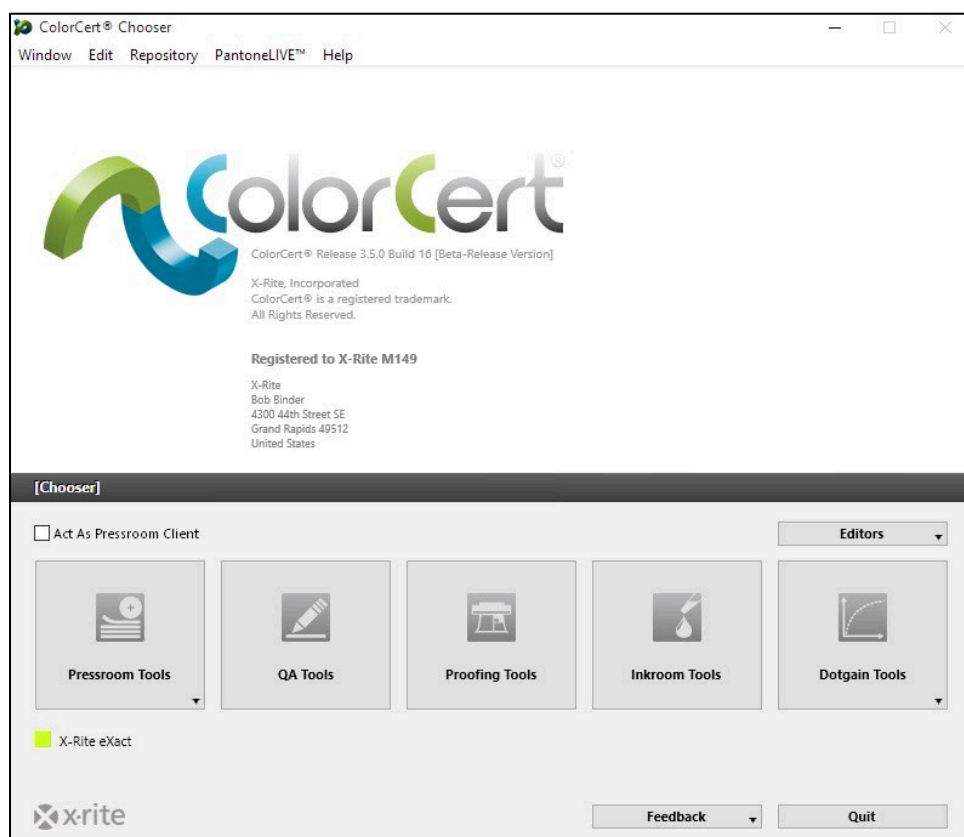
Mô-đun Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert

Phần này nói về giao diện Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert đồng thời cung cấp hướng dẫn từng bước để tạo tiêu chuẩn mới và đo mẫu.

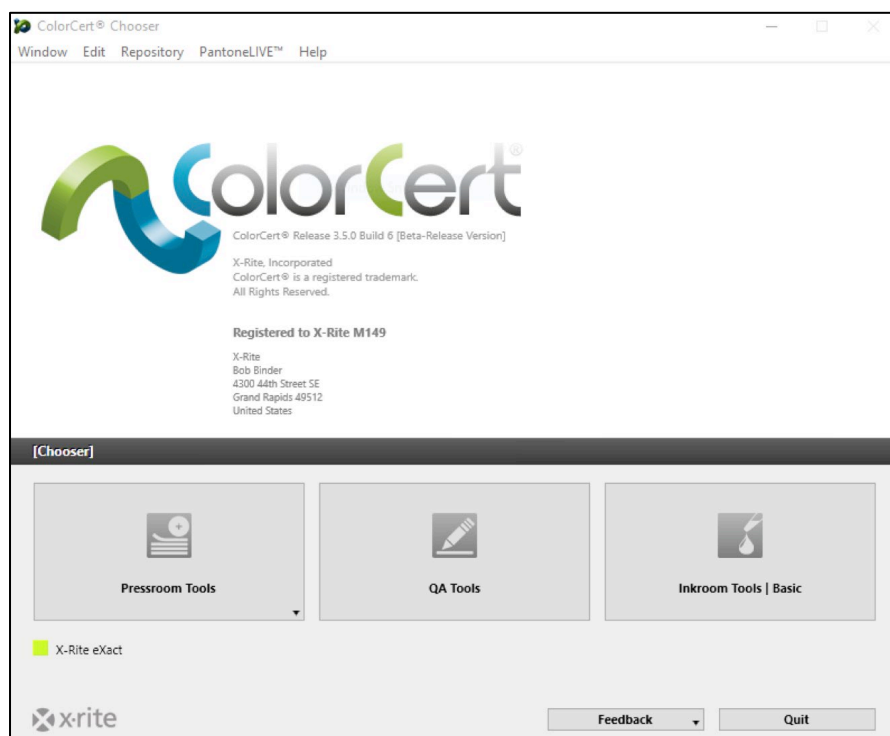
Trình Chọn

Cửa sổ chính được gọi là Trình Chọn. Cửa sổ này sẽ khác nhau tùy theo giấy phép bạn đã mua.

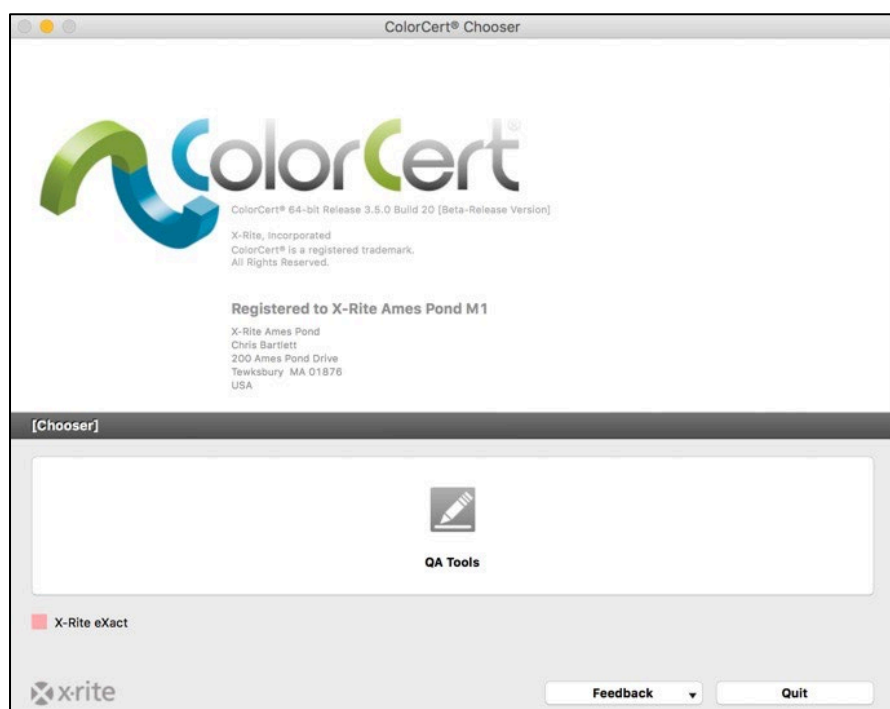
Phiên bản Trình Quản Lý của ColorCert được sử dụng để xác định Công Việc, Hồ Sơ, Quy Tắc, Ứng Dụng, Vật Liệu In, Mực và Dung Sai. Phiên bản này bao gồm tất cả các mô-đun khả dụng có Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng.



Máy Khách Buồng In có quyền truy cập vào Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng, cũng như Công Cụ Buồng In để xem các quy trình công việc dựa trên công việc và Công Cụ Buồng Mực để xem các kiểm tra Kiểm Soát Chất Lượng nhanh không được lưu vào cơ sở dữ liệu ColorCert.



Phiên bản Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng chỉ có quyền truy cập vào mô-đun công cụ Đảm Bảo Chất Lượng.



Phản Hồi

Từ menu trình chọn, bạn cũng có thể nhấp vào menu phản hồi. Từ đây, bạn có thể Đề Xuất một Tính Năng, Báo Cáo Lỗi hoặc Liên Hệ với bộ phận hỗ trợ hoặc đại diện bán hàng từ xrite.com. 90

Giao Diện Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng

Phần trên cùng của màn hình có các tùy chọn cho:

1. Áp dụng các bộ lọc để giới hạn lựa chọn màu tự động cho một Khách Hàng hoặc Dự Án cụ thể
2. Điều kiện đo
3. Nút chọn trình chỉnh sửa
4. Nút đo vật liệu in
5. Bộ lọc ngày
6. Nút khóa tiêu chuẩn

Tùy thuộc vào quyền của người dùng, bạn có thể có hoặc không có quyền truy cập vào tất cả các tính năng này.

The screenshot shows the ColorCert software interface with the following callouts:

- 1:** Points to the menu bar (File, Edit, Database, Reporting, Window).
- 2:** Points to the Observer and Illumination dropdown menus.
- 3:** Points to the Editors dropdown menu.
- 4:** Points to the Measure Substrate button.
- 5:** Points to the Trial Dates field.
- 6:** Points to the Lock to this Standard checkbox.

The interface displays a Lab View with a color chart, a Spectrum View with a graph, and a Trials table. The Best Match section shows a sample with a density of 1.44 and a Delta E of 0.42, compared to a best match with a density of 1.46 and a Delta E of 0.33. An Operating Range graph is also visible.

Std.	Trial	Dens
58.11	58.14	0.03
a	67.11	-0.41
b	66.70	-1.31
C	61.79	-1.19
92.12	90.93	-1.19
h	43.24	-0.42

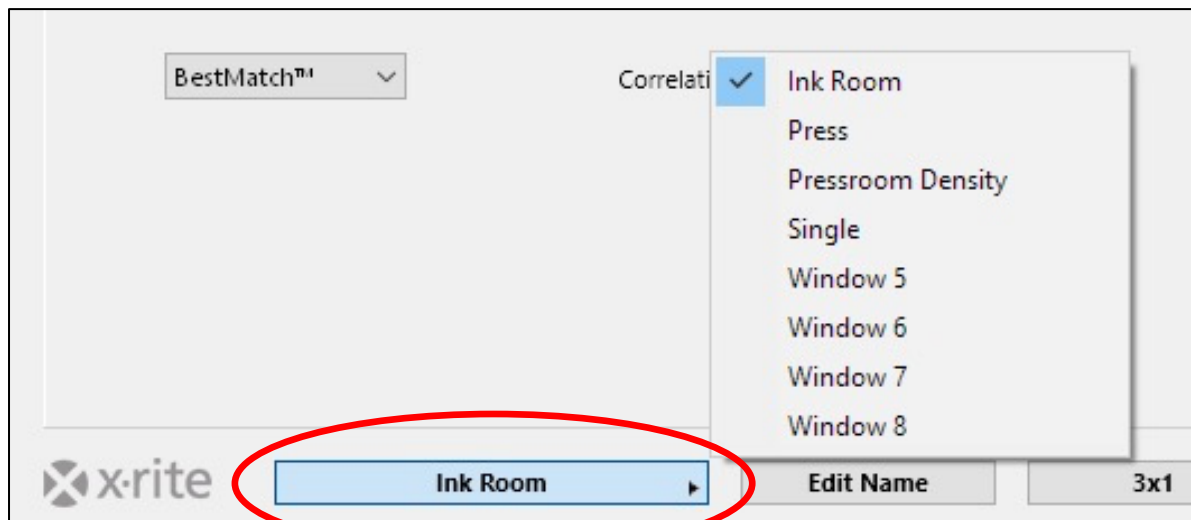
DeltaE	Time
0.42	2018-06-18 11:33:36
0.89	2018-06-18 11:33:31
2.27	2018-06-18 11:33:10
1.30	2018-06-18 11:33:03
1.14	2018-06-18 11:32:57
0.86	2018-06-18 11:32:52
0.61	2018-06-18 11:32:46
1.50	2018-06-18 11:32:40
0.41	2018-06-18 11:32:33
0.39	2018-06-18 11:32:29
0.30	2018-06-18 11:32:23

Phần dưới cùng của cửa sổ Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng có các chế độ xem dữ liệu có thể cấu hình của người dùng.

Cấu Hình Hiển Thị

Ở gần phần dưới cùng của màn hình chính, bạn sẽ thấy một nút cho phép bạn thay đổi chế độ xem dữ liệu đang được hiển thị.

Có 4 cấu hình hiển thị được cấu hình sẵn và 4 cấu hình hiển thị trống để bạn tạo chế độ xem dữ liệu tùy chỉnh của riêng mình. Bạn có thể thay đổi cấu hình hiển thị bằng cách nhấp vào nút được khoanh tròn dưới đây, sau đó chọn bất kỳ cấu hình hiển thị nào trong số 8 cấu hình hiển thị có sẵn bằng cách nhấp vào chúng trong danh sách chọn xuất hiện. Xin lưu ý rằng tên của nút lựa chọn này thay đổi để cho thấy cấu hình hiển thị hiện được chọn.



Cấu Hình Hiển Thị “Buồng Mực”

Cấu hình hiển thị “Buồng Mực” bao gồm những chế độ xem dữ liệu sau:

- Chế Độ Xem L*a*b* (biểu đồ tiêu chuẩn và mẫu hiện được chọn trên đồ thị L*a*b* cùng với dung sai được chỉ định)
- Chế Độ Xem Phổ (đường cong quang phổ của tiêu chuẩn và mẫu hiện được chọn)
- Thử Nghiệm (dữ liệu L*a*b* cho tiêu chuẩn và thử nghiệm cùng với dấu ngày và giờ)
- Trùng Khớp Nhất (Chế độ xem đồ thị mẫu hiện được chọn và tương quan của nó với tiêu chuẩn)

The screenshot displays the ColorCert software interface with the following components:

- Lab View:** A CIE L*a*b* color space diagram showing a standard and a sample point. The sample point is at approximately (1.44, 0.42).
- Spectrum View:** A graph showing the spectral reflectance curves for the standard and sample across a wavelength range from 400nm to 700nm.
- Trials Table:**

	Std.	Trial	Delta
L	58.11	58.14	0.03
a	67.11	66.70	-0.41
b	63.10	61.79	-1.31
C	92.12	90.93	-1.19
h	43.24	42.81	-0.42

DeltaE	Time
0.42	2018-06-18 11:33:36
0.89	2018-06-18 11:33:31
2.27	2018-06-18 11:33:10
1.30	2018-06-18 11:33:03
1.14	2018-06-18 11:32:57
0.86	2018-06-18 11:32:52
0.61	2018-06-18 11:32:46
1.50	2018-06-18 11:32:40
0.41	2018-06-18 11:32:33
0.39	2018-06-18 11:32:29
0.30	2018-06-18 11:32:23
- Best Match:**
 - Sample:** Dens: 1.44, ΔE: 0.42
 - Best Match:** Dens: 1.46 ✓, ΔE: 0.33
- Operating Range:** A graph showing the density range for the sample, with a shaded area indicating the acceptable range.

Cấu Hình Hiển Thị Máy In

Cấu hình hiển thị “Máy In” bao gồm những chế độ xem dữ liệu sau:

- Biểu Đồ L*a*b (Biểu đồ phân tán của tiêu chuẩn và thử nghiệm trên đồ thị L*a*b cùng với dung sai được chỉ định)
- Màu Trực Quan (Biểu thị trực quan của tiêu chuẩn và mẫu hiện tại)
- Thử Nghiệm (dữ liệu L*a*b* cho tiêu chuẩn và thử nghiệm cùng với dấu ngày và giờ)
- Trùng Khớp Nhất (Chế độ xem đồ thị mẫu và tương quan của nó với tiêu chuẩn)

The screenshot displays the ColorCert software interface with the following sections:

- Lab Plot:** A scatter plot showing L*a*b* values. The x-axis ranges from 60 to 75, and the y-axis ranges from 54 to 72. A black ellipse encloses a cluster of data points.
- Visual Color:** A large red square representing the color of the sample being measured.
- Trials:** A table listing measurement trials with their respective Delta E values and timestamps.

DeltaE	Time
0.42	2018-06-18 11:33:36
0.89	2018-06-18 11:33:31
2.27	2018-06-18 11:33:10
1.30	2018-06-18 11:33:03
1.14	2018-06-18 11:32:57
0.86	2018-06-18 11:32:52
0.61	2018-06-18 11:32:46
1.50	2018-06-18 11:32:40
0.41	2018-06-18 11:32:33
0.39	2018-06-18 11:32:29
0.30	2018-06-18 11:32:23
- Best Match:** A summary section showing the sample's density (1.44) and Delta E (0.42) compared to the best match's density (1.46) and Delta E (0.33). It includes a circular color reference and an "Operating Range" graph.

At the bottom, there are control buttons: Press, Edit Name, 3x1, eXact, and Close.

Cấu Hình Hiển Thị Mật Độ Buồng In

Cấu hình hiển thị “Buồng Mực” bao gồm những chế độ xem dữ liệu sau:

- Biểu Đồ L*a*b (Biểu đồ phân tán của tiêu chuẩn và thử nghiệm trên đồ thị L*a*b* cùng với dung sai được chỉ định)
- Mật Độ (biểu đồ mật độ cùng với dữ liệu cho cả 4 bộ lọc)
- Chi Tiết (Cho phép người điều hành nhập và xem số công việc cũng như ghi chú và thẻ cho thử nghiệm)
- Trùng Khớp Nhất (Chế độ xem đồ thị mẫu và tương quan của nó với tiêu chuẩn)

The screenshot displays the ColorCert software interface for measuring density. The main window is titled "QA Tools" and shows the following data and controls:

Customer/Project: Customer (selected), Project: None

Observer: 2°

Illumination: D50

Standard: PMS 1235 C

Lab Plot: A scatter plot showing density measurements for Cyan, Magenta, Yellow, and Black. The Y-axis ranges from 65 to 95, and the X-axis ranges from 10 to 35. A yellow oval highlights the cluster of points.

Density Table:

	Std.	Trial	Delta
Cyan	0.07	0.08	0.01
Magenta	0.37	0.40	0.03
Yellow	1.06	1.05	-0.01
Black	0.20	0.22	0.02

Bar Chart: A bar chart showing density values for Cyan (C), Magenta (M), Yellow (Y), and Black (K). The Y-axis ranges from -0.02 to 0.04.

Details: Job No: 20180625-032. Notes: Shutting down to wash the blankets. Tags: COATED.

Best Match: Sample Dens: 1.05 (Status-T (Y)), ΔE: 1.72 (2000). Best Match Dens: 1.00 (Status-T (Y)), ΔE: 1.43 (2000).

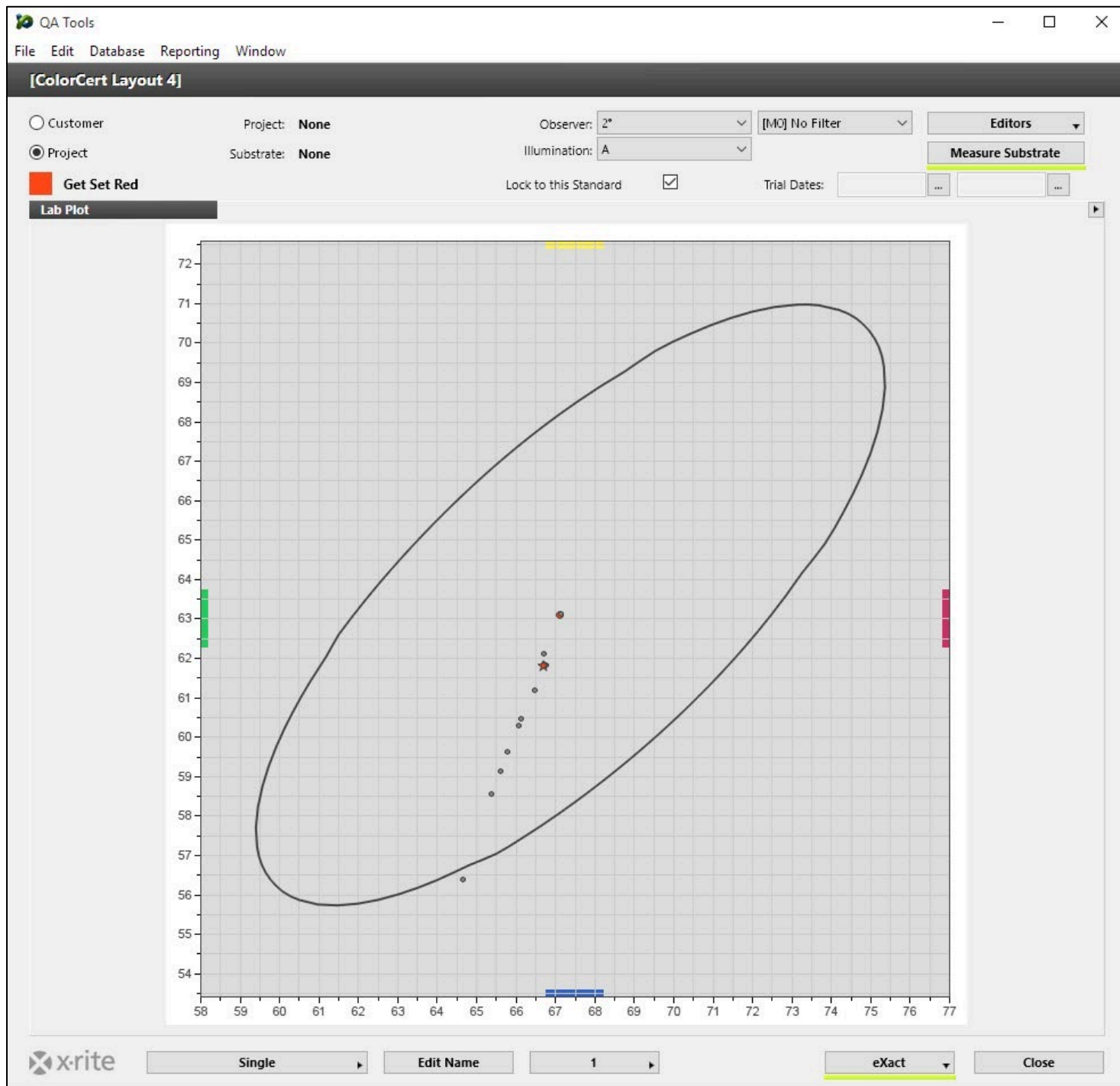
Operating Range: A graph showing the operating range for density measurements. The X-axis ranges from 0.75 to 1.20, and the Y-axis ranges from 0 to 4. A green shaded area indicates the operating range.

Controls: BestMatch™, Correlation Mode: Density, Method: Coated, Mode: Absolute.

Cấu Hình Hiển Thị Chế Độ Xem Đơn

Cấu hình hiển thị “Chế Độ Xem Đơn” bao gồm những chế độ xem dữ liệu sau:

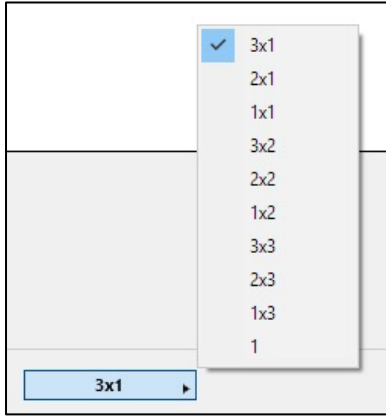
- Chế Độ Xem L^*a^*b (biểu đồ tiêu chuẩn và mẫu trên đồ thị $L^*a^*b^*$ cùng với dung sai được chỉ định)



Thay đổi bố cục

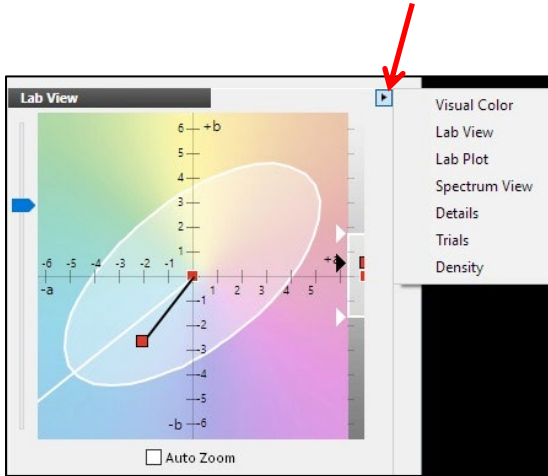
ColorCert cho phép bạn tùy chỉnh tất cả 8 cấu hình dữ liệu tiêu chuẩn, bao gồm cả 4 cấu hình tích hợp. Ở gần phần dưới cùng của màn hình chính, bạn sẽ thấy hai nút. Một nút được dán nhãn bằng chữ “Cửa Sổ”, theo sau là một số (hoặc tên cấu hình tiêu chuẩn, tức là “Buồng Mực”) và nút thứ hai là một cặp số (hoặc chỉ là số 1).

Các nút có số được sử dụng để chọn số và sắp xếp các bảng dữ liệu trên màn hình này.

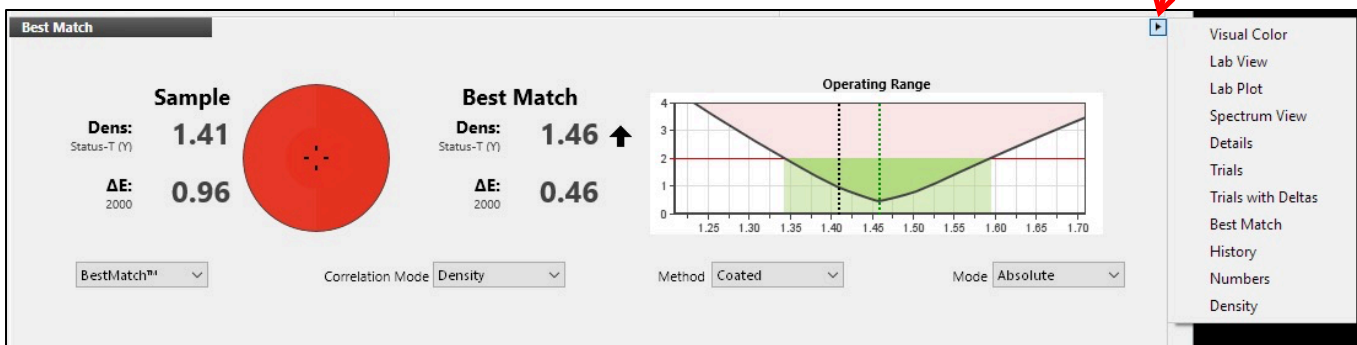


Màn hình có hai hàng bảng dữ liệu. Số đầu tiên trong danh sách thả xuống là để chỉ số lượng bảng trong hàng đầu tiên và số thứ hai là để chỉ số lượng bảng trong hàng thứ hai. Màn hình ví dụ trên trang trước là bố cục 3x1. Tùy chọn cuối cùng, số 1, cho phép bạn chọn một bảng dữ liệu đơn lẻ để lấp đầy toàn bộ màn hình.

Sau khi bạn đã chọn cách sắp xếp bảng dữ liệu của mình, bạn có thể chọn xem dữ liệu trong mỗi bảng bằng cách nhấp vào biểu tượng mũi tên ở góc trên cùng bên phải của mỗi bảng.

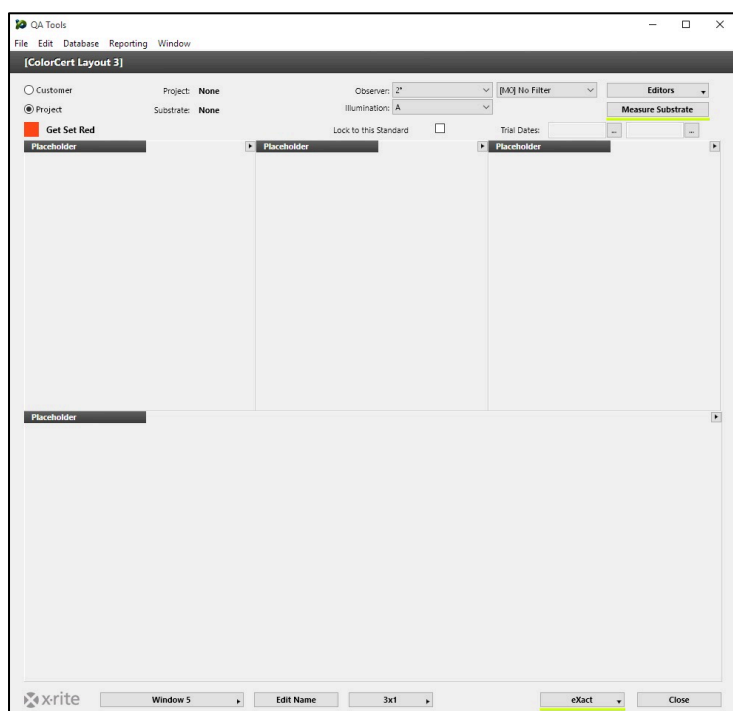


Xin lưu ý rằng một vài chế độ xem dữ liệu (chẳng hạn như “Trùng Khớp Nhất”) chỉ khả dụng trong một bảng dữ liệu trên toàn cấu hình, như được hiển thị bên dưới. Điều này

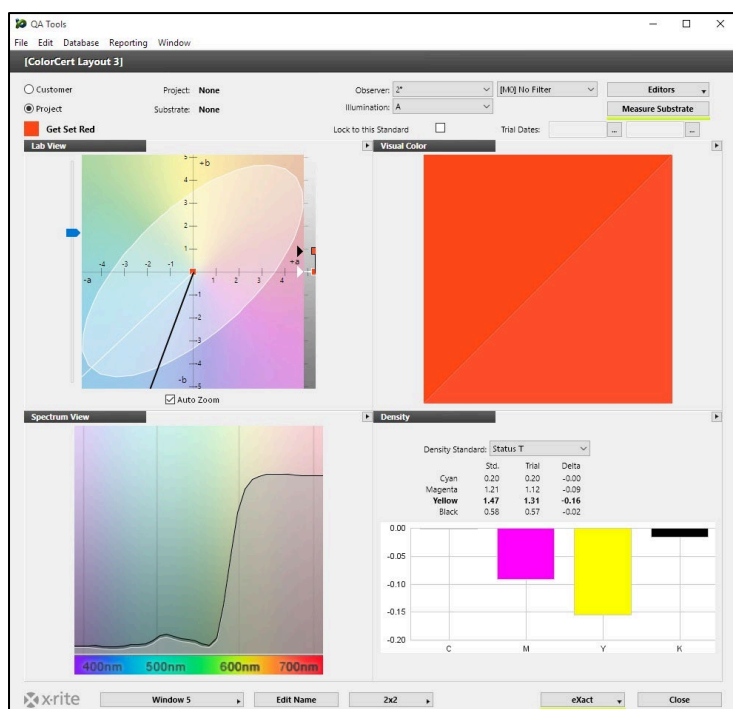


Nút “Cửa Sổ” được sử dụng để lưu những bố cục màn hình cụ thể. Điều này cho phép bạn nhanh chóng nhắc lại chúng trong quá trình sản xuất. Ví dụ, bạn có thể muốn lưu các bố cục cụ thể cho các khách hàng cụ thể, hoặc bạn có thể có những người điều hành in thích một chế độ xem dữ liệu độc nhất.

Lần đầu tiên bạn mở các bố cục Cửa Sổ 5, 6, 7 hoặc 8, bạn sẽ thấy phần nhập dữ liệu.



Để tạo chế độ xem tùy chỉnh mới, chỉ cần chọn cấu hình bố cục bằng các sử dụng các nút có số, sau đó chọn chế độ xem cho mỗi bảng dữ liệu. Trong ví dụ bên dưới, tôi đã chọn Cửa Sổ 5, chọn bố cục 2x2, và sau đó thêm 4 chế độ xem dữ liệu đồ họa.



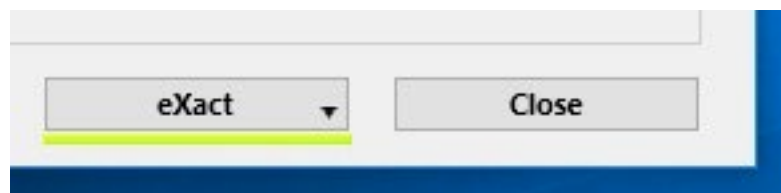
Công cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert sẽ tự động ghi nhớ cấu hình này. Tại thời điểm này, bạn có thể nhấp vào nút “Cửa Sổ Số” để quay lại chế độ xem đã lưu trước đó. Bằng cách nhấp vào nút “Cửa Sổ Số” và chọn “Cửa Sổ 4” bạn sẽ quay lại cấu hình cụ thể này. Bạn không cần thực hiện hành động cụ thể nào để lưu cấu hình, ColorCert ghi nhớ các cấu hình gần đây nhất của bạn.

Đo Lường Thử Nghiệm

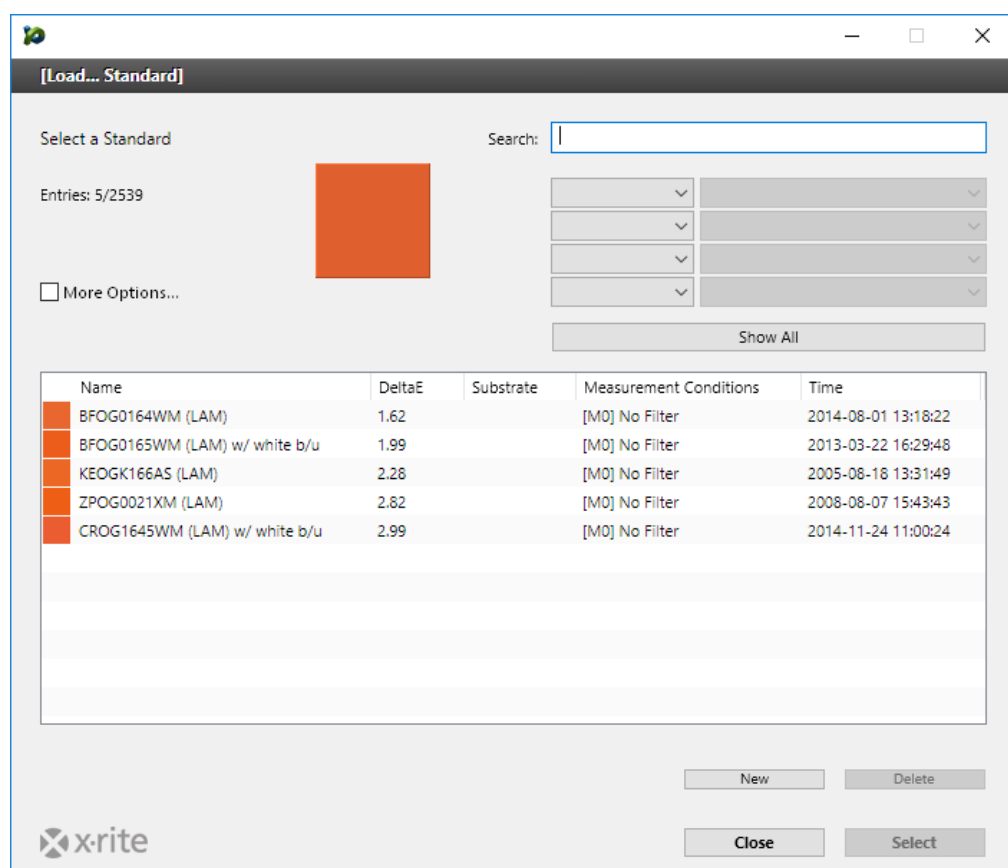
Tìm Kiếm

Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert có thể tìm kiếm cơ sở dữ liệu về các tiêu chuẩn màu và hiển thị danh sách các tiêu chuẩn có màu rất giống với thử nghiệm được đo. Sau đó bạn có thể chọn tiêu chuẩn màu phù hợp.

Để sử dụng tính năng này, hãy đảm bảo rằng thiết bị đo của bạn được bật và phần mềm đã thiết lập kết nối với thiết bị như được hiển thị bằng dòng màu xanh lá cây dưới nút thiết bị gần phần dưới cùng của cửa sổ phần mềm.



Sau đó, bạn chỉ cần đo một cái gì đó. Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert có khả năng tìm một hoặc nhiều tiêu chuẩn giống (như được xác định trong cài đặt phần mềm), danh sách các tiêu chuẩn này sẽ được hiển thị. Bạn có thể nhấp đúp vào bất kỳ tiêu chuẩn nào trong danh sách để chọn.



[Load... Standard]

Select a Standard

Entries: 5/2539

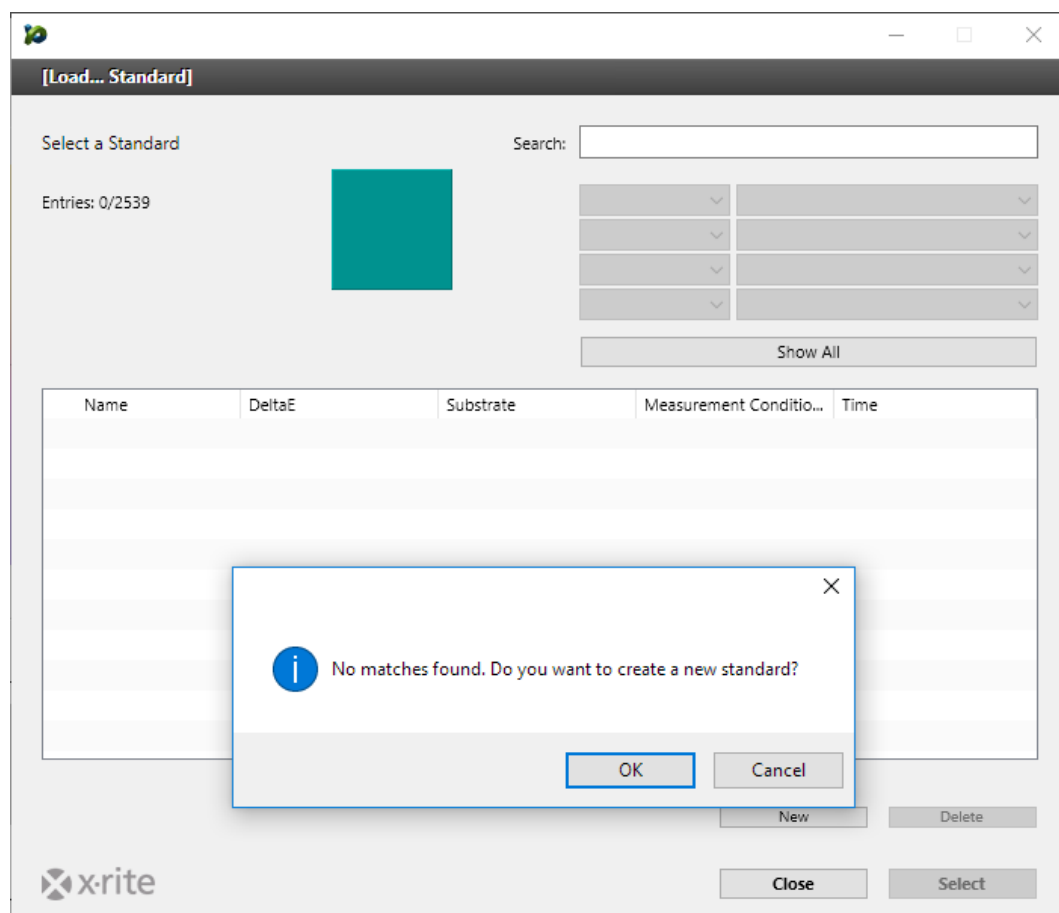
More Options...

Search:

Name	DeltaE	Substrate	Measurement Conditions	Time
BFOG0164WM (LAM)	1.62		[M0] No Filter	2014-08-01 13:18:22
BFOG0165WM (LAM) w/ white b/u	1.99		[M0] No Filter	2013-03-22 16:29:48
KEOGK166AS (LAM)	2.28		[M0] No Filter	2005-08-18 13:31:49
ZPOG0021XM (LAM)	2.82		[M0] No Filter	2008-08-07 15:43:43
CROG1645WM (LAM) w/ white b/u	2.99		[M0] No Filter	2014-11-24 11:00:24

Buttons: New, Delete, Close, Select

Nếu không có tiêu chuẩn nào giống với kết quả đo được, Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng sẽ hiển thị thông báo hỏi xem bạn có muốn tạo một tiêu chuẩn mới hay không.



Để tạo một tiêu chuẩn mới, nhấp vào nút “OK” và tiếp tục như được mô tả trong phần “tạo tiêu chuẩn mới”.

Các Chế Độ Dự Án, Khách Hàng, và Vật Liệu In

Giới hạn lựa chọn màu

Trong một số trường hợp, việc truy vấn toàn bộ cơ sở dữ liệu sẽ hữu ích khi sử dụng chức năng tìm kiếm. Tuy nhiên, nếu bạn có một cơ sở dữ liệu màu tương đối lớn thì việc truy vấn có thể làm hiển thị một số lượng lớn màu mà bạn có thể chọn.

Bạn sẽ thấy hữu ích khi giới hạn việc lựa chọn các màu có sẵn trong một khách hàng, dự án cụ thể hoặc những màu đi kèm với một vật liệu in cụ thể. Việc này được thực hiện bằng cách sử dụng các trình chọn lọc.

The screenshot shows the ColorCert software interface with the following components:

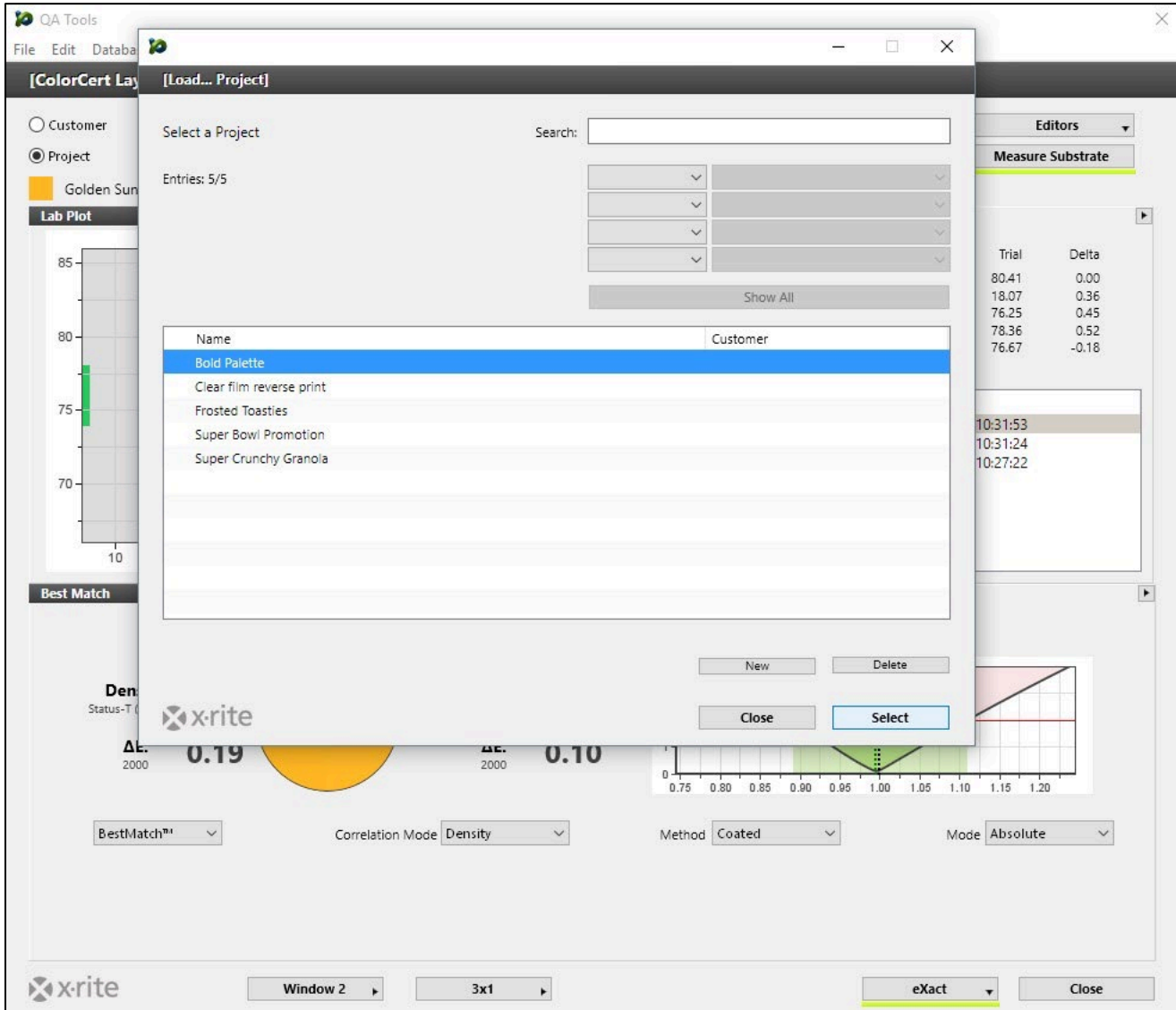
- Top Menu:** File, Edit, Repository, PantoneLIVE™, Database, Reporting, Window.
- Project Selection:** A red circle highlights the 'Project' radio button and the 'None' options for 'Project' and 'Substrate'.
- Color Standard:** 'BC Purple' is selected.
- Lab View:** A color wheel showing the selected color's position.
- Spectrum View:** A graph showing the color's spectral reflectance from 400nm to 700nm.
- Trials Table:**

Std.	Trial	Delta	
L	50.13	49.75	-0.39
a	75.07	75.40	0.33
b	-4.83	-4.32	0.51
C	75.23	75.53	0.30
n	356.32	356.72	0.40
- Best Match Section:**
 - Sample:** Dens: 1.35, ΔE: 0.44
 - Best Match:** Dens: 1.33, ΔE: 0.02
 - Operating Range:** A graph showing the density range for the color.
- Bottom Controls:** BestMatch™, Correlation Mode: Density, Method: Coated, Mode: Absolute.

Để lựa chọn bộ lọc, nhấp vào nút tùy chọn Khách Hàng hoặc Dự Án. Sau đó nhấp vào từ “Không Có” ở bên phải nút Khách Hàng. Thao tác này sẽ hiển thị một danh sách để bạn lựa chọn bằng cách nhấp đúp vào mục mong muốn.

Bạn cũng có thể nhấp vào từ “Không Có” bên cạnh nút Vật Liệu In và chọn một vật liệu in để chỉ tìm kiếm những màu đi kèm với vật liệu in đó.

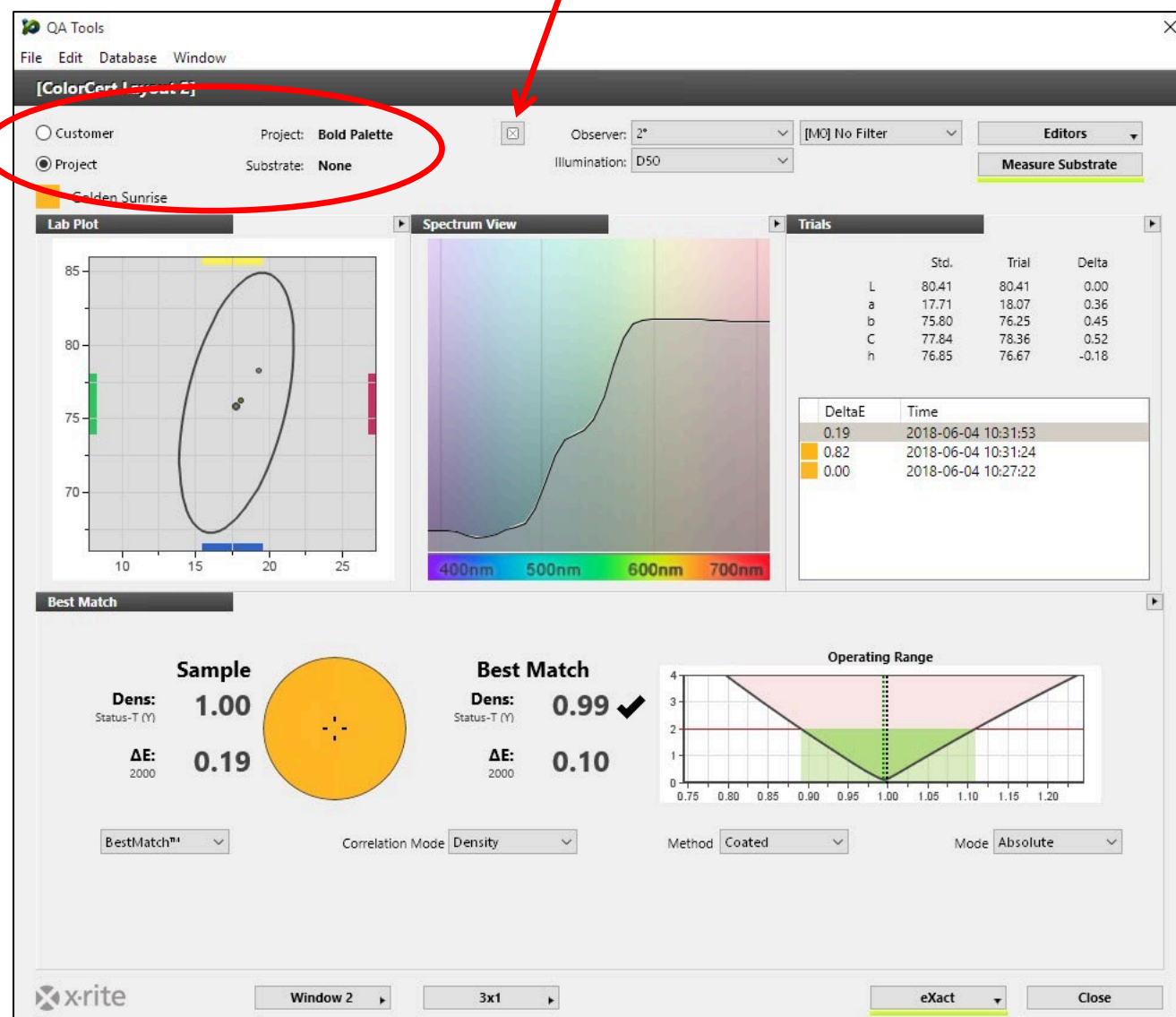
Nếu bạn cần, có một ô tìm kiếm gần phía trên cùng của cửa sổ lựa chọn để giúp bạn tìm thứ bạn muốn.



Sau khi bạn ở chế độ Dự Án, Khách Hàng hoặc Vật Liệu In, ColorCert sẽ chỉ tìm kiếm trong nhóm nhỏ các tiêu chuẩn đã chọn.

Bạn sẽ thấy tên Dự Án, Khách Hàng hoặc Vật Liệu In được hiển thị để cho biết bạn đang ở một trong các chế độ này.

Để thoát chế độ Dự Án hoặc Khách Hàng, nhấp vào nút “X” ở bên phải tên Dự Án, Khách Hàng hoặc Vật Liệu In.



Tự Động Chấp Nhận Tiêu Chuẩn

Khi bạn ở chế độ dự án, Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert sẽ tự động chấp nhận tiêu chuẩn nằm trong phạm vi dung sai được xác định trong cài đặt mặc định của bạn. Điều này giúp tiết kiệm thời gian vì không cần phải chọn tiêu chuẩn từ danh sách.

Lựa Chọn Tiêu Chuẩn Theo Cách Thủ Công

Khi bạn ở chế độ Dự Án hoặc Khách Hàng, bạn có thể chuyển đổi giữa các màu bằng cách nhấp đúp vào tên màu ngay bên dưới nút tùy chọn chế độ Khách Hàng và Dự Án. Thao tác này sẽ hiển thị một danh sách các màu được chỉ định cho Dự Án hoặc Khách Hàng.

Cũng có thể làm tương tự khi không ở chế độ dự án hoặc khách hàng nhưng danh sách các tiêu chuẩn màu được hiển thị có thể dài do tất cả các tiêu chuẩn trong cơ sở dữ liệu của bạn sẽ được hiển thị trong danh sách được hiển thị.

Nhấp vào tên màu ở đây

The screenshot shows the 'Load... Standard' dialog box in the ColorCert software. A red arrow points to the 'Project' radio button, and a red oval highlights a table of color standards. The table lists the following data:

Name	Substrate	Measurement Conditions	Time
Blazing Sunset		[M0] No Filter	2018-06-04 09:33:41
Golden Sunrise		[M0] No Filter	2018-06-04 10:27:27

The dialog box also includes a search field, a 'Show All' button, and buttons for 'New', 'Load...', 'Delete', 'Close', and 'Select'. The background shows the main software interface with a 'Lab Plot' and 'Best Match' section.

Khóa Tiêu Chuẩn

Nếu bạn muốn khóa tiêu chuẩn để nó không thay đổi, bất kể thử nghiệm được đo, hãy đánh dấu chọn “Khóa Tiêu Chuẩn này”.

Khi bạn phải liên tục đo lường các thử nghiệm được liên kết với cùng một tiêu chuẩn, việc này sẽ giúp bạn không phải chọn tiêu chuẩn từ danh sách mỗi khi ghi chỉ số đọc.

The screenshot shows the ColorCert software interface with the following components:

- Top Bar:** QA Tools, File, Edit, Database, Reporting, Window.
- Configuration:**
 - Customer: Project:
 - Project: **Get Set Red**
 - Project: **None**, Substrate: **None**
 - Observer: 2°, Illumination: A
 - Lock to this Standard: (highlighted with a red circle)
 - Editors: [MO] No Filter
 - Measure Substrate:
- Lab Plot:** A scatter plot showing data points within a defined boundary.
- Visual Color:** A large red square representing the color of the sample.
- Trials:**

	Std.	Trial	Delta
L	58.11	58.14	0.03
a	67.11	66.70	-0.41
b	63.10	61.79	-1.31
C	92.12	90.93	-1.19
n	43.24	42.81	-0.42

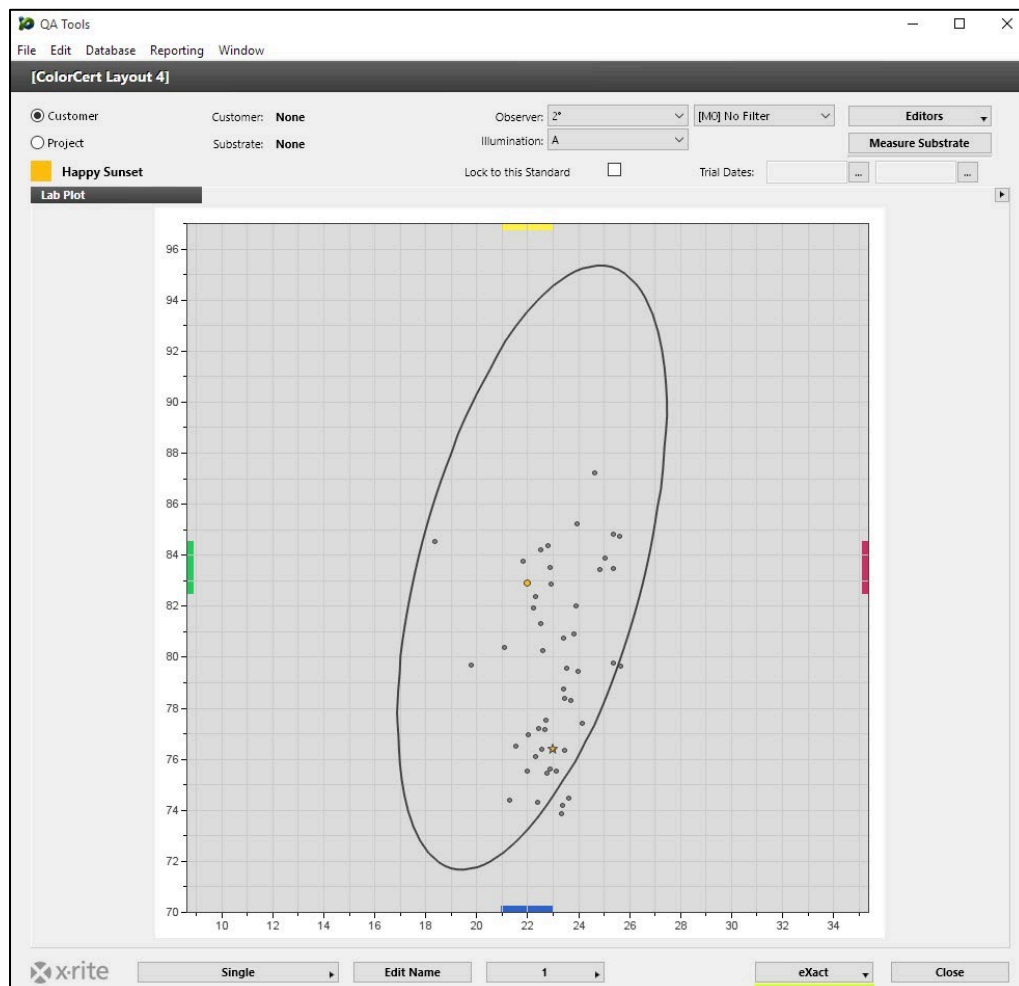
DeltaE	Time
0.42	2018-06-18 11:33:36
0.89	2018-06-18 11:33:31
2.27	2018-06-18 11:33:10
1.30	2018-06-18 11:33:03
1.14	2018-06-18 11:32:57
0.86	2018-06-18 11:32:52
0.61	2018-06-18 11:32:46
1.50	2018-06-18 11:32:40
0.41	2018-06-18 11:32:33
0.39	2018-06-18 11:32:29
0.30	2018-06-18 11:32:23
- Best Match:**
 - Sample: Dens: 1.44, ΔE : 0.42
 - Best Match: Dens: 1.46 ✓, ΔE : 0.33
- Operating Range:** A graph showing a parabolic curve with a shaded area below it, representing the acceptable range for density measurements.
- Settings:**
 - BestMatch™:
 - Correlation Mode: Density
 - Method: Coated
 - Mode: Absolute
- Footer:** x-rite, Press, Edit Name, 3x1, eXact, Close.

Giới Hạn Thử Nghiệm theo Ngày

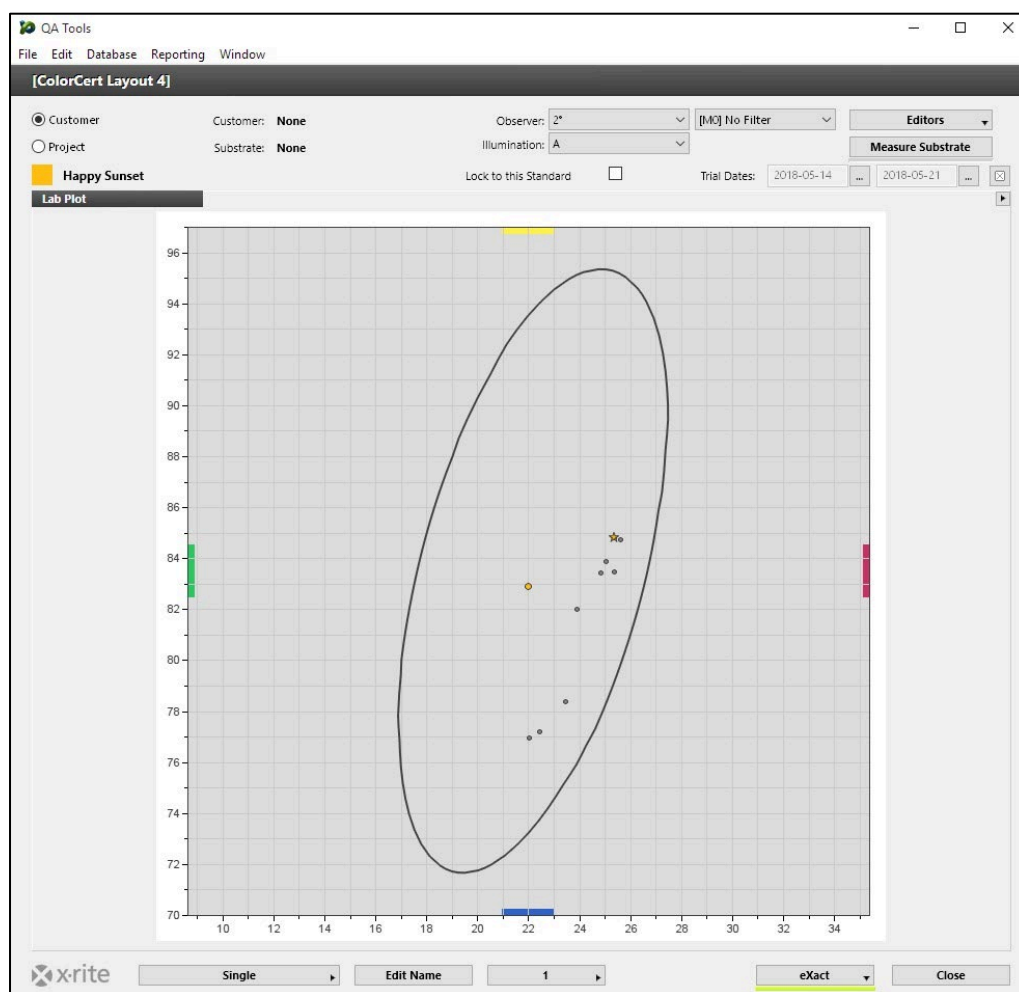
Khi bạn tiếp tục đo lường hoạt động sản xuất, bạn sẽ tích lũy được vô số dữ liệu thử nghiệm. Đôi khi việc giới hạn dữ liệu được hiển thị trong một phạm vi ngày cụ thể sẽ hữu ích. Trong một số trường hợp, bạn có thể chỉ muốn xem công việc đang chạy hôm nay, hoặc bạn cần xem lại dữ liệu trước đó để xem lượt chạy trước.

Có thể làm việc này bằng cách nhập ngày Bắt Đầu và ngày Kết Thúc vào bộ lọc ngày của thử nghiệm.

Hình ảnh dưới đây thể hiện một biểu đồ phân tán khi không áp dụng bộ lọc ngày.



Đây cũng là dữ liệu khi áp dụng bộ lọc ngày nhằm giới hạn chế độ xem của chúng tôi trong phạm vi từ ngày 14 tháng 5 năm 2018 đến ngày 21 tháng 5 năm 2018.



Phép Đo Vật Liệu In

Có một số chỉ số cần đo lường vật liệu in để hoàn thành công tác tính toán. Ví dụ về chỉ số này là mật độ ở chế độ tương đối (mật độ trừ giấy), cũng như dữ liệu Trùng Khớp Nhất. Nếu bạn thực hiện phép đo mẫu, nhưng không đo vật liệu in, các thuộc tính cụ thể này sẽ không hiển thị.

The screenshot displays the ColorCerte software interface with the following components:

- Menu Bar:** File, Edit, Repository, PantoneLIVE™, Database, Reporting, Window
- Project Settings:**
 - Customer: Customer
 - Project: Project
 - Substrate: None
 - Observer: 2°
 - Illumination: D50
 - Filter: [MC] No Filter
 - Editors: [Dropdown]
 - Measure Substrate: [Button]
- Standard:** BC Purple (Lock to this Standard:)
- Lab View:** CIE L*a*b* color space plot with axes from -11 to 11. Includes an "Auto Zoom" checkbox.
- Spectrum View:** Graph showing reflectance vs wavelength (400nm to 700nm).
- Trials Table:**

	Std.	Trial	Delta
L	50.13	49.75	-0.39
a	75.07	75.40	0.33
b	-4.83	-4.32	0.51
C	75.23	75.53	0.30
h	356.32	356.72	0.40

DeltaE	Time
0.44	2018-06-20 12:33:39
0.16	2018-06-20 12:33:35
0.07	2018-06-20 12:33:30
0.70	2018-06-20 12:33:26
0.92	2018-06-20 12:33:21
0.86	2018-06-20 12:33:16
0.87	2018-06-20 12:33:12
0.84	2018-06-20 12:33:08
0.32	2018-06-20 12:33:02
0.08	2018-06-20 12:32:59
0.11	2018-06-20 12:32:54
- Best Match:** Visual comparison area with grayscale, color, and circular color patches. Includes a "Symbols" dropdown.
- Footer:** xrite logo, Window 5, Edit Name, 3x1, eXact, Close.

Đề đo vật liệu in:

1. Nhấp vào nút Đo Vật Liệu In
2. Thực hiện phép đo khi được nhắc

Dữ liệu còn thiếu giờ sẽ hiển thị.

The screenshot shows the ColorCert software interface with the following components:

- Top Bar:** QA Tools, File, Edit, Repository, PantoneLIVE™, Database, Reporting, Window.
- ColorCert Layout 1:**
 - Customer: Customer, Project: Project
 - Project: **BC Purple**
 - Observer: 2°, Illumination: D50, [M0] No Filter
 - Substrate: **None**
 - Editors: **Measure Substrate** (highlighted with a red arrow)
- Lab View:** CIE color space plot with a white circle and a red square indicating the sample position.
- Spectrum View:** Graph showing reflectance vs wavelength (400nm to 700nm).
- Trials Table:**

	Std.	Trial	Delta
L	50.13	49.75	-0.39
a	75.07	75.40	0.33
b	-4.83	-4.32	0.51
C	75.23	75.53	0.30
h	356.32	356.72	0.40

DeltaE	Time
0.44	2018-06-20 12:33:39
0.16	2018-06-20 12:33:35
0.07	2018-06-20 12:33:30
0.70	2018-06-20 12:33:26
0.92	2018-06-20 12:33:21
0.86	2018-06-20 12:33:16
0.87	2018-06-20 12:33:12
0.84	2018-06-20 12:33:08
0.32	2018-06-20 12:33:02
0.08	2018-06-20 12:32:59
0.11	2018-06-20 12:32:54
- Best Match:**
 - Sample: Dens: 1.35 (Status-T (M)), ΔE: 0.44 (2000)
 - Best Match: Dens: 1.33 (Status-T (M)), ΔE: 0.02 (2000)
 - Operating Range: Graph showing density vs ΔE with a green shaded area.
 - Method: Coated, Mode: Absolute
- Footer:** xrite, Window 5, Edit Name, 3x1, eXact, Close

Tạo Tiêu Chuẩn Màu Mới

Để tạo tiêu chuẩn màu mới:

- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Tiêu Chuẩn...

The screenshot shows the ColorCert software interface with the 'Editors' menu open. The 'Edit Standards...' option is highlighted. The interface displays various data points and graphs, including a Lab Plot, Spectrum View, and Trials table.

Std.	L	a	b	C	h
	51.40	27.12	53.70	85.83	38.56
	52.60	-0.90	85.01	-0.83	38.23

DeltaE	Time
0.31	2018-06-04 10:31:32
0.12	2018-06-04 10:27:11
0.62	2018-06-04 10:26:14
0.22	2018-06-04 10:26:05
0.97	2018-06-04 09:38:08
0.29	2018-06-04 09:38:02
0.12	2018-06-04 09:37:55
0.47	2018-06-04 09:37:48

Best Match

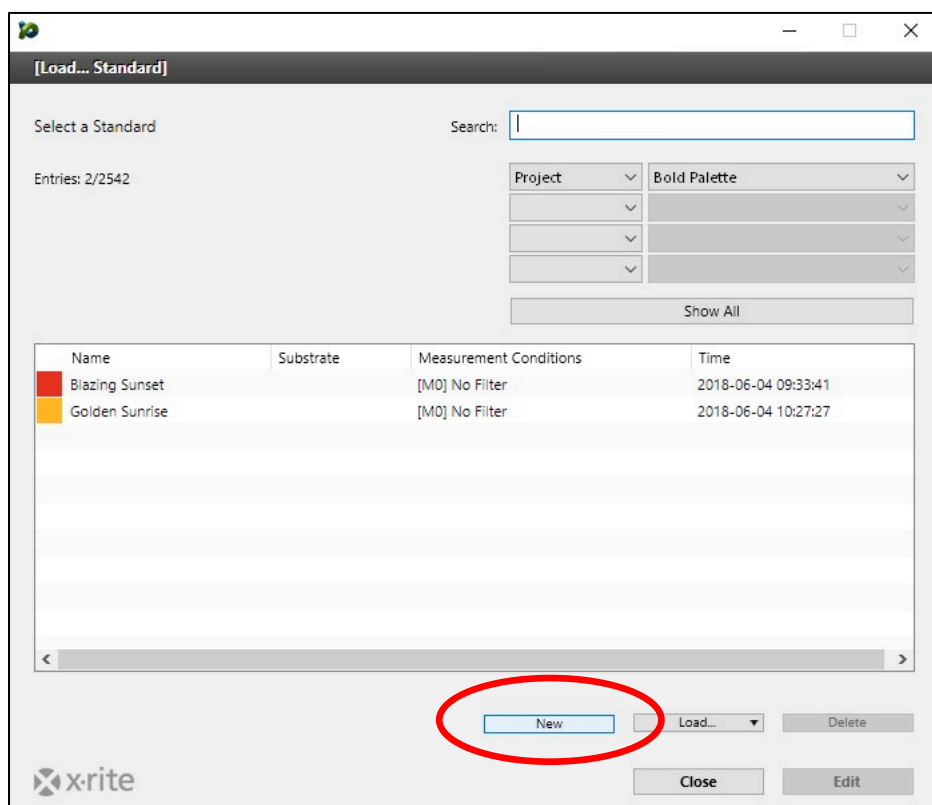
Sample
 Dens: 1.46
 Status-T (Y)
 ΔE: 0.31
 2000

Best Match
 Dens: 1.46 ✓
 Status-T (Y)
 ΔE: 0.31
 2000
 Cannot be Improved.

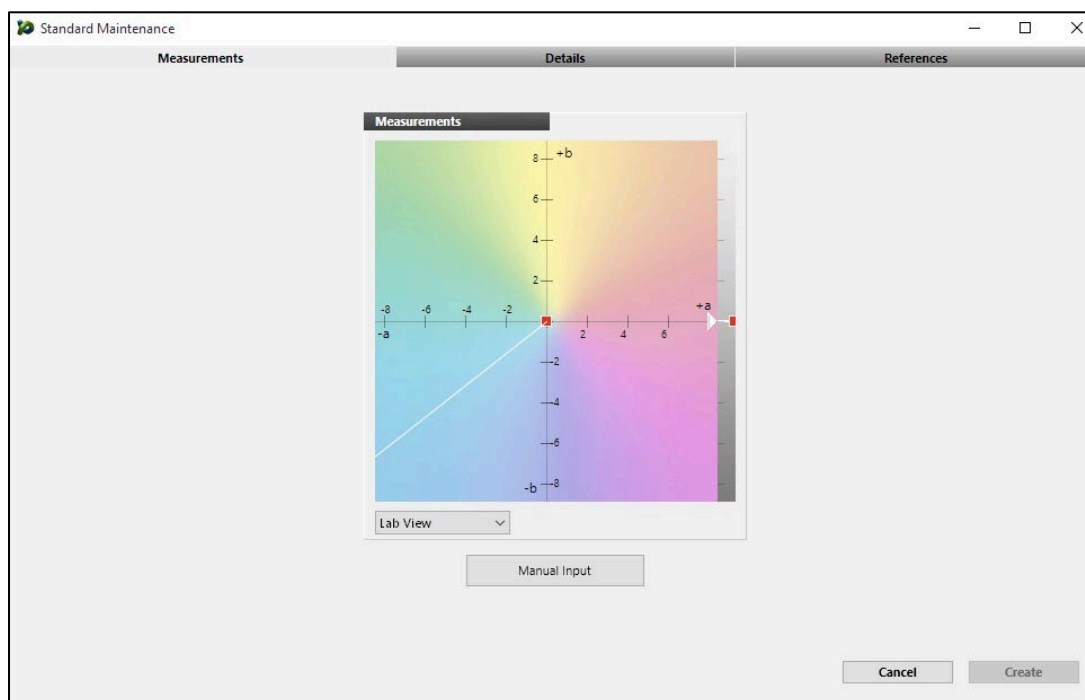
Operating Range

Method: Coated
 Mode: Absolute

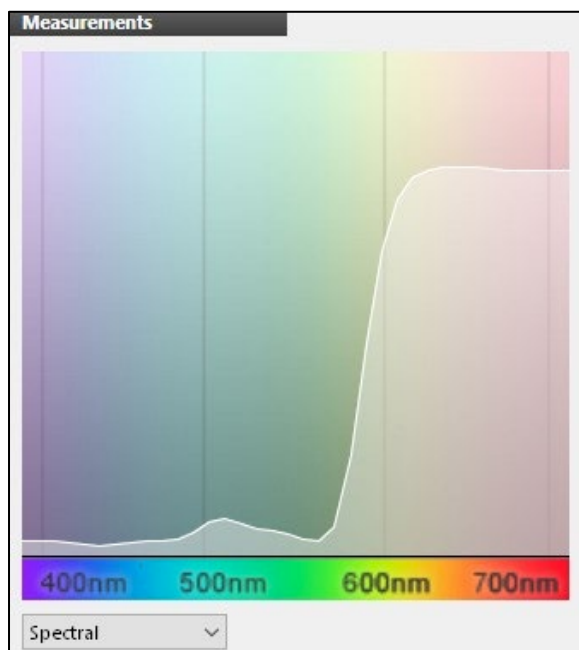
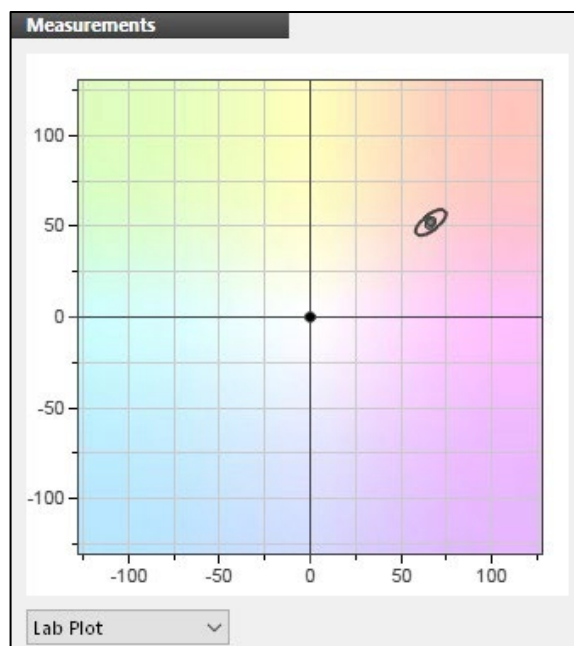
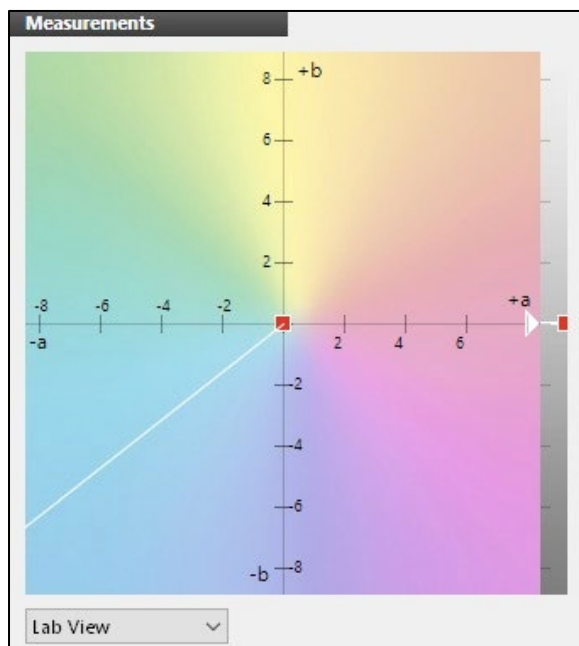
- Nhấp vào nút “Mới”.



Ở màn hình tiếp theo, chỉ cần sử dụng quang phổ kế đã được kết nối của bạn để đo tiêu chuẩn của bạn. Bạn cũng có thể nhấp vào nút “Nhập Thủ Công” để tạo các tiêu chuẩn bằng cách nhập $L^*a^*b^*$ hoặc dữ liệu quang phổ. Để biết thông tin về việc sử dụng PantoneLIVE để tạo tiêu chuẩn, vui lòng xem phần PantoneLIVE.



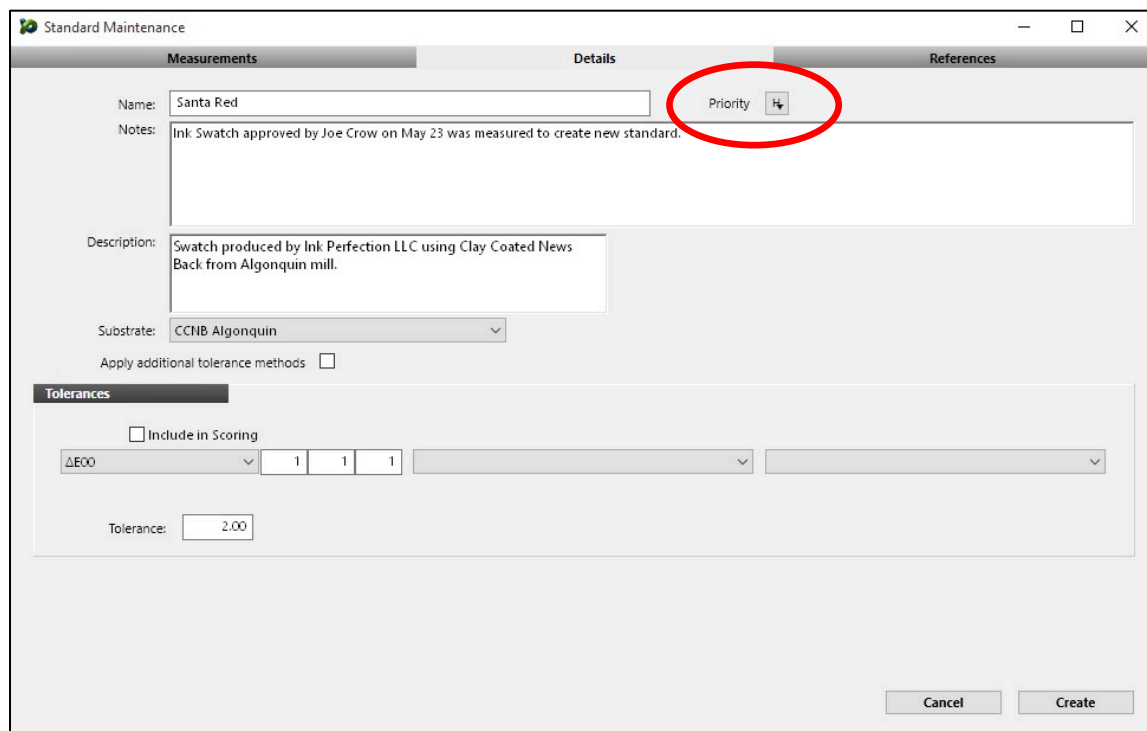
Bạn có thể nhấp vào nút “Chế Độ Xem Phòng Thí Nghiệm” để xem các chế độ xem khác nhau của tiêu chuẩn mà bạn đã đo.



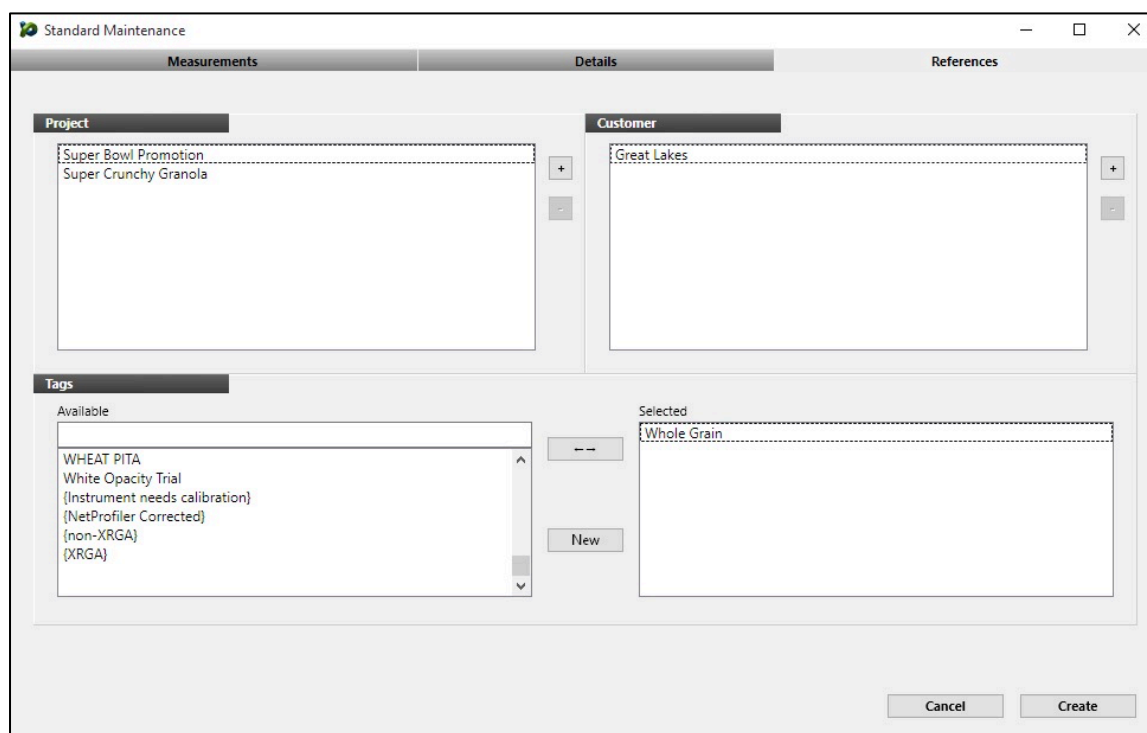
Để tiếp tục, nhấp vào tab “Chi Tiết” ở phía trên cùng của màn hình.

Tại đây chúng tôi cần tạo tên cho tiêu chuẩn, và xác định dung sai bằng cách chọn phương pháp và giới hạn dung sai trong phần dung sai. Bạn cũng có thể thêm bất kỳ ghi chú và/hoặc thông tin mô tả mà bạn muốn.

Lựa chọn Ưu Tiên được sử dụng để xác định tiêu chuẩn là màu ưu tiên Cao (H), Trung Bình (M) hoặc Thấp (L). Thao tác này được sử dụng khi Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng mặc định lấy một dung sai được chỉ định cho khách hàng, dự án hoặc cài đặt mặc định. Để biết thêm thông tin, hãy xem các phần về cấu hình cài đặt và cấp bậc dung sai.



Tại tab mẫu, bạn có thể chọn chỉ định tiêu chuẩn này cho một hoặc nhiều dự án và/hoặc khách hàng bằng cách chọn dấu cộng ở góc phần tư thích hợp và lựa chọn từ các tùy chọn khả dụng của bạn. Bạn cũng có thể thêm các thẻ bằng cách đánh dấu chúng ở cột “Khả Dụng” và sau đó di chuyển chúng sang cột “Đã Chọn” bằng cách sử dụng nút mũi tên.

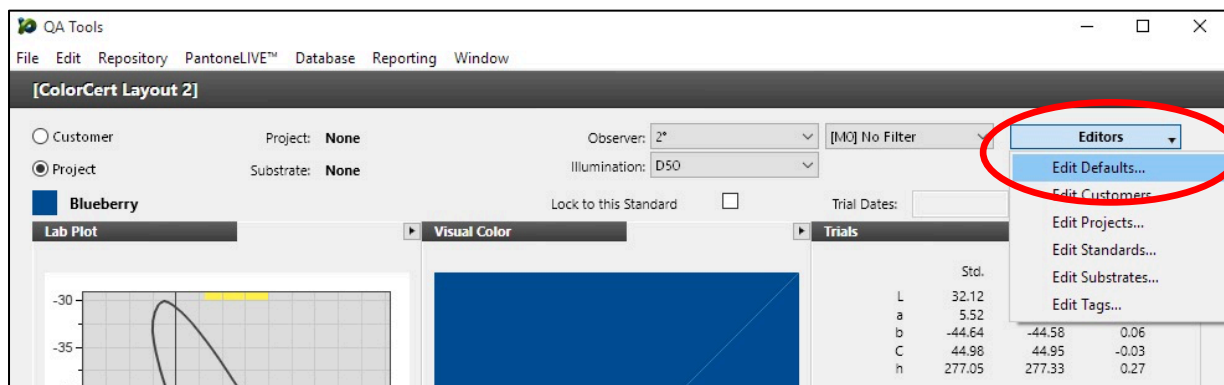


Nhấp vào nút “Tạo” để hoàn thành quá trình.

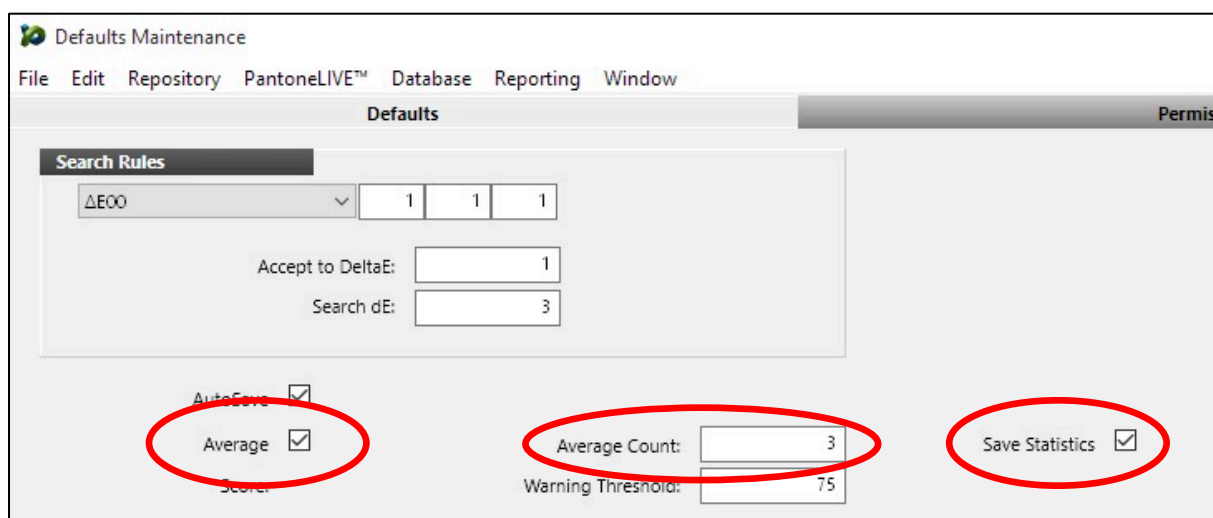
Tính trung bình nhiều chỉ số đọc

Khi tạo các tiêu chuẩn màu thì việc tính trung bình nhiều chỉ số đọc thường sẽ hữu ích. Chức năng này được bật trong phần chỉnh sửa mặc định như sau:

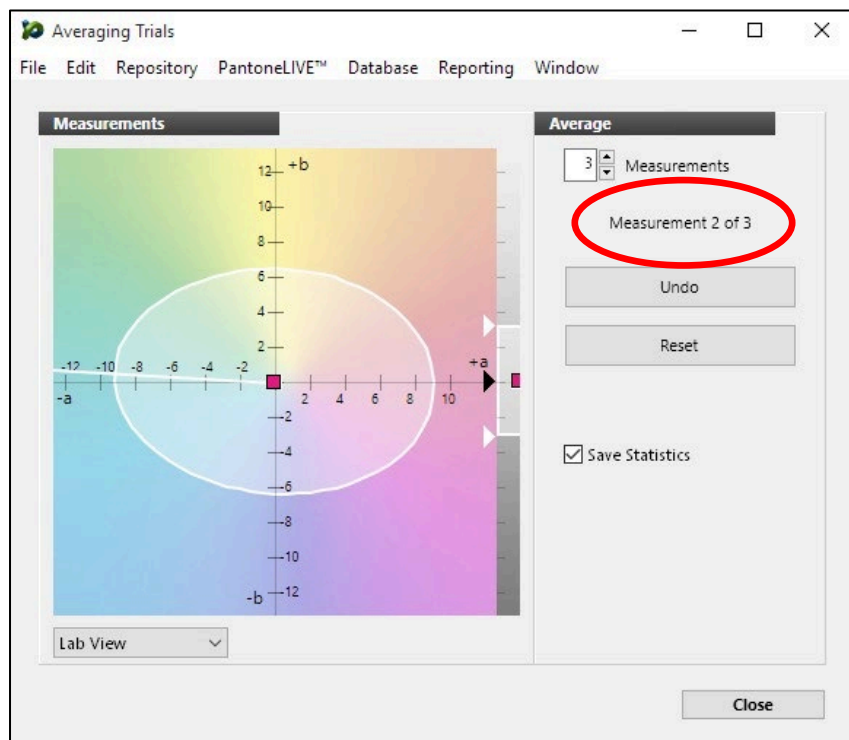
- Từ màn hình Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng chính, nhấp vào “Trình Chỉnh Sửa” sau đó nhấp vào “Chỉnh Sửa Mặc Định”



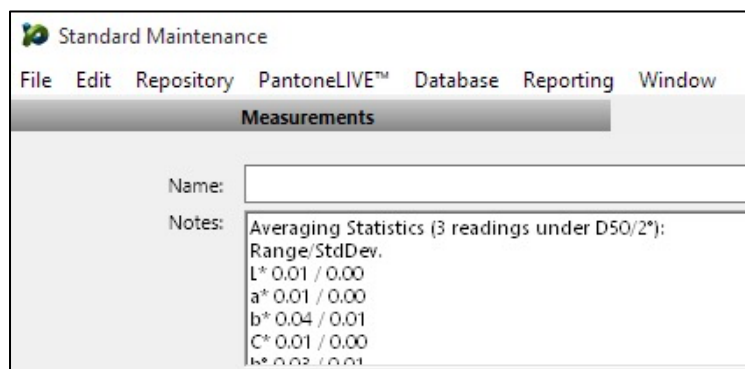
- Đánh dấu vào hộp kiểm “Tính Trung Bình”
- Trong cửa sổ Bảo Trì Mặc Định, nhập số lượng chỉ số đọc mong muốn vào trường “Số Trung Bình”
- Nếu bạn muốn lưu dữ liệu thống kê về các phép đo đã sử dụng để tạo tiêu chuẩn, hãy đánh dấu vào hộp kiểm “Lưu Số Liệu Thống Kê”



Bây giờ khi bạn đo màu để tạo tiêu chuẩn, Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng sẽ cho biết số phép đo bạn đã thực hiện và số phép đo cần thiết.



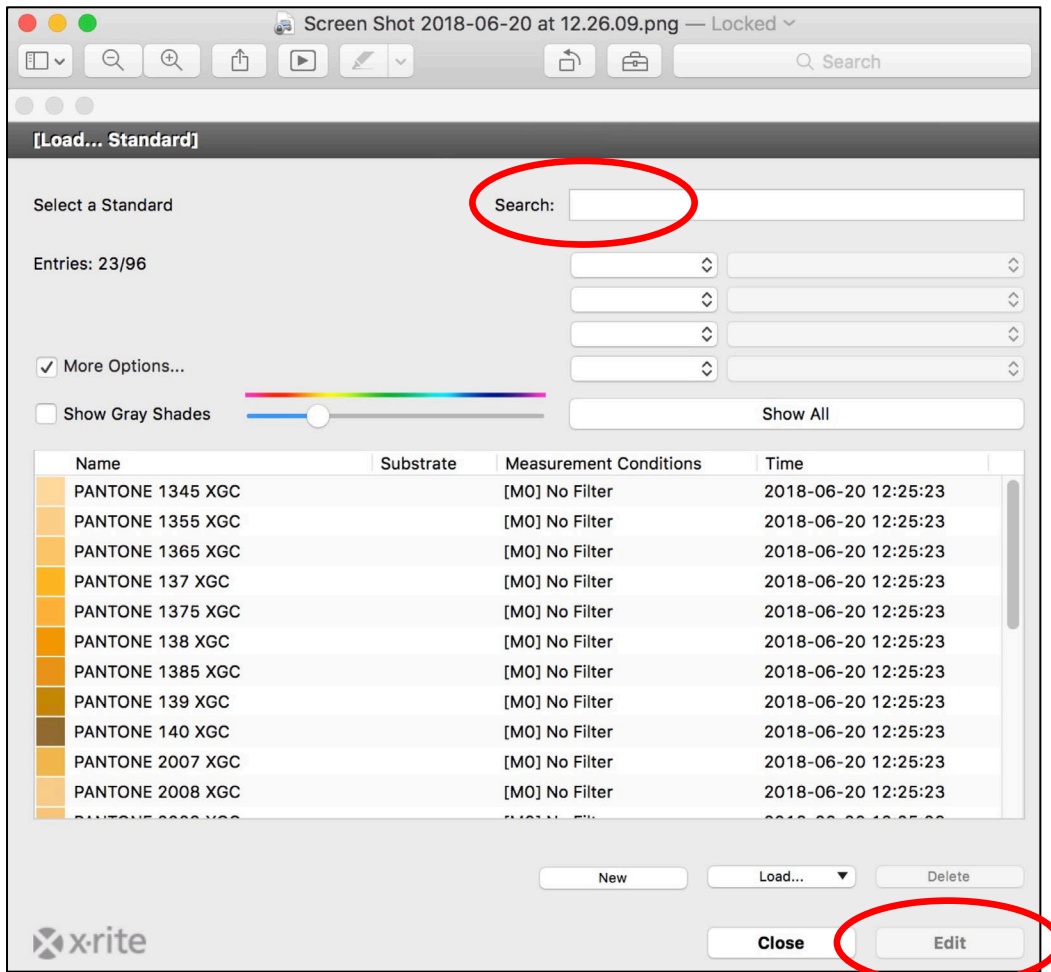
Sau khi bạn hoàn thành phép đo cuối cùng của mình, dữ liệu về các phép đo của bạn sẽ được thêm vào trường ghi chú được liên kết với tiêu chuẩn này.



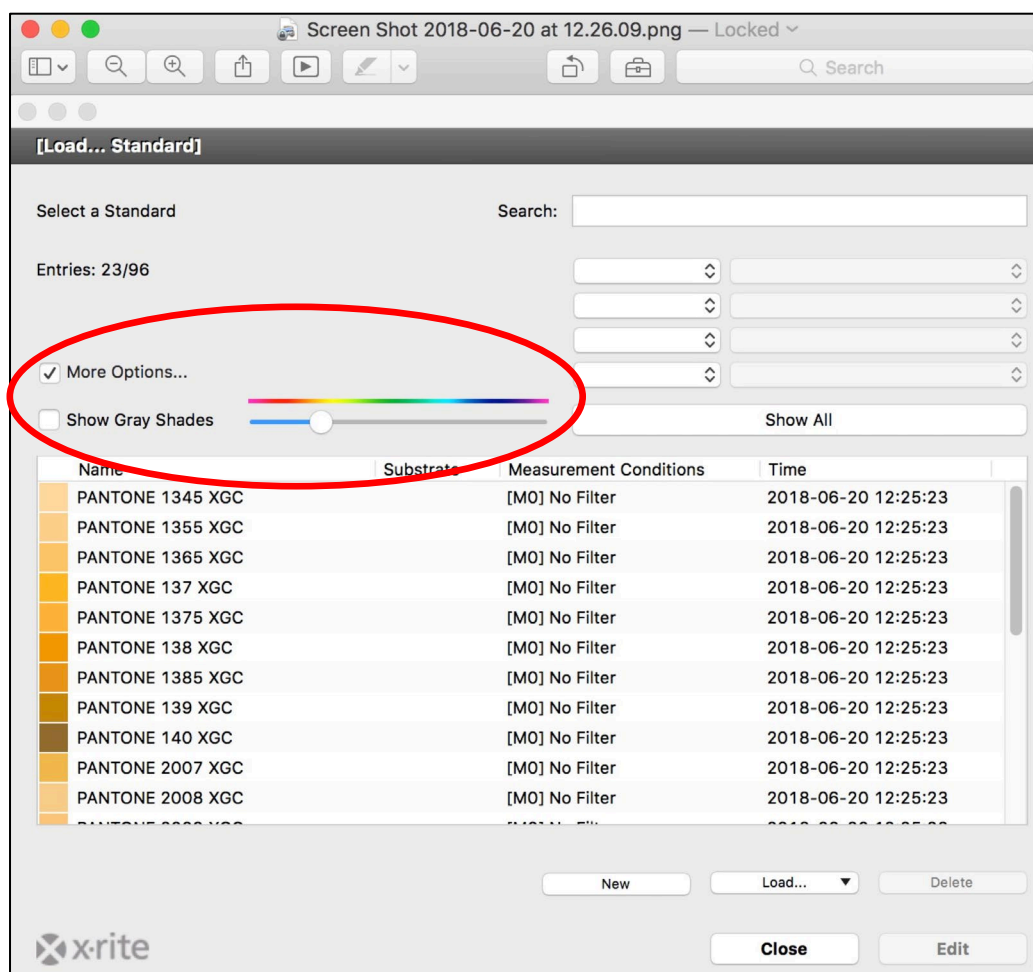
Chỉnh sửa tiêu chuẩn màu hiện có

Để chỉnh sửa tiêu chuẩn màu hiện có:

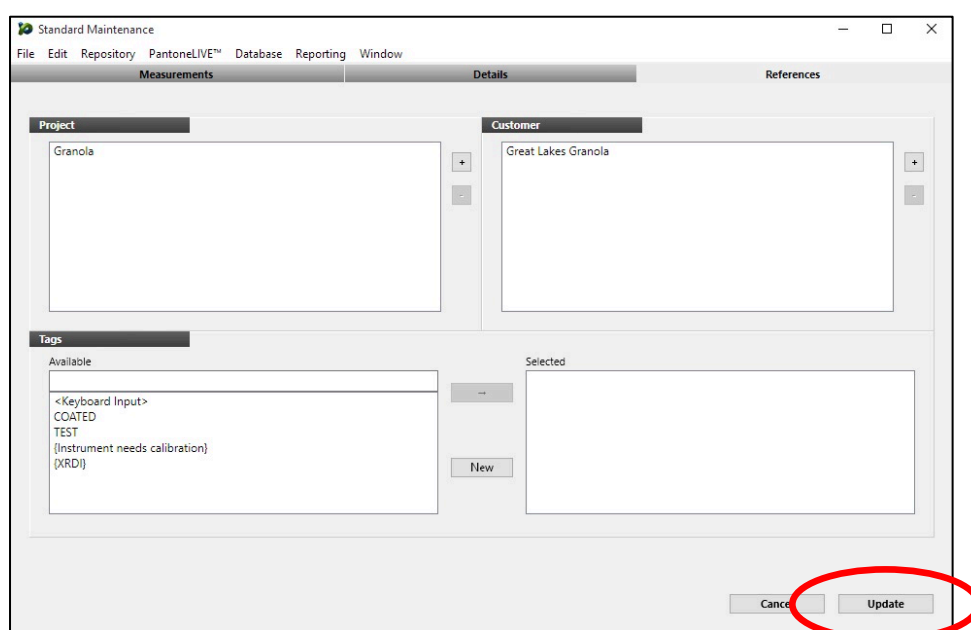
- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Tiêu Chuẩn...
- Nhấp vào tên tiêu chuẩn màu bạn muốn chỉnh sửa
 - Bạn có thể nhập thông tin vào trường tìm kiếm để dễ dàng tìm kiếm tiêu chuẩn mà bạn muốn
 - Bạn cũng có thể sử dụng thiết bị của mình để đo màu nhằm tìm các tiêu chuẩn giống
- Nhấp vào nút “Chỉnh Sửa”



Bạn cũng có thể nhấp vào hộp kiểm “Thêm Tùy Chọn” và sử dụng thanh trượt để tìm kiếm màu theo tông màu hoặc thang độ xám.



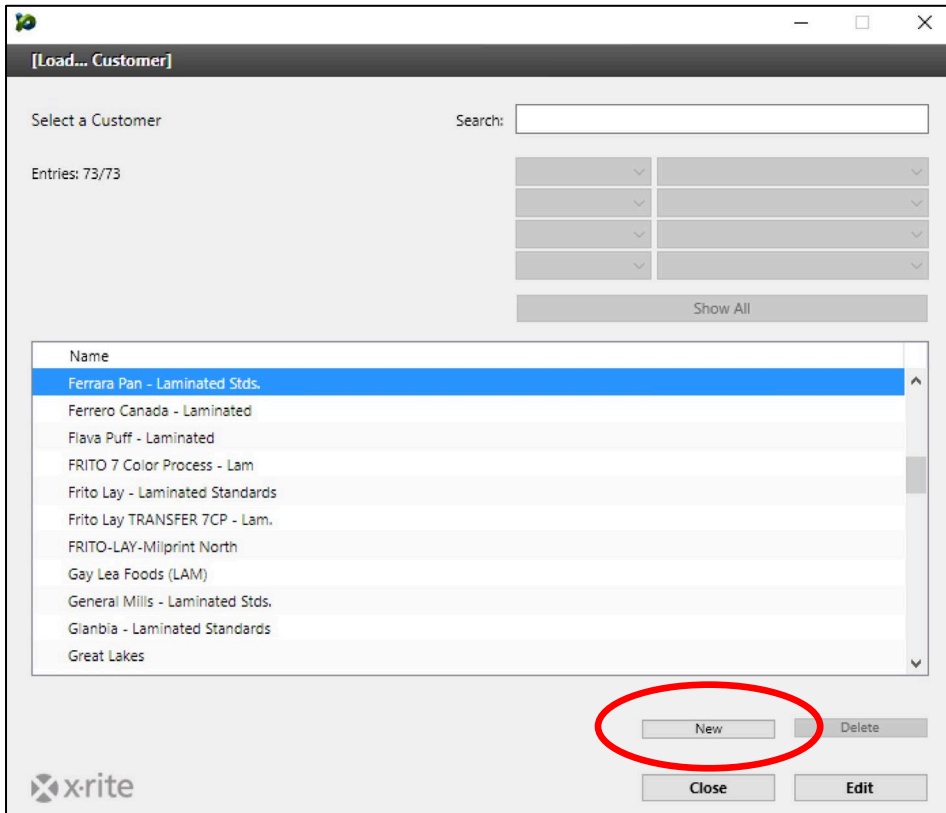
Chỉnh sửa bất kỳ thông tin nào bạn muốn từ các tab Phép Đo, Chi Tiết và/hoặc Mẫu, sau đó nhấp vào nút “Cập Nhật”.



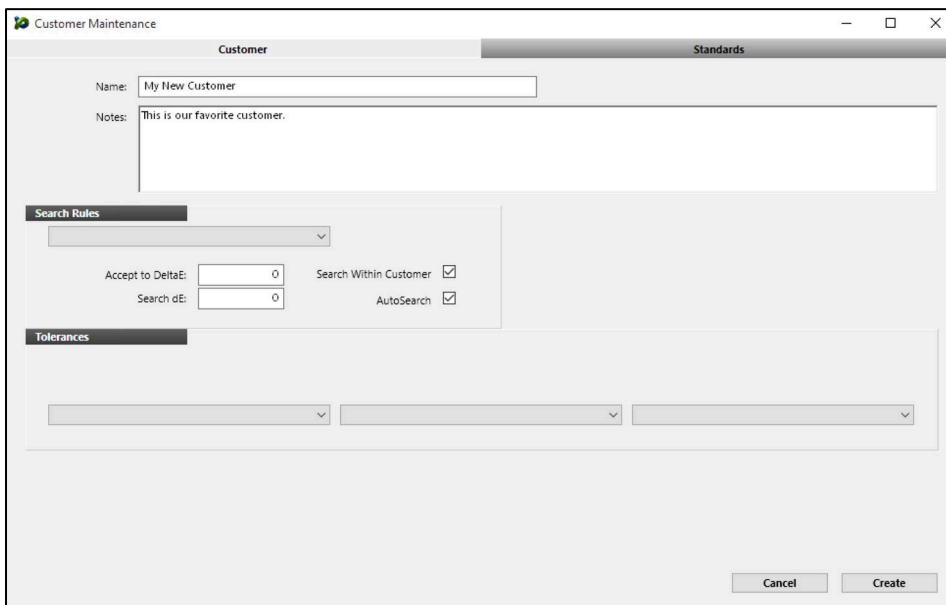
Tạo Khách Hàng Mới

Để tạo người dùng mới:

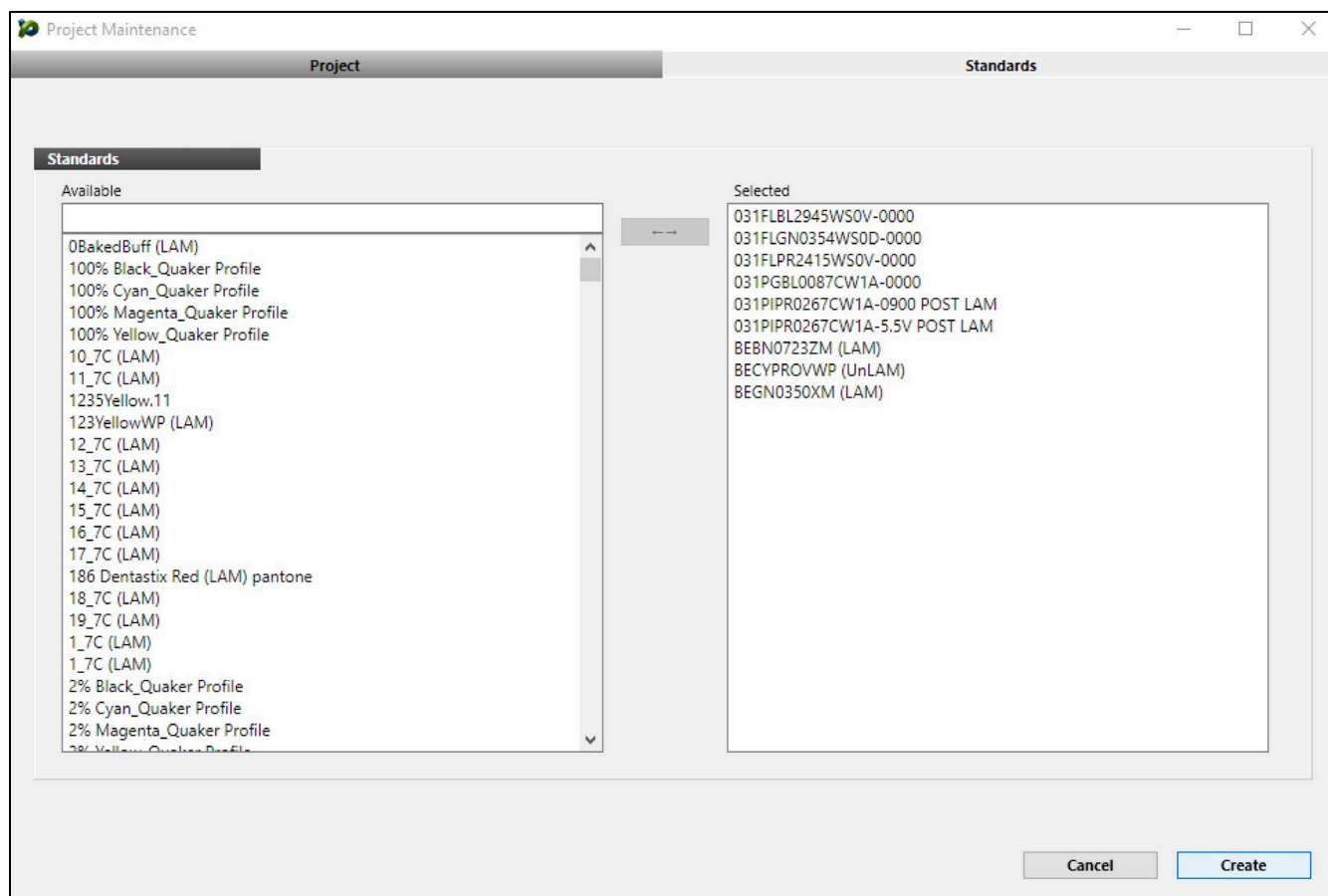
- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Khách Hàng...
- Nhấp vào nút “Mới”



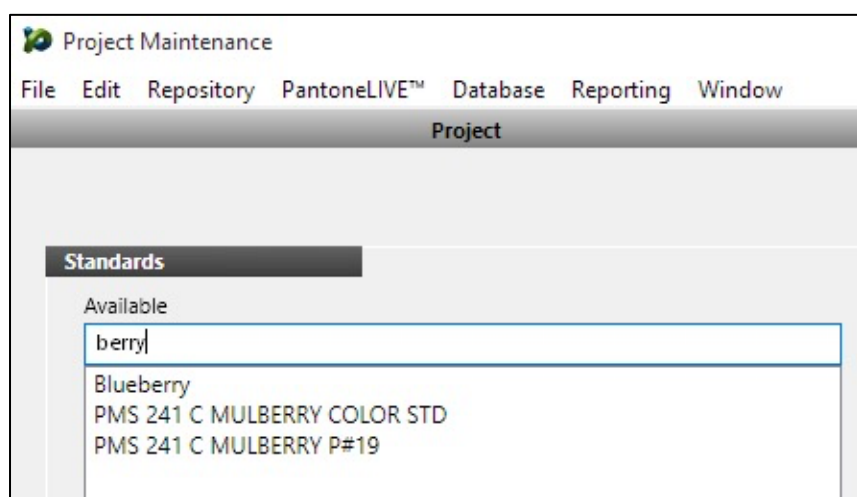
Sau đó, bạn có thể nhập tên khách hàng và bất kỳ ghi chú nào bạn muốn liên kết với khách hàng này. Bạn cũng có thể tạo cài đặt tìm kiếm khách hàng tự động cho khách hàng này. Sau khi hoàn thành, nhấp vào nút “Tạo”.



Tại đây, bạn sẽ chỉ định các tiêu chuẩn màu cho dự án này bằng cách nhấp vào các màu ở cột “Khả Dụng” bên trái để chúng được đánh dấu, sau đó nhấp vào nút mũi tên để di chuyển chúng sang cột “Đã Chọn”. Bạn có thể xóa màu khỏi dự án bằng cách nhấp vào các màu ở cột “Đã Chọn” bên phải để đánh dấu, sau đó nhấp vào nút mũi tên để di chuyển chúng trở lại cột “Khả Dụng”. Xin lưu ý rằng bạn cũng có thể nhấp đúp vào bất kỳ màu nào để di chuyển màu đó từ cột khả dụng sang cột đã chọn và ngược lại.



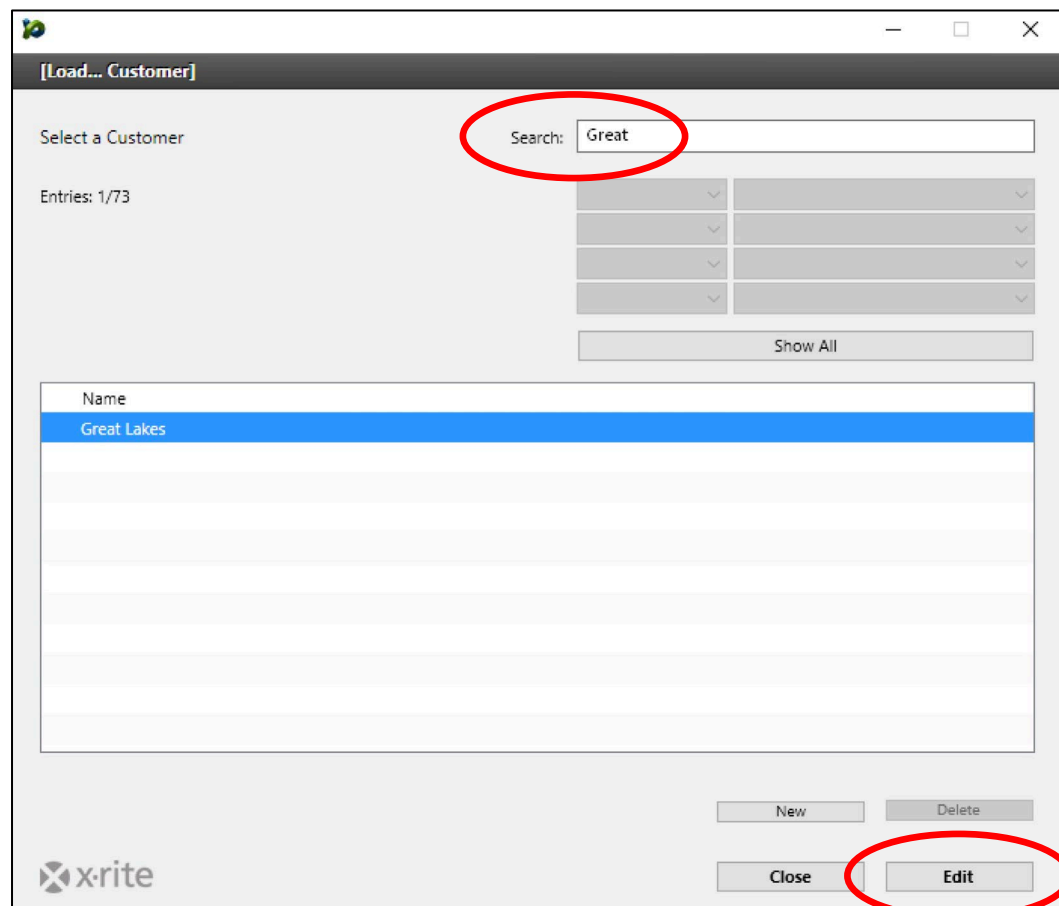
Bạn cũng có thể nhập dữ liệu vào trường tìm kiếm để tìm các tiêu chuẩn.



Chỉnh sửa khách hàng hiện có

Để chỉnh sửa khách hàng hiện có:

- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Khách Hàng...
- Nhập vào tên khách hàng bạn muốn chỉnh sửa
- Nhấp vào nút “Chỉnh Sửa”
 - Bạn có thể nhập thông tin vào trường tìm kiếm để dễ dàng tìm khách hàng mà bạn muốn

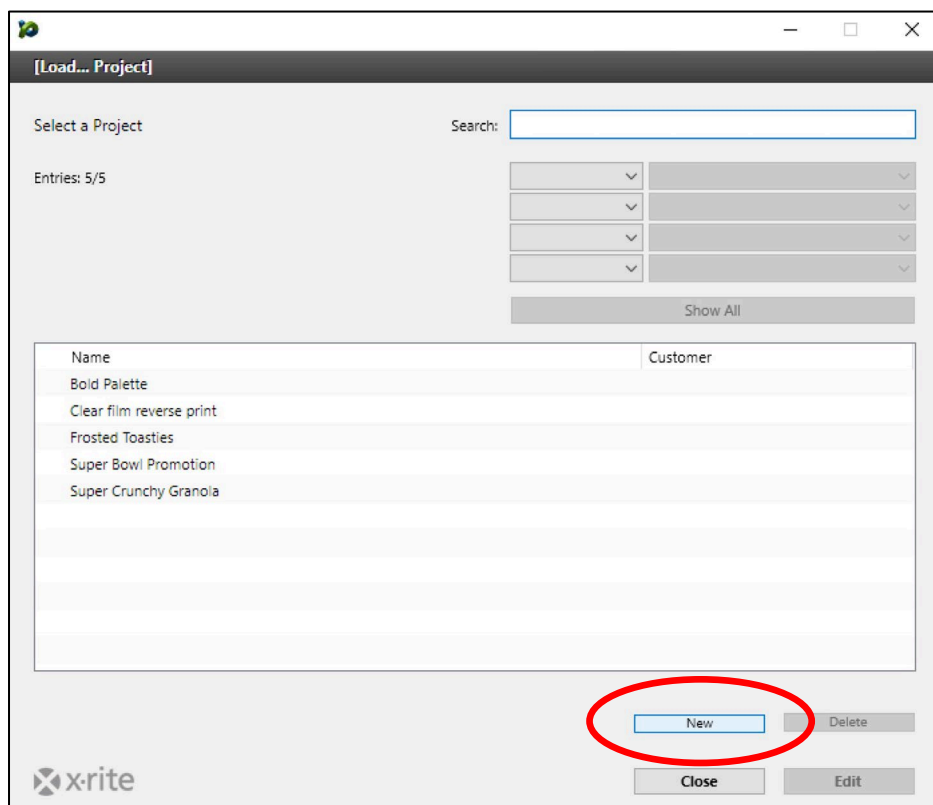


Chỉnh sửa bất kỳ thông tin nào bạn muốn từ các tab Khách Hàng và/hoặc Tiêu Chuẩn, sau đó nhấp vào nút “Cập Nhật”.

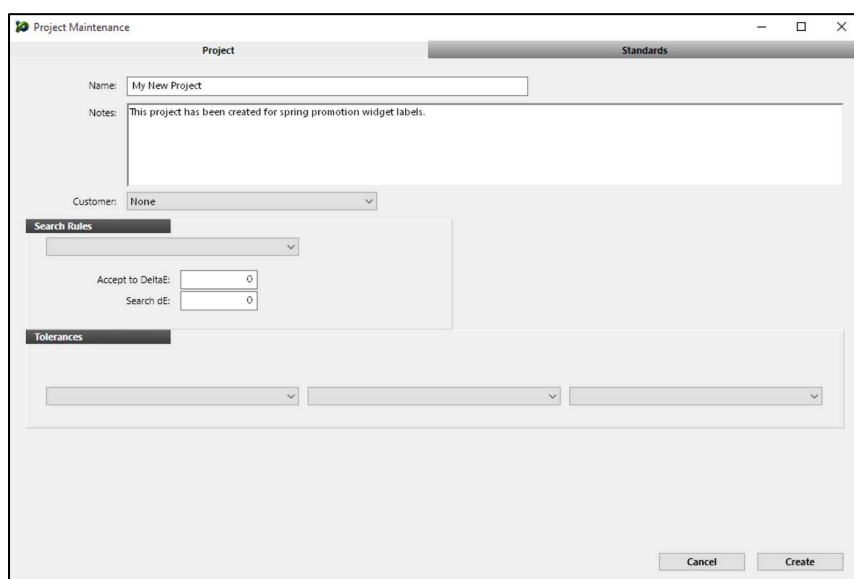
Tạo Dự Án Mới

Để cấu hình quyền truy cập ở cấp độ người dùng:

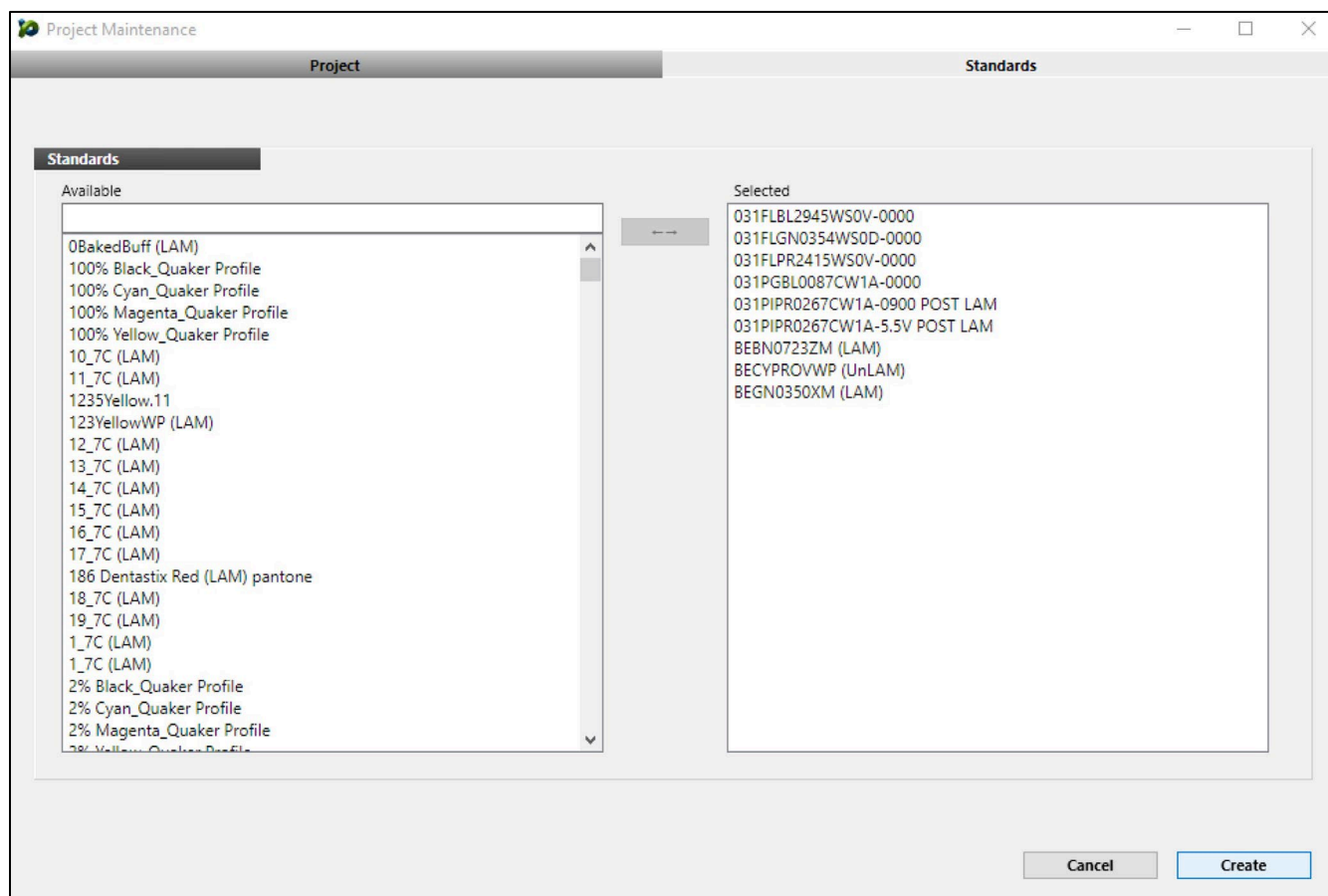
- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Dự Án...
- Nhấp vào nút “Mới”



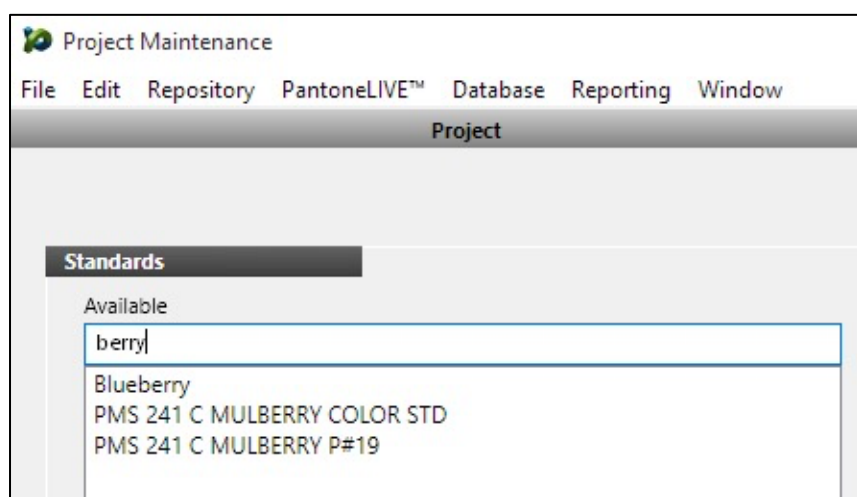
Sau đó, bạn có thể nhập tên dự án và bất kỳ ghi chú nào mà bạn muốn liên kết với dự án này. Bạn cũng có thể tạo cài đặt tìm kiếm tự động tùy chỉnh cho dự án này. Sau khi hoàn thành, nhấp vào tab “Tiêu Chuẩn”.



Tại đây, bạn sẽ chỉ định các tiêu chuẩn màu cho dự án này bằng cách nhấp vào các màu ở cột “Khả Dụng” bên trái để chúng được đánh dấu, sau đó nhấp vào nút mũi tên để di chuyển chúng sang cột “Đã Chọn”. Bạn có thể xóa màu khỏi dự án bằng cách nhấp vào các màu ở cột “Đã Chọn” bên phải để đánh dấu, sau đó nhấp vào nút mũi tên để di chuyển chúng trở lại cột “Khả Dụng”. Xin lưu ý rằng bạn cũng có thể nhấp đúp vào bất kỳ màu nào để di chuyển màu đó từ cột khả dụng sang cột đã chọn và ngược lại.



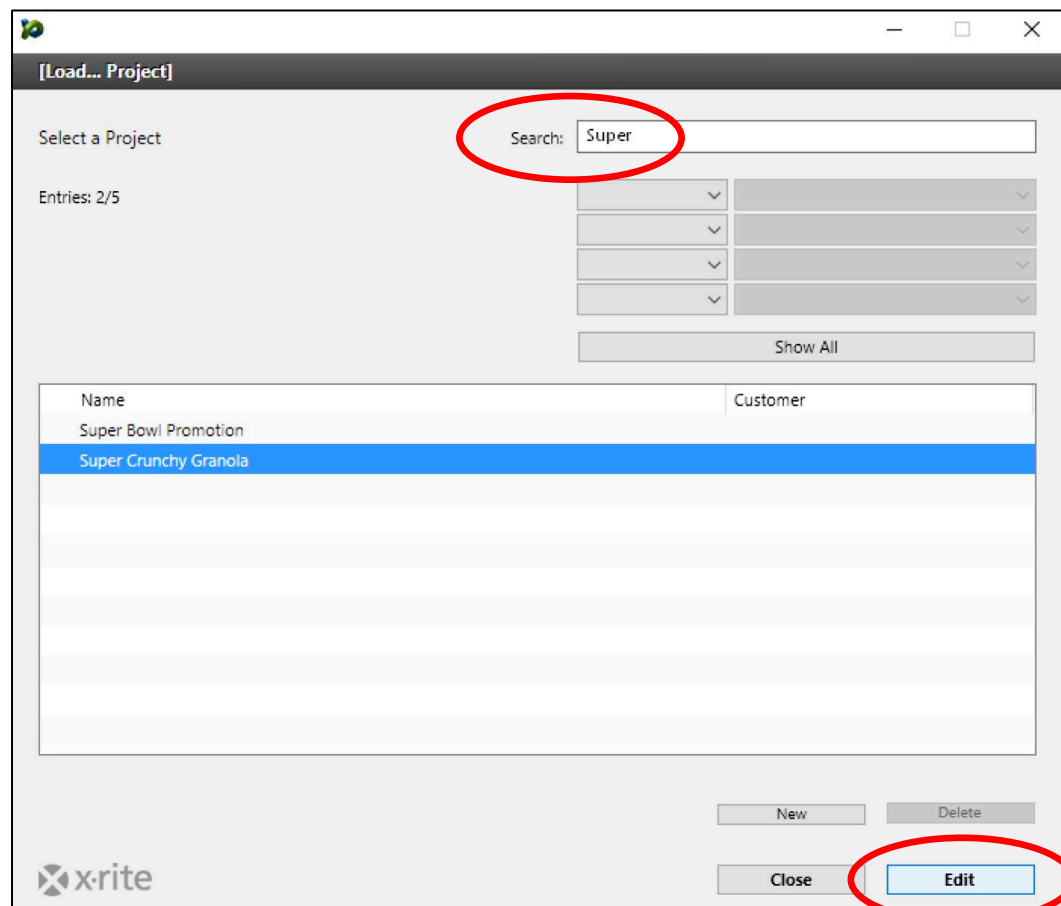
Bạn cũng có thể nhập dữ liệu vào trường tìm kiếm để tìm các tiêu chuẩn.



Chỉnh sửa dự án hiện có

Để chỉnh sửa dự án hiện có:

- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Dự Án...
- Nhập vào tên dự án bạn muốn chỉnh sửa
- Nhấp vào nút “Chỉnh Sửa”
 - Bạn có thể nhập thông tin vào trường tìm kiếm để dễ dàng tìm dự án mà bạn muốn



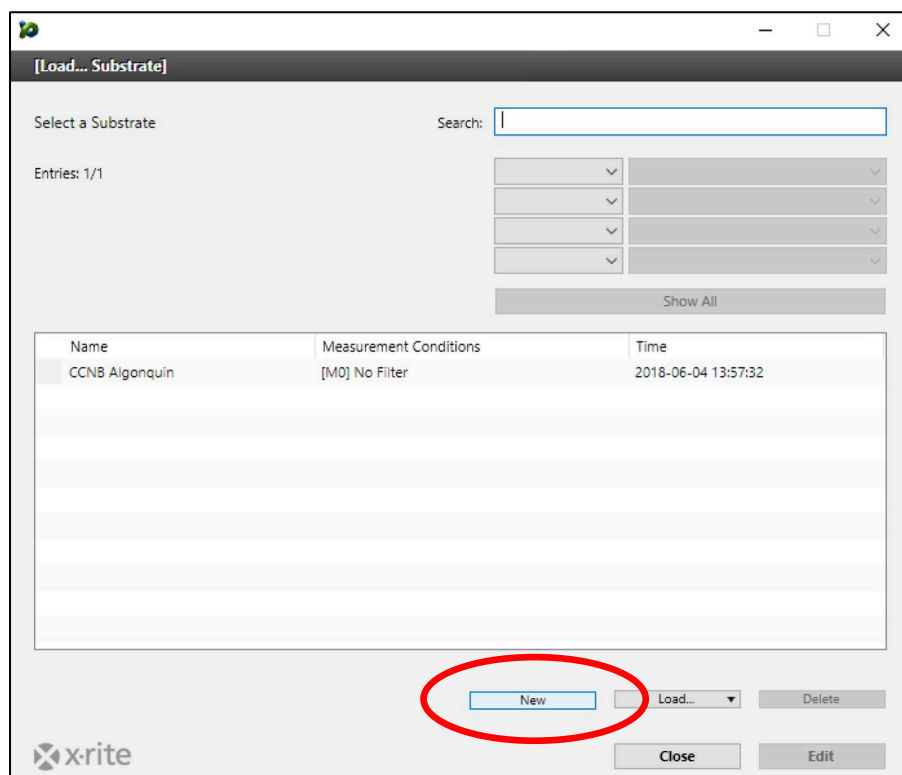
Chỉnh sửa bất kỳ thông tin nào bạn muốn từ các tab Dự Án và/hoặc Tiêu Chuẩn, sau đó nhấp vào nút “Cập Nhật”.

Tạo Vật Liệu In Mới

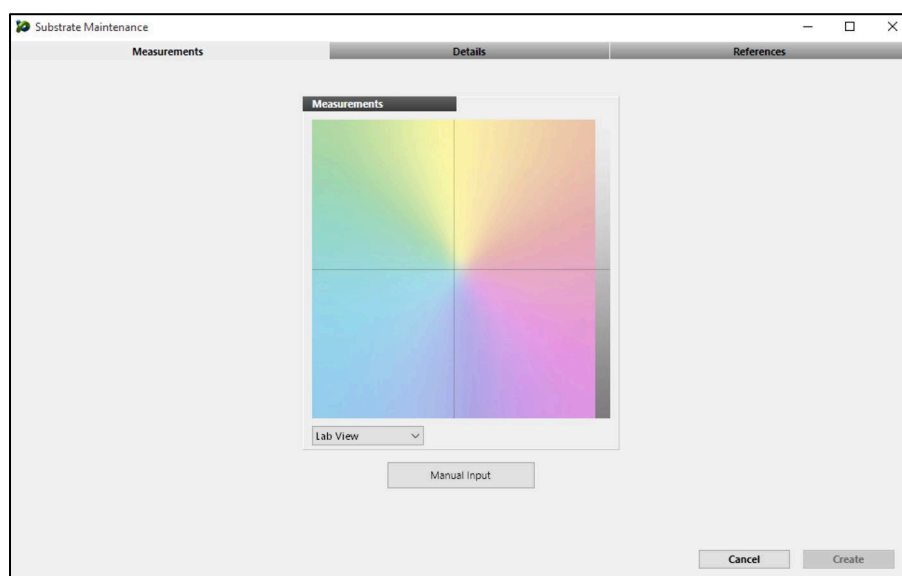
Vật liệu in có thể được sử dụng để lọc các tiêu chuẩn và nếu bạn đã chọn một vật liệu in, bạn không cần phải đo vật liệu in để xem kết quả phù hợp nhất để hiển thị. Vật liệu in “đính” - vì vậy nếu bạn đã chọn một vật liệu in, nó sẽ vẫn được chọn khi bạn đóng và mở lại ứng dụng. Khi bạn đo một vật liệu in bằng cách sử dụng nút “Đo Vật Liệu In” thì phép đo sẽ chỉ hoạt động trong phần còn lại của phiên truy cập hiện tại của bạn.

Để tạo vật liệu in mới:

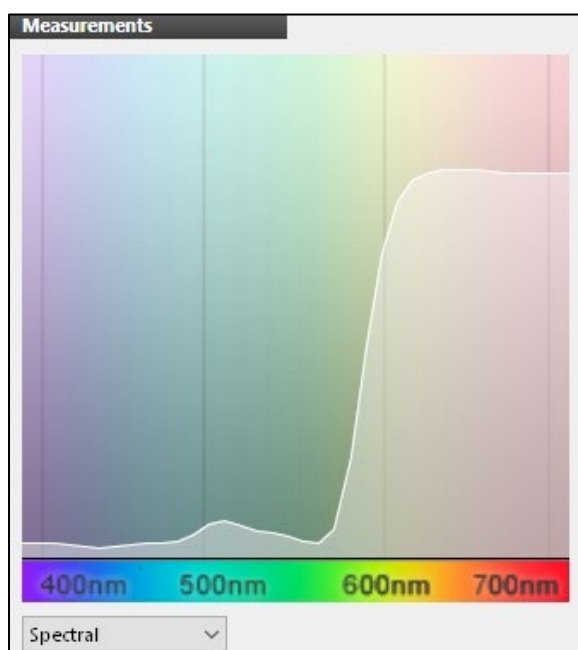
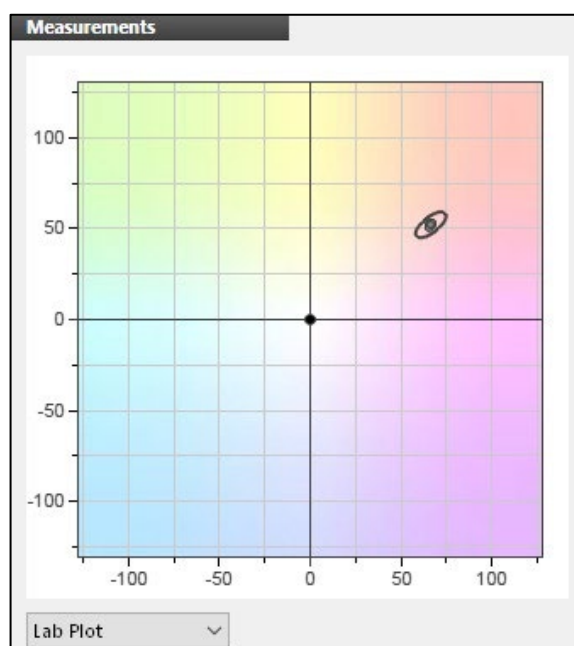
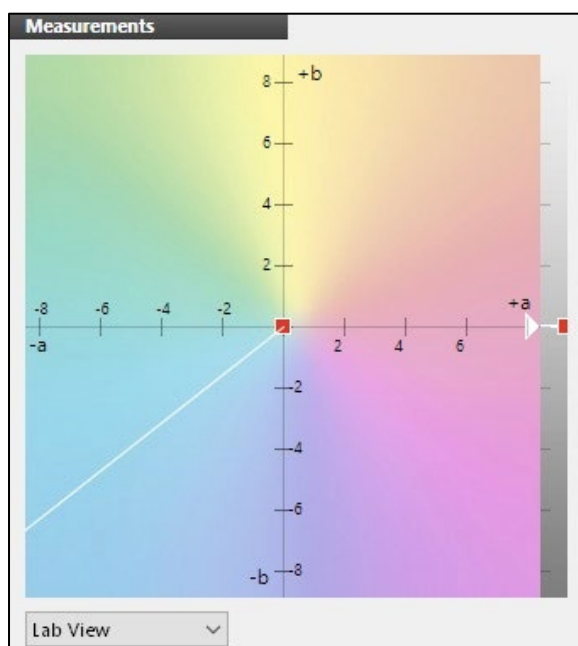
- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Vật Liệu In...
- Nhấp vào nút “Mới”



Ở màn hình tiếp theo, chỉ cần sử dụng quang phổ kế đã được kết nối của bạn để đo vật liệu in. Bạn cũng có thể nhấp vào nút “Nhập Thủ Công” để tạo các tiêu chuẩn bằng cách nhập L*a*b* hoặc dữ liệu quang phổ.

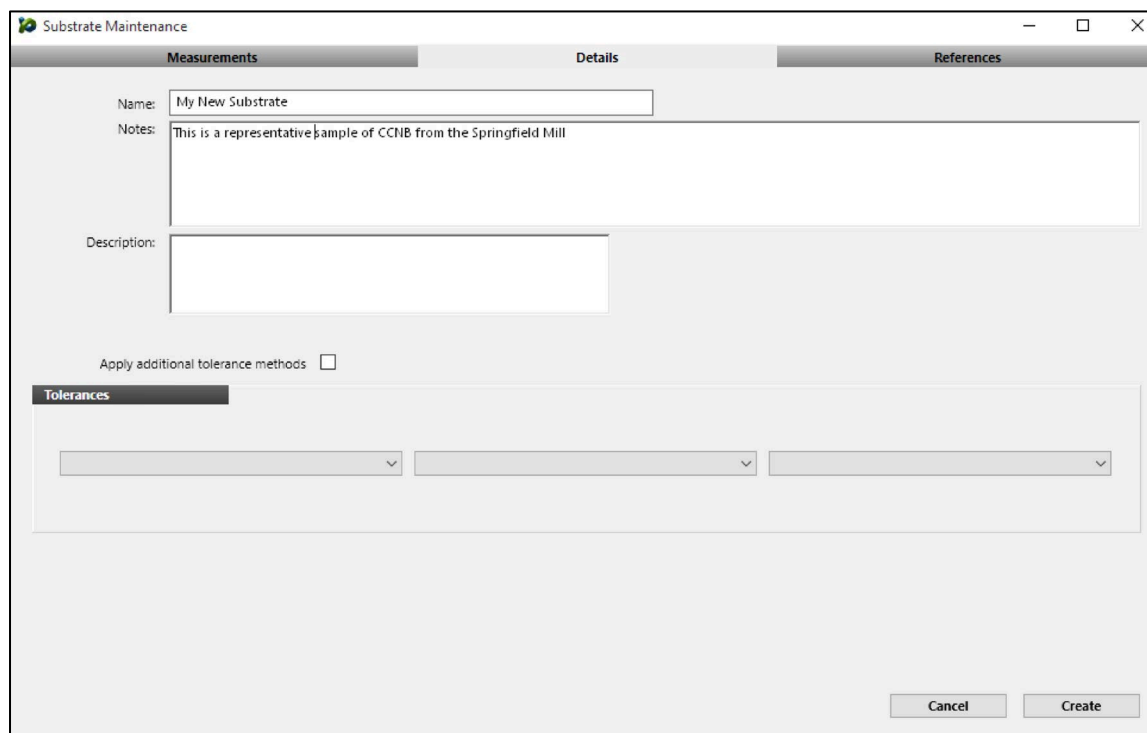


Bạn có thể nhấp vào nút “Chế Độ Xem Phòng Thí Nghiệm” để xem các chế độ xem khác nhau của tiêu chuẩn mà bạn đã đo.

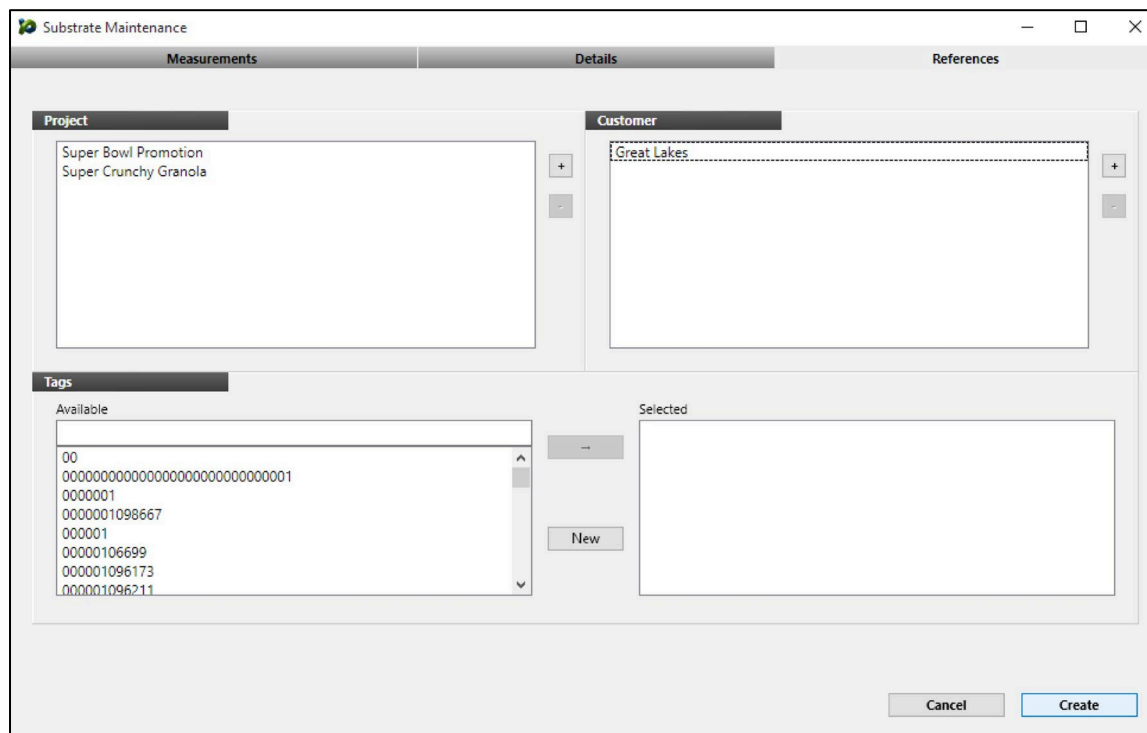


Để tiếp tục, nhấp vào tab “Chi Tiết” ở phía trên cùng của màn hình.

Tại đây chúng tôi cần tạo tên cho vật liệu in, và xác định dung sai của chúng tôi bằng cách chọn phương pháp và giới hạn dung sai trong phần dung sai. Bạn cũng có thể thêm bất kỳ ghi chú và/hoặc thông tin mô tả mà bạn muốn.



Tại tab mẫu, bạn có thể chọn chỉ định vật liệu in này cho một hoặc nhiều dự án và/hoặc khách hàng bằng cách chọn dấu cộng ở góc phần tư thích hợp và lựa chọn từ các tùy chọn khả dụng của bạn. Bạn cũng có thể thêm các thẻ bằng cách đánh dấu chúng ở cột “Khả Dụng” và sau đó di chuyển chúng sang cột “Đã Chọn” bằng cách sử dụng nút mũi tên.

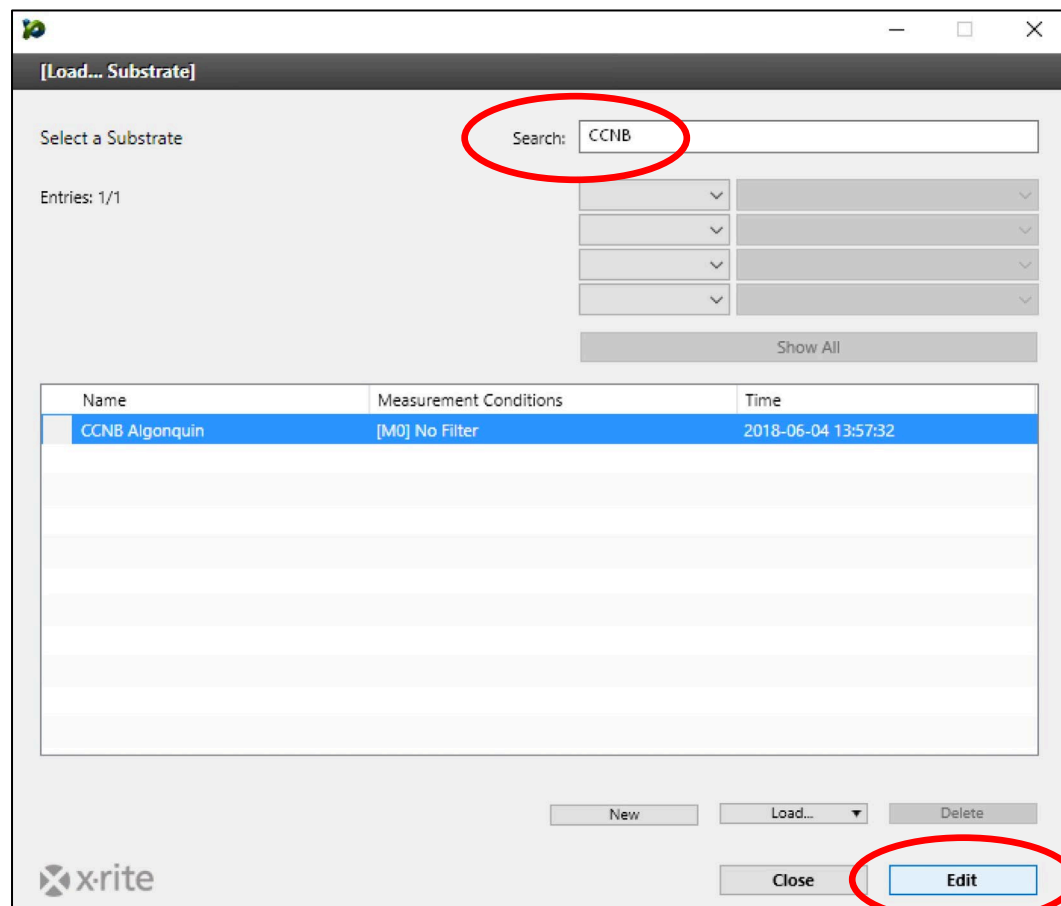


Nhấp vào nút “Tạo” để hoàn thành quá trình.

Chỉnh sửa vật liệu in hiện có

Để chỉnh sửa vật liệu in hiện có:

- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Vật Liệu In...
- Nhập vào tên của vật liệu in bạn muốn chỉnh sửa
- Nhấp vào nút “Chỉnh Sửa”
 - Bạn có thể nhập thông tin vào trường tìm kiếm để dễ dàng tìm vật liệu in mà bạn muốn

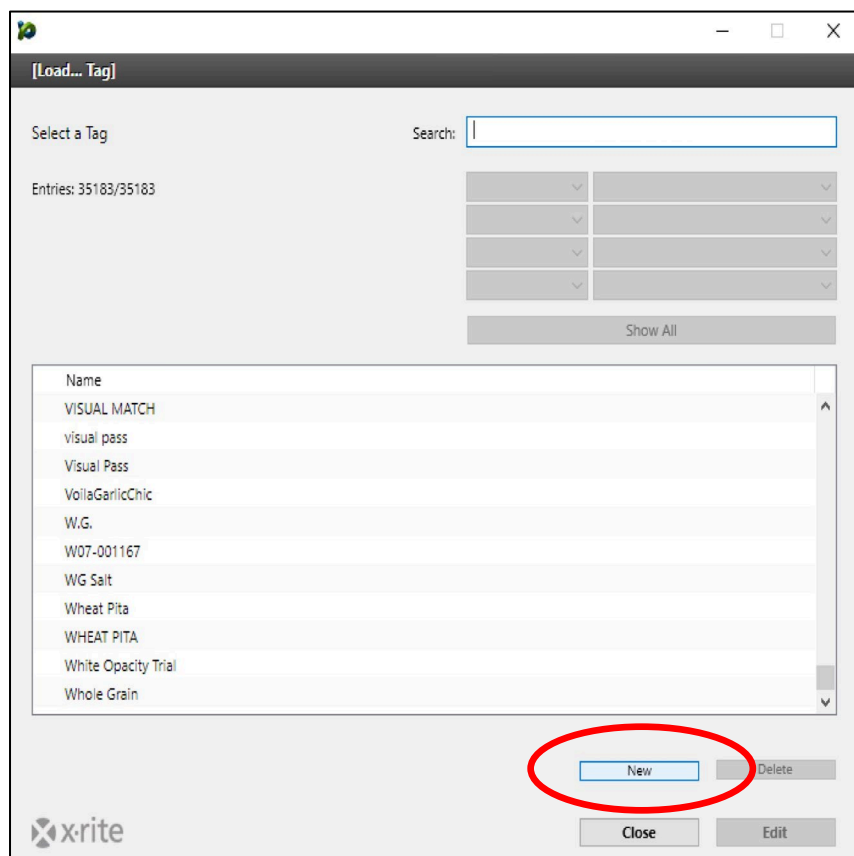


Chỉnh sửa bất kỳ thông tin nào bạn muốn từ các tab Phép Đo, Chi Tiết và/hoặc Mẫu, sau đó nhấp vào nút “Cập Nhật”.

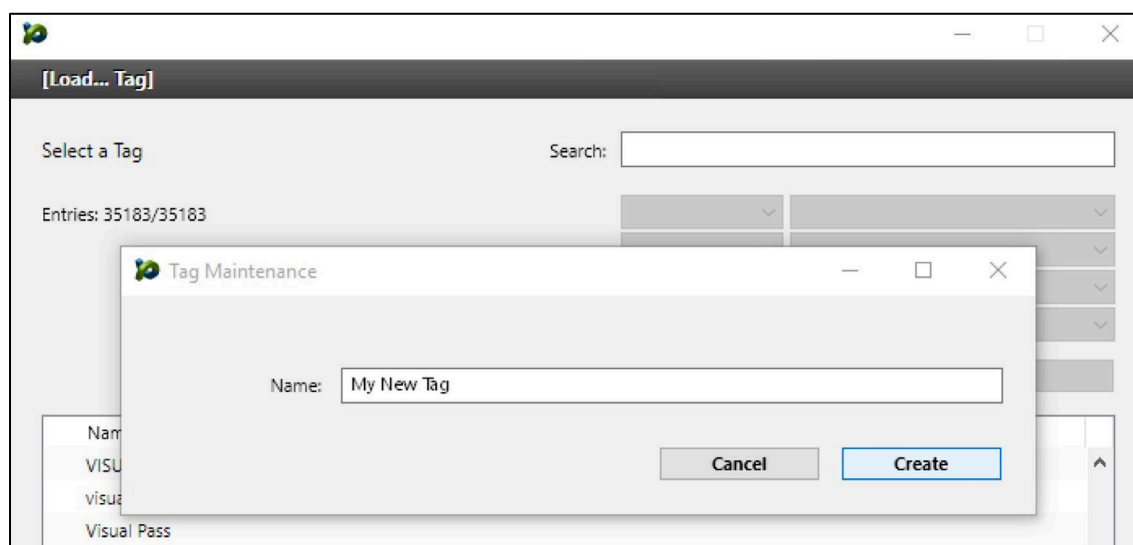
Tạo Thẻ Mới

Để tạo thẻ mới:

- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Thẻ...
- Nhấp vào nút “Mới”

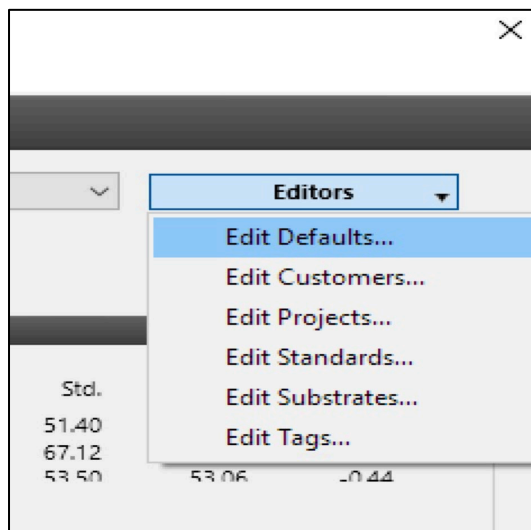


Nhập tên cho thẻ mới của bạn và sau đó nhấp vào nút “Tạo”.



Cấu hình cài đặt

Các cấu hình cài đặt nằm dưới nút “Trình Chỉnh Sửa” ở góc trên cùng bên phải màn hình. Sau khi nhấp vào nút “Trình Chỉnh Sửa”, nhấp vào “Chỉnh Sửa Mặc Định...”.



Cài đặt cấp độ cho phép

Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert có thể có cả quyền truy cập ở cấp độ Quản Trị Viên và cấp độ người dùng. Người dùng là quản trị viên phải đăng nhập vào phần mềm và có quyền truy cập vào tất cả các cài đặt và chức năng trong phần mềm.

Người dùng chỉ có quyền truy cập vào những cài đặt mà bạn xác định.

Theo mặc định, tất cả người dùng đều có quyền truy cập ở cấp độ quản trị viên. Để cấu hình quyền truy cập ở cấp độ người dùng:

- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Mặc Định
- Nhấp vào tab “Cho Phép”

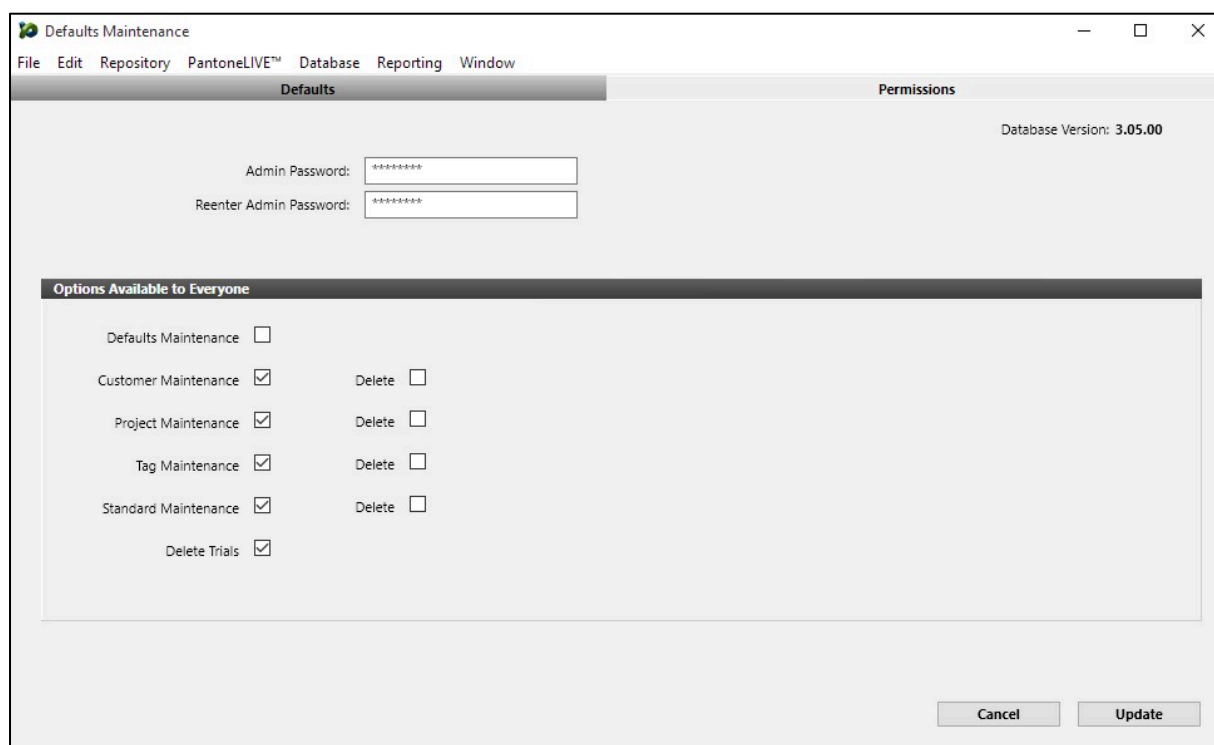
Trong cửa sổ xuất hiện:

- Nhập mật khẩu cho tài khoản quản trị viên, bạn sẽ được yêu cầu nhập mật khẩu vào cả hai trường dữ liệu mở
- Đánh dấu vào bất kỳ hộp kiểm nào để cấp thêm quyền mà bạn muốn cho người dùng
- Nhấp vào nút cập nhật

Sau khi hoàn thành, việc khởi chạy mô-đun Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng sẽ đăng nhập cho bạn ở cấp độ người dùng.

Để vào chế độ quản trị viên, nhấp vào cơ sở dữ liệu trong thanh menu, sau đó nhấp vào “Chế độ quản trị viên”. Bạn sẽ được nhắc nhập mật khẩu của mình. Để trở về chế độ người dùng, đóng và khởi chạy lại mô-đun Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng.

Vui lòng bảo vệ mật khẩu của bạn, nhưng cũng phải nhớ bạn đặt mật khẩu là gì vì bạn sẽ cần để truy cập các chức năng mà người dùng không có quyền truy cập.

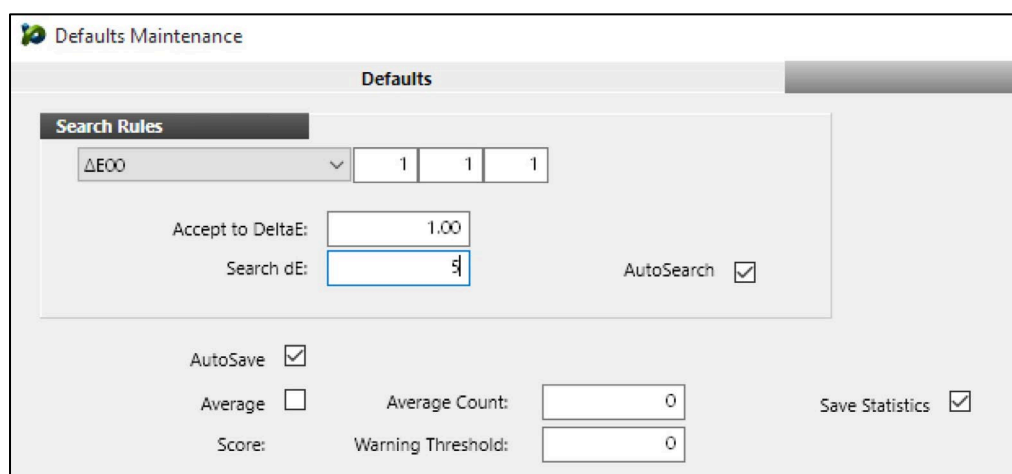


Tim Kiếm Cài đặt mặc định

Khi đo màu, Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert có khả năng tìm kiếm cơ sở dữ liệu, và có thể tự động chấp nhận một tiêu chuẩn nếu nó nằm trong phạm vi dung sai mà bạn xác định, cũng như trả về các kết quả trùng khớp màu sắc tiềm năng nằm trong phạm vi dung sai mà bạn xác định. Để cấu hình các cài đặt dung sai này:

- Nhấp vào Trình Chỉnh Sửa > Chỉnh Sửa Mặc Định
- Nhấp vào tab “Mặc Định”
- Nhập các giá trị đã cập nhật (xem ví dụ bên dưới)
- Nhấp vào nút cập nhật

Trong ví dụ hiển thị dưới đây, Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert sẽ sử dụng loại dung sai Delta E 2000 1:1:1 để tìm kiếm. Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert cũng sẽ hiển thị một danh sách các tiêu chuẩn màu nằm trong phạm vi dung sai 5,0 so với thử nghiệm được đo.

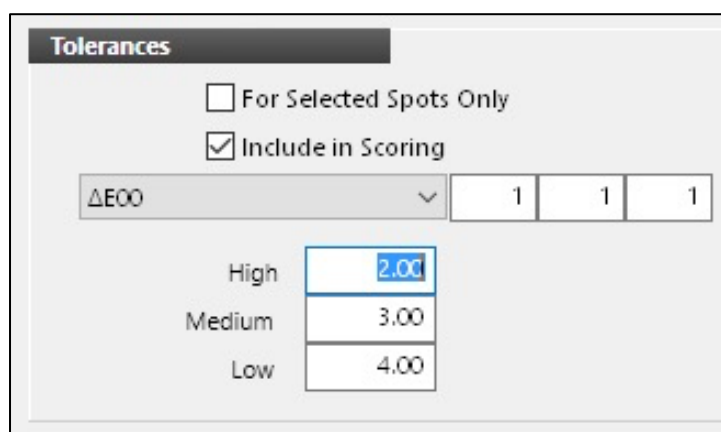


Giá trị được nhập vào trường “Chấp nhận DeltaE” là yếu tố kích hoạt phần mềm tìm kiếm một tiêu chuẩn khác khi đo lường các thử nghiệm. Nếu Delta E của thử nghiệm được đo nhỏ hơn giá trị này thì phần mềm sẽ tiếp tục sử dụng tiêu chuẩn tương tự như các chỉ số đọc trước. Nếu nó nằm ngoài giá trị này thì Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng sẽ hiển thị một màn hình tìm kiếm cho thấy tất cả các tiêu chuẩn nằm trong phạm vi “Tìm kiếm dE” được xác định. Trong chế độ dự án, nếu chỉ có một tiêu chuẩn nằm trong phạm vi “Tìm kiếm dE” thì Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng sẽ tự động chuyển sang tiêu chuẩn đó. Nếu không, màn hình tìm kiếm cũng sẽ xuất hiện khi ở chế độ dự án.

Dung Sai Mặc Định

Phần dung sai được sử dụng để xác định dung sai mặc định được Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert sử dụng. Dung sai này được sử dụng khi không có dung sai nào áp dụng cho tiêu chuẩn màu, khách hàng hoặc dự án (xem cấp bậc dung sai trong phần tiếp theo).

Việc này được thực hiện bằng cách chọn cả loại dung sai và giới hạn dung sai trong danh sách chọn thả xuống. ColorCert hỗ trợ sử dụng ba cấp độ dung sai được mô tả theo mức độ ưu tiên là cao, trung bình và thấp. Dung sai sử dụng được chọn khi tạo một tiêu chuẩn mới, vui lòng xem phần về tạo tiêu chuẩn mới để biết thông tin chi tiết. Trong hình chụp màn hình bên dưới, dung sai mặc định là DE2000, với giới hạn ưu tiên cao là 2,00, trung bình là 3,00 và thấp là 4,00.



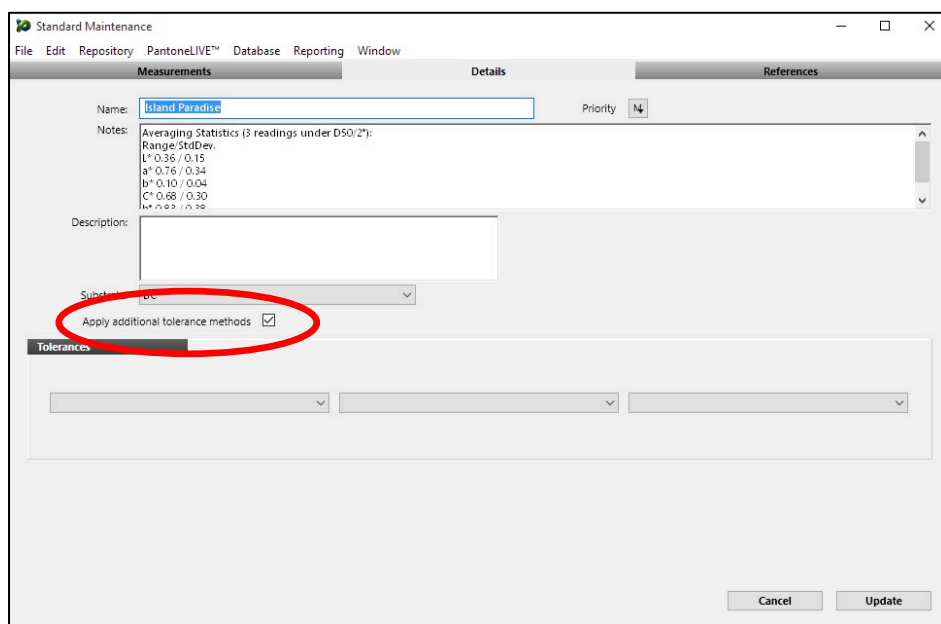
Tolerances	
<input type="checkbox"/>	For Selected Spots Only
<input checked="" type="checkbox"/>	Include in Scoring
ΔE00	1 1 1
High	2.00
Medium	3.00
Low	4.00

Dung Sai Thay Thế

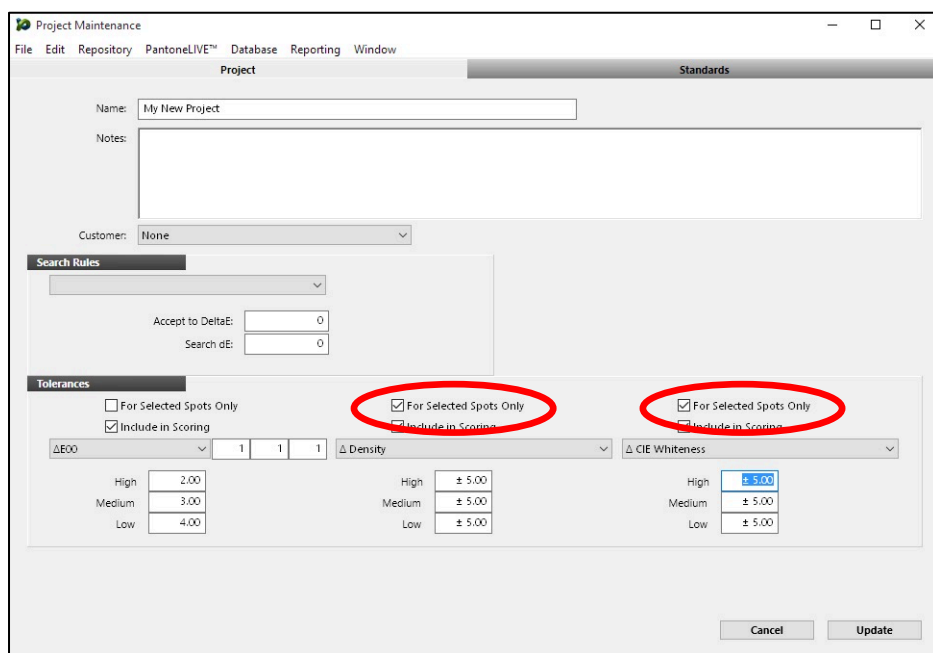
Có thể áp dụng dung sai thay thế cho một tiêu chuẩn thông qua việc sử dụng một dự án hoặc khách hàng.

Để làm như vậy:

- Đánh dấu vào hộp kiểm “Áp dụng các phương pháp dung sai bổ sung” khi tạo hoặc chỉnh sửa tiêu chuẩn của bạn
 - Lưu ý rằng để có hiệu quả, tiêu chuẩn này không được có các dung sai riêng, nếu có thì các dung sai này sẽ có hiệu lực do cấp bậc dung sai



- Khi tạo khách hàng hoặc dự án của mình, bạn có thể đưa vào tối đa 3 dung sai. Để áp dụng những dung sai này vào các tiêu chuẩn đã có các phương pháp dung sai bổ sung được chọn, hãy đánh dấu vào hộp kiểm “Chỉ Đối Với Các Màu Pha Đã Chọn” như hiển thị bên dưới.



Khi tiêu chuẩn này được chỉ định cho dự án này, thông tin dung sai thay thế sẽ xuất hiện trong cửa sổ Thử Nghiệm với Delta.

QA Tools

File Edit Repository PantoneLIVE™ Database Reporting Window

[ColorCert Layout 3]

Customer Project: My New Project Observer: 2* [M0] No Filter Editors

Project Substrate: None Illumination: D50 Measure Substrate

Island Paradise Lock to this Standard Trial Dates:

Lab View Density Visual Color

Density Standard: Status T

	Std.	Trial	Delta
Cyan	0.35	0.35	0.01
Magenta	0.12	0.12	0.00
Yellow	0.09	0.09	0.00
Black	0.22	0.22	0.00

Visual Color

Auto Zoom

Trials

	$\Delta E_{00} (1:1:1)^{SC}$	$\Delta \text{Density}^{SC}$	$\Delta \text{CIE Whiteness}^{SC}$	Quality Level
2018-06-20 15:52:06	0.24	0.01	0.64	✓
2018-06-20 15:49:53	0.15	-0.00	0.54	✓
2018-06-20 15:44:55	0.16	-0.00	0.70	✓
2018-06-20 15:44:35	0.24	0.01	0.81	✓
2018-06-20 15:33:20	0.17	-0.00	0.29	✓
2018-06-20 15:32:35	0.16	0.00	0.12	✓
2018-06-20 15:32:11	0.16	0.00	0.08	✓
2018-06-20 15:29:54	0.17	-0.00	0.37	✓
2018-06-20 15:27:35	0.16	-0.00	0.24	✓
2018-06-20 15:26:48	0.16	-0.00	0.22	✓

Pressroom Density Edit Name 3x1 eXact Close

Cấp Bậc Dung Sai

Vì có nhiều vị trí có thể chỉ định dung sai, Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert tuân theo một cấp bậc cụ thể khi chọn dung sai thích hợp để sử dụng. Dung sai sẽ được sử dụng theo thứ tự sau.

1. Nếu tiêu chuẩn màu đã được chỉ định một dung sai thì dung sai đó sẽ được sử dụng. Nếu không có dung sai nào được chỉ định cho tiêu chuẩn đang được sử dụng, thì . . .
2. Nếu khách hàng được chỉ định một tiêu chuẩn, và tiêu chuẩn đó được chỉ định một dung sai thì đó sẽ là dung sai được sử dụng. Nếu tiêu chuẩn hoặc khách hàng đều không được chỉ định dung sai thì . . .
3. Nếu dự án được chỉ định một tiêu chuẩn, và dự án đó được chỉ định một dung sai thì đó sẽ là dung sai được sử dụng. Nếu tiêu chuẩn, khách hàng hoặc dự án đều không được chỉ định dung sai thì . . .
4. Dung sai mặc định của hệ thống sẽ được sử dụng.

Chỉnh Sửa Trên Phạm Vi Lớn

Nếu phát sinh nhu cầu cần chỉnh sửa nhiều tiêu chuẩn, ví dụ: chúng tôi có thể có một khách hàng làm thay đổi dung sai mà chúng tôi sẽ sử dụng thì bạn có thể chỉnh sửa bằng phương pháp sau:

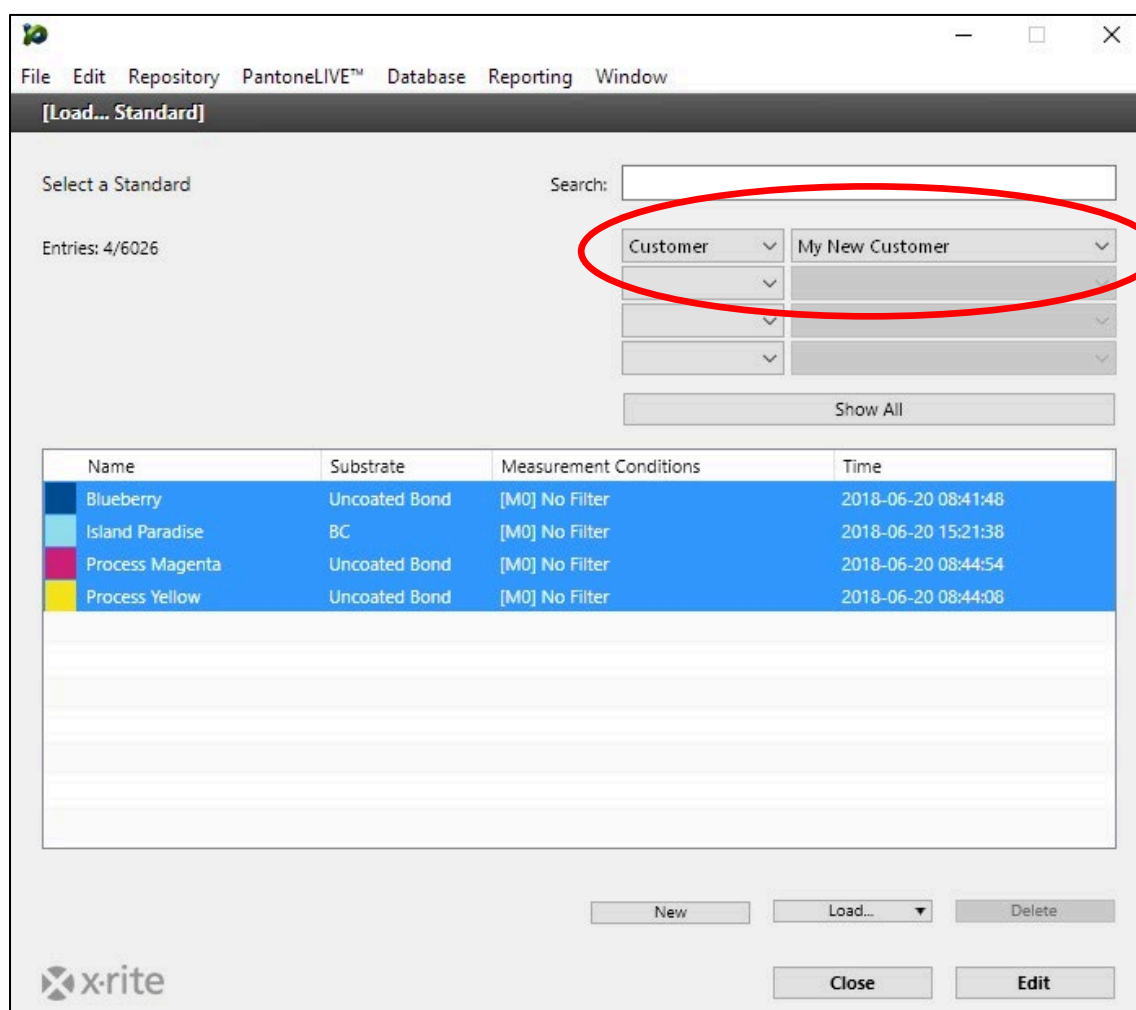
- Nhấp vào nút “Trình Chỉnh Sửa” và sau đó nhấp “Chỉnh Sửa Tiêu Chuẩn”

Tại thời điểm này, chúng tôi có thể chọn nhiều tiêu chuẩn từ danh sách.

- Bạn có thể nhấp vào một màu sau đó nhấp vào một màu khác đồng thời giữ phím shift để chọn một loạt màu hoặc
- Bạn có thể nhấn và giữ phím Control (Ctrl) để chọn nhiều màu không liên tiếp

Bạn cũng có thể sử dụng Khách Hàng, Dự Án, Vật Liệu In hoặc Thẻ làm bộ lọc. Ví dụ, hãy chọn một khách hàng như hình dưới đây

Sau đó chúng tôi có thể nhanh chóng chọn tất cả các tiêu chuẩn bằng cách sử dụng các phương pháp ở trên, hoặc để nhanh chóng chọn tất cả một loạt, chúng tôi có thể chọn một và sau đó nhấn Ctrl A để chọn tất cả các tiêu chuẩn một loạt.



- Nhấp vào nút “Chỉnh Sửa”

Mọi chỉnh sửa được thực hiện tại thời điểm này sẽ được áp dụng cho tất cả các tiêu chuẩn được chọn.

Xuất Dữ Liệu

Xuất ra một tập tin dữ liệu

Cả dữ liệu đích và dữ liệu thử nghiệm đều có thể được xuất dễ dàng từ Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert. Để làm điều đó hãy nhấp chuột phải vào thử nghiệm và sau đó chọn tùy chọn xuất của bạn.

- Các tiêu chuẩn hoặc thử nghiệm đơn lẻ có thể được xuất dưới dạng tập tin CxF hoặc MIF
- Các tập hợp bao gồm tất cả các tiêu chuẩn hoặc tất cả các thử nghiệm có thể được xuất dưới dạng tập tin CxF

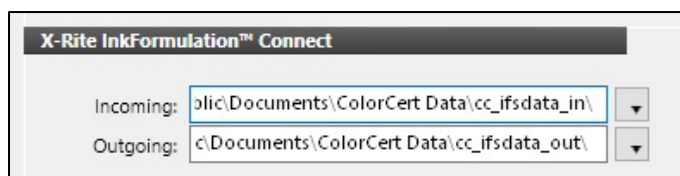
The screenshot shows the ColorCert software interface. The 'Trials' table is visible, and the 'Export' menu is open for the trial with a DeltaE of 1.15. The menu options include 'Export Target Patch As...', 'Export Sample Patch As...', 'Export All Target Patches As...', 'Export All Sample Patches As...', and 'Export to InkFormulation...'. The 'Lab Plot' window shows a scatter plot of data points with a target area circled. The 'Numbers' table at the bottom provides a summary of the trial results.

Unit	Target	Sample	Diff	Tolerance	Result	Method	Diff	Tolerance	Result
L	84.37	84.76	0.39			ΔE_{00} (1:1:1)	1.15	2.50	✓
a	21.98	21.56	-0.42			[ΔE]	[4.87]		
b	82.92	78.08	-4.84						
C	85.78	81.00	-4.78						
h	75.15	74.56	-0.59						
Strength (SUM)	100%	81%	-19%						

Xuất sang InkFormulation

Nếu bạn đang sử dụng phần mềm Ink Formulation (IFS) của X-Rite, bạn cũng có thể xuất trực tiếp từ Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng sang IFS bằng cách nhấp chuột phải vào một mẫu và chọn “Xuất sang InkFormulation”. Thao tác này sẽ trực tiếp gửi cả tiêu chuẩn và mẫu đến IFS, tại đây kỹ thuật viên mực có thể thực hiện sửa đổi về mực nếu cần thiết.

Để có thể thực hiện việc này, cả ColorCert và IFS phải được đặt tùy chọn để kết nối với cùng các thư mục. Trong ColorCert việc này được thực hiện tại tab “Phần Bổ Sung” trong các tùy chọn.



Khi dữ liệu được gửi sang IFS bằng chức năng này trong Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng, một thông báo sẽ xuất hiện trên thanh biểu tượng của IFS thông báo cho kỹ thuật viên mực rằng đang có vấn đề.

Kỹ thuật viên mực cũng có thể trực tiếp chuyển dữ liệu đo từ IFS sang ColorCert theo cách tương tự. Sau đó dữ liệu này có thể được sử dụng để tạo các tiêu chuẩn bằng cách dùng tùy chọn “Tải từ Thư Viện CxF” trong trình chỉnh sửa Tiêu Chuẩn.

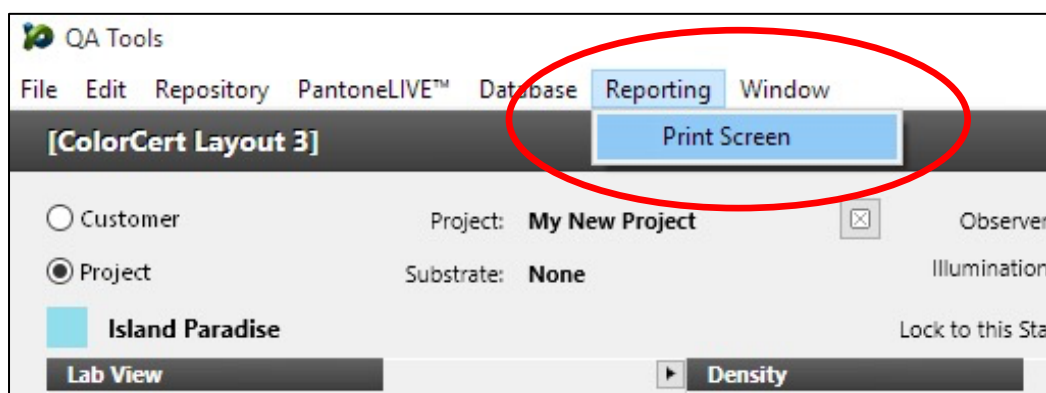
Xóa Thử Nghiệm

Có thể xóa các thử nghiệm bằng cách nhấp chuột phải vào chúng và sau đó chọn “Xóa”. Có thể thấy thao tác này trong hình ảnh ở trang trước.

Báo Cáo

Có thể tạo báo cáo để hiển thị chính xác những gì xuất hiện trên màn hình. Để làm như vậy:

- Nhấp vào “Báo Cáo” trên thanh menu, sau đó nhấp vào “In Trang Màn Hình”
- Thao tác này sẽ tạo một tập tin PDF của nội dung xuất hiện trên màn hình tại thời điểm đó, có thể được lưu dưới dạng tập tin hoặc in theo yêu cầu



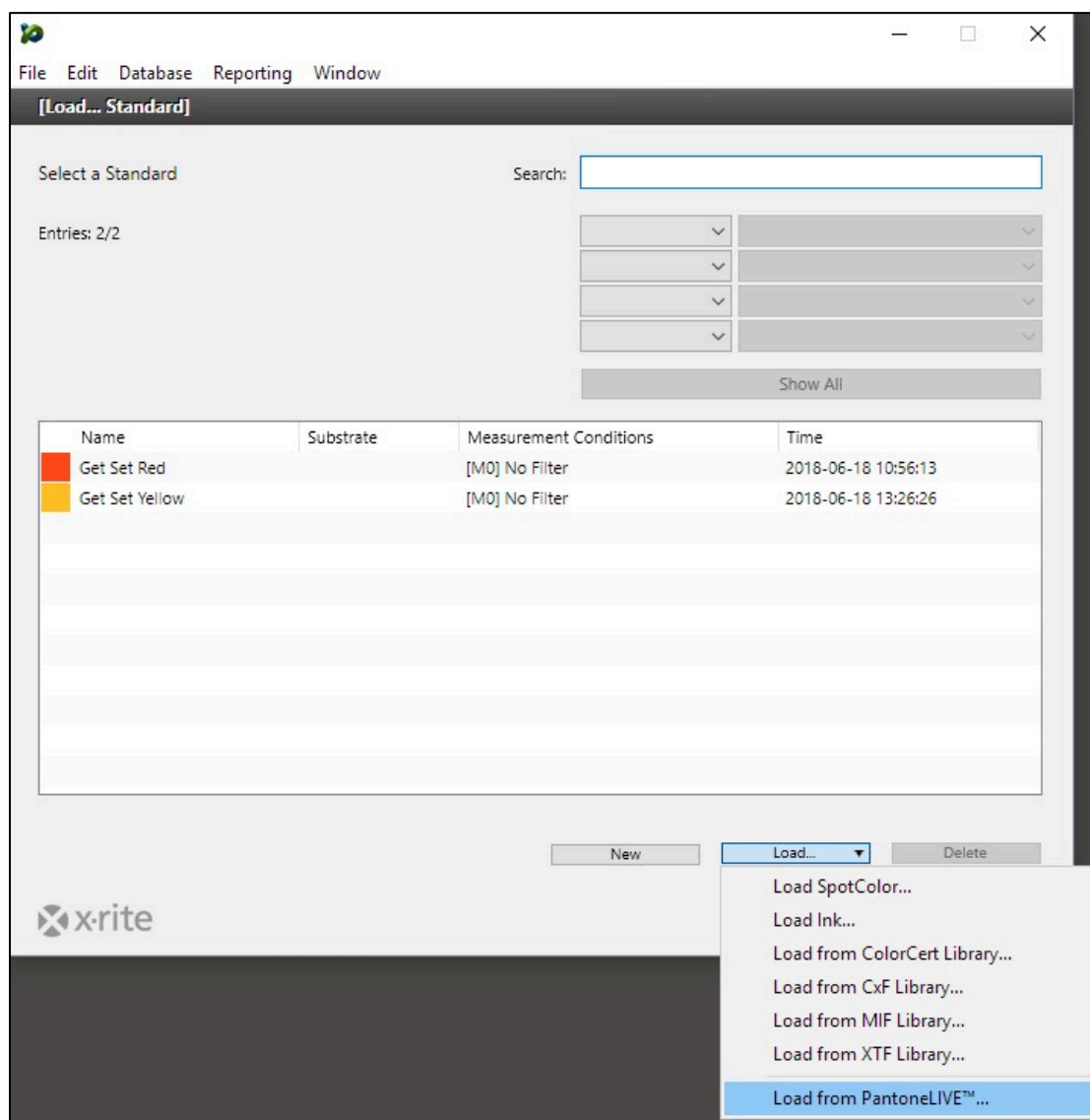
Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng ColorCert cung cấp hỗ trợ đầy đủ cho các quy trình công việc của PantoneLIVE. Xin lưu ý rằng việc sử dụng các thư viện phụ thuộc PantoneLIVE yêu cầu giấy phép PantoneLIVE có hiệu lực. Ngay cả khi các tiêu chuẩn được tạo bằng giấy phép hợp lệ thì các tiêu chuẩn này cũng sẽ hết hạn 30 ngày sau khi giấy phép PantoneLIVE của bạn hết hạn. Vui lòng gặp đại diện bán hàng tại địa phương của bạn để biết thông tin chi tiết.

Các Thư Viện PantoneLIVE sau được cung cấp để bạn sử dụng miễn phí mà không cần giấy phép:

- Gam Màu Mở Rộng Được Tráng M0, M1, M3
- Màu Nhặt & Màu Phản Quang Được Tráng M0, M1, M3
- Màu Nhặt & Màu Phản Quang Không Được Tráng M0, M1, M3
- Tông Nguyên Được Tráng V3 M0, M1, M3
- Tông Nguyên Không Được Tráng V3 M0, M1, M3

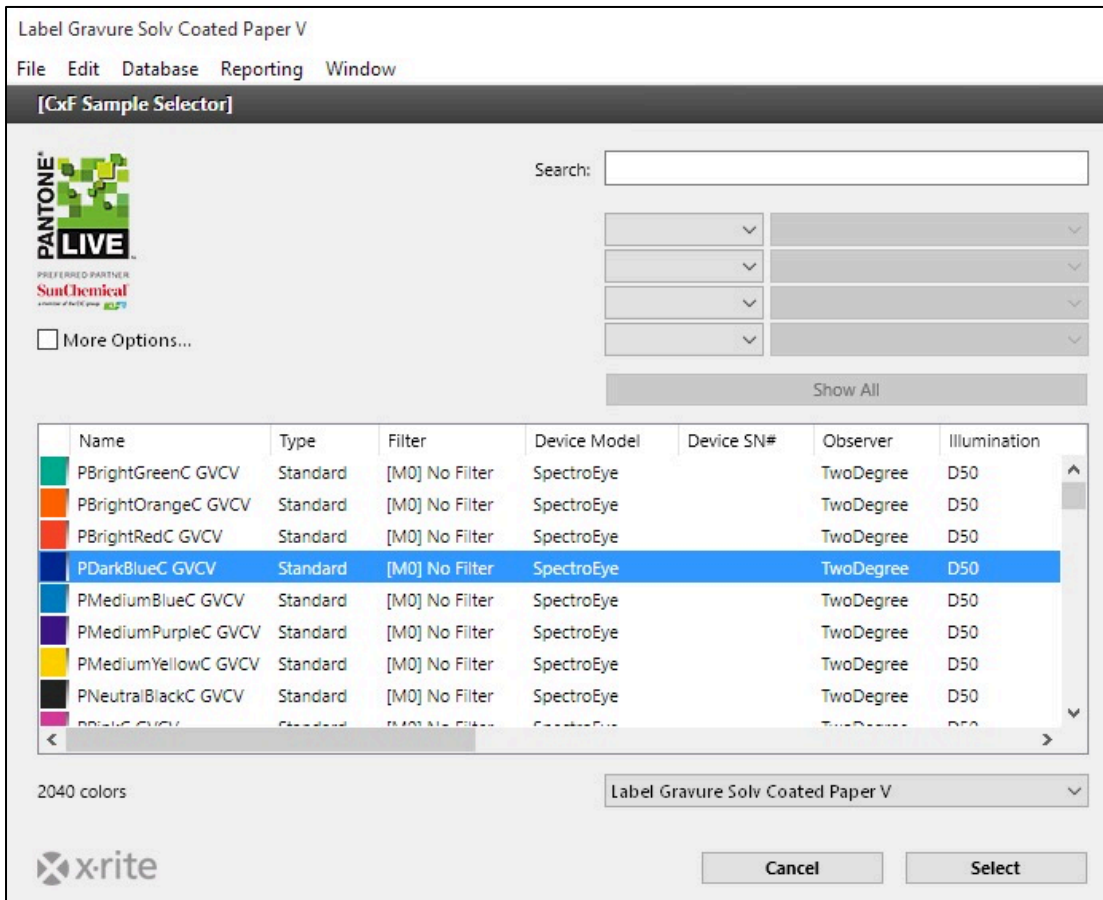
Để tạo tiêu chuẩn mới bằng cách sử dụng PantoneLIVE:

- Nhấp vào nút “Trình Chỉnh Sửa” và sau đó nhấp “Chỉnh Sửa Tiêu Chuẩn”
- Nhấp vào “Tải” và sau đó Nhấp vào “Tải từ PantoneLIVE”



The screenshot shows the ColorCert software interface. At the top, there is a menu bar with 'File', 'Edit', 'Database', 'Reporting', and 'Window'. Below the menu bar, there is a toolbar with a 'Load...' button. A dropdown menu is open from the 'Load...' button, showing several options: 'Load SpotColor...', 'Load Ink...', 'Load from ColorCert Library...', 'Load from CxF Library...', 'Load from MIF Library...', 'Load from XTF Library...', and 'Load from PantoneLIVE™ ...'. The 'Load from PantoneLIVE™ ...' option is highlighted in blue. In the background, there is a table with columns 'Name', 'Substrate', 'Measurement Conditions', and 'Time'. The table contains two entries: 'Get Set Red' and 'Get Set Yellow'. The 'Get Set Red' entry has a red square icon, and the 'Get Set Yellow' entry has a yellow square icon. The table also shows measurement conditions as '[M0] No Filter' and timestamps: '2018-06-18 10:56:13' and '2018-06-18 13:26:26'.

Sau đó, bạn có thể nhấp đúp vào bất kỳ màu PantoneLIVE nào để chọn.



Từ đây, bạn có thể làm theo các hướng dẫn trong phần “Tạo Tiêu Chuẩn Màu Mới” để hoàn tất quá trình.

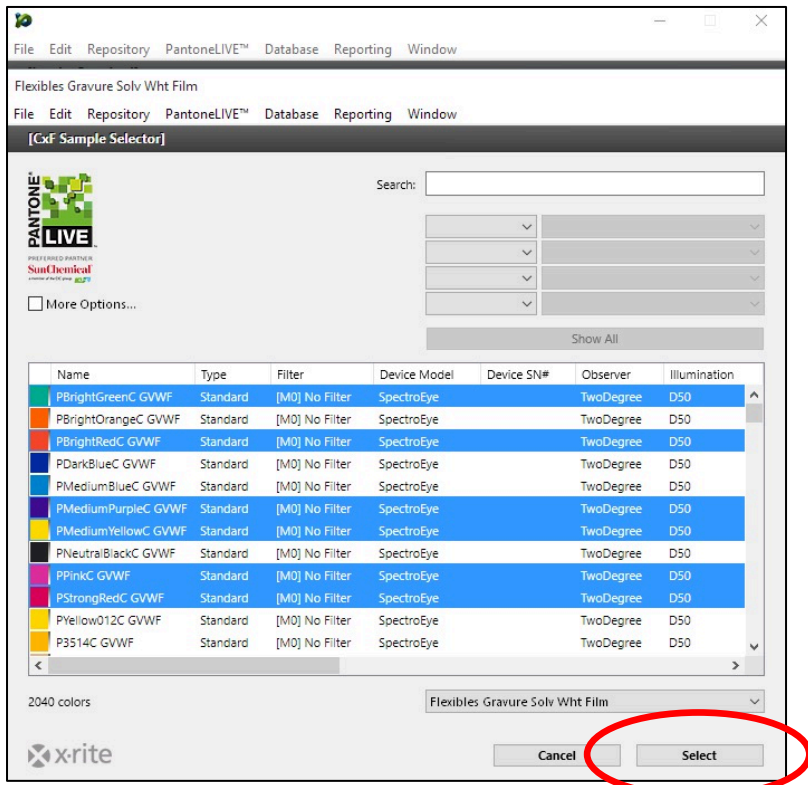
Tạo nhiều tiêu chuẩn

Khi sử dụng các thư viện PantoneLIVE để tạo các tiêu chuẩn mới, bạn có thể tạo nhiều tiêu chuẩn trong một thao tác.

Để làm như vậy:

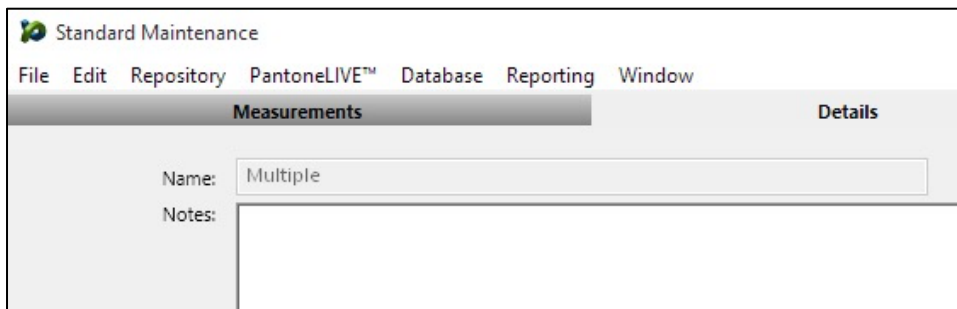
- Nhấp vào nút “Trình Chỉnh Sửa” và sau đó nhấp “Chỉnh Sửa Tiêu Chuẩn”
- Nhấp vào “Tải” và sau đó Nhấp vào “Tải từ PantoneLIVE” như ở trên.
- Nhấp một lần vào bất kỳ màu nào bạn muốn sử dụng làm tiêu chuẩn để đánh dấu
- Sau đó, bạn có thể nhấp vào màu khác đồng thời giữ phím shift để chọn một loạt màu PantoneLIVE, hoặc
- Bạn có thể nhấn và giữ phím Control (Ctrl) để đánh dấu nhiều màu PantoneLIVE không liên tiếp

Trong ví dụ dưới đây, chúng tôi đang tạo 6 tiêu chuẩn cùng một lúc

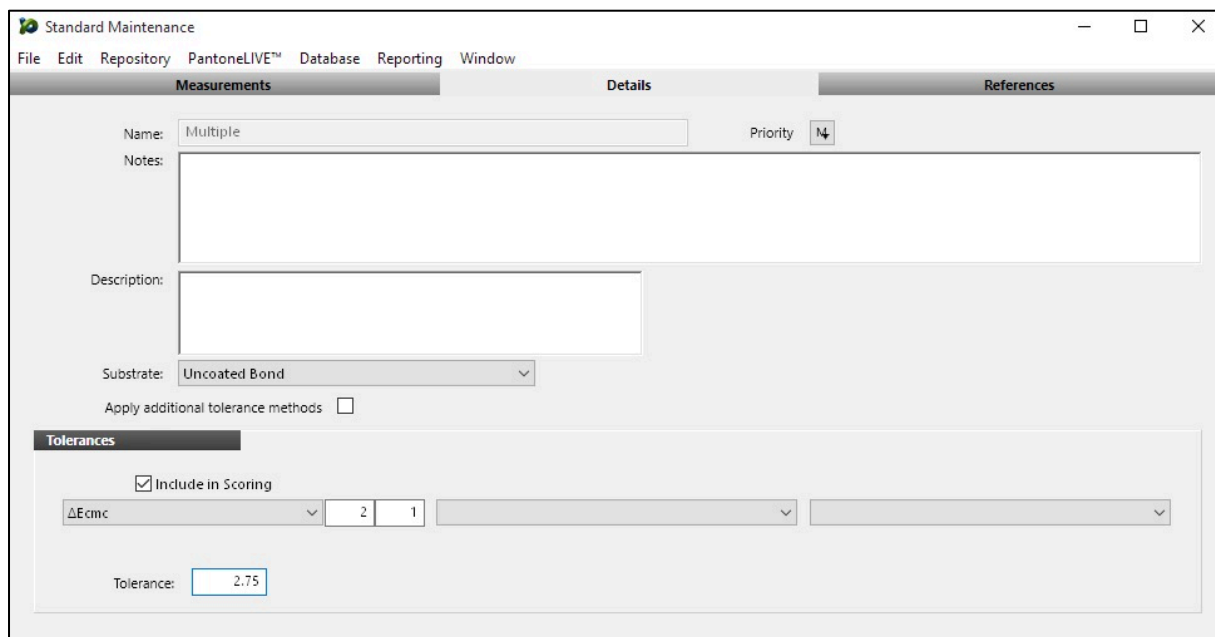


- Nhấp vào nút Chọn để tiếp tục

Tại màn hình chi tiết, nhiều tên sẽ được hiển thị, vì chúng tôi đang tạo nhiều tiêu chuẩn. Tên sẽ giống như tên trong PantoneLIVE.



Chúng tôi có thể chỉ định tất cả các tiêu chuẩn mới này cho một vật liệu in, dung sai, khách hàng, dự án và/hoặc thẻ chung.



Standard Maintenance

File Edit Repository PantoneLIVE™ Database Reporting Window

Measurements Details References

Name: Multiple Priority: N

Notes:

Description:

Substrate: Uncoated Bond

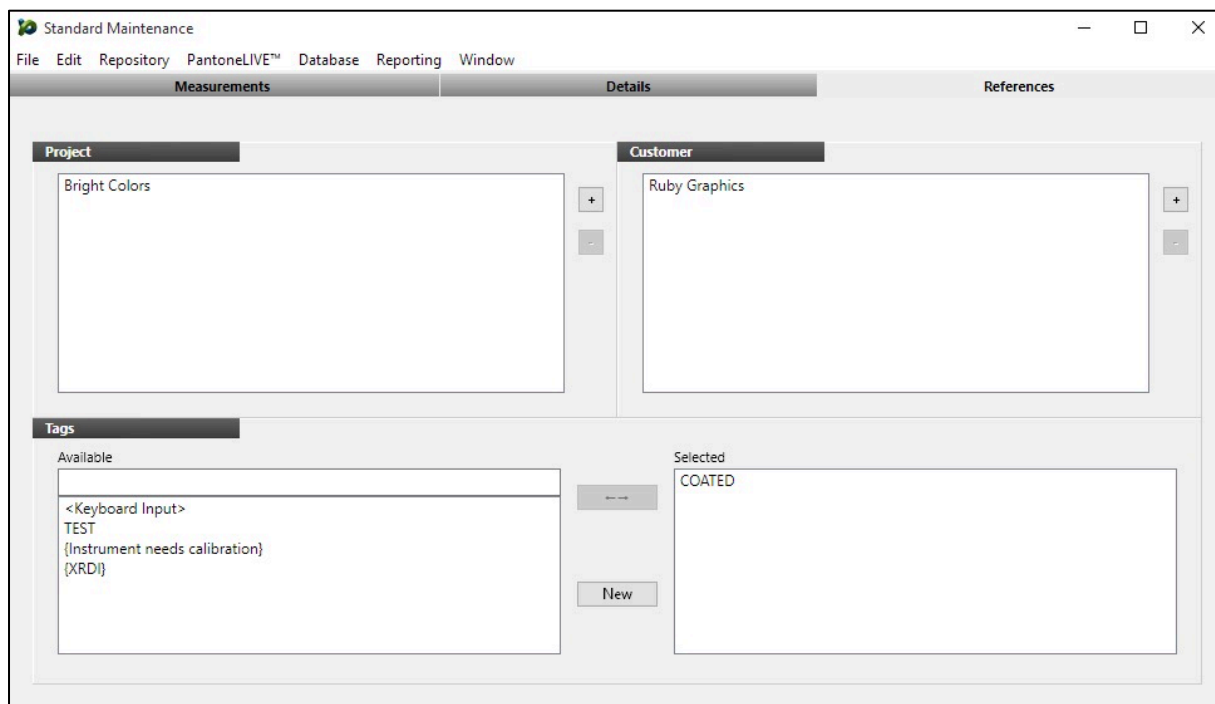
Apply additional tolerance methods

Tolerances

Include in Scoring

ΔEcmc 2 1

Tolerance: 2.75



Standard Maintenance

File Edit Repository PantoneLIVE™ Database Reporting Window

Measurements Details References

Project

Bright Colors

Customer

Ruby Graphics

Tags

Available

<Keyboard Input>
TEST
{Instrument needs calibration}
{XRD}

Selected

COATED

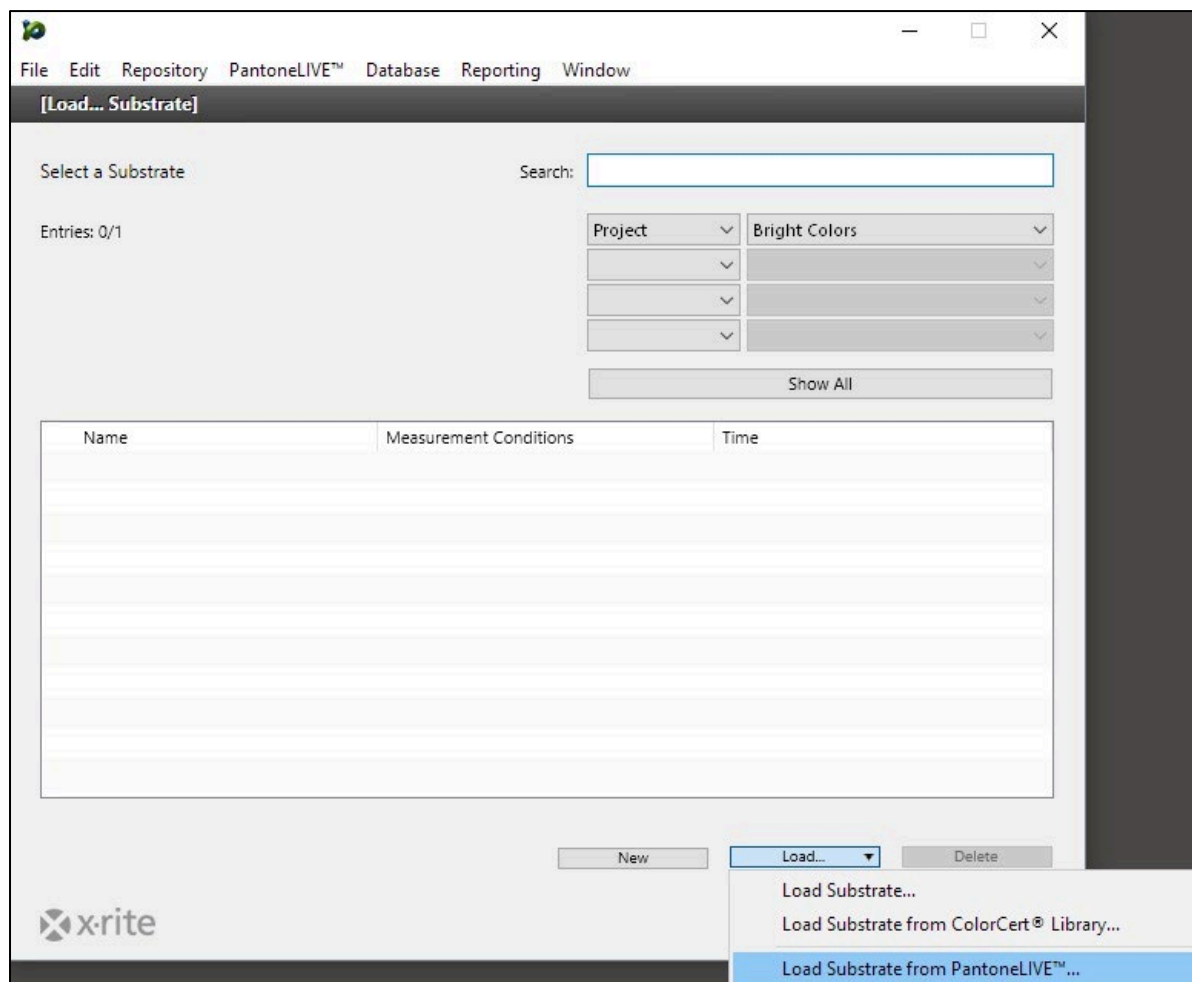
New

Thêm vật liệu in từ thư viện PantoneLIVE

Bạn cũng có thể thêm vật liệu in từ thư viện PantoneLIVE.

Để tạo một vật liệu in mới bằng cách sử dụng PantoneLIVE:

- Nhấp vào nút “Trình Chỉnh Sửa” và sau đó nhấp “Chỉnh Sửa Vật Liệu In”
- Nhấp vào “Tải” và sau đó Nhấp vào “Tải Vật Liệu In từ PantoneLIVE”



- Chọn thư viện mà bạn muốn sử dụng vật liệu in
- Đánh dấu bất kỳ màu nào trong thư viện, không quan trọng là màu nào vì Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng chỉ lấy thông tin vật liệu in giống nhau cho tất cả các màu trong một thư viện cho sẵn
- Nhấp vào nút “Chọn”

Flexibles Gravure Solv Wht Film

File Edit Repository PantoneLIVE™ Database Reporting Window

[CxF Sample Selector]

PANTONE LIVE
PREFERRED PARTNER
Sun Chemical

More Options...

Search:

Show All

Name	Type	Filter	Device Model	Device SN#	Observer	Illumination
PBrightGreenC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50
PBrightOrangeC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50
PBrightRedC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50
PDarkBlueC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50
PMediumBlueC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50
PMediumPurpleC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50
PMediumYellowC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50
PNeutralBlackC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50
PBlackC GVWF	Standard	[M0] No Filter	SpectroEye		TwoDegree	D50

2040 colors

Flexibles Gravure Solv Wht Film

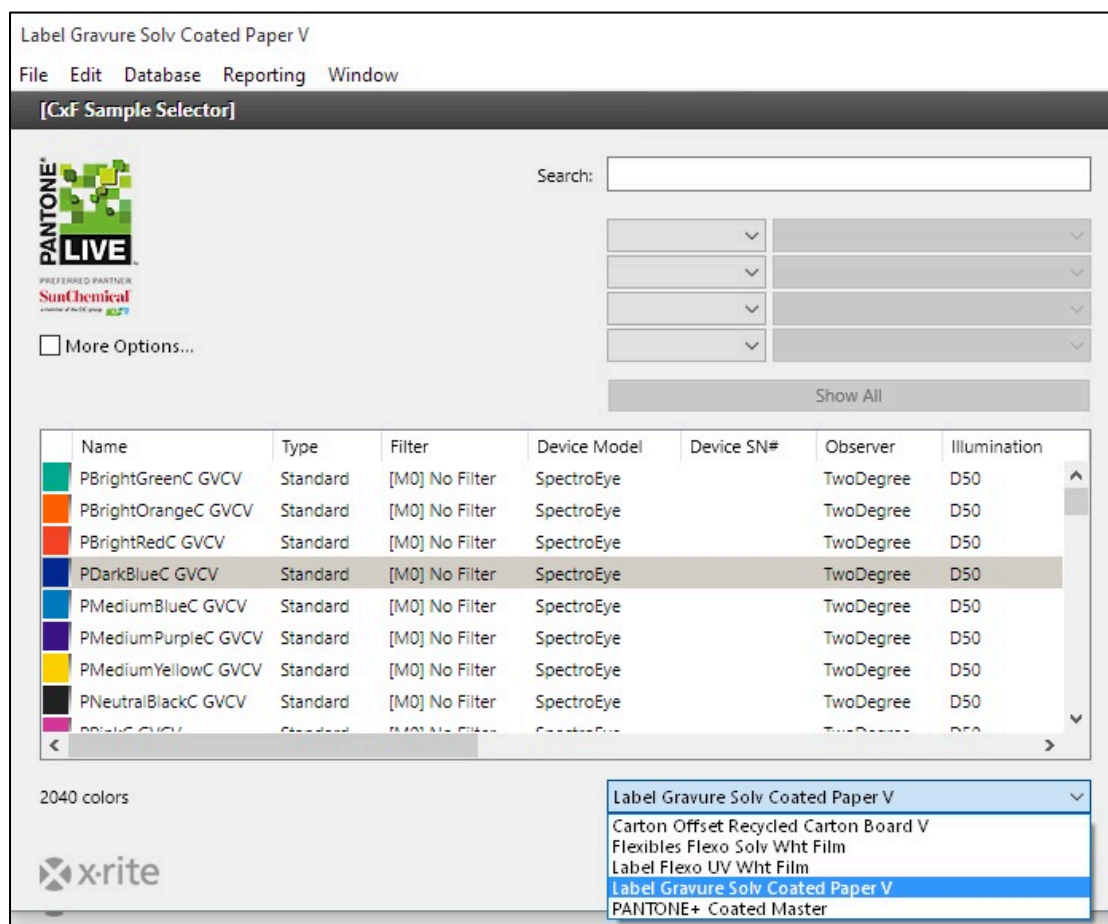
x-rite

Cancel Select

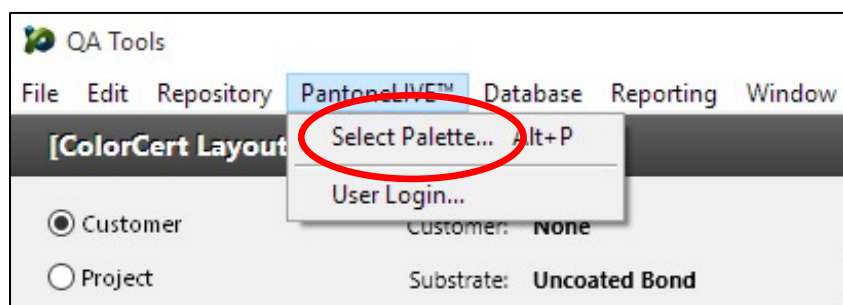
- Bạn có thể thêm bất kỳ ghi chú, mô tả hoặc dung sai nào bạn muốn, và bạn có thể chỉ định vật liệu in này cho các dự án và khách hàng như với bất kỳ tiêu chuẩn vật liệu in nào khác
- Bạn không thể đổi tên vì Công Cụ Đảm Bảo Chất Lượng sẽ sử dụng tên được gán trong thư viện PantoneLIVE
- Sau khi hoàn thành, nhấp vào nút Tạo

Chọn Bảng Màu PantoneLIVE

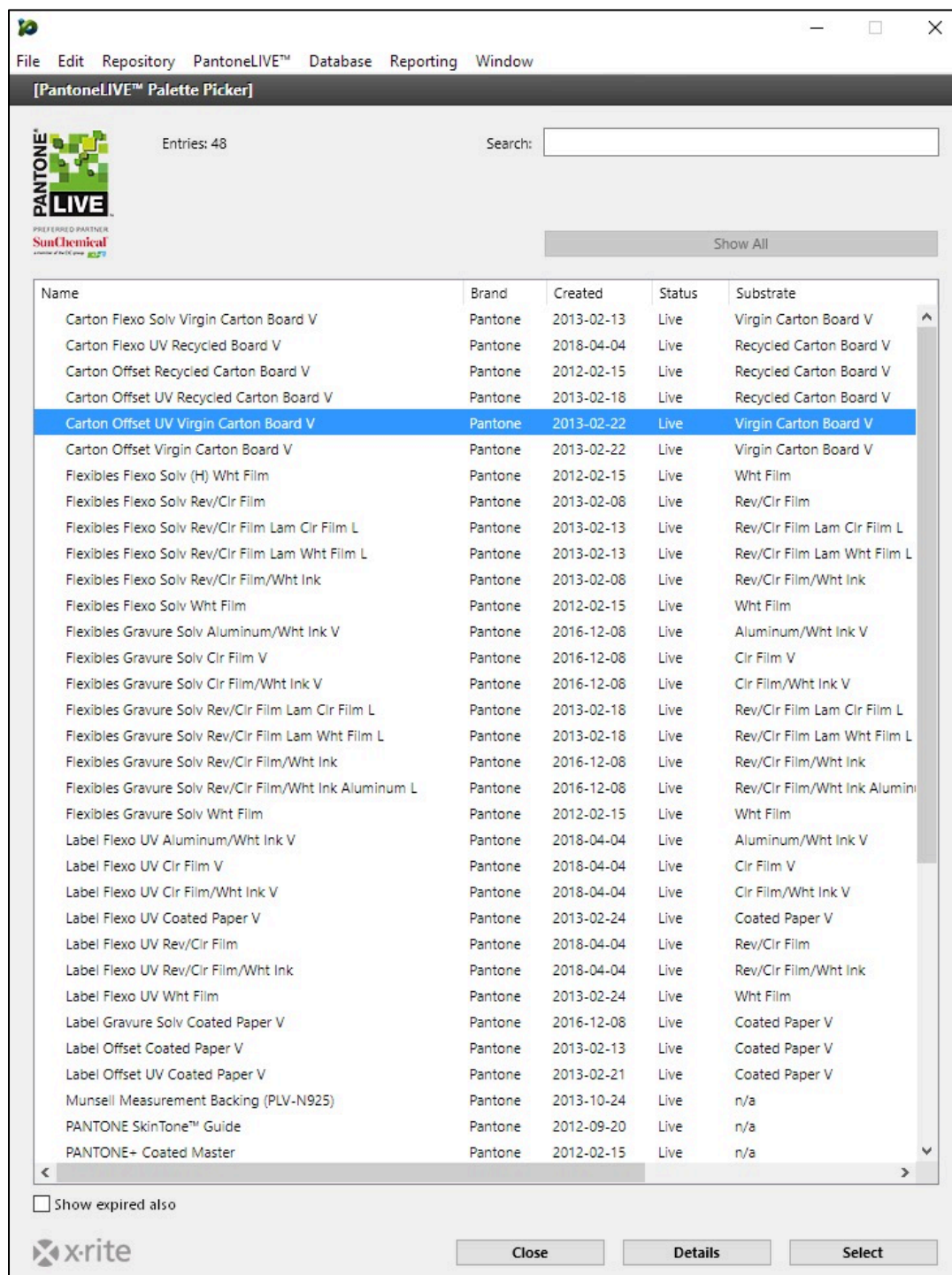
Nếu bạn cần chọn một thư viện phụ thuộc hoặc thư viện chính khác, chỉ cần nhấp vào danh sách thả xuống bên dưới phần lựa chọn màu. Thao tác này sẽ hiển thị một danh sách tất cả các thư viện mà bạn đã tải về để sử dụng.



Nếu bạn cần tải xuống các bảng màu bổ sung, bạn có thể nhấp vào PantoneLIVE trong thanh menu ở trên cùng màn hình, sau đó nhấp vào Chọn Bảng Màu.



Thao tác này trả về một danh sách tất cả các thư viện PantoneLIVE chính và phụ thuộc khả dụng.



The screenshot shows the 'PantoneLIVE™ Palette Picker' window. At the top, there is a menu bar with 'File', 'Edit', 'Repository', 'PantoneLIVE™', 'Database', 'Reporting', and 'Window'. Below the menu bar, the window title is '[PantoneLIVE™ Palette Picker]'. On the left side, there is a logo for 'PANTONE LIVE' and 'SunChemical'. The main area contains a search bar and a 'Show All' button. Below this is a table with the following columns: Name, Brand, Created, Status, and Substrate. The table lists various entries, with one entry highlighted in blue: 'Carton Offset UV Virgin Carton Board V'. At the bottom of the window, there is a checkbox for 'Show expired also' and three buttons: 'Close', 'Details', and 'Select'.

Name	Brand	Created	Status	Substrate
Carton Flexo Solv Virgin Carton Board V	Pantone	2013-02-13	Live	Virgin Carton Board V
Carton Flexo UV Recycled Board V	Pantone	2018-04-04	Live	Recycled Carton Board V
Carton Offset Recycled Carton Board V	Pantone	2012-02-15	Live	Recycled Carton Board V
Carton Offset UV Recycled Carton Board V	Pantone	2013-02-18	Live	Recycled Carton Board V
Carton Offset UV Virgin Carton Board V	Pantone	2013-02-22	Live	Virgin Carton Board V
Carton Offset Virgin Carton Board V	Pantone	2013-02-22	Live	Virgin Carton Board V
Flexibles Flexo Solv (H) Wht Film	Pantone	2012-02-15	Live	Wht Film
Flexibles Flexo Solv Rev/Clr Film	Pantone	2013-02-08	Live	Rev/Clr Film
Flexibles Flexo Solv Rev/Clr Film Lam Clr Film L	Pantone	2013-02-13	Live	Rev/Clr Film Lam Clr Film L
Flexibles Flexo Solv Rev/Clr Film Lam Wht Film L	Pantone	2013-02-13	Live	Rev/Clr Film Lam Wht Film L
Flexibles Flexo Solv Rev/Clr Film/Wht Ink	Pantone	2013-02-08	Live	Rev/Clr Film/Wht Ink
Flexibles Flexo Solv Wht Film	Pantone	2012-02-15	Live	Wht Film
Flexibles Gravure Solv Aluminum/Wht Ink V	Pantone	2016-12-08	Live	Aluminum/Wht Ink V
Flexibles Gravure Solv Clr Film V	Pantone	2016-12-08	Live	Clr Film V
Flexibles Gravure Solv Clr Film/Wht Ink V	Pantone	2016-12-08	Live	Clr Film/Wht Ink V
Flexibles Gravure Solv Rev/Clr Film Lam Clr Film L	Pantone	2013-02-18	Live	Rev/Clr Film Lam Clr Film L
Flexibles Gravure Solv Rev/Clr Film Lam Wht Film L	Pantone	2013-02-18	Live	Rev/Clr Film Lam Wht Film L
Flexibles Gravure Solv Rev/Clr Film/Wht Ink	Pantone	2016-12-08	Live	Rev/Clr Film/Wht Ink
Flexibles Gravure Solv Rev/Clr Film/Wht Ink Aluminum L	Pantone	2016-12-08	Live	Rev/Clr Film/Wht Ink Aluminu
Flexibles Gravure Solv Wht Film	Pantone	2012-02-15	Live	Wht Film
Label Flexo UV Aluminum/Wht Ink V	Pantone	2018-04-04	Live	Aluminum/Wht Ink V
Label Flexo UV Clr Film V	Pantone	2018-04-04	Live	Clr Film V
Label Flexo UV Clr Film/Wht Ink V	Pantone	2018-04-04	Live	Clr Film/Wht Ink V
Label Flexo UV Coated Paper V	Pantone	2013-02-24	Live	Coated Paper V
Label Flexo UV Rev/Clr Film	Pantone	2018-04-04	Live	Rev/Clr Film
Label Flexo UV Rev/Clr Film/Wht Ink	Pantone	2018-04-04	Live	Rev/Clr Film/Wht Ink
Label Flexo UV Wht Film	Pantone	2013-02-24	Live	Wht Film
Label Gravure Solv Coated Paper V	Pantone	2016-12-08	Live	Coated Paper V
Label Offset Coated Paper V	Pantone	2013-02-13	Live	Coated Paper V
Label Offset UV Coated Paper V	Pantone	2013-02-21	Live	Coated Paper V
Munsell Measurement Backing (PLV-N925)	Pantone	2013-10-24	Live	n/a
PANTONE SkinTone™ Guide	Pantone	2012-09-20	Live	n/a
PANTONE+ Coated Master	Pantone	2012-02-15	Live	n/a

Nhận Giúp Đỡ: Hỗ Trợ Từ Xa

Nếu bạn cần hỗ trợ cho ứng dụng ColorCert của mình, hãy sử dụng nút Liên Hệ để tìm số điện thoại hỗ trợ trong khu vực của bạn. Kỹ thuật viên hỗ trợ X-Rite của bạn có thể yêu cầu quyền truy cập vào hệ thống máy tính của bạn để chẩn đoán các vấn đề. Team Viewer được cài đặt tự động khi bạn cài đặt ColorCert.

- Để khởi chạy TeamViewerQS, hãy đi tới:
 - Windows: C:\Program Files (x86)\X-Rite\ColorCert\Teamview QS
 - Mac: /Applications/ColorCert/TeamViewer_QS
- Để cấp quyền truy cập từ xa vào máy tính chạy windows của bạn, hãy nói ID hiện lên cho kỹ sư bảo dưỡng của ColorCert.
- Bạn có thể chấm dứt phiên truy cập bất kỳ lúc nào bằng cách đóng ứng dụng khách Teamviewer.

Thuật Ngữ

- PantoneLIVE: Nền tảng màu quang phổ dựa trên đám mây cho phép chia sẻ các tiêu chuẩn kỹ thuật số trên toàn cầu.
- Ứng Dụng: Các ứng dụng được tạo bằng cách hợp nhất các Quy Tắc và Hồ Sơ. Các Quy Tắc và Hồ Sơ này có thể được lưu và tải lại vào các Công Việc.
- Công Việc: Các công việc được sử dụng trong quá trình sản xuất và Kiểm Soát Chất Lượng để đo lường, giám sát và báo cáo về màu sắc và chất lượng in của mỗi lượt chạy máy in. Các công việc dựa trên những ứng dụng bao gồm các mục tiêu được đặt trong Hồ Sơ, và các dung sai được đặt trong Quy Tắc.
- Siêu Dữ Liệu: Các thông tin bổ sung về Công Việc, Dấu Phân Cách hoặc Máy In cũng như các Chi Tiết Thiết Lập Máy In bạn muốn lưu giữ trong một công việc ColorCert.
- Quy Tắc: Các quy tắc xác định phạm vi dung sai được áp dụng cho một số loại công việc. Ví dụ, bạn có thể có một tập hợp Quy Tắc được sử dụng cho công tác Màu Xử Lý CMYK chung cho cửa hàng của bạn. Bạn có thể có một tập hợp Quy Tắc khác chứa các dung sai và yêu cầu cụ thể được Chủ Sở Hữu Thương Hiệu quy định để sản xuất in. Bạn cũng có thể có tập hợp Quy Tắc khác được thiết kế theo khả năng và kỳ vọng của một loại máy in.
- Hồ Sơ: Hồ sơ chứa tất cả các màu cụ thể sẽ được đo. Đó có thể là một tập hợp Màu Xử Lý CMYK và Vật Liệu In được sử dụng trong công tác sản xuất chung, hoặc bạn có thể có một tập hợp Quy Tắc để sản xuất cho các Công Việc khác nhau có chung một tập hợp Màu Thương Hiệu cụ thể trên cùng một Vật Liệu In. Bạn cũng có thể tạo một tập hợp Quy Tắc cho một Công Việc đơn lẻ cụ thể.
- Điều Kiện Đo: Cài đặt Quang Phổ Kế của bạn theo Chế Độ Phép Đo (hoặc Bộ Lọc) cũng như Nguồn Sáng và Vật Quan Sát. Ví dụ: M0 D50/2°.
- Phiếu Ghi Điểm: Phiếu Ghi Điểm được tạo từ các Công Việc dựa trên điểm số đo được về chất lượng in ở một số vùng được chọn, như được xác định theo các Quy Tắc và Hồ Sơ, để tạo Điểm Số Công Việc tổng thể. Điều này giúp Nhóm Sản Xuất, Người Giám Sát và Chủ Sở Hữu Thương Hiệu có thể đánh giá một cách đơn giản chất lượng tổng thể của Công Việc, và cho thấy các lĩnh vực cần tập trung để cải thiện.